

## TÌM THÊM MỘT VẺ ĐẸP TRONG THƠ CỦA BÁC HỒ

**ĐINH XUÂN DŨNG**

**T**rong thơ của Bác có sự kết hợp kỳ diệu giữa nội dung và hình thức, giữa hiểu biết, khám phá và sáng tạo. Các mặt đó lại được thể hiện tổng hoà trong một vẻ đẹp giản dị hết mực.

Hẳn chẳng ai còn để tâm vào kỹ xảo, kỹ thuật trong một bài thơ như thế này nói về niềm vui của người nông dân trong dịp được mùa:

*Tới đây khi lúa còn con gái  
Gặt hái hôm nay quá nửa rồi  
Khắp chốn nông dân cười hớn hở  
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui.*

Chỉ thấy đằng sau đó là tình cảm sâu xa của Bác, và Bác với những người nông dân ấy hoà làm một. Bác cùng reo ca, cười vui mừng vụ gặt mùa.

Cũng như vậy, trong một bài thơ khác kể chuyện một người bạn tù vừa chết:

*Thân anh da bọc lấy xương  
Khổ đau đói rét hết phương sống rồi*

*Đêm qua còn ngủ bên tôi  
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng.*

Không có những từ ngữ cầu kỳ, nhịp điệu thơ không thẳng thốt, không cần những cấu tạo hình ảnh mới lạ và cũng không có các câu thơ đối thanh, đối ý vốn thường thấy trong tuyệt cú, nhưng bài thơ vẫn xoáy mạnh vào lòng ta. Bác đã *truyền trực tiếp* nỗi đau của Bác sang chúng ta. Và có lẽ sự tìm tòi, sáng tạo trong thơ cao nhất, đẹp nhất chính là ở tính trực tiếp của sự truyền cảm đó. Và phải chăng cũng có thể nghĩ rằng nghệ thuật trong thơ Bác là *nghệ thuật tự ẩn mình* để cho nội dung bằng cách đó đến toàn bộ và trực tiếp với người đọc.

Một số lớn bài thơ của Bác thường kể lại những sự việc hiện tượng, sự vật mà Bác gặp trong cuộc sống. Trong hai bài thơ trên, bốn câu thơ trong bài là sự kể chuyện, tả lại cái có thật. Nhưng không phải đó là toàn bộ cách cấu tứ của thơ Bác. Thơ Bác lại có những bài mà tứ thơ được phát triển theo hướng liên tưởng suy tưởng, rất mạnh và xa. Thử dừng lại ở một bài thơ quen thuộc:

*Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu  
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu  
Muôn dặm quan hà khôn xiết nỗi  
Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.*

Bài thơ bắt đầu từ "nghe", nghe tiếng sáo của người bạn tù. Sau chi tiết nghe *rất thực* ấy, nhà thơ *cảm thấy* được tình điệu nhớ quê hương đang chuyển dần trong âm thanh của cây sáo. Từ sức mạnh của sự cảm thông đồng điệu đó, nhà thơ *nhìn thấy* ở một nơi rất xa có một người thiếu phụ bước lên trên một tầng lầu cao để lắng nghe âm vang da

diệt nhớ thương của người chồng qua tiếng sáo. Từ một sự việc có thực, dứt ra khỏi nó, nhà thơ bằng sự liên tưởng rất xa và mạnh đưa chúng ta vào chiều sâu của tâm trạng và nỗi lòng. Không phải kể và tả mà là sự phát triển của những trạng thái cảm xúc (từ *nghe đến cảm, thấy và nhìn thấy qua sức tưởng tượng*) được nâng cao dần. Cái có thực và cái tưởng tượng quyện chặt vào nhau trong bài thơ. Trong bài thơ, có âm thanh của nhạc, có đường nét của hoạ và hai yếu tố nhạc hoạ đó hoà hợp với nhau tạo nên bức tranh có hình khối và khúc hát chứa chan nhạc điệu. Từ bài thơ rất đẹp ấy của Bác, ta nghĩ đến một nhận xét của nhà thơ Sóng Hồng về đặc trưng thơ. "Thơ là thơ, đồng thời cũng là vẽ, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng". Đây là một dạng khác của mạch tư duy trong khi xây dựng thơ của Bác.

Chúng ta lại cố thể tìm thấy một mạch tư duy khác qua bài thơ làm theo thể thất ngôn bát cú: bài *Đêm thu*.

Mở đầu bằng hai câu thơ miêu tả cảnh thực:

*Trước cửa lình canh bóng súng đứng  
Trên trời trăng lướt giữa làn mây.*

Hai câu thơ còn giữ kín thái độ và tâm trạng của nhà thơ. Hai câu "thực" tiếp theo chuyển hướng một cách đột ngột:

*Rệp bò lổm ngổm như xe cóc  
Muỗi lượn nghênh ngang tựa máy bay.*

Nét trào phúng đột phá bài thơ làm cho bức tranh miêu tả ở bốn câu ấy mang sắc điệu mới hoàn toàn. Rồi bỗng nhiên hướng phát triển của tứ thơ lại quặt rẽ một lần nữa có lẽ còn bất ngờ hơn trước. Từ tả, chuyển hẳn sang tự biểu hiện trực tiếp, từ âm hưởng trào phúng đùa vui chuyển sang âm hưởng trữ tình đậm sâu:

*Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ  
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay.*

Từ nỗi lòng thương nhớ vô cùng Tổ quốc và giấc mộng sầu buồn như mối tơ vò ấy, bài thơ đi đến kết thúc bằng hai câu thơ tả thực làm đau xé lòng ta:

*Ở tù năm trọn thân vô tội  
Hoà lệ thành thơ tả nỗi này.*

Bài thơ đối thanh, đối ý đầy đủ. Nhưng điều đó không phải là quan trọng nhất. Kết cấu bài thơ là sự tổng hợp của nhiều mặt: kể, tả và tự biểu hiện, trào phúng và trữ tình đối lập đồng thời phản chiếu nhau. Tứ thơ này là sự kết hợp của hai mạch tư duy ở hai bài thơ trên, trong đó nhân tố trào phúng vừa tạo nên một màu sắc lạ cho hình tượng thơ, vừa rất hoà hợp trong bức tranh chung do bài thơ tạo nên.

Một số bài thơ khác của Bác lại không dừng ở việc tả quá trình sự vật, hiện tượng, vẽ ra các mặt, các nét khác nhau của chúng, mà chủ tâm khai thác ý nghĩa sâu xa toát lên từ sự vật, hiện tượng đó.

Mục đích kể tả lùi về phía sau, mục đích triết lý và suy tưởng hiện lên sắc sảo, cô đúc; nhưng hai mặt lại gắn bó chặt chẽ với nhau:

*Gạo đem vào giã bao đau đớn  
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông  
Sống ở trên đời người cũng vậy  
Gian nan rèn luyện mới thành công.*

Các bài *Cột cây số*, *Nghe gà gáy* thuộc loại bài này. Loại bài thơ này thường có hai tầng rõ rệt: Tầng miêu tả, dừng



lại ở sự việc, hiện tượng; và tầng triết lý rút ra từ đó. Hai tầng này nằm trong hai phần kết cấu của bài thơ, ý nghĩa triết lý được rút ra trực tiếp thường nằm ở hai câu cuối, nhưng bản thân sức thuyết phục của sự triết lý ấy lại nằm sâu trong phần thứ nhất của bài thơ.

Như vậy, phù hợp với những cảm hứng nghệ thuật khác nhau, thơ Bác có những cấu tứ khác nhau. Và điều quan trọng là: đó không phải là sự sắp xếp, bố trí bề ngoài của bài thơ, không phải là việc "cố ý" nặn bóp của người "làm văn, làm thơ", mà là thể hiện tính đa dạng, phong phú của mạch tư duy của Bác khi Bác nghĩ suy, bộc lộ mình bằng thơ. Tìm hiểu cấu tứ, kết cấu trong thơ Bác chính là tìm hiểu vấn đề đó, chứ không phải mổ xẻ kỹ xảo, kỹ thuật này khác.

Về thể loại, thơ Bác Hồ chủ yếu theo thể thơ đường luật, trong đó phần lớn là tứ tuyệt. Trong khuôn khổ bốn câu thơ với rất nhiều quy định chặt chẽ về niêm luật, đối thanh, đối ý... thể tứ tuyệt không có khả năng miêu tả nhiều sự việc, biểu hiện nhiều mặt trạng thái cảm nghĩ... Vấn đề mấu chốt là nhà thơ có bắt đúng những nét điển hình nhất hay không để cho tứ thơ xuyên suốt được một cảm xúc, một suy tưởng, một nét bản chất cần thể hiện. Để có được những tứ thơ như vậy, dòng mạch tư duy của Bác trong thơ thường có một nét nổi bật. Đó là sự phát hiện những *dạng đối lập* đứng cạnh nhau giữa các sự vật, hiện tượng hay trong bản thân một sự vật, hiện tượng và cả trong chính thái độ, tâm trạng của tác giả.

Toàn bộ bài thơ *Vợ người bạn tù đến thăm chồng* được phát triển trong một hệ thống kết cấu đối lập, tương phản giữa các hình ảnh được miêu tả.

Mở đầu, hai hình ảnh đối lập có thật được vẽ ra:

*Anh đứng trong cửa sắt  
Em đứng ngoài cửa sắt.*

Từ cái có thật nhưng bên ngoài đó, một sự đối lập gay gắt hơn, đối lập bên trong được miêu tả:

*Gần nhau trong tác gang  
Mà biến trời cách mặt.*

Cái thực chuyển hoá thành cái hư, nhưng cái hư ảo ấy lại thật hơn, sâu hơn cái thật bề ngoài. Rồi cuối cùng, sự đối lập trên lại được thể hiện theo hai chiều xuyên thâm nhau:

*Miệng nói chẳng nên lời  
Nói lên bằng khoé mắt  
Chưa nói lệ tuôn đầy.*

Dưới bức tranh hiện thực với nhiều hình khối và đường nét đối chọi nhau đi từ ngoài vào trong ấy, nhà hoạ sĩ vĩ đại đã đề một câu ngắn gọn và chân tình, "Tình cảnh đáng thương thật". Từng cặp hai câu thơ một, đứng cạnh và kế tiếp nhau luôn luôn ở dạng đối lập, phản chiếu để đẩy nhau đi tới đích; đó là một đặc điểm nổi bật của kết cấu bài thơ. Nếu tách riêng một câu nào trong bài, coi như không biết đến những câu trước và sau nó thì bản thân câu bị tách ra đó sẽ không có giá trị biểu hiện như khi nó nằm trong hệ thống kết cấu chung của bài thơ. Kết cấu thơ đã thâm nhập mạnh và sâu vào cảm hứng nghệ thuật, của bài thơ đến mức như vậy.

Thực ra, trong thể thơ đường luật, tính chất đối thanh, đối ý đã trở thành một quy ước cố định, chặt chẽ. Trong thơ

của Bác, cũng có những lúc Bác vận dụng cách đối này rất chính như:

*Ngoại cảm Hoa thiên tâm lãnh nhiệt  
Nội thương Việt địa cự sơn hà <sup>(1)</sup>*

So với thể thất ngôn bát cú, trong thơ tứ tuyệt, yêu cầu về đối có phần linh động hơn. Mặt khác, tính chất đối trong kết cấu thơ của Bác đã mang những nét đối mới.

Nhìn chung, yêu cầu của đối trong thơ cổ Việt Nam là: cân xứng với nhau về thanh, đối xứng với nhau về ý. Nếu xét kỹ về mặt đối, ta thấy ý nghĩa của từng từ thường đối lập nhau (*cao - thấp, đen - trắng, mới - xưa*) nhưng ý nghĩa của hai câu thì có thể chỉ đối xứng mà không có tính đối lập, nhưng vẫn biểu hiện hai mặt trái ngược nhau, đối chọi nhau trong một hay nhiều sự vật, vì trong trạng thái tình cảm của nhà thơ. Trong câu tứ của thơ Bác, dạng đối xứng cả thanh và ý không nhiều (xem bài: *Lên núi nổi tiếng viết trong thời kỳ kháng chiến*):

*Hai mươi tư tháng sáu  
Lên ngọn núi này chơi  
Ngẩng đầu: mặt trời đỏ  
Bên suối: một nhành mai.*

nhưng dạng đối lập giữa hai ý nghĩa toát ra từ hình ảnh thơ lại là chủ yếu.

Khi bà Thanh Quan viết:

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc  
Thương nhà mỏi miệng cái da da*

---

(1) Dựa theo hai câu thơ của Trương Lương.

Hoặc Nguyễn Gia Thiều tả:

*Chim đáy nước, cá lơ đờ lặn  
Lửng da trời, nhận ngân ngơ sa*

thì kết cấu thơ góp phần dựng lên sinh động hai hình ảnh đối xứng với nhau theo kiểu "đồng dạng".

Nhưng khi Bác Hồ miêu tả buổi sớm trong tù:

*Trong ngục giờ đây còn tối mịt  
Ánh hồng trước mắt đã bừng soi*

hay khi Bác triết lý về "ánh sáng" mua được trong nhà lao:

*Vào chỗ tối tăm mù mịt ấy  
Quang minh đáng giá bấy nhiêu tiền.*

thì hai câu thơ tạo nên hai hình ảnh đối chọi nhau gay gắt, và vì thế sức phản chiếu để làm nổi bật cảm hứng chủ đạo của bài thơ được thể hiện rất mạnh và rất sắc. Để cảm hứng ấy có sức chinh phục lớn, trong câu tứ nhiều bài thơ dạng này, hai câu cuối (3, 4) thường là hai câu có dạng đối lập ấy.

Lúc mà sự va chạm giữa hai mặt đối lập được miêu tả sáng rõ nhất, là lúc cảm hứng nghệ thuật cũng được hiện hình và bài thơ dừng lại.

Sau hai câu thơ tạo hình sinh động:

*Đi khắp đèo cao khắp núi cao  
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao*

Đến hai câu sau, tứ thơ dẫn lên một bước để kết thúc:

*Núi cao gặp hồ mà vô sự  
Đường phẳng gặp người, bị tống lao.*

Hoặc trong một bài khác. Sau hai câu thơ đầu miêu tả vừa thực vừa phóng khoáng:

*Hai giờ ngực mở thông hơi  
Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do*

Bài thơ được khép lại với hai hình ảnh đối chọi và một câu hỏi tu từ độc đáo, bất ngờ:

*Tự do tiên khách trên trời  
Biết chăng trong ngực có người khách tiên?*

Chính vì thế mà bài thơ đã đóng lại rồi, nhưng dư âm và những điều nghĩ suy trong người đọc lại như bắt đầu vút lớn lên.

Có lúc, những dạng đối lập ấy bộc lộ rất sâu những nét tâm trạng rất khác nhau trong lòng Bác. Có lần, trong tù, Bác bị ốm nặng. Bệnh bên ngoài vì khí hậu, đói khổ, giam cầm và bệnh bên trong vì lòng nhớ thương giang sơn, đất nước. Sau khi mượn hai hình ảnh đó trong một bài thơ của Trương Lương để nói tâm trạng của mình, Bác viết:

*Trong tù mắc bệnh càng đau khổ  
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn.*

Hai vế đó của câu thơ kết đã gói trọn tâm trạng sâu kín của Bác. Câu thơ làm nhức nhối lòng ta. Ta như thấy chính ta đau cái nỗi đau khôn tả của Bác. Đó là nỗi đau bên trong, đau vì yêu nước, thương nhà. Trong một bài thơ khác, Bác lại viết:

*Đáp thuyền xuống thẳng huyện Ung Ninh  
Lũng lẳng chân treo tựa giáo hình.*

Một cực hình tàn bạo lại đang đè lên thân thể Bác. Tưởng

như câu thơ tiếp tục sẽ nói về chuyện đó. Bỗng nhiên tứ thơ chuyển hẳn sang hướng mới:

*Làng xóm ven sông đông đúc thế  
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh*

Tứ thơ đột ngột chuyển cảm xúc của chúng ta quay hướng và ta bỗng thốt lên sướng vui về một sự phát hiện: Bác Hồ của chúng ta yêu sự sống đến mức kỳ diệu. Sau câu thứ hai, tình cảm của ta như bị gò xiết lại, nghẹn tắc vì căm giận kẻ thù và thương Bác vô hạn. Nhưng rồi trong hai câu 3 và 4, hồn thơ Bác mở tung cho chúng ta. Cái giảo hình kia trở nên vô nghĩa, bé nhỏ đến trơ trẽn. Tâm hồn Bác và cuộc sống mệnh mông, đẹp vô chừng. Câu thơ thứ hai đè nặng bao nhiêu, câu 3 và 4 bỗng nhấc ta lên, lòng ta nhẹ thênh. Thơ Bác đưa ta đến một cái đẹp như thế đấy.

Do phát hiện ra những mặt đối lập biện chứng trong cuộc sống, mà trong cấu tứ thơ Bác có những hình ảnh thơ va chạm nhau làm bật sáng lên cảm hứng chủ đạo của nhà thơ. Đó là một dạng kết cấu dễ nhận ra trong thơ Bác. Song đó không phải là duy nhất. Không phải chỉ đối lập và phản chiếu nhau, trong thơ Bác, còn nhiều câu thơ *tương ứng gọi nhau* làm thành một tứ thơ hoà hợp nâng nhau lên đến tới đích suy nghĩ hoặc xúc cảm. Hình như ta có cảm tưởng các câu thơ cứ kín đáo gọi nhau đi tới:

*Đi đường mới biết gian lao  
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng  
Núi cao lên đến tận cùng  
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.*

Hình ảnh trước gọi mở hình ảnh sau, câu thơ sau cao hơn

câu thơ trước, tứ thơ được đẩy đi lên tự nhiên, thanh thoát nhưng cũng rất sâu và thâm thúy. Cái gian lao ban đầu biến đi, những dãy núi và đỉnh núi cao tận cùng chót vót rồi cũng bỗng như thấp xuống, khi nhà thơ đã đứng trên đỉnh cao ấy thu vào tầm mắt của mình cả muôn trùng nước non.

Khi mô tả thiên nhiên, thơ Bác thường có những hình ảnh rực rỡ, chói sáng. Những cảnh đó thường gắn với buổi sáng, bình minh (*Giải đi sớm, Cảnh buổi sớm, Trời hửng*). Khi miêu tả thiên nhiên lúc ban đêm, có những bài, hình ảnh thiên nhiên sâu lắng, trầm ngâm và rất có thần vì chúng hoà hợp như hình bóng với tâm trạng, cảm xúc của Bác. Trong bài *Đi thuyền trên sông Đáy* làm vào mùa thu năm 1949, bốn câu đầu Bác tả:

*Dòng sông lặng ngắt như tờ  
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo  
Bôn bề phong cảnh vắng teo  
Chỉ nghe cọt két tiếng chèo thuyền nan*

Vừa cao rộng vừa sâu lắng, tất cả như yên tĩnh nhưng rất kêu gọi. Giữa khung cảnh ấy, tứ thơ chuyển sang tự biểu hiện. Hơi thơ sau đây có phảng phất âm hưởng của một đoạn thơ trong *Truyện Kiều*:

*Lòng riêng, riêng những bàn hoàn  
Lo sao khôի phục giang san tiên rồng*

Hai phần của kết cấu trên hoà hợp với nhau, tựa vào nhau phát triển. Nỗi lòng trắc ẩn nghĩ lo cho đất nước kéo dài theo những giây phút suy tư, đọng lắng lại trong cái đêm thanh tĩnh ấy. Bài thơ kết thúc bằng hai câu miêu tả rặng đông, cái rặng đông của thời gian và cái "rặng đông" của nỗi lòng và nghĩ suy.

*Thuyền về trời đã rạng đông  
Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi.*

Dạng tương ứng gọi nhau trong câu tứ của một số bài thơ được thể hiện cả trong những ý thơ đối xứng hoà hợp nhau. Trong bài *Ngắm trăng*, hai câu đầu tương phản nhau để dẫn tới hai câu sau đối xứng hoà hợp với nhau:

*Trong tù không rượu cũng không hoa  
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ  
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ  
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Dạng đối xứng có khi được thể hiện trong hai vế của một câu thơ:

*Quế Lâm không quế không rừng  
Sông sâu thăm thẳm trập trùng núi cao.  
Bóng đa đè nặng nhà lao  
Đêm sao lặng ngắt ngày sao tối sầm.*

Bài thơ như có tầng có lớp. Không phải là dạng tầng lớp giữa miêu tả và triết lý như đã phân tích ở trên mà là tầng lớp của bản thân hiện thực được biểu hiện theo tính đối xứng.

Dạng kết cấu tương ứng gọi nhau trong thơ Bác không phải để đạt tới sự miêu tả bề rộng, bề mặt của hiện tượng, sự vật mà để hướng tới cái đích duy nhất: *chiều sâu* của tâm hồn, tình cảm. Đây là điểm chốt của câu tứ thơ Bác. Có thể cho rằng, kết cấu thơ Bác mang đặc tính hướng tâm rất nhanh, mạnh. Trong hầu hết các bài thơ miêu tả thiên nhiên, từ bề rộng của khung cảnh, thường bất ngờ mà lại rất tự nhiên, chuyển sang bề sâu của tâm trạng:



*Tiếng suối trong như tiếng hát xa  
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa  
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ  
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Những bài như *Trung thu* (I và II), *Nắng sớm*, *Cảnh buổi sớm*, *Trời hửng...* đều có dạng kết cấu này. Trong dạng này, có những bài vừa miêu tả vừa suy tư rất sâu. Bề mặt của khung cảnh hình như vừa là chính nó lại vừa chứa đựng trong đó những mầm giống ngấm ngấm, suy tưởng:

*Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng  
Hoa tàn hoa nở cũng vô tình  
Hương hoa bay thấu vào trong ngục  
Kể với tù nhân nỗi bất bình.*

Bài thơ đi tới đích thật đột ngột, nhưng từ cái đích ấy, tứ thơ lại gợi mở cho chúng ta nhiều điều mới mẻ, đưa sự suy nghĩ của ta đi xa và sâu hơn rất nhiều cảnh hoa nở, hoa tàn!

\*  
\*      \*

Trong bài trên, câu thơ cuối vừa khép lại tứ thơ, nhưng hình như lại vừa bỏ lửng. Nỗi bất bình gì của bông hoa hồng? Tác giả không nói thêm nhưng với cảm giác tức tối, ám ức mà những hình ảnh thơ, tứ thơ đã đạt tới rồi, thì sự kết thúc ấy là trọn vẹn.

Do những đặc điểm trên của kết cấu thơ Bác, mà trong hầu hết các bài thơ của Bác những câu thơ kết thường rất độc đáo và có một giá trị tự biểu hiện lớn. Khi bàn về thơ

ca, nhà bác học Lê Quý Đôn đã có nhận xét: "Tô Đông Pha nói: ý hết mà lời dừng, ấy là cái lời rất mực trong thiên hạ, lời dừng mà ý không hết lại càng hay tuyệt". Những câu kết trong thơ Bác mang rất rõ cả hai đặc điểm này. Thơ Bác không bao giờ công thức. Ngay trong những bài thơ lấy mục đích trực tiếp là tuyên truyền cách mạng, chủ trương, chính sách, những lời thơ kết của Bác cũng chứa đầy tình cảm:

*Yêu nhau xin nhớ lời nhau  
Viết Minh hội ấy mau mau tìm vào.*

Đây là chưa kể sức chinh phục của những lời kết ấy đã có ngay từ ở những câu mở đầu rất thơ, kín đáo, duyên dáng như một lời tâm sự nhỏ nhẹ:

*Mẹ tôi là một đoá hoa  
Thân tôi trong sạch, tôi là cái bông*

*Nhật ký trong tù* có nhiều dạng đóng khép bài thơ thật độc đáo, nhiều bất ngờ thú vị để đẩy cảm xúc, suy tưởng lên tới đỉnh cao:

*Một canh... hai canh... lại ba canh  
Trần trọc bần khoản giấc chẳng lành  
Canh bốn canh năm vừa chợp mắt  
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

Ba câu ở dạng miêu tả, nói về cái thực: sự bần khoản thao thức của Bác. Câu kết bỗng từ cái thực ấy bay đến với cái mộng, đẩy mạnh hình tượng thơ vụt trở thành lớn lao, rực rỡ. Thế giới tình cảm và ước mong đã diết được vẽ ra như nhìn thấy được: một ngôi sao vàng - lý tưởng hiện lên sáng loà.

Nhưng rồi, lại có những cách đóng khép bài thơ theo kiểu khác hẳn:

*Trong tù khoan khoái giấc ban trưa  
Một giấc miên man suốt mấy giờ  
Mơ thấy cười rông lên thượng giới  
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ.*

Tứ thơ vận động ngược hẳn với bài thơ trên. Từ cái mơ, cái mộng có pha chút vui đùa tỉnh táo ở ba câu đầu, câu thơ kết ngoặt rẽ hẳn về với cái thực 100%. Hai mặt trên của bài thơ phản chiếu nhau rất mạnh làm sáng lên hình tượng cảm nghĩ của bài thơ. Bài thơ chấm phá hết nhanh gọn quá, ta từ ngỡ ngàng, bàng hoàng đến với sự tỉnh táo và sáng suốt. Cái điều Bác muốn nói là ở đó.

Trong những bài thơ mang sức mạnh tố cáo bộ mặt và chế độ nhà tù, tứ thơ vận động cũng rất đặc biệt và theo những hướng rất khác nhau.

Độ đậm đặc của cảm hứng đả kích kẻ thù được tăng lên dần dần và bùng tung phá lên mạnh mẽ ở câu kết:

*Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội  
Trong tù đánh bạc được công khai  
Bị tù con bạc ăn năn mãi  
Sao trước không vô quách chốn này.*

Câu kết tạo nên một cái cười rất Việt Nam, cái cười thoải mái của truyện cười dân gian của những người bình dân Việt Nam. Cũng có lúc cảm hứng đả kích không được tăng dần như thế. Tứ thơ rẽ sang âm hưởng đả kích rất bất ngờ nhưng cũng rất biện chứng.

Ta vừa kịp cảm thông, đồng điệu với nỗi đơn chiếc, buồn tủi của người phụ nữ:

*Biền biệt anh đi không trở lại  
Buồng the trơ trọi thiếp ôm sầu*

thì tứ thơ kéo ta thêm một chặng mới, đưa ta sang một cung bậc khác cao hơn của tình cảm:

*Quan trên xót nỗi em cô quạnh  
Nên lại mời em tạm ở tù.*

Sự mỉa mai chua cay bọn thống trị hoà với lòng thương xót đến đau xé thân phận người thiếu phụ kia là kết quả của một tứ thơ phát triển rất độc đáo. Cảm xúc của nhà thơ trong bài trên hiện ra rất rõ. Tứ thơ được bản thân cảm xúc ấy dẫn dắt. Nhưng cũng có những bài hình như chỉ là một bức tranh với những hình ảnh rất khách quan, tinh tảo:

*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc  
Giải người, cảnh trưởng, kiếm ăn quanh  
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc*

Ba hình ảnh đứng cạnh nhau nhằm vẽ ra chính xác sự thật như bản thân nó trong cuộc sống. Dưới bức tranh ấy, nhà thơ rất kín đáo ghi chú thêm:

*Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.*

Xét về bề mặt, độ đậm của cảm hứng đả kích hình như giảm đi, nhạt đi, tứ thơ có vẻ rộng dài, bỏ lửng. Nhưng xét từ bên trong, sức công phá lại căng lên tột độ. Một nụ cười hóm hỉnh, không thành tiếng nhưng sâu cay và sắc nhọn hiện lên.

Trong những bài thơ mà cảm hứng chủ đạo hướng vào việc bộc lộ tâm trạng, tình cảm, nghĩ suy của mình, tứ thơ và những câu kết trong thơ Bác cũng có những dạng vận động và kết thúc rất lạ. Ngay khi nói về đời sống của mình, âm hưởng hài hước, đùa vui trong một số bài thơ của Bác vẫn giữ một vị trí độc đáo:

*"Đôi ngựa" ngày đi chẳng nghỉ chân  
Đêm "Gà năm vị" lại thường ăn  
Thừa cơ rét rệp xông vào đánh*

Bỗng nhiên, trong câu thứ tư, cung bậc chuyển hẳn:

*Mừng sáng nghe oanh hót xóm gần.*

Đằng sau cái hài hước đùa vui đó là cả một tâm hồn thăm thẳm, là một nỗi lòng và trái tim dễ dàng rung động mạnh sâu trước những biểu hiện nhỏ nhất của cuộc sống. Câu kết như một tia sáng mạnh rọi chiếu vào chiều sâu của tấm lòng nhà thơ. Ta đến với chiều sâu ấy, vừa kinh ngạc vừa gần gũi.

\*

\*      \*

Trong một bài thơ không đề, vui vui, dí dỏm, Bác viết:

*Đã lâu không làm bài thơ nào  
Nay lại thử làm xem ra sao  
Lục khắp giấy tờ vẫn chưa thấy  
Bỗng nghe vần thảng vút lên cao*

Vần "thảng" là vần điệu, là yếu tố hình thức của bài thơ. Và câu thơ có vần "thảng" ấy xuất hiện trong tư duy của Bác chính là do một cảm xúc mạnh sâu vút lớn lên, trong

lòng Bác: Cảm xúc về sự chiến thắng, tất thắng. Bài thơ tưởng như là nói cho vui nhưng lại hàm một ý rất sâu sắc. Bài thơ dí dỏm ấy bộc lộ rất rõ đặc điểm thơ của Bác. Văn điệu và cảm xúc hoà quyện với nhau khăng khít, hay nói rộng ra, thơ Bác là sự hài hoà sâu sắc mà rất tự nhiên giữa nội dung và hình thức. Khi ta đến được, hiểu được nội dung ấy cũng chính là lúc ta cảm thụ được giá trị của hình thức nghệ thuật.

Cả nội dung và hình thức hiện ra như có thể nhìn thấy được: sâu xa phong phú trong sự bình dị hết mực, có khi tưởng như ta xuất phát từ việc tìm hiểu hình thức, nhưng chính là ta đến với nội dung thơ Bác. Từ trong chiều sâu nhất của tư duy, cảm xúc và bản chất sáng tạo của Bác, hai cái đó thống nhất hữu cơ. Trong một bài thơ của Bác đồng thời chứa đựng chất thép, vẻ đẹp kỳ diệu của tâm hồn và cả những sắc màu lung linh muôn vẻ của tâm hồn ấy. Đi sâu vào mối quan hệ khăng khít, phong phú giữa cấu tứ, kết cấu và cảm xúc chủ đạo trong thơ Bác, bài viết này muốn góp phần tìm thêm một vẻ đẹp trong rất nhiều vẻ đẹp của thơ Bác.

*(Tập chí Văn học, số 3-1975)*

## Đọc tập thơ "NHẬT KÝ TRONG TÙ" CỦA HỒ CHỦ TỊCH

TRẦN HUY LIỆU

Nhiều người chúng ta chắc đã được đọc những tập ký sự trong tù của các nhà ái quốc hay chính khách Đông Tây. Nhiều người chúng ta chắc đã được đọc nhiều bài thơ của các chính trị phạm của ta dưới thời thuộc Pháp. Chuyện nhà tù và thơ là hai môn mà người đọc thường ưa thích. Nhưng những quyển ký sự khác thường là viết bằng văn xuôi, đôi khi có điểm vào một số bài thơ, chứ không viết thành thơ. Quyển *Nhật ký trong tù* của Hồ Chủ tịch thì lại là một tập thơ: ghi việc bằng thơ, nói chuyện bằng thơ. Nó có khác ở chỗ ấy, hay nói đúng hơn "thú vị" ở chỗ ấy.

Trước hết nói đến nguồn thơ trong nhà tù. Người ta thường nói: đối với những người cách mạng, nhà tù là một lò rèn luyện, một trường học. Tôi muốn nói thêm: nhà tù còn là một nguồn thơ. Thật thế, trong hoàn cảnh khốc liệt của nhà tù, một phương tiện tiêu khiển thú vị nhất là thơ. Người chiến sĩ hoặc ruột ngầu như tương, hoặc rắn như đá, có thể cười, có thể khóc, muốn gửi tâm sự, biểu dương ý chí đều có thể dùng thơ. Thơ chẳng những là một phương tiện tiêu

khẩn, mà còn là một đạo sống, một vũ khí đấu tranh để sống. Có nhiều người trước khi vào nhà tù không biết làm thơ hay vần lạnh nhạt với "nàng thơ", nhưng khi vào nhà tù đã trở thành một thi sĩ. Thơ nhà tù có bài vừa nói lên được tư tưởng, vừa được trau dồi về nghệ thuật; cũng có bài nghĩ sao nói vậy còn trong trình độ thô sơ. Nhưng tất cả mọi người đều thấy cần làm thơ, thích nghe thơ...

Cả đến những lúc sống đầy những uy hiếp, chịu mọi cực hình đau khổ, cần phải kiên định tinh thần, coi thường mọi sự vật xung quanh cũng chỉ có thể nói lên bằng thơ.

Ngay cả đến lúc sắp lên máy chém, người chiến sĩ nói lên cái chết mãnh liệt cũng như cái sống mãnh liệt và đầy tin tưởng của mình thường cũng bằng thơ.

Ngoài ra, đời sống nhà tù còn có những cái rất lặt vặt, rất tầm thường mà bỗng trở nên những bài thơ rất độc đáo. Tại Hỏa Lò Hà nội năm 1929, một số chính trị phạm bị nhốt lại "xà-lim", mỗi chập tối nhằm lúc đổi gác của bọn lính canh, mọi người đều leo lên cửa, chõ miệng vào lỗ hổng để đọc một bài thơ của mình mới làm cho anh em nghe, hoặc nghe thơ của người khác. Tại một phòng giam của sở mật thám Sài Gòn, tôi đã thấy một thi sĩ nào đó trước tôi viết những bài thơ tràng thiên lên tường bằng máu của muối. Kể sao hết những "tao đàn", những "thi xã" như măng mọc mùa xuân ở các nhà tù chính trị phạm thời thuộc Pháp! Chúng ta có thông cảm cảnh tù như thế mới thông cảm được bài thơ của tác giả Nhật ký trong tù:

*Ngâm thơ ta vốn không ham,  
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây?  
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,  
Vừa ngâm, vừa đợi đến ngày tự do.*



Lão phu nguyên bất ái ngâm thi;  
Nhân vị tù trung vô sở vi,  
Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật,  
Thả ngâm thả đãi tự do thì.

Người chiến sĩ cách mạng nhiều khi còn là một thi sĩ. Khác với những thi sĩ tầm thường là thơ của chiến sĩ, nhất là thơ làm ở nhà tù, thường vút lên một tinh thần hiên ngang, khoáng đạt, bất khuất mà cửa kín tường cao nào cũng không giam hãm được.

Nhớ lại Nguyễn Hữu Cầu tức Quận He khi bị giam, làm bài thơ *Chim trong lồng* có những câu:

*Nhất lung thiên địa tàng thân tiểu<sup>(1)</sup>  
Vạn lý phong vân cử mục lần<sup>(2)</sup>  
Hỏi sao sao lụy cơ trần,  
Bận lải bay nhảy, xót thân lang bổng.  
Nào khi vỗ cánh rĩa lông,  
Hót câu thiên lũng<sup>(3)</sup> trong vòng lao lung<sup>(4)</sup>  
Chim oanh nọ vẫy vùng đậu bắc<sup>(5)</sup>  
Đàn loan kia tức tắc cành nam<sup>(6)</sup>  
Mặc bay đồng ngữ tây đầm,<sup>(7)</sup>  
Chờ khi phong tiện dứt đám vân lung  
Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu hán<sup>(8)</sup>  
Phá vòng vây bạn với kim ô  
Giang sơn khách diệc tri hô?<sup>(9)</sup>*

---

(1) Ý nói cái lồng trời đất chứa con người của tôi sao nhỏ hẹp quá.

(2) Ý nói tôi vẫn luôn luôn nếm con mắt nhìn ra muôn dặm gió mây.

(3) (4) Nghĩa là ca hát tự do trong nơi giam cầm.

(5) (6) Ý nói bọn quan lại miền Bắc và miền Nam đương như nhon như tung tăng trên cành cây bờ đậu.

(7) Chúng bay nói lảnh nhăng gì mặc kệ.

(8) Tiêu là tầng không khí bao quanh mặt trời; Hán là sông Vân Hán trên trời.

Ý nói vẫy vùng trong bầu trời tự do.

(9) Ý nói non sông có ai biết ý chí của ta như thế không?

Những bài thơ của Nguyễn Hữu Cầu mới nói lên cái chí khí ngang tàng của khách trượng phu phong kiến. Còn Hồ Chủ tịch thì:

*Thân thể ở trong lao  
Tinh thần ở ngoài lao.  
Muốn nên sự nghiệp lớn,  
Tinh thần càng phải cao.*

*Thân thể tại ngục trung,  
Tinh thần tại ngục ngoại.  
Dục thành đại sự nghiệp,  
Tinh thần cánh yếu đại,*

Và:

*Hai giờ ngục mở thông hơi.  
Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do.  
Tự do tiên khách trên trời,  
Biết chăng trong ngục có người khách tiên?*

*Nhị điểm khai lung hoá không khí,  
Nhân nhân ngưỡng khán tự do thiên,  
Tự do thiên thượng thần tiên khách  
Tri phủ lung trung đã hữu tiên?*

Nói lên tinh thần tự do, lòng tự tin một cách ung dung, điềm đạm của một người muốn làm nên sự nghiệp lớn để phục vụ nhân dân.

\*

\*      \*

Rồi, một ngày kia, cái chí lớn ấy, dựa vào nhân dân, trở

nên sự nghiệp lớn. Trong việc lãnh đạo đánh địch, tiến công hay thoái thủ, bí quyết thành công đã được biểu hiện trong bài *Học đánh cờ*:

I

*Nhàn rồi đem cờ học đánh chơi  
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài;  
Tấn công, thoái thủ nhanh như chớp,  
Chân lẹ tài cao ắt thắng người.*

II

*Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,  
Kiên quyết không ngừng thế tấn công;  
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,  
Gặp thời, một tốt cũng thành công.*

III

*Vốn trước hai bên ngang thế lực,  
Mà sau thắng lợi một bên giành;  
Tấn công thoái thủ không sơ hở,  
Đại tướng, anh hùng mới xứng danh.*

I

*Nhàn tọa vô liêu học dịch kỳ,  
Thiên binh vạn mã cộng khu trì;  
Tấn công thoái thủ ung thần tốc  
Cao tài tạt tạt tiên đặc chí.*

## II

*Nhân quang ưng đại, tâm ưng tế,  
Kiên quyết, thời thời yếu tấn công;  
Thác lộ, song xa dã một dung,  
Phùng thời, nhất tốt khả thành công.*

## III

*Song phương thế lực bản bình quân  
Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân;  
Công thủ vận trù vô lậu trước,  
Tài xung anh dũng đại tướng quân.*

\*

\* \*

Bên ý chí, thơ của Hồ Chủ tịch còn chứa đựng rất nhiều tình cảm, đặc biệt là tình yêu nước. Lệ thương, người ta càng xa Tổ quốc thì càng yêu nhớ Tổ quốc; nhất là những lúc thân bị giam cầm, người ta càng thấy thiết tha mong muốn được hy sinh cho Tổ quốc, cho dân tộc. Khi nghe tin Việt Nam có biến động đăng trên báo Ung Ninh, Hồ Chủ tịch đã tưởng tượng đến một cuộc khởi nghĩa bùng nổ:

*Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,  
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền;  
Xót mình giam hãm trong tù ngục,  
Chưa được xông ra giữa trận tiền*  
*Ninh tử, bất cam nô lệ khổ,  
Nghĩa kỳ đao xú hựu phiêu dương;  
Khả liên dư tố tù trung khách,  
Vị đắc cung thân thượng chiến trường.*

Nhưng lòng yêu nước của những người theo đuổi mục đích cứu nước, đối với bọn cướp nước và phe lũ của chúng, nhiều khi trở nên một cái "tội". Trước kia, chúng ta đã được nghe câu đối của Hoàng Trọng Mậu (tức Nguyễn Đức Công) làm để tự điều mình trước lúc bị giặc Pháp đem bắn chết ở Bạch Mai: *"Yêu nước tội gì chỉ có tinh thần là không chết"*.

(Ái quốc hà cô, duy hữu tinh thần chung bất tử) và một thanh niên khi bị bắt cũng thốt ra câu thơ:

*Bắt ta, ta có tội tình chi?  
Yêu nước, ta can đạo luật gì?*

thì hôm nay lại được đọc của Hồ Chủ tịch:

*Quảng Tây giải khắp mười ba huyện,  
Mười tám nhà lao đã ở qua.  
Phạm tội gì đây? Ta thử hỏi,  
Tội trung với nước, với dân à?*

*Giải quá Quảng Tây thập tam huyện,  
Trú liễu thập bát cá giam phòng;  
Thí vấn dư sở phạm hà tội?  
Tội tại vị dân tộc tân trung!*

Và:

*Năm ngoái đầu thu còn tự do,  
Năm nay thu đến ở trong tù,  
Đã rằng giúp ích cho dân tộc,  
Thu trước, thu này há kém nhau.*

*Khứ tuế thu sơ ngã tự do.  
Kim niên thu thủ ngã cư tù:  
Thảng năng tì ích ngô dân tộc.  
Khả thuyết kim thu trị khứ thu.*

và cảm động biết bao nhiêu khi chúng ta đọc đến những câu:

*Năm tròn cố quốc tâm hơi vắng,  
Tin tức bên nhà bữa bữa trông  
Tổ quốc trung niên vô tin tức,  
Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm.*

Yêu nước, nhớ nước, tình cảm còn tràn trề khi nhớ bạn, nhớ đồng chí:

*Ngày đi, bạn tiễn đến bên sông,  
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng;  
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,  
Quê người tôi vẫn chôn lao lung!*

*Tích quân tổng ngã chi giang lân,  
Vận ngã qui kỳ, chỉ cốc tân;  
Hiện tại lân điền dĩ lê hảo,  
Tha hương ngã tác ngục trung nhân!*

Tình cảm chẳng phải chỉ đối với bạn, mà còn đối với cả những vật vô tri có quan thiết đến mình. Trong đời chúng ta, nhất là đời hoạt động nhiều, ai đã mất cái gì vào loại "thân thiết" nhất, đã từng "sống" với ta trong những ngày gian khổ, quyết liệt thì khi mất nó vẫn thấy băn khoăn, nhớ tiếc. Của chẳng đáng bao nhiêu, nhưng tình thì rất nặng. Hồ Chủ tịch đã biểu lộ cái tình "lừa đôi" của Người trong bài thơ *Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy*:

*Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,  
Diu dắt nhau đi mây tuyết sương.  
Giận kẻ bất lương gây cách biệt,  
Hai ta dằng dặc nỗi buồn thương.*

Nhất sinh chính trực hựu kiên cường,  
Huê thủ đồng hành kỷ tuyết sương;  
Hận bỉ gian nhân lý ngã lương,  
Trường giao ngã nhĩ các thê lương!

Độc thơ Hồ Chủ tịch chẳng những thấy tình cảm thấm thiết, mà còn đượm màu lạc quan từ những cảnh đen tối nhất vì đã nhìn thấy ánh sáng của tương lai.

*Mặc dù bị trói chân tay,  
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng;  
Vui say, ai cấm ta dừng,  
Đường xa âu cũng bớt chùng quanh hiu.*

Hình tỳ tuy nhiên bị khẩn bang,  
Mãn sơn điệu ngữ dữ hoa hương;  
Tự do lâm thưởng vô nhân cấm,  
Lại thử, chinh đồ giảm tịch lương.

Khi vào nhà lao huyện Tĩnh Tây, Hồ Chủ tịch đã nhìn người, nhìn trời:

*Trong lao tù cũ đón tù mới,  
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;  
Mây mưa, mây tạnh, bay đi hết,  
Còn lại trong tù khách tự do.*

Ngục trung cựu phạm ngênh tân phạm,  
Thiên thượng tình vân trục vũ vân;  
Tình, vũ phù vân phi khứ liễu,  
Ngục trung lưu trú tự do nhân.

và một buổi sớm:

*Đầu tường sớm sớm vắng dương mọc,*

*Chiếu cửa nhà lao, cửa vắn cài,  
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,  
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.*

Trời hừng:

*Sự vật vắn xoay đã định sẵn:  
Hết mưa là nắng hừng lên thôi.  
Đất trời một thoáng thu màn ướt,  
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi.*

*Trời âm hoa cười chào gió nhẹ,  
Cây cao, chim hót rộn cảnh tươi.  
Người cùng vạn vật đều phơi phới;  
Hết khổ là vui vốn lẽ đời.*

*Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định:  
Vũ thiên chi hậu tất tình thiên.  
Phiến thời vũ trụ giải lâm phục,  
Vạn lý thiên hà sải cảm chiên;*

*Nhật noãn phong thanh hoa đới tiếu,  
Thụ cao chi nhuận điệu tranh ngôn;  
Nhân hòa vạn vật đô hưng phấn:  
Khổ trần cam lai, lý tự nhiên.*

đi đến tự khuyên mình:

*Ví không có cảnh đông tàn,  
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân.  
Nghĩ mình trong bước gian truân;  
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.*

*Một hữu đông hàn tiêu tụy cảnh,  
Tương vô xuân noãn đích huy hoàng;*



Tai ương bả ngã lai đoàn luyện,  
Sử ngã tinh thần cánh kiện cường.

\*

\* \*

Về hình thức, thơ Hồ Chủ tịch có một đặc điểm là giản dị, trong sáng và đậm đà. Chúng ta không thấy một bài nào gò ép hay chú ý đẽo gọt quá. Bằng ngòi bút tả thực, có nhiều bài về nội dung của nó, toàn những chuyện rất thông thường, nhưng đọc lên vẫn thành thơ. Hoặ những sự vật xa lạ với thơ, nhưng đã được thi vị hóa một cách rất hóm hỉnh. Chúng ta ai đã quen với thơ Đường, một khi đọc thơ Hồ Chủ tịch, mặc dầu nhân sinh quan mới, vẫn phảng phất như thấy cái "vị" của Đường thi mà âm điệu tình tứ của nó quyện vào ta, ngấm vào ta, nhất là đối với lứa tuổi tạm gọi là "thế hệ của Đường thi".

Này đây là một buổi xế chiều ở nhà ngục Tĩnh Tây:

*Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,  
Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm;  
Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,  
Bỗng thành nhạc quán viện Hàn lâm.*

Văn san ngật liễu, nhật tây trầm,  
Xứ xứ sơn ca dữ nhạc âm;  
U ám Tĩnh Tây cảm bế thất  
Hốt thành mỹ thuật tiểu Hàn lâm.

Và nghe người bạn tù thối sáo:

*Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,  
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu;*

*Muôn dặm quan hà khôn xiết nỗi,  
Lên lầu, ai đó ngóng trông nhau.*

*Ngục trung hết thịnh tư hương khúc,  
Thanh chuyển thê lương, điệu chuyển sầu;  
Thiên lý quan hà vô hạn cảm,  
Khuê nhân cánh thượng nhất tầng lầu.*

Còn có những sự việc ít ai có thể ngờ được thành thơ, mà bằng lối tả chân tự nhiên, không thêm không bớt, vừa tố cáo chế độ nhà tù, vừa dựng nên một bài thơ ngộ nghĩnh, như bài *Bị hạn chế*:

*Đau khổ chi bằng mất tự do,  
Đến buồn đi ỉa cũng không cho,  
Cửa tù khi mở, không đau bụng,  
Đau bụng thì không mở cửa tù*

*Một hữu tự do chân thống khổ,  
Xuất cung đã bị nhân chế tài:  
Khai lung chi thời đồ bất thống,  
Đồ thống chi thời lung bất khai.*

Còn có những bài thơ mà làm thơ không khác gì kể chuyện, nhưng lại là bài thơ tả thực rất hay, như bài *Bốn tháng rồi*.

Giản dị dễ hiểu là thơ của Hồ Chủ tịch. Nhưng cũng có lúc bằng lối văn hài hước trào phúng, nó đã trở nên một vũ khí đả bất bình.

Tả cảnh ăn ở của nhà lao Nam Ninh chỉ bốn câu đã nói hết cả chế độ lẫn ý nghĩa:

*Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,  
Đèn điện thâu đêm sáng rực trời,*

*Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,  
Cho nên cái bụng cứ kêu hoài.*

*Giam phòng kiến trúc đỉnh ma-đăng,  
Triệt dạ huy hoàng chiếu điện đăng;  
Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc,  
Sử nhân đồ tử chiến căng căng.*

Tổ cáo lối bắt linh tàn bạo của bọn Tướng Giới Thạch,  
vì chồng trốn lính nên vợ phải bị tù bằng những câu:

*Biên biệt anh đi không trở lại,  
Buồng the tro trọi, thiếp ôm sầu,  
Quan trên xót nỗi em cô quạnh,  
Nên lại mời em tạm ở tù!*

*Lang quân nhất khứ bất hồi đầu,  
Sử thiếp khuê trung độc bão sầu,  
Đương cục khả liên dư tịch mịch  
Thình dư lại tạm trú lao tù.*

Và vợ vào tù mang theo cả đứa con mới đẻ:

*Oa...! Oa...! Oaa...!  
Cha trốn không đi lính nước nhà,  
Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi,  
Phải theo mẹ đến ở nhà pha.*

*Oa...! Oa...! Oaa...!  
Gia phạ đương binh cứu quốc gia,  
Sở dĩ ngã niên tài bán tuế,  
Yếu đáo ngục trung căn trước ma.*

\*

\* \*

Cũng bằng lối văn hài hước và quan điểm lạc quan, đời tù đày với Hồ Chủ tịch đã được tả bằng những câu vừa đùa vừa đùa, vừa thi vị hóa như trong các bài *Dây trói*, *Đêm ngủ ở Long Tuyền* và bài *Nói cho vui*:

*Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,  
Binh lính thay phiên để hộ tòng,  
Non nước dạo chơi tùy sở thích,  
Làm trai như thế cũng hào hùng!*

*Ngật công gia phạm, trú công phòng  
Quân cảnh luân ban khử hộ tòng;  
Ngoạn thủy du sơn tùy sở thích,  
Nam nhi đảo thử diệc hào hùng!*

Cho cả đến ghẻ lở cùng mình, gãi không mỏi tay, dưới ngòi bút của thi nhân cũng là đẹp, là thơ cả:

*Đầy mình đỏ tím như hoa gấm,  
Sốt sột luôn tay tựa gảy đàn;  
Mặc gấm, bận tù đều khách quý,  
Gảy đàn, trong ngục thấy tri âm.*

*Mãn thân hồng lục như xuyên cầm,  
Thành nhật lao tào tựa cổ cầm,  
Xuyên cầm, tù trung đô quý khách,  
Cổ cầm, nạn hữu tận tri âm*

Đọc mấy bài thơ này của Hồ Chủ tịch lại nhớ đến một bài khác của một chiến sĩ Xô viết Nghệ Tĩnh:

*Ngâm cái kiếp anh tù đã sương,  
Nghĩ càng thêm thi thưởng một vài câu.  
Ngoài trần gian mặc kẻ yêu cầu,*

*Không xa mà mà phong lưu dài các.  
Nào đến lúc ô đề nhật lạc <sup>(1)</sup>*

Sợ gian nan đã có lính gác trong ngoài.  
Tì tì te nghe kèn thổi bên tai,  
Tùng! Tùng! Cắc! Điểm một vài tiếng trống.  
Lính kêu hô cất lên cho đều giọng,  
Đêm năm canh vắng vắng nghe chuông,  
Chẳng lo gạo bị tiền lương.

...

Những câu hài hước này chẳng phải chỉ là hài hước, mà với tinh thần lạc quan và vô úy, còn khinh thường cả một chế độ tàn khốc, vô đạo.

\*

\*      \*

Thơ của con người có tình thì cảnh nào cũng có thể sinh tình. Thơ của Hồ Chủ tịch tả cảnh rất thực và tình cũng rất giàu. Nhiều bài nói lên cả tình cả cảnh, như bài *Đêm lạnh*:

*Đêm thu không đệm cũng không chăn,  
Gôi quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;  
Khóm chuối trắng soi càng thấy lạnh,  
Nhòm song, bắc đẩu đã nằm ngang.*

*Thu thâm vô nhục diệp vô chiên,  
Súc hĩnh cung yêu bất khả miên;  
Nguyệt chiếu đình tiêu tăng lãnh khí,  
Khuy song, bắc đẩu dĩ hoành thiên.*

Và các bài *Đêm thu*, *Cảnh ngoài đồng*.

---

(1) Mặt trời lặn.

Thi nhân đã rất thông cảm với cảnh với tình của vợ người bạn tù đến thăm chồng:

*Anh đứng trong cửa sắt,  
Em đứng ngoài cửa sắt.  
Gần nhau trong tác gang,  
Mà biến trời cách mặt  
Miệng nói chẳng nên lời,  
Nói lên bằng khóe mắt*

*Quân tại thiết song lý,  
Thiếp tại thiết song tiền.  
Tương cận tại chỉ xích,  
Tương cách tự thiên uyên  
Khẩu bất năng thuyết đích,  
Chỉ lại nhân truyền ngôn.*

...

Một bài mà chúng ta đọc còn thấy dậy lên những dư âm của Đỗ Phủ và Bà Huyện Thanh Quan là bài *Hoàng hôn*:

*Gió sắc tựa gươm mài đá núi,  
Rét như dùi nhọn chích cành cây;  
Chùa xa chuông giục người nhanh bước,  
Trẻ dắt trâu về, tiếng sáo bay.*

*Phong như lợi kiếm ma sợn thạch,  
Hàn tự tiêm phong thích thụ chi;  
Viễn tự chung thanh thôi khách bộ,  
Mục đồng xuy địch dẫn ngư qui.*

Đặc biệt là bài *Mới ra tù, tập leo núi* của Hồ Chủ tịch làm sau khi ra khỏi nhà lao:

*Núi áp ôm mây, mây áp núi,  
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ.  
Bồi hồi dạo bước Tây-phong-linh,  
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.*

*Vân ứng trùng sơn, sơn ứng vân,  
Giang tâm như kính tĩnh vô trần.  
Bồi hồi độc bộ Tây-phong-linh,  
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.*

Tình cảm đậm đà biết bao nhiêu! Đọc bài này, tôi nhớ lại ngay bài của Vương Duy ngày trước tiễn Nguyên Nhị đi sứ Tây An:

*Thành Vi mai mưa rười bụi trần,  
Trước nhà liễu rủ đượm màu xuân  
Mời anh uống cạn một ly nữa,  
Kẻo tới Dương quan vắng cố nhân <sup>(1)</sup>*

*Vị thành triệu vũ áp khinh trần,  
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân.  
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu,  
Tây xuất Dương quan vô cố nhân,*

Có điều là tâm sự của Hồ Chủ tịch lúc ấy thì nhớ nước, nhớ bạn, đương trù hoạch một phương châm cứu nước, khác với Vương Duy tiễn bạn đi sứ, cảm nỗi đường xa dặm thẳm sẽ không gặp ai là người cũ nữa.

Nhưng một bài thơ mà tôi thấy thú nhất là bài *Không ngủ được*. Chúng ta đã được nghe nhiều bài *Đêm không ngủ* của các chiến sĩ trong nhà tù, đã thốt ra những tiếng uất hận của đêm trường, như:

---

(1) Trần Huy Liệu tạm dịch.

*Giận đời lắm lúc cay đôi mắt,  
Khát nước năm canh dậy mấy lần.*

Hay:

*Việc Đẳng việc mình không ngủ được,  
Âm ầm tiếng sóng vỗ bên tai.*

Và:

*Bình sinh chưa phỉ công hoài bão,  
Còn khổ bên tai tiếng sóng găm.*

Độc bài *Không ngủ được* của Bác, chúng ta thấy nó mộc mạc tự nhiên, không sôi nổi nhưng rất tin tưởng:

*Một canh... hai canh..., lại ba canh,  
Trần trọc, bần khoản giấc chẳng thành.  
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,  
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

*Nhất canh... nhị canh... hựu tam canh,  
Triển chuyển, bồi hồi thụy bất thành,  
Tứ ngũ canh thời tài hợp nhân  
Mộng hồn hoàn nhiều ngũ tiêm tinh,*

Còn nhớ một chí sĩ trong phong trào Đông Du là Phạm Đức Ngôn, một đêm không ngủ ở nhà tù Côn Đảo, ông đã làm một bài thơ trảng thiên ca tụng chiến công Vu Quang của nghĩa quân Phan Đình Phùng. Nhưng nhà chí sĩ già ấy đã thất vọng với đương thời nên chỉ còn quay về ca tụng cái dĩ vãng. Trái lại, Hồ Chủ tịch, người đã nắm được qui luật của lịch sử, tin tưởng vào thành công tất yếu của cách mạng nên nhìn về tương lai đã hiện ra sao năm cánh.



Tóm lại, đọc tập thơ của Hồ Chủ tịch, chúng ta không thấy có những bài thuộc loại "hô to gọi giạt" (đại thanh tất hô) như thường thấy ở một số nhà cách mạng khác, mà là những lời lẽ bình dị, mộc mạc rất dễ hiểu và dễ cảm. Những chữ Hán dùng trong thơ cũng phần nhiều là bạch thoại, chứ không chất chứa những điển tích hay những câu những chữ cầu kỳ. Chúng ta thấy bác "đọc" ra thơ hơn là "nghĩ" ra thơ. Nếu câu nói "thơ là người" là đúng, thì thơ của Bác cũng phản ánh tính chất giản dị của Bác. Tuy vậy, nếu chỉ có những lời lẽ giản dị chưa phải là thơ, vì thơ khác với những lời nói thường ở chỗ nó có "vị", nó làm cho người ta cảm. Thơ của Bác, như trên kia đã nói, rất giản dị và cũng rất đậm đà, dễ đi vào tâm hồn người đọc. Ở vào thế hệ của Bác, thơ Đường có ảnh hưởng rất nhiều. Vì vậy, đọc thơ Bác, chúng ta thấy nhiều bài có phong thái của thơ Đường; nhất là mấy bài làm trong hồi kháng chiến vừa rồi. Bác nói: *"Ngâm thơ ta vốn không ham"* (Lão phu nguyên bất ái ngâm thi); nhưng thật ra, tâm hồn của Bác là một nguồn thơ và Bác thực sự là một thi sĩ.

Với lời lẽ giản dị, nội dung những bài thơ của Bác cũng đầm ấm, vui tươi. Chúng ta không thấy ở đó những cái thật là sôi nổi, mà thấy toát ra ở đó một tin tưởng thắm thiết. Trong những ngày gian khổ, đen tối, thơ của Bác vẫn đầy lạc quan. Điểm lạc quan này chẳng những rõ ra "uy vũ không thể khuất phục" mà còn nắm vững được quy luật lịch sử, nhìn rõ tiền đồ của cách mạng. Ngày nay đọc lại câu: Ngôi sao năm cánh mộng hồn quanh (Mộng hồn hoàn nhiều ngũ tiêm tinh) của Bác trong một đêm không ngủ, chúng ta rất sung sướng mà thấy rằng cờ đỏ với ngôi sao năm cánh

đã không chỉ ở trong mộng hồn của Bác, mà đang tung bay trước gió khắp trời Nam và đi từ Đông sang Tây rồi.

Đọc tập thơ của Bác, tôi không làm cái việc phân tích của nhà phê bình, mà chỉ muốn được đi sâu thêm vào tình cảm của Bác, tâm hồn của Bác để yêu Bác hơn nữa.

22-4-1960

(Tập chí *Nghiên cứu văn học*  
số 6-1960)

## THƠ BÁC

LÊ ĐÌNH KÝ

**T**riết học Mác là triết học cải tạo thế giới. Người mác xít trước hết là con người hành động. Với Bác, sống là để hoạt động cách mạng. Bác bị bọn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch bắt và *Nhật ký trong tù* viết ra vào lúc Mặt trận Việt Minh vừa mới thành lập, lãnh đạo toàn dân chuẩn bị tổng khởi nghĩa, con thuyền cách mạng đang lướt xông vào nơi đầu sóng ngọn gió. Có thể nói cùng với sự phê phán, châm biếm chế độ mục nát của Tưởng Giới Thạch, *Nhật ký trong tù* là tâm tư trong tù của một người cộng sản vì đại phải tạm ngừng hoạt động đúng vào lúc cách mạng đang rẽ sang một bước ngoặt quyết định.

Thông thường người tù chính trị làm thơ để nói lên cái chí hay cái bất đắc chí của mình, để nhắn gửi nó lại với đời. Thơ Bác không phải như thế:

*Trong ngục người người nhân quá đổi  
Chí Cao mà chẳng đáng đồng chinh.*

Không thể như ai, tự khuây khỏa với cái chí cao (nguyên văn: *hùng tâm*) của mình. Với Bác, làm thơ cũng là một cách hành động. Rất thực tiễn, ngay từ tên gọi: *Nhật ký trong tù*. Và nhật ký này cũng chỉ ghi lại những điều nói ra có

lợi hay không có hại trong hoàn cảnh lúc bấy giờ. Cho nên trong *Nhật ký trong tù*, để bắt đầu, Bác viết:

*Ngâm thơ ta vốn không ham  
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây?...*

thì có thể hiểu là việc Bác làm thơ chưa có thể có tác động trực tiếp đến phong trào và phải lùi lại sau so với nỗi lo lắng về trách nhiệm và sự nghiệp lớn lao đang chờ đợi Bác.

Con người của những hành động quyết định thỉnh thoảng đi qua bài thơ như một tia chớp:

*Tấn công, thoái thủ nhanh như chớp  
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.  
Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,  
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;*

(Học đánh cờ)

Không phải lời thơ khẩu khí xưa kia. Cũng không phải chuyện Đông Chu hay Tam Quốc, mà chính là phẩm chất không thể thiếu được của những lãnh tụ của thời đại. Bác bị giam vừa lúc cách mạng đang chuyển sang đấu tranh vũ trang và bài *Học đánh cờ* là nói lên bằng thơ những điều cơ bản của khoa học chính trị Mác - Lênin về khởi nghĩa. Cảm hứng bài thơ là *cảm hứng hành động*. Bác chỉ nói chuyện đi đường:

*Đi đường mới biết đường đi khó*

(Đi đường)

nhưng phần từng trải, lịch lãm ẩn trong câu thơ thì không thể nhầm lẫn được. Đúng là của nhà cách mạng lão luyện, dày dặn kinh nghiệm.

Thơ Bác giản dị quá, bình thường quá, nhiều khi ta không

sao hiểu ngay và hiểu hết được. Nhưng rồi nghĩ đến đời hoạt động của Bác, bình sinh của Bác, càng đọc ta càng thêm thấm thía cái bình dị lớn lao của cuộc đời ấy, của tâm hồn, của thơ ca ấy. Bác xác định nhiệm vụ của thơ thời đại:

*Nay ở trong thơ nên có thép  
Nhà thơ cũng phải biết xung phong*

lời lẽ hào hùng, dứt khoát và ý nghĩa thì thật là vô cùng, người làm công tác văn nghệ càng tự liên hệ càng thấy mình phải cố gắng vươn lên suốt đời, thành tích có đạt được đến đâu cũng chưa có thể coi là đủ. Cái chất thép ấy là chất anh hùng ánh lên trong thơ Bác, khi dễ nhận ra:

*Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận  
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh*

(Buồn)

*Thà chết chẳng cam nô lệ mãi  
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền  
Xót mình giam hãm trong tù ngục  
Chưa được xông ra giữa trận tiền*

(Ở Việt Nam có biến động)

khi thì gián tiếp trong những bức tranh cảnh vật thật là đậm đà, rất thơ và không thiếu khí thế chiến đấu nội tại:

*Sương khuya xuống tựa mưa thu trút  
Sương sớm dầy như mây biển dâng*

(Nhớ chiến sĩ)

*Gió sắc tựa gươm mài đá núi  
Rét như dùi nhọn chích cành cây*

(Hoàng hôn)

Cảnh vật mà Bác chú ý là những cảnh vật động, trên đà

chuyển biến tiến lên, nếu không phải là kết quả của hoạt động tích cực của con người:

*Thiên thượng tàn vân đôi nguyệt phi  
(Trên trời đám mây tàn mang trăng bay đi)*

(Đêm thu)

*Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn*

(Giải đi sớm)

*Ngày đi bạn tiễn đến bên sông,  
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng  
Nay đã gặt xong, cày đã khắp...*

(Nhớ bạn)

Trong *Nhật ký trong tù*, Bác không tiện gửi gắm tất cả những cảm nghĩ sâu kín nhất của mình. Nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa ở đây chỉ có thể bộc lộ một cách gián tiếp. Cho đến lòng yêu nước cũng chỉ có thể nói ra một cách dè dặt, phải cân nhắc, phải cất xén. Nhưng tư tưởng người viết không vì thế mà kém hiện diện trong tập thơ, trong mỗi bài thơ:

*Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu  
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu;  
Muôn dặm quan hà khôn xiết nỗi...*

(Người bạn tù thổi sáo)

Những nỗi gian khổ, bức bách trong tù được thể hiện lại từ góc độ của tấm lòng yêu nước, nhưng không phải nỗi yêu nước nhớ nước thương tình của những người xa nước. Cơ ác mộng này, nước mắt này là của một người yêu nước vĩ đại mà không làm gì được cho đất nước. Cũng không phải niềm ưu ái đáng quý của những bậc tiền bối. Thơ Bác vang

vọng những nỗi niềm ấy, nhưng cũng là của một người đang nhập làm một với một thực tiễn cách mạng lớn, đã tạo nên thực tiễn ấy:

*Năm tròn cố quốc tâm hơi vắng  
Tin tức bên nhà bữa bữa trông*

(Tức cảnh)

*Một canh... hai canh... lại ba canh,  
Trần trọc, băn khoăn giấc chẳng thành.  
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,  
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

(Không ngủ được)

Bác mong chờ tin tức nước nhà, trần trọc không ngủ, vừa chợp mắt đã thấy sao vàng hiện ra, những tin tức ấy gắn liền thịt da với Bác, với vận mệnh của Tổ quốc và ngôi sao vàng ấy là linh hồn của cách mạng, của dân tộc, nhưng cũng là ngôi sao của Bác.

Con người mang những trách nhiệm nặng nề, suốt đời bồn ba hoạt động, sốt ruột khi bị tù đầy hay khẩn trương khi làm Chủ tịch nước, bao giờ cũng tỏ ra ung dung tự tại. Ung dung vì niềm lạc quan cách mạng không gì lay chuyển được, vì Bác chí công vô tư, vì lòng Bác quang minh chính đại:

*Phạm tội gì đây, ta thử hỏi  
Tội trung với nước, với dân à?  
Đã rằng giúp ích cho dân tộc  
Thu trước thu này há kém nhau*

Nghĩa là từ khi bị tù tội, từ khi trải qua sinh hoạt "phi nhân loại" trong lao tù Tưởng Giới Thạch, Bác chưa hề "lùi một phân". Và khi Bác ra tù, trong bài "Mới ra tù tập leo

núi" kết thúc tập *Nhật ký trong tù*, ta lại thấy Bác ung dung, và tâm lòng Bác trong sáng vằng vặc như bao giờ:

*Núi áp ôm mây, mây áp núi*

*Lòng sông gương sáng, bụi không mờ*

Con người trong số những lãnh tụ cách mạng lớn nhất của thời đại, cũng là người kết tinh được những tinh hoa tốt đẹp nhất của cha ông. Đúng như có người nhận xét, Bác làm ta nhớ đến Nguyễn Trãi. Người bạn của các dân tộc bị áp bức, đã từng trực tiếp chiến đấu cho các dân tộc Á Phi và Mỹ la tinh, con người đã đóng góp vào sự thành lập Đảng Cộng sản Pháp và cho phong trào cộng sản quốc tế hơn nửa thế kỷ nay, mang trong người dòng máu rất Việt Nam, có một phong độ rất Việt Nam. Tinh dân tộc đi vào văn thơ bằng trăm nghìn nẻo. Cảm nghĩ, tình điệu dân tộc là một, nhưng sắc thái thì vô vàn. Tinh dân tộc được thể hiện trong thơ tiếng Việt của Bác theo một cách và trong thơ chữ Hán theo một cách khác. Và dùng tiếng Hán và viết theo lối thơ cổ truyền, cũng là thích hợp và có hiệu quả nhất để biểu hiện phong cách dân tộc của Bác.

Hồn thơ của Bác nằm trong tứ thơ chi tiết. Điều đó rất quý, nhưng đáng quý hơn nữa là cái thể chung của từng bài thơ, của cả tập thơ, vừa lớn lao vừa gần gũi, bao giờ cũng giản dị như chân lý. Đó là cái thể của "*trời xanh, biển rộng, ruộng đồng, nước non*" (*Tố Hữu*), hiểu theo cái nghĩa vừa vô cùng vừa thân gần của trời đất, biển cả, sông núi. Tình ý trong thơ Bác vừa tầm với mọi người, vừa mang cái tầm riêng của một vị lãnh tụ không thể thay thế được của một cuộc đấu tranh cách mạng trở thành điển hình trên qui mô toàn thế giới. Ta đọc đi đọc lại thơ Bác và ngẫm nghĩ, tâm niệm về cuộc đời của Bác. Đã đành làm thơ đối với Bác chỉ là việc phụ.



Thơ Bác không nói hết cái lớn của cuộc đời Bác, nhất là *Nhật ký trong tù* không tiện nói hết những điều muốn nói. Nhưng cũng đừng quan niệm thơ là một thứ tiểu sử, cốt tự thuật, hay kể một số liệu càng nhiều tình tiết càng hay. Làm thơ là tự biểu hiện. Bất kỳ viết về đề gì, con người anh cũng theo anh mà vào trong thơ, như bóng với hình. Đối với tác giả chuyên nghiệp là như thế, đối người viết không chuyên nghiệp lại càng như thế.

Sự quan trọng của chi tiết trong văn học nghệ thuật là điều không thể coi thường. Nhưng quan trọng hơn vẫn là cái thể chung, là cái tâm của tác phẩm, nó được quyết định bởi thế giới quan của nhà văn, hiểu theo nghĩa đầy đủ nhất của khái niệm. Có thế giới quan lớn, thì dù viết về đề tài gì cũng không bị tụt lại sau thời đại, không bị hiện thực bỏ rơi.

Thế giới quan là chỗ đứng, là tâm nhìn. Chỗ đứng của thơ Bác, là lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của Tổ quốc, nghĩa là từ những đỉnh cao của thời đại, và qua cái cao đẹp của tâm hồn Bác:

*Trèo lên đến đỉnh cao của dãy núi  
Thì nước non muôm dặm đã thu cả vào  
trong tầm mắt*

(Đi đường)

Trong thơ Bác không có cái gì là riêng cho mình. Những gian khổ bất công phải chịu đựng trong nhà tù không phải là tiếng kêu than hay niềm căm giận của một người chỉ lo riêng cho mình. Nỗi khổ của Bác trong tù là nỗi khổ của những nạn nhân của chế độ Tưởng Giới Thạch, nó nằm trong cái khổ chung của quần chúng trong xã hội cũ ở Trung Quốc hay ở Việt Nam. Tuyệt đối không thể tách việc nước và "việc riêng" của Bác, thời *Nhật ký trong tù* cũng thế và sau cách mạng cũng thế. Quả cam đồng bào tặng riêng cho

Bác những ngày đầu cách mạng rất tự nhiên biến thành tình cảm chung:

*Hay là khổ tận đến ngày cam lai.*

và quà riêng Bác tặng cho người, là thành quả cách mạng của Bác, nghĩa là của toàn dân ta.

*Tặng công chỉ nhất cú:*

*Kháng chiến tất thành công,*

Trong *Nhật ký trong tù* trở đi trở lại hai chữ tự do: nơi tự do, cảnh tự do, trời tự do, ngày tự do, người tự do. Tự do làm con người thêm lớn, nhưng tự do cũng lớn lên sừng sững nhờ có con người như Bác.

*Trong lao tù cũ đón tù mới,*

*Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;*

*Mây mưa, mây tạnh bay đi hết,*

*Còn lại trong tù khách tự do.*

(Vào nhà lao huyện Tĩnh Tây)

*Tô liêu nhất thiên thường các bút*

*Tòng lung môn vọng tự do thiên*

*Xong bài, gác bút nghỉ ngơi,*

*Nhòm qua cửa ngục ngóng trời tự do.*

(Đêm không ngủ)

Bác không nói ra, nhưng ta hiểu người tự do, trời tự do đây là của chủ nghĩa cộng sản. Trong thời đại ngày nay, chỉ có người cộng sản mới thực sự là tự do và cũng chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới trả lại cho hai chữ tự do tất cả ý nghĩa của nó. Tự do của con người nắm được hướng đi của lịch sử, và gắn liền một với quần chúng là lực lượng làm nên lịch sử. Ở Bác, còn là cái tự do nội tại, cái ung dung của con người đã đạt tới lẽ chí công, chí thiện.

Con người như thế thì có ngục tù nào mà giam giữ được:

*Thân thể ở trong lao  
Tinh thần ở ngoài lao*

(Nhật ký trong tù)

có xiềng xích nào mà trói buộc nổi.

*Mặc dù bị trói chân tay  
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng  
Vui say, ai cấm ta dừng...*

(Trên đường đi)

có cùm kẹp nào mà câu thúc được:

*Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh,  
Lững lảng chân treo tựa giỏ hình.  
Làng xóm ven sông đông đúc thế.  
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh*

(Giữa đường đáp thuyền đi huyện Ung)

Bác lớn ngay trong thất bại:

*Thương thiên hữu ý tỏ anh hùng  
(Trời xanh cố ý hãm anh hùng)*

(Tiếc ngày giờ)

*Nghịch phong hữu ý trở phi bằng  
(Oái oăm gió cản cánh chim bằng)*

(Tết song thập bị giải đi Thiên Bản)

*Tuy bị tình nghi là gián điệp  
Mà như khanh tướng vẽ ung dung*

(Đi Nam Ninh)

Bác đâu có muốn nói về mình. Nhưng sứ mệnh lớn lao mà đành bị bỏ dở, cái sự nghiệp cao cả đang chờ đón Bác,

khiến Bác không viết khác được. Vì sự thực là như thế. Và sự thực ấy, nếu bọn Tưởng Giới Thạch biết được, càng hay.

Người anh hùng ấy, con đại bàng ấy, người khanh tướng của thời đại mới, tù ngục hắc ám không thể xóa nhòa được, và hiện ra trong những khoảnh khắc khác nhau nhất. Khi để lòng theo trăng:

*Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu*

khi được trăng đoái nhìn:

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*

(Ngắm trăng)

khi dầy dạn gió sương:

*Người đi cất bước trên đường thẳm*

*Rát mặt đêm thu trận gió hàn*

(Giải di sớm)

khi chịu oan ức, bất công.

*Mang nỗi oan đi khắp đất Quảng Tây*

Con người ấy lớn khi được trả lại tự do:

*Bồi hồi dạo bước Tây phong linh*

(Mới ra tù tập leo núi)

và khi đã làm Chủ tịch nước, trong tầng gia sản xuất:

*Việc quân việc nước đã bàn*

*Xách bương, dắt trẻ ra vườn tưới rau*

(Không dè)

hay trong giấc ngủ:

*Gối khuya ngủ giấc bên song trăng dòm*

(Đoái trăng)

Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết trong *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc*: "Chính sách chủ trương, con đường chính trị của Hồ Chủ tịch là sông lớn, nơi hội ngộ của nhiều suối nhỏ sông con phát nguyên bất cứ ở nơi nào. Suối chảy thành sông, nhưng phải gặp sông thì suối mới khỏi khô cạn. Gặp sông suối biến trong sông, cùng theo một hướng, cùng chảy một dòng, cùng nhuộm một màu với trời đất" Thơ Bác chan chứa tình đời, tình người. Người lắng nghe:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa*

trò chuyện với trăng thu như với một người sống thực:

*Gặp tuần trăng sáng dạo chơi trăng*

*Sẵn nhẩn vài câu hỏi chị Hằng*

(Hỏi trăng)

Trong thơ Bác, ngoài những nỗi niềm thương nước cứu nước, còn có tiếng khóc oa oa của em bé vừa mới ra đời, có nước mắt lưng tròng của người vợ đến thăm chồng ở tù, có chuyện rệp, rận, muỗi ghẻ lở. Chế Lan Viên nói trong thơ Bác có chuyện "mắm, tương, cà", và ta có thể thêm: có chuyện cơm, cháo, gạo tiền, củi nước, tắm giặt, vệ sinh... Nhưng không có trường hợp nào vì thế mà *Nhật ký trong tù* rơi vào vụn vặt, tầm thường, vì đằng sau những chuyện ấy là mối quan tâm lớn đến những vui buồn của quần chúng, là trách nhiệm nói lên tiếng nói của lịch sử đối với một chế độ, một tình trạng xã hội cần phải nhanh chóng đẩy lùi vào quá khứ để cho nhân loại tiếp tục tiến lên.

Tư tưởng, chỗ đứng của người viết phải rất lớn, rất cao, nhưng riêng tư tưởng và chỗ đứng chưa đủ tạo nên thơ ca cộng sản; ở chỗ "trong tập thơ này, người ta hiểu rõ thêm người cộng sản là tình" <sup>(1)</sup>. Cái tình ấy là lòng thiết tha đến

---

(1) Phát biểu của Tố Hữu, Lưu Quang Thuận ghi - báo *Văn Học* số 957, 10.96

vận mệnh của dân tộc, của toàn nhân loại, và gần gũi trước mắt là đối với những người chung quanh, gặp gỡ chung đụng hàng ngày, bất kỳ trong hoàn cảnh nào. Tình nhân đạo, tình thương người đó là điều sâu sắc nhất, tốt đẹp nhất trong con người Hồ Chủ tịch.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói:

"Không có gì có ích cho chung quanh, cho hạnh phúc, cho sự tiến bộ chung mà không được sự quan tâm của Bác. Con người mà cả dân tộc ta hiện nay và các thế hệ mai sau đời đời biết ơn, con người nâng niu trân trọng từng cử chỉ tốt đẹp, từng cố gắng đóng góp của mỗi người, mỗi vật".

Bác làm thơ về cột cây số, về tiếng gà gáy, về chiếc gậy, về chiếc răng rụng. Thử hỏi mấy ai đã nghĩ đến công lao của những cái đó, và nghĩ đến mức là đưa được vào thơ ca? Viết hộ đơn cho người ta, việc cũng thường thôi, nhưng cái tình của người viết không phải ai ai cũng có được:

*Người cùng hội cùng thuyền thì giúp nhau  
Nghĩa không từ chối được*

(Viết hộ báo cáo cho các bạn trong tù)

Bài *Quách tiên sinh* ghi lại việc Bác chịu ơn người khác, ơn nhỏ thôi, nhưng ở người chịu ơn vẫn có cái gì trân trọng, một sự tin yêu rất lớn ở con người, ở cuộc sống.

*Tuyệt trung tống thán tuy nhiên thiếu  
Thế giới nhưng tồn giá chủng nhân*

*(Rét đến, cho than, của tuy chẳng là bao  
Nhưng trên đời vẫn có những người như thế này)*

Làm sao quên được cái hàng cháo mà Bác đã ghé lại trên con đường tử đày:

*Một túp lều tranh, "quán rượu" đây.  
Chỉ có cháo hoa và muối trắng  
Đường xa, khách tạm nghỉ nơi này.*

(Hàng cháo)

Bài thơ buồn buồn, vì dưới chế độ cũ đối với người ngoài tù hay người tù đây, đâu đâu cũng là cơ cực, nhưng biết bao đôn hậu và cưu mang trong ấy. Cảm tình của Bác trước hết là dành cho những người lao động. Giữa người tù bị giải và người phu làm đường, không biết ai vất vả và đáng ái ngại hơn, nhưng Bác chẳng nghĩ đến mình:

*Ngựa xe, hành khách thường qua lại,  
Biết cảm ơn anh được mấy người.*

(Phu làm đường)

Bị giải đi giải lại, từ nhà lao này đến nhà lao khác, tay chân bị trói, ta thấy Bác khi thì lo cái lo của những người lao động:

*Nghe nói xuân này trời đại hạn,  
Mười phần, thu hoạch chỉ vài phần.*

(Đồng chính)

Khi thì vui cái vui của họ:

*Khắp chốn nông dân cười hớn hở  
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui.*

(Cảnh ngoài đồng)

Và cái cảnh quen thuộc này ở những gia đình lao động, phải có cái nhìn thông cảm và âu yếm mới ghi lại được tất cả cái đẹp của nó:

*Chim mới về rừng tìm chốn ngủ,  
Chòm mây trôi nhẹ giữa từng không;*

*Cô em xóm núi xay ngô tối  
Xay hết, lò than đã rực hồng*

(Chiều tối)

Thơ Bác lớn mà không cần phải ngự trị trên đỉnh núi hay phiêu diêu trên các tầng mây. Những bài thơ tuyên truyền cổ động Bác làm thời kỳ mặt trận Việt Minh vừa mới thành lập thật là dễ hiểu, thật là hợp với tình cảm và nhận thức của người dân thường. Sau khi làm Chủ tịch nước, những lời chúc mừng, kêu gọi của Bác cũng như thế. Quan hệ giữa Bác với các nạn nhân trong tù là quan hệ bình đẳng, những chuyện đôi rét mất tự do Bác kể lại như là số phận chung. Không chỉ người thổi sáo trong tù mà tất cả các tù nhân đều được Bác gọi là "nạn hữu".

*Mặc gấm, bạn tù đều khách quý  
Gảy đàn trong ngục, thấy tri âm*

(Ghê)

Bài thơ có tính chất trào lộng, nhưng cái nhìn bình đẳng của Bác là chuyện thực. Mấy ai trong tù có được cái ý thức về tự do như Bác, nhưng Bác không muốn có sự phân biệt:

*Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do*

Bác quan tâm đến những thoáng tươi vui trên nét mặt họ:

*Tràn đầy sinh khí trong trời đất  
Tất cả tù nhân mặt nở tươi.*

Thông cảm và ân cần biết bao trong nét vẽ và lời nhắn gửi này.

*Sớm dậy người người đua bắt rận,  
Tám giờ, cơm sáng keng vang rồi;*



*Khuyên anh hãy gắng ăn no bụng  
Khổ lắm ắt là đến lúc vui.*

(Buổi sớm)

Tình đời, tình người trong thơ Bác hồn nhiên, "mênh mông, bát ngát" là như thế. Đó cũng là cái đức lạc quan, cái sức sống vượt qua mọi thử thách, không có gian khổ ngang trái nào dập tắt được. Nhưng bất kỳ ở đâu, thông cảm, chan hòa, chia sẻ những vui buồn của quần chúng, mà Bác vẫn là Bác:

*Mây mưa, mây tạnh bay đi hết,  
Còn lại trong tù khách tự do...  
Tự do tiên khách trên trời  
Biết chăng trong ngục có người khách tiên?*

Mác rất thích câu châm ngôn này: "Tôi là người và không có gì thuộc về người đối với tôi là xa lạ". Nhà thơ Mai-a-cốp-xki viết về Lê-nin, coi đó là người "người nhất trong những con người". Không có gì liên quan đến con người, có ích cho đời sống, cho sự tiến bộ của con người là xa lạ đối với Bác. Và đó chính là sự gắn liền với nhân dân, là quan điểm quần chúng, là lòng yêu mến cuộc sống rất nhuần nhuyễn trong thơ Bác.

Thơ trào phúng của Bác chiếm độ một phần ba số bài trong *Nhật ký trong tù*, có một sự phong phú đa dạng ít có. Điều này có thể cắt nghĩa được. Thơ Bác vốn thấm nhuần ý chí cải tạo thế giới, nên dễ phát hiện ra những mâu thuẫn của đời sống, dễ thấy sự trào lộng của sự vật. Người cộng sản có trái tim nồng nhiệt, nhưng đầu óc thì lại rất tỉnh táo và bao quát, có tầm tư tưởng bay bổng đến những đỉnh cao nhất, nhưng cũng có cặp mắt rất tinh tường thấu suốt. Cuộc sống là vô cùng tận, nghĩa vừa rất tổng hợp, rất trừu tượng, nhưng

cũng là khắp nơi, khắp chỗ, tức là cũng rất cụ thể và chi tiết. Bác quan tâm đến mọi việc, mọi sự. Thơ trào phúng của Bác rất tự nhiên, đôi khi ta không ngờ đó là trào phúng không phải chỉ vì nó mang chất *uy-mua* kín đáo mà còn vì nó không bỏ qua và không coi sự việc gì là nhỏ nhất. Hơn một năm ở tù, Bác làm trên một trăm bài thơ là như thế, và thơ nhật ký cũng là như thế. Không có cái tâm tưởng luôn luôn thức tỉnh của người cộng sản, không có cái tác phong cụ thể và sự quan tâm thường xuyên đến sinh hoạt mọi mặt của quần chúng, thì không làm được như vậy.

Thơ Bác là một sự kết tinh, là một sự hài hòa giữa lãnh tụ và nhân dân, giữa thời đại và dân tộc, giữa chính trị và tình đời tình người, giữa cao siêu và bình dị, giữa đa dạng và thống nhất.

Đó là thơ ca của một nhà chiến lược cách mạng kiêm một nhà thơ lớn, của một người cộng sản chân chính toàn diện.

4-1968

(Trích từ sách *Độc "Nhật ký trong tù"*  
Nxb Tác phẩm mới, 1997)

## NHỮNG BÀI ĐẶC BIỆT HAY TRONG THƠ HỒ CHỦ TỊCH

HOÀNG XUÂN NHỊ

**T**hơ Hồ Chủ tịch, tuy không phải là phần lớn nhất trong sự nghiệp cách mạng mệnh mông, rạng rỡ của Người, nhưng mọi bài đối với chúng ta đều rất quý. Thơ Bác nói lên trực tiếp tâm tư, tình cảm của Người, cho chúng ta dịp may, nói như Mai-a-côp-xki, được "rửa mình trong sạch" dưới mặt trời cách mạng, hoặc nói cách khác, được nhìn vào đời Bác như ngắm chân trời cách mạng hùng vĩ, bao la, và đời Bác thì gần bó rất khăng khít, chung đúc với giai đoạn lịch sử vẻ vang nhất của dân tộc ta, với thời đại tiến công liên tục của cách mạng xã hội chủ nghĩa và cánh mạng giải phóng dân tộc trên phạm toàn thế giới. Bác với Đảng anh hùng của chúng ta là một, Bác vừa là "Con" vĩ đại, vừa là "Cha già" vô vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam anh hùng ngày nay ("Cha già", theo cách nghĩ và cách gọi đặc biệt giàu tình cảm của đồng bào Nam bộ), đồng thời là một trong những lãnh tụ kính mến, có uy tín nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Thơ Bác rất quý vì lẽ đó.

Điều cần khẳng định, là trong thơ Bác có những bài *rất*

hay, vĩnh viễn đứng ở đỉnh cao của thơ ca dân tộc và thơ ca nhân loại.

Ví dụ bài thơ ngay ở trang đầu tập *Nhật ký trong tù* <sup>(1)</sup>:

*Thân thể ở trong lao,  
Tinh thần ở ngoài lao ;  
Muốn nên sự nghiệp lớn,  
Tinh thần càng phải cao.*

Nếu kết hợp bài này với bài *Vào nhà lao huyện Tĩnh Tây*, bài *Tự khuyên mình* và bài *Nghe tiếng giã gạo*,... chúng ta có thể tìm thấy về cơ bản nội dung tư tưởng, cương lĩnh phấn đấu và chiến đấu của toàn bộ tập thơ. Về cương lĩnh này, nên có một đoạn riêng đi sâu vào, và nhân đây tìm hiểu phạm trù cái anh hùng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong văn học, nghệ thuật tiên tiến hiện đại. Đây, cốt nhân mạnh mẽ hình tượng thơ, nhân vật trữ tình, mặt hay, rất hay. Bài thứ nhất và bài thứ ba dựng lên hình tượng người cộng sản sắt thép, con người mới của thời đại mới, kiên quyết giữ vững và mài sắc ưu thế chính trị, tư tưởng, đạo đức tuyệt đối của mình, trong cảnh lao tù mà vẫn hiên ngang chọi lại ách chuyên chế của bọn phản động bạo tàn. Đó là cái hay nổi bật, to lớn nhất. Ở Bác, đẹp bao giờ cũng đi đôi với đúng, vững và mạnh. Đi vào chi tiết: gói ghém trong bốn dòng thơ, dưới một hình thức cổ điển súc tích, nghiêm ngặt, Bác dùng hai

---

(1) Hồ Chí Minh: *Nhật ký trong tù*, Nxb Văn hóa, Viện Văn học, Hà Nội 1960, khổ 16x24. Bản dịch này là một công trình tập thể, về cơ bản là nghiêm chỉnh và rất bổ ích. Trong cuốn sách nghiên cứu này của chúng tôi, có chỗ nêu lên một số điểm cá biệt về dịch thuật chưa thỏa đáng. Điều ấy tuyệt nhiên không có nghĩa là đánh giá thấp toàn bộ công trình. Chúng tôi chỉ gợi ý, mong cho công trình hoàn thiện hơn, khi tái bản.

biện pháp miêu tả - đối lập và hoà hợp. Đối lập "thân thể ở trong lao" với "tinh thần ở ngoài lao"; hoà hợp "sự nghiệp lớn" với "tinh thần càng phải cao", nguyên văn chữ Hán: "*cánh yếu đại*" ("càng phải lớn"), lặp lại hai lần chữ *đại*, làm nổi hẳn quan hệ hoà hợp và đặc biệt nhấn mạnh nhân tố nỗ lực chủ quan. Cũng có thể phân tích như thế bài *Tự khuyên mình*:

*Vi không có cảnh đông tàn  
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân.  
Nghĩ mình trong bước gian truân,  
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.*

Bài thơ đối lập "cảnh đông tàn" (nguyên văn chính xác và phong phú hơn: "*đông hàn tiêu tụy cảnh*", chỉ cảnh tù) với "cảnh huy hoàng ngày xuân" (chỉ cảnh sống tự do trong lòng giai cấp, trong lòng nhân dân, đẩy mạnh cách mạng tiến công); hoà hợp "gian truân" (nguyên văn: "*tai ương*"<sup>(1)</sup>) với "tinh thần thêm hăng", thêm mạnh, coi tai ương là một khâu "rèn luyện" cho đời mình, một thử thách mà mình nhất định sẽ vượt qua, sẽ chiến thắng. Bài *Nghe tiếng già gạo* đối lập hai khâu trong một quá trình:

*Gạo đem vào già, bao đau đớn,  
Gạo già xong rồi, trắng tựa bông.*

---

(1) "*Tai ương*" Bắc dùng hay hơn "gian truân" trong bài dịch (bài này có chữ "tai ương" ở đầu dòng thứ tư, nhưng vì phải gieo vần nên đã thêm chữ "gian truân" ở cuối dòng thứ ba). Gian truân có thể là khách quan, nhưng cũng có thể do chủ quan dẫn tới. Còn tai ương thì bao giờ cũng là khách quan, do thiên nhiên khắc nghiệt hoặc do xã hội áp bức bóc lột, bất công gây nên. Chữ "tai ương" có sức tố cáo mạnh hơn. Ách thống trị của bọn Tưởng là một tai ương độc địa hơn mọi tai ương thiên nhiên: "*Núi cao gặp hò mà vô sự. - đường phẳng gặp người, bị tống lao*".

Từ đó mà rút ra quy luật về chí khi đấu tranh:

*Sống ở trên đời người cũng vậy ;  
Gian nan rèn luyện mới thành công.*

Nguyên văn dòng cuối: "*Khốn nạn, thị nhi ngọc thành thiên*", dịch đúng: "*gian nan - ngày thành ngọc của mình*". Mấy chữ "*ngọc thành thiên*" ở đây rất hay ; ý nghĩa chẳng những là "*thành công*" mà còn rộng hơn, lớn hơn, - có thể hiểu là thành tựu rạng rỡ (của một đoạn đời, của một cuộc đời, hoặc một dân tộc v.v.). Bác hoà hợp "gian nan" với "ngày thành ngọc", coi gian nan là điều kiện để đi đến thành tựu tốt đẹp, cũng như trong bài trên coi "tai ương" là điều kiện để luyện tinh thần. Đó là một nhận thức sâu, biện chứng về thống nhất mâu thuẫn. Đó cũng là dấu hiệu của một tâm hồn dày dặn và triệt để cách mạng.

Đồng chí Trường Chinh đặc biệt thích hai bài thơ trên. Đồng chí còn dẫn thêm bốn dòng thơ trong bài *Bốn tháng rồi* của Bác:

*Kiên trì và nhẫn nại,  
Không chịu lùi một phân,  
Vật chất tuy đau khổ,  
Không nao núng tinh thần.*

Đồng chí viết: "Trong thơ Hồ Chủ tịch, mỗi câu, mỗi chữ đều mang chất " thép", đều toát ra tư tưởng và tình cảm của một chiến sĩ vĩ đại. Muôn ngàn khổ cực, gian lao không lay chuyển được mà chỉ rèn luyện thêm tinh thần và ý chí sắt đá của Người " <sup>(1)</sup>. Đồng chí chú ý nội dung "tinh thần,

---

(1) Trường Chinh: *Hồ Chủ tịch, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1965, tr.60.

phẩm chất và đạo đức", "khí tiết" <sup>(1)</sup>, tinh chiến đấu cách mạng trong thơ Bác.

Bài *Vào nhà lao huyện Tĩnh Tây* của Bác kết thúc bằng hai dòng thơ:

*Mây mưa mây tạnh bay đi hết,  
Còn lại trong tù khách tự do.*

Có người bình luận đã viết: thơ Bác không phải là khẩu khí. Đúng. Nhưng quan trọng là phải lý giải, chứng minh điều đó. Nhìn qua có vẻ kỳ lạ: Bác bị tù mà tự khẳng định là "khách tự do". Nghĩ kỹ lại, ta thấy đó là ý lớn nhất, sâu sắc nhất và cũng là hình tượng đẹp nhất của bài thơ và của cả tập thơ. Nhắc lại định nghĩa của Ăngghen trong tác phẩm *Chống Duy-rinh* gần biện chứng tự do với tất yếu, quan niệm tự do là ở chỗ con người ta nhận thức được, thấu hiểu cái lẽ của tất yếu và do đây mà ngày càng làm chủ thế giới, - đồng chí Trường Chinh viết: "... Người có tự do là người hiểu rõ quy luật tất yếu, khách quan của tự nhiên, của xã hội và hoạt động trong phạm vi hiểu biết những quy luật đó, làm cho loài người và dân tộc mình tiến bộ" <sup>(2)</sup>. Người

---

(1) Như trên, tr.59, chú ý: thời bị giam ở nhà lao Hoả Lò - Hà Nội, Sông Hồng đã sáng tác bài thơ *Tin tưởng* (1931), cũng về chủ đề luyện "chí lớn", về chủ nghĩa lạc quan cách mạng của người chiến sĩ cộng sản trong cảnh lao tù:

*Quán chi nếm mật với nằm gai,  
Trời biến mệnh mông vẫn đợi người.  
Chí lớn nấu nung trong ngục tối,  
Sẽ đem thi thố một ngày mai.*

*Gian khổ trau giồi bao trái tim,  
Trau giồi bao khối óc thanh niên!  
Gang kia đã luyện nên thành thép,  
Thép có tôi rồi mới rắn thêm...*

(2) Trường Chinh: *Chủ nghĩa Mác và Văn hoá Việt Nam*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1974, tr.23.

cộng sản, trong bất cứ hoàn cảnh nào, ngay cả trong cảnh lao tù nguy nan nhất, là người tự do hơn mọi người khác, vì thâm nhuần thế giới quan, lịch sử quan Mác - Lênin và nắm chắc quy luật *chuyển biến cách mạng từ thế giới của tất yếu qua thế giới của tự do chân chính*... Đó tuyệt nhiên không phải là khẩu khí. Trái lại, đó là chân lý sáng ngời của thời đại. Khẩu khí là *lời nói có vẻ cứng*, thường gán cho mình một phẩm chất *không phải là hoặc còn xa mới là thực chất của mình*, - ít nhất cũng khoa đại, lên gân một phần nào. Bài thơ này và rộng ra, toàn bộ tập thơ của Bác không có bóng dáng khẩu khí nào cả. Thơ Bác rất trung thực, đồng thời điển hình hoá tập trung và cao. Bác nêu rõ phẩm chất *người cộng sản* sâu nhất và thật nhất trong con người Bác. Đọc dòng thơ: "*Mây mưa mây tanh bay đi hết*", nếu chỉ căn cứ vào bản dịch thì không thể nhận ra được quan hệ với dòng thơ cuối. Theo tôi, nên dịch là: "Mưa, tanh, phù vân bay đi hết" <sup>(1)</sup> - dứt khoát phải giữ cho được và làm nổi bật "phù vân" trong nguyên văn ("*ting, vũ, phù vân phi khứ liễu*"). Những nhà nho tiến bộ thời xưa thường dùng chữ "phù vân" để chỉ phú quý, cảnh sống của bọn giàu, bọn làm quan to hống hách và để ca ngợi lý tưởng điền viên, thanh bần của họ. Họ coi khinh phú quý nhưng về nhận thức vẫn cho rằng xã hội bao giờ cũng có người giàu kẻ nghèo, người sang kẻ hèn, và không sao tổ chức xã hội theo những nguyên tắc nào khác được, tức là họ không thoát khỏi chủ nghĩa tước mệnh

---

(1) Hoặc mạnh hơn: "*Mưa, tanh, phù vân đều tan hết*". giữa hai chữ "mưa, tanh" có dấu phẩy, mỗi chữ về mặt ngữ pháp là định ngữ hoặc tính từ đảo ngược của "phù vân". Dịch như vậy đúng theo nguyên văn chữ Hán, nhưng nếu có phần tối nghĩa, thì để nghị dịch theo ý: "Phù vân mọi thứ đều tan hết". Như vậy không biết đã ổn chưa, nhưng giữ được "phù vân", thì khoá tư tưởng của bài thơ. Trên đây chỉ là gợi ý, tin rằng bạn đọc có cách dịch hay hơn.



khi nhìn xã hội. Cũng chữ "phù vân" ấy, nhưng Bác dùng với ý nghĩa sâu rộng nhất và xuất phát từ ý thức cách mạng nhằm triệt để biến đổi, cải tạo thế giới: nó chỉ tinh chất *bị lịch sử lên án* của mọi chế độ người bóc lột, áp bức người trong thời hiện đại, trước mắt là chế độ tư bản quan liêu, nửa phong kiến và nửa thực dân của bè lũ Tưởng Giới Thạch, và rộng ra là mọi chủ nghĩa tư bản, mọi chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Chúng ta có thể liên tưởng thú vị: Lênin đã từng ví chủ nghĩa đế quốc với *mây*, - nó mang chiến tranh phi nghĩa như mây u ám mang giông bão. Quan hệ giữa hai dòng thơ của Bác rõ ràng là quan hệ đối lập quyết liệt. Bài thơ ngắn gọn - thể tứ tuyệt, - mà chứa đựng hai hình tượng, hai ý lớn: người cộng sản, bản chất là *tự do* và cảnh *phù vân* của mọi chế độ phản động; sự đối lập thâm thía này làm cho hình tượng người cộng sản đó càng thêm uy nghi, mãnh liệt, rạng rỡ và tất thắng. Cần chú ý thêm dòng cuối của bài thơ: "*Còn lại trong tù khách tự do*". Như trên đã nêu "*khách tự do*" lớn sâu sắc và hay. Hai chữ "trong tù" cũng hay: không thể thay bằng ý và chữ nào khác mà không làm loãng, làm lạc ý bài thơ. Cả bài thơ biểu hiện mâu thuẫn lớn, *tất yếu*, bao trùm thời đại: một bên là những chế độ, thể chế bạo tàn và một bên là những người cộng sản, những người cách mạng hiện đại và quảng đại nhân dân dưới ngọn cờ cách mạng; khẳng định niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội và của sự nghiệp giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Dòng thơ cuối biểu hiện một mâu thuẫn cụ thể, nhất thời, có phần *ngẫu nhiên*, không mang tính lịch sử bao trùm, nhưng qua cái cụ thể bằng xương bằng thịt, với sức tố cáo bức thiết của nó, lại càng soi sáng mâu thuẫn trên, làm cho niềm tin trên càng thêm rạng rỡ.

Qua dòng thơ cuối, với mâu thuẫn cụ thể "*trong tù*" - "*khách tự do*", một mặt Bác nhấn mạnh bản chất tự do, phẩm chất cao đẹp, kiên cường của người cộng sản trong mọi thử thách gian nguy; mặt khác, Bác nêu rõ hoàn cảnh cụ thể *lúc ấy*: người cộng sản, tức bản thân Bác. Chế độ này về thực chất là "*phù vân*" nhưng ngay trước mắt nó còn mạnh, còn gây nhiều tội ác. Chữ "*trong tù*" hay vì *tính hiện thực* và sức *tố cáo* của nó. Do đây mà bài thơ vừa mạnh về tư tưởng, về lý tưởng, vừa sâu về tính hiện thực của nó. Vô là cổ điển, nội dung là tính đảng tuyệt vời! Hiểu như trên vừa phân tích, chúng ta có cơ sở để cho rằng *Vào nhà lao huyện Tĩnh Tây* là một bài thơ rất hay. So với cổ kim Đông Tây, nó độc đáo, càng đáng quý.

Trong thơ Bác, người cộng sản đối với bọn thù giai cấp là sắt, là thép, nhưng đối với lớp người nghèo khổ thuộc đội ngũ nhân dân, bị xã hội áp bức bóc lột, vô nhân đạo chà đạp, thì lại rất gần gũi, thân thương.

Tóm lại, bốn bài thơ đều rất hay: nội dung *tư tưởng* cao, biện pháp miêu tả (hoặc diễn tả) sắc, cách dùng chữ có cân nhắc, chọn lọc kỹ, - điều luyện.

Ví dụ khác - bài *Không ngủ được*:

*Một canh... hai canh... lại ba canh,  
Trần trọc, bần khoản giấc chẳng thành.  
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,  
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

Nguyên văn rất hay, bài dịch cũng đạt. Bạn đọc cảm thấy dễ dàng cái hay thậm thía trong đó, chúng tôi không cần phải dừng lại phân tích nhiều. Bác tả thời gian trôi chảy

thông qua nội tâm. Bác "trần trọc" không ngủ được, mãi đến tàn đêm, chợp mắt liền thấy nước nhà và cách mạng hiện ra trong mộng. Cách nói rất chân thực, giản dị, đồng thời còn mang một ý nghĩa mở rộng *không cùng*, gợi cho chúng ta thấy rằng lúc Người thức hoặc không ngủ, Người nghĩ rất nhiều tới đất nước, tới nhân dân, dân tộc và cách mạng. Niềm thương nỗi nhớ dai dẳng ngày đêm kết tinh lại thành mộng... Thơ ca thế giới có những bài rất nổi tiếng về chủ đề thương nhớ, hướng vào người yêu, quê cũ làng xưa - "*cô chu nhất hệ cố viên tâm*" <sup>(1)</sup> chẳng hạn, - hướng về quá khứ hoặc về tương lai. Sao chúng ta lại không tự hào coi bài thơ này của Bác là bất hủ, vì nó chẳng những là một tác phẩm của Người, nhà hoạt động lịch sử lỗi lạc, lãnh tụ muôn vàn kính yêu của Đảng và của dân tộc, mà còn là một kiệt tác về mặt nghệ thuật? So với những bài thơ cổ kim Đông Tây hay nhất thuộc loại này, thì chất thơ trong tác phẩm của Bác cao hơn nhiều - *nhớ Tổ quốc và cách mạng*. Tổ quốc gắn với cách mạng, "sao vàng năm cánh" vừa là cách mạng vừa là Tổ quốc, là dân tộc, vì cách mạng là lẽ sống, là quy luật phát triển đâm hoa nở trái của Tổ quốc, của dân tộc. Người cộng sản mẫu mực bao giờ cũng nghĩ như vậy và không thể nghĩ khác được về Tổ quốc và dân tộc mình. Cơ bản tính dân tộc trong thơ Bác là ở đó. Tính dân tộc thấm sâu tính đảng cộng sản, - tính dân tộc cao nhất.

---

(1) Trích trong một bài *Thu hứng* của Đỗ Phủ, - Nguyễn Công Trứ dịch là: "*Con thuyền buộc chặt mối tình nhà*"... Cũng có thể liên tưởng đến những bài thơ nổi tiếng khác, như bài *Xon-nê* của Ác-ve, *Mong chờ* của Mác-xơ-li-nơ Đê-boóc-đơ Van-mo-rơ, một số bài của Huy-gô, của Pu-skin, của Léc-môn-tốp...

Hương về Tổ quốc, lời Bác thăm thiết, rung động sâu sắc lòng người:

*Ngoại cảm trời Hoa cơn nóng lạnh,  
Nội thương đất Việt cảnh lâm than.*

(Ôm nặng)

Bác vận dụng hai dòng chữ Hán của một nhà nho yêu nước thế hệ trước, nạn nhân của triều Nguyễn phản động, trong một bài vịnh Trương Lương:

*Ngoại cảm Hán thiên tân vũ lộ,  
Nội thương Hàn địa cựu sơn hà.*

Bác sửa lại một số chữ: "*Hán thiên*" ("trời Hán") đổi là "*Hoa thiên*" ("trời hoa"), "*Hàn địa*" ("đất Hàn") đổi là "*Việt địa*" ("đất Việt") cho hợp với cảnh mình; "*tân vũ lộ*" ("mưa móc mới", chỉ ơn vua - tư tưởng phong kiến) bỏ hẳn, đổi là "*tân lãnh nhiệt*" ("nóng lạnh mới") để tả bệnh hoạn trong tù, đồng thời cũng nói lên chủ nghĩa quốc tế vô sản cao đẹp của Bác: đau xót cho nhân dân Trung Quốc dưới ách bọn phản động Quốc dân đảng. Thêm bớt, uốn nắn kể ra không nhiều, mà hình thức và nhất là nội dung đã thành hoàn toàn của Bác. Tổ quốc Việt Nam hiện ra cổ kính ("*cựu sơn hà*")<sup>(1)</sup>, có truyền thống yêu nước mấy nghìn năm và có sự kế thừa, phát triển sự nghiệp chính nghĩa từ đời này qua đời khác.

Ở trong tù, có dịp liếc đọc một tờ báo Quốc dân đảng, biết tin tức nước nhà có phong trào cách mạng, thơ Bác hùng tráng, cao vút:

---

(1) "*Cựu sơn hà*" mà dịch là "cảnh lâm than" thì rõ ràng là không bám sát nguyên văn.

*Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,  
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền.*

(Ở Việt Nam có biến động) <sup>(1)</sup>

Chúng ta không khỏi nghĩ đến những dòng thơ của Người lâu về sau (bài Không đề, 3-1968):

...  
*Lục khắp giấy tờ vẫn chưa thấy,  
Bỗng nghe vẫn "thắng" vút lên cao.*

Hoàn cảnh hoàn toàn khác nhau, nhưng tinh thần, khí phách, bản lĩnh cách mạng, tính chiến đấu của Người là nhất quán, thuần một chất thép.

Rõ ràng Bác là người của bão táp cách mạng, chim bão oai hùng của cách mạng. Bọn đế quốc đặc biệt sợ Bác về mặt này, coi Bác là một hiện tượng "huyền ảo" không sao lý giải nổi, ám ảnh và đe dọa chúng; báo chí của chúng gọi Bác là "người của ma-ki" <sup>(2)</sup>, nói theo cách của ta, tức là "người của bùng biển", của "hận núi biếc" ("thanh sơn oán"), hoặc của "rừng người nổi dậy". Ở Bác, nhiệt tình yêu nước, yêu dân và tin dân chung đúc hữu cơ với nhiệt tình cách mạng. Và đây nữa, cũng là một bài thơ rất hay của Bác.

Có người thấy thơ Bác trong tập *Nhật ký trong tù* có khi buồn, và chưa suy nghĩ kỹ đã vội tỏ ý không hài lòng lắm, Bác ở tù, ngày bị trói giải đi, đêm bị cùm, ngoài ra còn bị ngược đãi "muôn cay nghìn đắng", nhất là bị bọn thù giai cấp cách ly với phong trào cách mạng giữa lúc thuyền cách

---

(1) Chú ý: Bác viết trong ngoặc kép, cốt nêu rõ: đối với địch là "biến động" (nguyên văn: "tao động"), còn đối với ta thì là khởi nghĩa đấu tranh cách mạng. Cần học ở Bác cách phân biệt địch ta, ngay cả trong việc dùng chữ.

(2) "Homme du maquis" (tiếng Pháp)

mạng Việt Nam đang gặp sóng to gió lớn và rất cần tay lái đày dạn kinh nghiệm của Bác, - vậy không buồn sao được? Bác nhắc lại lời cổ nhân: "*Nhất nhật tù thiên thu tại ngoại*"<sup>(1)</sup>, mà Bác cho là không sai... Bác viết:

*Thuốc đắng cặn liều càng thấy đắng,  
Đường gay cuối chặng lại thêm gay* <sup>(2)</sup>

Bác còn viết:

*Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ  
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay.  
Ở tù năm trọn thân vô tội,  
Hoà lệ thành thơ tả nỗi này* <sup>(3)</sup>.

Phải chăng vì đọc thấy chữ "lệ" mà cho là buồn? Nhận định như vậy thì đơn giản quá.

Cần ôn kỹ lại tập *Nhật ký trong tù* và thấu hiểu nguyên nhân cái buồn trong đó. Bác buồn vì "đất bằng gây sóng gió", trong xã hội người với người hơn thù dữ, rơi vào cảnh tù, cảnh "chim bằng" đang bay bị cản hoặc cảnh anh hùng bị hãm <sup>(4)</sup>, nhiều ngày nhiều tháng trôi qua "nhàn quá đôi", không còn có điều kiện để hoạt động như "chí cao" của mình mong muốn giữa lúc:

*Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,  
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh* <sup>(5)</sup>

---

(1) "*Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài*" (trong bài *Bốn tháng rồi*), ý nói: một ngày tù dài bằng nghìn năm ở ngoài; ở tù, thời gian đọng lại, trôi rất chậm, đáng chán.

(2) Bài *Giam lâu ngày chưa được xét*.

(3) Bài *Đêm thu*.

(4) "*Trời xanh cố ý hãm anh hùng*" (Bài *Tiếc ngày giờ*).

(5) Bài *Buồn*.

Và cũng vì:

*Xót mình giam hãm trong tù ngục,  
Chưa được xông ra giữa trận tiền* <sup>(1)</sup>.

Đây là cái buồn của người cộng sản, không phải vì những lý lẽ riêng tư, mà chính vì không được gánh vác trọn vẹn trách nhiệm của mình với Đảng, giai cấp và nhân dân. Nước mắt hoàn toàn vì cách mạng bao giờ cũng đẹp. Buồn vì cách mạng là buồn chân chính và có tầm cao. Bác khẳng định điều ấy theo cách riêng của Bác: trung thực, bình dị, không cường điệu chút nào. Vả lại buồn ở Bác chỉ là khoảnh khắc. Rõ ràng Bác thắng cái buồn:

*Trong tù mắc bệnh càng đau khổ,  
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn* <sup>(2)</sup>.

Bác tự xác định: bị tù cũng là vì nước, vì dân, vì sự nghiệp cách mạng, do đây mùa thu Bác ngồi tù không kém gì mùa thu năm trước, khi Bác còn tự do tung hoành, sống như cá nước trong lòng dân:

*Đã rằng giúp ích cho dân tộc  
Thu trước thu này há kém nhau* <sup>(3)</sup>,

Bác còn lý giải về mặt triết học cái buồn chí công vô tư ấy. Bài *Đoán chữ* có câu: "Người biết lo âu, ưu điểm lớn" (nguyên văn "Nhân hữu ưu sầu, ưu điểm đại"). Tức là Bác nêu rõ: "ưu sầu" (dĩ nhiên là không phải vì riêng mình mà vì nghĩa cả) là một "ưu điểm lớn". Quan điểm triết học này vừa là Mác- Lênin, vừa mang sắc thái phương Đông, tính dân tộc Việt Nam...

---

(1) Bài Ở Việt Nam có biên động.

(2) Bài Ôm nặng

(3) Bài Thu cảm.

Tố Hữu khái quát rất hay nỗi buồn cao thượng của Bác:

*Ôi phải chi lòng được thanh thoi  
Năm canh bớt nặng nỗi thương đời  
Bác ơi tim Bác mệnh mông thế  
Ôm cả non sông mọi kiếp người.  
Bác chẳng buồn đâu, Bác chỉ đau  
Nỗi đau dân nước, nỗi năm châu  
Chỉ lo muôn mối như lòng mẹ  
Cho hôm nay và cho mai sau...*

(Bác ơi! Viết ngày 6-9-1969  
đăng trên báo Nhân Dân, 11-9-1969)

Cười, vui trong tập thơ át hẳn cái buồn. Từ cái răng bị rụng, chiếc gậy bị đánh cắp <sup>(1)</sup>, đến chuyện du hành tình cờ và "sang chán" bằng xe lửa, "dù chỉ ngồi trên một đồng than" <sup>(2)</sup>, hoặc những cảnh như: "đôi ngựa" ngày đi chẳng nghỉ chân, đêm "gà năm vị" lại thường ăn <sup>(3)</sup>, ... ghê "đầy mình đỏ tím như hoa gấm, sột soạt luôn tay tựa gảy đàn" <sup>(4)</sup>, ... "rệp bò lổm ngổm như xe cóc, muỗi lượn nghênh ngang tựa máy bay" <sup>(5)</sup>, ... dây trói ví với "rồng uốn vòng quanh chân với tay", còn mình thì "trông như quan võ quán tua vai" <sup>(6)</sup>, ... "hôm nay xiềng xích thay dây trói, mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung" <sup>(7)</sup>, ... và cảnh nhà lao lúc hoàng hôn, lời ca điệu nhạc bên ngoài ập vào, "bỗng thành nhạc quán viện hàn lâm" <sup>(8)</sup>, -

---

(1): *Vịnh cái gậy*, Hồ Chủ tịch cũng "bày tỏ khí tiết của mình" (Trương Chính, Sđd):  
*Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,  
Diu dắt nhau đi mây tuyết sương...*

(2): Bài *Lên xe lửa đi Lai Tấn*.

(3): Bài *Đêm ngủ ở Long Tuyền*.

(4): Bài *Ghê*.

(5): Bài *Đêm thu*.

(6): Bài *Dây trói*.

(7): Bài *Đi Nam Ninh*.

(8): Bài *Xế chiều*.



Bác trào lộng rất tế nhị. Đặc biệt tiêu biểu cho thơ trào lộng của Bác là bài *Nói cho vui*:

*Ăn cơm Nhà nước, ở nhà công,  
Binh lính thay phiên để hộ tòng.  
Non nước dạo chơi tùy sở thích,  
Làm trai như thế cũng hào hùng.*

Mặt khác từ chế độ lao tù vừa nghiệt ngã vừa quái gở, bộ máy chính quyền quan liêu **khủng khiếp**, đến chính sách đối nội (bắt lính, hối lộ, giam hãm cả em bé chưa hết tuổi khóc oa oa...), chính sách đối ngoại (bờ đit bọn đế quốc Anh, Mỹ) của Tưởng và bè lũ, - Bác tố cáo quyết liệt, châm biếm sắc **như gươm**. Cái cười Việt Nam trong các loại dân ca, truyện dân gian: hóm hỉnh, thông minh, sung sức ; trong văn học cổ điển: cái cười tế nhị có chiều sâu của Tú Xương, Nguyễn Khuyến,... cái cười phong phú của Nguyễn Du, châm biếm bọn "trọng thần" khiếp nhược gian ác và sĩ diện đạo đức giả kiểu Hồ Tôn Hiến và bọn hôi tanh vì đồng tiền mà mất hết lương tâm như Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh và trào lộng những gã ăn chơi, yếu đuối tuy có phần lương thiện như Thúc Sinh, và đặc biệt là cái cười chính trị, nhân nghĩa đầy tính chiến đấu đứng trên đầu bọn giặc cướp nước và bán nước của Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu - cái cười truyền thống ấy được Bác kế thừa và phát triển thành một lợi khí vừa chính trị, vừa nghệ thuật, một loại vũ khí tối tân thành cái cười cộng sản rất khỏe, lạc quan vô hạn, phân rõ bạn thù, hoàn toàn duy vật, vô thần, đập lên cường quyền và đập bằng mọi gian nguy. Cái cười của Bác không ồn ào, nó lắng đọng, sâu kín, kết tinh của vốn

kinh nghiệm đời luôn luôn đứng ở đầu sóng ngọn gió và đứng ở đỉnh cao tư tưởng của thời đại, kết tinh của cả một vốn liếng lâm Đông Tây, cổ kim, đậm đà, nhuần nhị tính dân tộc, thậm chí đây đó còn phảng phất sắc thái tâm hồn con người vùng Nghệ Tĩnh, quê hương của Người. Có khi Bác chỉ dùng một vài chữ, chẳng hạn như "phù vân", như "gặp người, bị tổng lao" đã nêu trên. Hoặc trong câu thơ:

*Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,  
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình* <sup>(1)</sup>.

- Cả bộ máy chính quyền Quốc dân đảng từ trên xuống dưới chuyên đánh bạc, ăn hối lộ, coi mạng dân như cỏ rác, - mấy chữ "chong đèn", "công việc" (nguyên văn "công sự": "việc công", lẽ ra trong bản dịch nên cố gắng giữ đúng) và đặc biệt chữ "thái bình" <sup>(2)</sup> là những đòn rất thâm, rất đau, có sức công phá không lường hết được... Thiết tưởng bạn đọc không đòi hỏi trích dẫn nhiều. Cần thiết hơn là có phương hướng nhận định đúng, nhờ đó mà khám phá ra nhiều mặt rất thú vị và bổ ích trong cái cười cộng sản của Bác, cái cười văn học cao nhất từ xưa đến nay.

Đối với những người nghèo khổ, đồng giai cấp, những "bạn tù" hoặc như Bác viết, những "nạn hữu" (những bạn cùng chung tai nạn), tình nhân ái của Bác rất thâm thiết, xem những bài *Vợ người bạn tù đến thăm chồng, Chăn bằng giấy của người bạn tù, Gia quyến người bị bắt lính, Một người tù cờ bạc vừa chết...* Hay nhất có lẽ là bài *Người bạn tù thối sáo* :

---

(1) Bài Ở Lai Tân.

(2) Có thể liên tưởng thú vị đến dòng thơ *Kiều* của Nguyễn Du:  
*Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.*

*Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu  
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu*

và bài *Cháu bé trong nhà lao Tân Dương*.

*Oa...! Oa...! Ooa...!  
Cha trốn không đi lính nước nhà  
Nên nổi thân em vừa nửa tuổi  
Phải theo mẹ đến ở nhà pha.*

Đọc, chúng ta rất thương, và thấy nhức nhối tim gan. Thơ Bác thấm vào lòng người, giáo dục sâu về tình cảm giai cấp. Tình yêu thương của Bác mở rộng ra đến những con vật tầm thường (xem bài *Nghe gà gáy*<sup>(1)</sup>) và đến cả những vật vô tri (xem các bài *Rụng mất một cái răng*, *Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy*, *Cột cây số*<sup>(2)</sup>...).

Cái cười nói trên và lòng nhân ái, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản này đều quyện với mặt tư tưởng chủ đạo của tập thơ, hỗ trợ và bồi dưỡng cho mạch chủ đạo là chí khí cách mạng kiên cường:

*Kiên trì và nhẫn nại,  
Không chịu lùi một phân,  
Vật chất tuy đau khổ  
Không nao núng tinh thần*<sup>(3)</sup>;

là sự đấu tranh tinh tảo với bản thân nhằm luyện mãi chất thép của tâm hồn và chiến thắng mọi chương ngại mà bọn thù giai cấp chồng chất trên con đường mình. Buồn chỉ là

---

(1), (2): "*Gà gáy*", "*Cột cây số*" trong tập *Nhật ký trong tù* là những ẩn dụ. Phân  
nghiên cứu sau sẽ nêu rõ.

(3) Bài *Bốn tháng rồi*

khoảnh khắc như trên đã nói, và gợi cho chúng ta thấy rõ thơ Bác rất chân thực và càng thấm thía sức mạnh không gì lay chuyển nổi của tinh thần Bác.

Cần ghi lại đây những dòng thơ của Tố Hữu về Bác lúc bị bọn Tưởng cầm tù:

*Lại thương nỗi, đoạ đầy thân Bác  
Mười bốn trăng tê tái gông cùm  
Ôi chân yếu, mắt mờ, tóc bạc  
Mà thơ bay... cánh hạc ung dung!* <sup>(1)</sup>

Cũng cần nêu một ý thơ cô đọng của Hoàng Trung Thông, lúc đọc tập *Nhật ký trong tù*:

*Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp  
Ánh đèn toả rạng mái đầu xanh  
Vân thơ của Bác, vân thơ thép  
Mà vẫn mệnh mông bát ngát tình.*

Cái đẹp nổi bật trong *Nhật ký trong tù* là cái đẹp của tinh thần chiến đấu kiên cường và mưu trí, của đạo đức cộng sản, của một tâm hồn vĩ đại, khoáng đạt, vô cùng phong phú. Bác ở tù, nhưng tinh thần Bác tuyệt nhiên không bị giam hãm, mà trái lại vượt xa ra ngoài các bức tường của nhà lao để về quần quít với Đảng, với dân, với nước, để bay lên rất cao bằng đôi cánh mãnh liệt của chủ nghĩa yêu nước thống nhất, hoà hợp mật thiết với chủ nghĩa quốc tế vô sản; quả thật thơ Bác vẫn "bay", vừa là "thơ thép", vừa "mệnh mông bát ngát tình".

---

(1) Tố Hữu: Tập thơ Bác Hồ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội 1970, bài *Theo chân Bác*, tr.44.

Lại ví dụ bài *Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi"*:

*Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp,  
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông.  
Nay ở trong thơ nên có thép:  
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

Xin chú ý dòng thứ ba, nguyên văn chữ Hán: "hiện đại thi trung ưng hữu thiết", dịch đúng: "trong thơ hiện đại nên có thép", - rõ ràng là Bác nghĩ về thơ cách mạng hiện đại. Qua bài thơ này, chúng ta tìm thấy, dưới một dạng độc đáo, sáng tạo tuyệt diệu, luận điểm của mỹ học Mác - Lênin về kế thừa có phê phán và phát triển di sản nghệ thuật quá khứ. Dạy mỹ học Mác - Lênin, gặp và phát hiện bài thơ gọn và hoàn mỹ như thế, - sướng không nói hết được. Mặt phát triển của Bác là thơ hiện đại "nên có thép", nhà thơ phải là chiến sĩ cách mạng, "phải biết xung phong". Nếu có thể thu tóm cương lĩnh của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, phương pháp nghệ thuật cao nhất và tốt nhất thành một số rất ít chữ hoặc một lời thật cô đọng, in sâu vào tâm tư người đọc, thì điều mà Bác khẳng định quả là một danh ngôn. Vì bản chất của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là tính chiến đấu, nhiệt tình cách mạng vô sản, nhiệt tình yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội. Cuộc sống, hiện thực - cao nhất là hiện thực cách mạng, - qua tâm tư cao đẹp nhất của người cộng sản, qua thế giới quan cộng sản: đó chính là cái lõi của nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa. Âm điệu cơ bản của nó là nhiệt tình hành động, hoạt động cách

mạng, nhiệt tình biến đổi, cải tạo xã hội, cải tạo thế giới bằng cách mạng. Chẳng những Bác đã khẳng định như thế mà Bác cũng đã làm như thế, đã nêu gương trong sáng tác. Chúng ta đều nhận rõ ánh thép và chất thép ngời ngời trong thơ Bác.

Chớ vội cho rằng hai dòng thơ đầu chỉ bao hàm ý nghĩa phê phán. Cần thấy trong đó nội dung vừa *phê phán* vừa *kế thừa*. "Yêu cảnh thiên nhiên đẹp" là một ưu điểm lớn của thơ ca cổ điển Trung Quốc, Việt Nam và phương Đông nói chung. Dĩ nhiên còn có những ưu điểm khác nữa, về phản ánh xã hội, tính chiến đấu, tinh thần hy sinh cho Tổ Quốc, cho chính nghĩa... Nhưng những điều này chỉ biểu hiện ở những nhà thơ đặc biệt lớn, trung với nước, hiếu với dân, như Khuất Nguyên, Văn Thiên Tường, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu... Vì vậy, có thể nói miêu tả, ca ngợi thiên nhiên núi sông hùng vĩ, cảnh đẹp của đất nước, "*yên, hoa, tuyết, nguyệt, phong*" là mặt ưu phổ biến và trội nhất của di sản thơ ca phương Đông. Quan điểm của Bác gợi cho chúng ta những ý nghĩ thú vị về lý luận, - chẳng hạn, so sánh hai nền nghệ thuật Đông và Tây trong quá khứ, ưu thế đặc thù của phương Đông về cảm xúc đối với thiên nhiên... Nhưng chủ yếu ở đây là tìm xem trong thơ, Bác kế thừa có phê phán và phát triển truyền thống tốt đẹp của phương Đông như thế nào.

Bác rất yêu thiên nhiên. Thơ Bác thời mới thành lập Mặt trận Việt Minh, thời Bác bị tù, thời kháng chiến chống Pháp và sau này nữa, nhiều khi hướng vào thiên nhiên, phản ánh thiên nhiên, bằng đôi ba nét chấm phá, để lại một bức họa đặc sắc về thiên nhiên:

*Chim mới về rừng tìm chốn ngủ,  
Chòm mây trôi nhẹ giữa từng không* <sup>(1)</sup>...

Hoặc nói lên tâm tư, tình cảm trong quan hệ với thiên nhiên:

*Trong tù không rượu cũng không hoa,  
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ.  
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,  
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ* <sup>(2)</sup>.

Quan hệ có thể là tương đồng, hòa điệu, như bài thơ vừa dẫn, - càng rõ hơn, qua những câu thơ :

*Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ  
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng* <sup>(3)</sup>...  
*Nắng sớm, mặt trời soi cả ngục,  
Sương mù khói đặc bỗng tan hơi.  
Tràn đầy sinh khí trong trời đất,  
Tất cả tù nhân mặt nở tươi...* <sup>(4)</sup>

Đó là hòa điệu tích cực, kích thích niềm vui. Bên cạnh, lại có hoà điệu tăng thêm nỗi buồn:

*Thanh minh lát phát mưa phùn,  
Tù nhân nghe thấm nỗi buồn xót xa* <sup>(5)</sup>.

Cũng có thể là quan hệ đối lập một chừng mực nào trong khoảnh khắc, - và đáng chú ý là chỉ thấy trong thời gian Bác ở tù:

- 
- 1) Bài *Chiều tối*.
  - 2) Bài *Ngắm trăng*.
  - 3) Bài *Giải đi sớm*.
  - 4) Bài *Nắng sớm*.
  - 5) Bài *Tiết thanh minh*.

*"Khóm chuỗi trắng soi càng thấy lạnh" (1)*

(nguyên văn chữ Hán: "Nguyệt chiếu đình tiên tăng lãnh khí" làm nổi hơn sự đối lập).

*Bóng đa đèn nặng nhà lao,  
Đêm sao lặng ngắt, ngày sao tối sẫm!...(2)*

*Một ngày hừng nắng chín ngày mưa,  
Trời thật vô tình, đáng giận chưa!...(3)*

Trên đây là truyền thống miêu tả thiên nhiên của thơ ca phương Đông mà Bác tiếp thu, - một phong cách gọn, giản dị, hướng vào chiều rộng, bề sâu của sự phát hiện và của tâm tư, chỉ đôi câu, rất ít lời mà dường như gói được cả càn khôn. Nhưng Bác không thoả mãn với truyền thống ấy. Bác sáng tạo nhiều. Thiên nhiên, qua thơ Bác, mang sự mãnh liệt của tư tưởng Bác:

*Gió sắc tựa gươm mài đá núi,  
Rét như dùi nhọn chích cành cây (4) ...  
"Núi áp ôm mây, mây áp núi" (5)*

(nguyên văn mạnh hơn, gợi cảm xúc cao thượng: "Vân ửng trùng sơn, sơn ửng vân").

Thiên nhiên bao giờ cũng động, rất động: "phù vân bay đi hết", "trăng nhòm", "trời hừng", "khắp núi nơi nơi rục ánh hồng", "trên trời trắng lướt giữa làn mây" (nguyên văn: "thiên

---

(1) Bài *Đêm lạnh*.

(2) Bài *Đến Quế Lâm*.

(3) Bài *Mưa lâu*.

(4) Bài *Hoàng hôn*.

(5) Bài *Mới ra tù, tập leo núi*.



tượng tân vân đái nguyệt phi"), "chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn":

*Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng,  
Bóng tối đêm tàn, quét sạch không... (1)*

Đặc biệt cần chú ý hai dòng thơ vừa dẫn, về mặt nội dung, mang ẩn dụ lớn, tràn ngập chủ nghĩa lạc quan cách mạng. Tuy bị tù, Bác khẳng định niềm tin không gì lay chuyển nổi vào ngày mai sáng sủa, tươi đẹp của cách mạng, của dân tộc, của bản thân.

Qua thơ Bác, thiên nhiên chẳng những rất động mà rất biện chứng nữa. Cảm quan về chiều hướng phát triển tiến lên, tươi đẹp hơn thường được nhấn mạnh:

*Trong ngực giờ đây còn tối mịt,  
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi... (2)*

*Vì không có cảnh đông tàn  
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân... (3)*

*Sự vật vẫn xoay đà định sẵn:  
Hết mưa là nắng hừng lên thôi.  
Đất trời một thoáng thu màn ướt,  
Sông núi muôn trùng trái gấm phơi...  
Người cùng vạn vật đều phơi phơi:  
Hết khổ là vui vốn lẽ đời. (4)*

Thiên nhiên được nhìn không phải với thái độ chiêm ngưỡng,

---

(1) Bài Giải đi sớm

(2) Bài Buổi sớm.

(3) Bài Tự khuyên mình.

(4) Bài Trời hừng.

hưởng thụ, mà với cảm quan lao động, cảm quan về hoàn cảnh tác động vào con người và sức người biến đổi hoàn cảnh, đồng cảm sâu sắc với những người lao động:

Vùng đây tuy rộng, đất khô cần,  
Vi thế nhân dân kiếm lại cần.  
Nghe nói xuân nay trời đại hạn,  
Mười phân thu hoạch chỉ vài phân... (1)

Tới đây khi lúa còn con gái,  
Gặt hái hôm nay đã nửa rồi;  
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,  
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui... (2)

Dãi gió, dầm mưa chẳng nghỉ ngơi,  
Phu đường vất vả lắm ai ơi! (3)

Những bài thơ nào của Bác tả thiên nhiên hay nhất? Xin nêu đặc biệt hai bài trong tập *Nhật ký trong tù*:

Bài *Đi đường*:

Đi đường mới biết gian lao,  
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;  
Núi cao lên đến tận cùng,  
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

Thật là hay, và không cần phải chứng minh dài! Cái nhìn *chiến lược* của Bác về chính trị, quân sự cũng biểu hiện trong cái nhìn đối với thiên nhiên, - cái nhìn của chim ưng, của phượng hoàng, đứng ở đỉnh cao ("*cao phong*") bao quát toàn cảnh núi non trùng điệp.

---

(1) Bài Từ Long An đến Đồng Chính

(2) Bài *Cảnh ngoài đồng*.

(3) Bài *Phu làm đường*

## Bài Trên đường đi:

Mặc dù bị trói chân tay,  
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng ;  
Vui say ai cấm ta dừng,  
Đường xa, âu cũng bớt chùng quanh hiu.

Cũng rất hay, có thể là hay nhất thuộc loại thơ về thiên nhiên qua tâm tư của người tù. Rất hiện thực, mức độ của chủ nghĩa hiện thực đặc biệt cao mà những nhà lý luận nghệ thuật gọi là *chủ nghĩa hiện thực nghiêm ngặt*: chân tay "bị trói", đường "quanh hiu", và rất lãng mạn: "chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng, - vui say...", một chủ nghĩa lãng mạn khỏe lạ thường, nở hoa ngay trên miếng đất của hiện thực. Chủ nghĩa lãng mạn cách mạng trong phương pháp nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa chính là như thế, nó không nằm ngoài phương pháp này, - cơ sở tư tưởng hoặc nói đúng hơn, cơ sở nhận thức luận trong đó là phản ánh luận Mác - Lênin, và phản ánh luận này (lý luận về sự phát triển) bao hàm *trong bản thân* cái nhìn cách mạng, vừa hiện thực vừa lãng mạn đứng trước cuộc sống. Phải yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống tha thiết lắm, và nhất là phải tin rất vững vào chính nghĩa, vào sức mạnh, sự bất khuất của ý chí, của tinh thần mình, mặc dù mình đang bị tù, bị trói, mới sáng tác được một bài thơ kỳ diệu như vậy! Bài này cùng một mạch tư tưởng với một bài đã nêu trên, - tuy trong cảnh tù mà vẫn tự khẳng định mình là *tự do*. Nguyên văn có chữ "tự do" ("*tự do lâm thưởng vô nhân cấm*"; "tự do vui say, không ai cấm"), tiếc là không còn thấy trong bản dịch.

.....

*Tự do tiên khách trên trời,  
Biết chăng trong ngục có người khách tiên?*

Nói cách khác: người cộng sản chân chính là bất tử. Ý mạnh, và chữ cũng mạnh, - chữ "tiên" rất xưa và ở đây như chữ "phù vân" hoặc chữ "cổ nhân" mà Bác dùng, cũng được đổi mới hẳn. Trong triết học quá khứ của Trung Quốc và của Việt Nam, "tiên" là một khái niệm duy tâm, một phạm trù tiêu biểu cho chủ nghĩa duy tâm khách quan phương Đông, thường làm chỗ dựa cho nhiều loại tư tưởng yếm thế, thần bí. Mặt khác, "tiên" là sản phẩm trí tưởng tượng của nhân dân, nói lên mơ ước chính đáng của người lao động trong xã hội cũ về cuộc sống tự do, phóng khoáng, tha hồ vui chơi khắp đó đây, di chuyển nhanh như gió, muốn gì được nấy, bất tử và hoàn toàn không vất vả... Bác đã hoàn lại chữ "tiên", tinh thần, sự nghiệp của người cộng sản là bất tử, - sự nghiệp này, khi đã là toàn tâm toàn ý phục vụ những mục tiêu và lý tưởng cao cả của Đảng, khi xuất phát từ động cơ mình vì mọi người, thì sống mãi với nhân dân, cái riêng hoà hợp tuyệt đẹp trong cái chung và sống mãi với cái chung bất tử, do đấy mà sự nghiệp, tinh thần, phong độ, cả đường đời của người cộng sản chân chính cũng thành bất tử. Chủ nghĩa cộng sản là Bồng lai ngay giữa cõi trần, hoặc như nhà thi hào Hai-nơ (Đức) nói, là *"thiên đường, ngay trên mặt đất"*.

(Tạp chí Văn học, số 3-1970)

## NGÀY XUÂN ĐỌC LẠI BÀI THƠ HỌC DỊCH KỲ CỦA BÁC HỒ

LÊ XUÂN ĐỨC

**N**gồi tù, làm thơ, lại làm thơ *Học dịch kỳ* (Học đánh cờ).  
Thơ vẫn đến một cách tự nhiên.

*Bế toạ vô liêu học dịch kỳ,*  
(Tù túng đem cờ học đánh chơi)

*Bế toạ vô liêu*: ngồi trong giam cầm buồn tênh, chẳng biết làm gì, đem cờ học đánh chơi. Bác nói rất hóm về cái duyên có để có thơ (Cũng như: "*Ngâm thơ ta vốn không ham - Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây*"). Nhưng đặt bài thơ trong đoạn đời cụ thể này của Bác, trong bối cảnh chung, lúc Bác *bế toạ* thì bên ngoài cách mạng đang vận động, cần hành động. Bác phải tự kiềm chế, phải nén nỗi đau, sự bức bối, bình tĩnh, ung dung, sáng suốt ngẫm suy thế trận, thời cuộc. Những bài thơ làm lúc *bế toạ* vì thế chứa đựng nhiều điều, hàm nhiều tầng nghĩa.

Bài thơ *Học dịch kỳ*, Bác nói khiêm tốn đến chuyện học: *học đánh cờ*, trên bàn có binh, có mã, có xa ; có tiến công có phòng thủ ; có thắng có bại... Nhưng bàn cờ, quân cờ chỉ là những ẩn dụ, toàn bài thơ là một ẩn dụ.

Ai cũng biết, trên bàn cờ có 10 tốt và 4 mã cho cả hai bên, mà trong thơ lại nói "*Thiên binh vạn mã cộng khu trì*" (Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài) thì hẳn không còn là chuyện cờ quạt nữa, trên thực tế đã vượt lên một thế trận lớn của tư duy - tư duy Bác Hồ. *Học dịch kỳ* là cách nói bằng quơ sự suy nghĩ về một sự nghiệp lớn, về thế trận tương lai của cách mạng với một chiến lược đúng đắn, xa rộng, chính xác, khoa học.

Hạt nhân cơ bản và bộ mặt tinh thần của bài thơ là *tư tưởng tiến công cách mạng*: "*Kiên quyết thời thời yếu tiến công*" (Kiên quyết không ngừng thế tiến công). Muốn chiếm lĩnh những đỉnh cao, muốn thành công quả thì phải phấn đấu, phải tiến công. Đời con người cũng vậy. Cách mạng càng phải như vậy. Đương nhiên, như Bác nói, Bác nhấn mạnh hai lần:

- *Tấn công, thoái thủ nên thần tốc,*
- *Tấn công, phòng thủ không sơ hở,* thì tư tưởng chủ đạo vẫn là tiến công.

Tư tưởng tiến công đã được quán triệt trong toàn quân, toàn dân, trong mọi người, nó biến thành một khối quyết tâm lớn của cả dân tộc, nó thấm sâu trong câu nói bất hủ của Bác đầu những năm 40: "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập", trong lời dặn "trận đầu phải thắng" cho đội tuyên truyền giải phóng quân trước lúc ra quân đánh Phai Khắt, Nà Ngần... Tư tưởng tiến công được truyền đến chiến sĩ đồng bào những ngày đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp "*Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến - Tiến lên chiến sĩ, tiến lên đồng bào!*". Và, cùng với lá cờ "*Quyết chiến quyết thắng*", tư tưởng tiến công đã

thần tốc, ào ào xóc tới trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, chiến dịch Hồ Chí Minh vĩ đại năm 1975. Ngày nay, chúng ta đang tiến hành công cuộc đổi mới, không thể nào khác phải tự chủ, chủ động và tiến công.

Mà muốn tiến công, muốn bảo đảm thắng lợi phải có những điều kiện cơ bản trên một cơ sở thực tiễn và khoa học của *thế và lực*. Những điều kiện này Bác đã chỉ rõ trong thơ: nhìn rộng (nhân quang ưng đại), suy kỹ (tâm ưng tế), tài cao (cao tài) và chân lẹ (tật túc). Đây là những yếu tố chủ quan phải có, là tổng hợp yếu tố tạo nên lực. Còn cái khách quan thời thế, thời cơ thì như thế nào:

*Thác lộ, song xa dã một dụng,  
Phùng thời, nhất tốt khả thành công.*

(Lạc nước hai xe đành bỏ phí  
Gặp thời một tốt cũng thành công).

Bác rất chú ý đến thời cơ. Phải tạo thời cơ, chớp thời cơ giành và giữ chính quyền chủ động. Phải nắm những điều kiện khách quan có ý nghĩa tốt nhất đối với một tình thế cách mạng. Về thời thế, thời cơ, các sách *Binh pháp* ngày xưa và trong thơ văn cổ có nhiều người nói đến, nhấn mạnh, nhưng quan điểm của Bác và người xưa khác nhau về bản chất. Ví như quan niệm của Đặng Dung trong bài *Cảm hoài*.

*Thời lai đồ diếu thành công dị  
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.*

(Gặp thời người hàng thịt kẻ đi cầu cũng thành công  
Lỡ vận rồi, người anh hùng nuốt nhiều tủi hận)

Nếu đem so sánh với quan niệm trong *Học dịch kỳ* của

Bác Hồ thì cái gốc của sự khác nhau là từ hai nguồn tư tưởng khác hẳn nhau. Câu thơ của Đặng Dung ở cái thế bị động của con người trước thời cuộc, thúc thủ xem thời cơ như một định mệnh. Đây là tư tưởng chờ thời mà thực chất là buông xuôi, thoái chí. Tâm lý thất bại rất rõ trong câu thơ thứ hai. Ở Bác Hồ là cái thế tiến công của con người tạo nên thời thế. Hai câu thơ của Bác nói rõ cái chiến lược cách mạng rất biện chứng, thời thế chính là biểu hiện của quy luật vận động xã hội. Đi đúng quy luật thì chỉ dùng quân nhỏ (nhất tốt), lực ít cũng thành công, ngược lại đi sai, dầu có mang quân mạnh nhất: hai xe (song xa) cũng vô dụng. Vấn đề là chọn đúng đường đi (trong thế công). Hai câu thơ trong thể chung của toàn bài.

*Nhân quang ưng đại tâm ứng tế,  
Kiên quyết thời thời yếu tấn công ;  
Thác lộ, song xa dã một dụng,  
Phùng thời, nhất tốt khả thành công.*

(Phải nhìn cho rộng suy cho kỹ,  
Kiên quyết không ngừng thế tiến công ;  
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,  
Gặp thời, một tốt cũng thành công).

Như vậy, người xưa đã nắm được quy luật, nhưng chỉ mới thấy một quy luật khách quan của xã hội mà chưa nhận thấy quy luật thứ hai từ khả năng của con người - con người hành động có ý thức vận dụng và phát huy tác dụng của quy luật khách quan ; vả chăng, trong một hoàn cảnh lịch sử có thể nảy sinh nhiều khả năng, chọn đi theo hướng nào là phụ thuộc ở ý thức, ở trình độ nhận thức của con người. Phải thống nhất giữa hai quy luật thì mới thành công. Tuyệt đối



hoá một quy luật, cho nên Đặng Dung mới phát hiện ra quy luật để mà "tủi hận", để mà nhớ tiếc cái thời mài gươm dưới ánh trăng <sup>(1)</sup> đã xa ấy. Cái khí hận của Đặng Dung phần nào giống cái khí hận của một nhà nho sau này:

*Nhất thất tức thành thiên cổ hận*

*Tái hồi đầu dĩ bá niên thân*

(Một lần lỡ bước, mang hận nghìn thu

Quay đầu nhìn lại, đời đã trăm tuổi)

Do nắm được cả hai quy luật một cách biện chứng nên nét khác Bác Hồ và người xưa là tư thế chủ động vững vàng. Làm chủ là nét thần của bài thơ, cũng là nét thần trong tư tưởng của Bác Hồ - một phẩm chất cực kỳ quan trọng để tạo nên tài thao lược kinh bang tế thế của người lãnh đạo: "Tài xứng anh dũng đại tướng quân" (Đại tướng anh hùng mới xứng danh).

Trong hoàn cảnh bắt buộc phải *bế toạ* nơi tù ngục, Bác Hồ vẫn làm chủ, chủ động tấn công, dồn hết tâm lực suy nghĩ về đường lối chiến lược quân sự, đường lối chiến lược đấu tranh cách mạng được đúc kết trong một bài thơ, mà mỗi câu thơ có giá trị như những châm ngôn, những lời giáo huấn. Đường lối chiến lược cách mạng của Bác Hồ với phương hướng đúng, tầm nhìn rộng, ý chí tiến công không ngừng thì đâu chỉ dừng ở một thời, đâu chỉ dành riêng cho

---

(\*) *Quốc thù vị báo đầu tiên bạch*

*Ký độ long tuyên dõng nguyệt ma.*

(Nợ nước chưa đến đầu đã bạc sớm)

Luống tiếc bao phen mài gươm long tuyên dưới ánh trăng)

Chữ *dõng* trong câu thơ nghĩa là *đội*. Câu thơ dung nạp cả hai nghĩa; một là: *mài gươm dưới ánh trăng*, hoặc là một nghĩa khái quát hơn: *mài gươm bằng ánh trăng*. Theo tôi, có lẽ nên hiểu theo nghĩa thứ hai - LXĐ.

Việt Nam ta mà cũng là cho muôn đời, cho tất cả. Bài thơ sẽ sống mãi, mãi mãi còn nguyên giá trị, mãi mãi giục giã, thôi thúc chúng ta:

*Chống gậy lên non xem trận địa  
Ta dàn quân theo thế trận Bác Hồ  
Đi chót vót núi sông vẫn trong tầm mắt Bác  
Bác dạy thế tiến công ngay từ buổi chơi cờ.*  
(Chế Lan Viên)

(Tập chí Văn nghệ quân đội,  
Số 2 - 1994)

## BÀI THƠ ĐỀ TỪ

LÊ XUÂN ĐỨC

*Thân thể tại ngục trung,  
Tinh thần tại ngục ngoại ;  
Dục thành đại sự nghiệp,  
Tinh thần cánh yếu đại.*

Dịch nghĩa:

*Thân thể ở trong ngục,  
Tinh thần ở ngoài ngục;  
Muốn nên sự nghiệp lớn,  
Tinh thần càng phải cao.*

Dịch thơ:

*Thân thể ở trong lao,  
Tinh thần ở ngoài lao;  
Muốn nên sự nghiệp lớn,  
Tinh thần càng phải cao.*

Trên trang bìa tập thơ *Ngục trung nhật kí* là hình vẽ hai nắm tay cùng bốn câu thơ:

*Thân thể tại ngục trung  
Tinh thần tại ngục ngoại;*

*Dục thành đại sự nghiệp,  
Tinh thần cánh yếu đại.*

Có lẽ bốn câu thơ này được Bác Hồ coi như là một lời đề từ cho tập thơ. Bốn câu thơ không đánh số như các bài thơ khác trong tập thơ và cũng không có đầu đề. Nhà xuất bản Văn Hóa xuất bản lần đầu tiên (1960) tập thơ *Ngục trung nhật kí* đã lấy đầu đề tập thơ làm đầu đề bài thơ. Nhà xuất bản Văn Học, in *Ngục trung nhật kí* lần thứ ba (1983) đã theo nguyên bản không có đầu đề.

Bốn câu thơ có ý nghĩa đề từ đã là một bài thơ mang tinh thần cảm hứng của cả tập thơ.

Bài thơ bốn câu, mỗi câu năm từ, lời ít mà ý nhiều:

1. Hai câu đầu:

*Thân thể tại ngục trung  
Tinh thần tại ngục ngoại*

nổi lên: một hoàn cảnh, một con người. Hoàn cảnh thì đen tối, nặng nề. Con người thì muốn thoát hoàn cảnh, vượt tinh thể.

Hai câu thơ đối lập xuất phát từ sự thật đối ngược, cái cách ngắn, phân chia *ngục trung* và *ngục ngoại*: *thân thể* và *tinh thần* chính là bức tường nhà tù. Bác nói một sự thực: chấp nhận một thực tại đày đọa của thân thể (*Thân thể tại ngục trung*) nhưng lại hoàn toàn chủ động về tinh thần (*Tinh thần tại ngục ngoại*).

Hai mối quan hệ được đặt ra từ hai câu thơ: quan hệ giữa nhà tù và người tù; quan hệ giữa thân thể và tinh thần trong bản thân người tù. Nhà tù có giam hãm được hoàn toàn người tù không? Về bề ngoài, về danh nghĩa, người tù đã bị tù, nhưng chỉ là bị tù thân thể còn thực chất người tù đã vượt tù. Kiểu vượt tù tinh thần ấy, Nhật kí trong tù có nhiều.

Người tù bị tù, nhưng chính người tù ấy lại tự giải phóng tinh thần mình khỏi nhà tù. Tinh thần người tù vẫn tự do, không gì giam hãm được. Bác Hồ của chúng ta là thế. Các chiến sĩ cách mạng do Người đào luyện cũng thế:

*Thân dẫu lao tù lâm cảnh hiểm  
Chí còn theo dõi buổi tung hoành*

HOÀNG VĂN THỤ

*Xà lim không thể khoá hồn người*

TÔ HỮU

*Đế quốc tù ta, ta chẳng tù  
Ta còn bộ óc ta không lo*

XUÂN THỦY

Những câu thơ mạnh, thể hiện tâm hồn, ý chí của người cộng sản, thể hiện *bản lĩnh cộng sản*. Bản lĩnh này nổi bật trong mọi hoàn cảnh, nhất là khi người cộng sản đứng ở mũi nhọn cuộc chiến đấu, hoặc khi bị sa vào chốn lao tù, mặt giáp mặt với quân thù. *Yếu tố tinh thần* - một khi nắm được quy luật của nó biết phát huy nó thì nó có sức mạnh như sức mạnh vật chất. Người cộng sản từ chỗ nắm được quy luật vận động của xã hội, của lịch sử... luôn luôn ở tư thế chủ động, cách mạng tiến công, cho nên hoàn toàn tự chủ được tinh thần, mài sắc vũ khí tinh thần để thực hiện sự nghiệp lớn.

2. Bước chân vào nhà tù, cái đầu tiên Bác quan tâm không phải là nhà tù. Lao lung, đầy đoạ đang ập đến, Bác không hề để ý. Cái choán hết tâm trí Bác là "*đại sự nghiệp*". Chính vì sự nghiệp lớn nên Bác không quản gian lao để hoạt động hơn ba mươi năm trời trước đó. Chính vì sự nghiệp lớn nên Bác mới chịu cảnh tù đầy này. Và cũng chính vì sự nghiệp

lớn mà tinh thần Bác càng cao sáng lạ thường.

*Dục thành đại sự nghiệp*  
*Tinh thần cánh yếu đại*

Nếu như hai câu thơ đầu đối lập, thì hai câu thơ sau hoà hợp, bổ sung cho nhau, thống nhất chặt chẽ trong mối tương quan nhân - quả: Muốn làm nên sự nghiệp lớn phải có tinh thần lớn. Tinh thần lớn sẽ làm nên sự nghiệp lớn. Trong "*đại sự nghiệp*" và "*tinh thần cánh yếu đại*", chữ *đại* sau chồng lên chữ *đại* trước (Lê Trí Viễn). Một đòi hỏi, một quyết tâm, một khẳng định, một sự vươn cao. Câu thơ Bác tự dặn mình, nhưng cũng lại là bài học lớn cho chúng ta, cho tất cả mọi người.

Ở hai câu thơ này, một lần nữa, hai chữ "*tinh thần*" lại được Bác nhắc lại và nhấn mạnh. Cái tinh thần ban đầu phải tự giải phóng thì bây giờ "*càng phải cao*". *Càng phải cao để chiến thắng kẻ thù, chiến thắng ngục tù, mà hiện tại phải chiến thắng sự bực bội, sự phẫn nộ bùng bột chóc lát trong con người mình để mưu cầu sự nghiệp lớn cho cách mạng*.

Bốn câu thơ như đúc thành một khối chắc nịch, một phương châm hành động, một ứng xử vạn năng, một tuyên ngôn. Lời ít, ý rõ, dõng dạc dứt khoát. Vẫn trắc với ba thanh trắc, đặc biệt là ba dấu nặng (*ngoại, nghiệp, đại*) ở ba câu thơ 2, 3, 4 như chiếc cọc đóng sâu, vững chắc. Ở bản dịch tiếng Việt, cái thể này bị đảo ngược, trở nên thanh thoát nhẹ nhàng bởi vẫn bằng với ba thanh bằng cao không dấu (*lao, lao, cao*) và một thanh trắc cao dấu sắc (*lớn*). Phan Nhuận, khi dịch bài thơ ra tiếng Pháp, đã phải dịch bằng 13 cách mà "*chẳng cách nào vừa lòng cả*". Anh có cảm nghĩ "*Bài thơ đó đáng khắc vào bia đá*".

3. Và, một hiện tượng kì diệu, đọc bài thơ, ta không còn thấy người tù bị cầm tù nữa. Tầm vóc của Bác đã vượt khỏi những giới hạn chật hẹp và ngăn cách của nhà tù. Nếu đem so sánh bài thơ của Bác với những bài thơ của một số anh hùng làm khi bị cầm tù mà lịch sử thi ca Việt Nam còn ghi, chúng ta thấy ánh sáng tinh thần càng lung linh và giá trị của bài thơ cũng được biểu hiện sâu hơn. Ví như bài *Chim trong lồng*<sup>(1)</sup> tương truyền của Quận he Nguyễn Hữu Cầu<sup>(2)</sup>. Bài thơ kết thúc bằng mấy câu:

*Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu hán,  
Phá vòng vây làm bạn với Kim Ô  
Giang sơn khách diệc tri hô?*

Hơi thơ hào hùng, mạch thơ chảy mạnh, tứ thơ bay cao nhưng lời thơ thì hơi ôn ào. Câu kết là một cái lắc đầu kiêu hãnh.

---

(1) Nguyên văn bài *Chim trong lồng*:

*Nhất lung thiên địa tàng thiên tiêu,  
Vạn li phong vân cử mục tần.  
Hỏi sao sa luy cô trấn?  
Bạn tài bay nhảy, xót thân tang bóng  
Nào khi vỡ cánh rĩa lông,  
Hót câu thiên tung trong vòng lao lung.  
Chim oanh nọ vẫy vùng giậu bắc  
Đàn loan kia túc tắc cảnh nam.  
Mặc bay đông ngữ tây đàm  
Chờ khi phong tiện dứt đàm vân lung  
Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu hán,  
Phá vòng vây bạn với Kim Ô  
Giang sơn khách diệc tri hô?*

(2) Nguyễn Hữu Cầu là một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa đầu thế kỉ 18, đã làm cho quân tướng triều đình vua Lê chúa Trịnh nhiều phen phải thất điên bát đảo. Khi bị giam trong ngục, người anh hùng nông dân viết bài thơ *Chim trong lồng* tỏ chí khi tự do ngang tàng của mình.

## *Giang sơn khách diệc tri hô?*

(Khách tang bông cung kiếm ở núi sông đất nước này ai là người biết được chí khí của ta?)

Đúng là khẩu khí của một anh hùng đậm màu sắc cá nhân. Tác giả tự ví mình như một con chim bị giam trong cái lồng trời đất chật hẹp, nhưng đôi mắt của nó luôn giương nhìn thấu suốt nghìn dặm gió mây, coi thường mọi xiềng xích gông cùm, mọi thế lực đen tối.

Đặt bài thơ *Chim trong lồng* bên cạnh bài thơ trên của Bác, ta thấy rõ tư tưởng, mục đích, ý chí của hai người anh hùng ở hai thời đại, khác nhau khá rõ. Nguyễn Hữu Cầu khao khát bầu trời tự do, mong ước có ngày phá tan cái khuôn khổ chật hẹp, chế độ áp bức bóc lột đọa đầy con người để vẫy vùng cho phỉ sức (trước hết là sức cá nhân, còn theo hướng nào thì vẫn chưa rõ). Bác Hồ của chúng ta, sống trong ngục mà vẫn ung dung, điềm đạm, vẫn thấy tinh thần mình hoàn toàn tự do và không ngừng rèn luyện tinh thần để làm nên sự nghiệp lớn: cứu nước, cứu dân. Thơ Bác giản dị, chữ nghĩa toát ra một tinh thần cao sáng; những gì là phần nô bị nén xuống; những gì ngậm ngùi bị xua đi; còn lại một sự tỉnh táo, một ý chí mạnh mẽ, một thế đứng vững.

Không phải ngẫu nhiên trong tập thơ *Ngục trung nhật kí*, "*Tinh thần tại ngục ngoại*" lại toát ra từ nhiều bài thơ. Và cũng không phải ngẫu nhiên, trong một tập thơ, Bác nói đến 13 lần chữ *tự do*: *tự do nhân, tự do cảnh, tự do nhật, tự do thiên, tự do thì, tự do quyền, tự do lâm thượng v.v...*

*Tự do* đã khiến người tù chủ động vượt tù về tinh thần. Tinh thần người tù ở ngoài tù. Nằm trong nhà tù, người tù vẫn hướng ra bên ngoài.



*Khuy song, bắc đầu di hoành thiên  
(Nhòm song bắc đầu đã nằm ngang)*

(Dạ lân)

Và:

*Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt  
(Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ)*

(Vọng nguyệt)

Hay khi lắng sâu vào nội tâm thì cũng hoàn toàn tự do:

*Nội thương Việt địa cự sơn hà  
(Nội thương đất Việt cảnh lâm than)*

(Bệnh trọng)

Hoặc:

*Mộng hồn hoàn liễu ngũ tiêm tinh  
(Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh)*

(Thụy bất trước)

Tự do đến đỉnh cao: Khách thần tiên trên trời tự do có biết chăng là trong nhà lao cũng có khách tiên:

*Tự do thiên thượng thần tiên khách  
Tri phủ lung trung dã hữu tiên*

(Ngộ hậu)

Bác khẳng định:

*Mặc như thất khước tự do quyền  
(Cay đắng chi bằng mất tự do)*

(Cảnh binh đảm trụ đồng hành)

cho nên phải giữ vững tinh thần, phải rèn luyện. Ngục trung

*Nhật kí có nhiều bài nói đến sức mạnh của yếu tố tinh thần. Bác nhân mạnh, càng trải nhiều tai ương, tinh thần càng được rèn luyện:*

*Tai ương bả ngã lai đoàn luyện  
Sử ngã tinh thần cánh kiện cường  
(Nghĩ mình trong bước gian truân  
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng)*

*(Tự miễn)*

Và bất kì hoàn cảnh nào cũng phải giữ vững tinh thần:

*Trì cửu hoà nhẫn nại  
Bất kháng thoái nhất phân  
Vật chất tuy thống khổ  
Bất động dao tinh thần  
(Kiên trì và nhẫn nại  
Không chịu lùi một phân  
Vật chất tuy đau khổ  
Không nao núng tinh thần)*

*(Tứ cá nguyệt liêu)*

Con người có hoài bão lớn, phấn đấu cho một sự nghiệp lớn phải có tinh thần cao ; có tinh thần cao sẽ tạo ra sức mạnh phi thường, sức mạnh cấp số nhân. Đó là chìa khoá tinh thần của vĩ nhân.

*Bài thơ đề từ, Bài thơ ý chí, Bài thơ của tự do, Bài thơ của một tinh thần. "Tinh thần tại ngục ngoại" và "Tinh thần cánh yếu đại" là cảm hứng chủ đạo của tập thơ. Bài thơ xứng đáng ở vị trí đề từ cho cả tập Ngục trung nhật kí bất hủ.*

# GIẢI ĐI SỚM

## (Tảo giải)

**MÃ GIANG LÂN**

Phiên âm:

I

*Nhất thứ kê đề dạ vị lan  
Quần tinh ửng nguyệt thương thu san  
Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng  
Nghênh diện thu phong trận trận hàn*

II

*Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng  
U ám tàn dư tảo nhất không  
Noãn khí bao la toàn vũ trụ  
Hành nhân thi hứng hốt gia nông*

Dịch thơ:

I

*Gà gáy một lần đêm chữa tan  
Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn  
Người đi cất bước trên đường thăm  
Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn*

## II

*Phương đông màu trắng chuyển sang hồng  
Bóng tối đêm tàn, sớm sạch không  
Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ  
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.*

(Nam Trân dịch)

Tập thơ *Nhật ký trong tù* của Hồ Chí Minh ra đời trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt - đây là thời gian Bác bị giam cầm và giải đi qua nhiều nhà lao của chế độ phản động Tưởng Giới Thạch. Mặc dù các bài thơ được viết trong những hoàn cảnh khắc nghiệt: đói rét, bệnh tật, không có tự do... nhưng vẫn toát lên ý chí, nghị lực kiên cường, tinh thần lạc quan và tâm hồn cao đẹp của Bác. Đọc bài *Giải đi sớm* chúng ta cảm nhận được tư thế ung dung chủ động của người chiến sĩ - thi sĩ trên đường đi đầy gian khổ, cảm nhận được tâm hồn Bác ở hoàn cảnh nào vẫn chủ động chan hoà với thiên nhiên với trời đất bao la.

Bài thơ dựng lại cảnh một người tù trên đường chuyển lao. Cảnh chuyển lao đã diễn ra trước mắt chúng ta như thật và thật hơn là tâm hồn cao đẹp của nhà thơ, một thi sĩ - chiến sĩ, một nhà thơ vượt lên trên đau khổ mà vui với thiên nhiên và cũng hoà vào thiên nhiên tâm hồn cách mạng của mình.

Câu thơ mở đầu ghi lại thời điểm của cuộc giải tù:

*Gà gáy một lần, đêm chưa tan*

Đúng là bọn lính giải người tù đi rất sớm, từ "gà gáy một lần" tức khoảng quá nửa đêm. Người đọc nghĩ đến cảnh tối tăm vắng lặng bao quanh người tù một mình nơi đất khách

quê người. Bác dùng tiếng gà để chỉ thời điểm lên đường. Đây là cách tính thời gian khá quen thuộc trong dân gian. Đồng thời tiếng gà cũng mang một ý nghĩa nữa, nó báo hiệu một ngày mới và một sự sống mới bắt đầu, nó gợi ra một sự vận động trong cái mênh mông thăm thẳm. Và vì vậy câu thơ thứ hai như đột ngột bừng sáng mà rất tự nhiên:

*Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn*

Trước hết đây là một câu thơ tả thực, nhấn mạnh thêm cái thời điểm rất sớm, bởi vì trên trời còn lơ lửng nhiều sao và trăng. Câu thơ thật sống động. Ở đây cũng nói lên một hồn thơ tinh tế dễ nhạy cảm với thiên nhiên. Điều cần chú ý là người tù lên đường có bọn lính áp giải, thiên nhiên lại có phần khắc nghiệt: trời tối, gió rét từng cơn. Cảnh ngộ ấy thường là buồn, quạnh hưu nhưng ở đây qua tâm hồn Người, thiên nhiên trở nên thân mật. Cùng một lúc, khi người tù lên đường thì trăng và sao trên trời dường như cùng khởi hành.

Câu 3 và câu 4 của bản dịch đã đánh mất âm hưởng rất đặc sắc của nguyên tác.

*Người đi cất bước trên đường thăm*

*Rát mật đêm thu, trận gió hàn.*

Nguyên tác có hai chữ *chinh* và hai chữ *trận* điệp với nhau tạo nên âm hưởng trầm hùng và hai chữ *nghe* *diện* đây khí phách của nhà thơ một người tù vĩ đại.

*Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng*

*Nghe diện thu phong trận trận hàn.*

Người tù trên đường đi được diễn tả ở tư thế chủ động, tuy có vất vả gian khổ. Con người tự nâng mình lên trên

hoàn cảnh, không để cho hoàn cảnh khuất phục mình. Đối mặt với trận trận gió thu lạnh là tư thế của một con người giàu nghị lực luôn vươn tới bất chấp trở ngại.

Bốn câu thơ đã dựng lại bức tranh chuyển lao khi trời chưa sáng: một tiếng gà, một chòm sao, một vầng trăng, từng cơn gió lạnh và một người tù nơi đất khách quê người. Nhưng con người ở đây không cô đơn, rất ung dung; con người ở đây là người chiến sĩ cách mạng, có nghị lực, có ý thức "muốn nên sự nghiệp lớn - tinh thần càng phải cao". Con người luôn phấn đấu vươn lên để làm giảm bớt quạnh hưu, không buông xuôi trước hoàn cảnh mà luôn vươn lên làm chủ hoàn cảnh.

Khổ thứ hai của bài thơ tạo một cảm giác đột ngột về sự bừng sáng cả trời đất vũ trụ: phương đông màu trắng đã thành màu hồng (Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng), ánh sáng đã quét sạch mọi tàn dư của bóng đêm.

*Phương đông màu trắng chuyển sang hồng  
Bóng tối đêm tàn sớm sạch không*

Đây là một cảnh đẹp ở chân trời khi rạng đông. Và nói chung cả khổ thơ thứ hai này bừng lên một không khí vui tươi ấm áp.

Hai câu thơ tạo nên một sự đối xứng hài hoà. Bình minh lên đêm ắt phải lùi dần, màu hồng của bình minh đã xua tan bóng tối của đêm tàn lạnh lẽo. Giờ đây màu hồng tươi mới đã ngự trị bao trùm lên tất cả, đem lại hơi ấm cho đất trời và hơi ấm ấy như dội vào lòng người.

*Hơi ấm bao la trùm vũ trụ  
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng*

Có sức ấm của rạng đông, nhưng nhiều hơn, có lẽ là nhờ sức ấm từ một trái tim cách mạng.

Ta chợt nhận thấy một điều lạ, dù là nói về cảnh chuyển lao mà trong bài thơ không hề có lấy một hình ảnh người tù, một lời than vãn, trước mắt người đọc là hình ảnh một thi sĩ ung dung cất bước. Thi sĩ và chiến sĩ hai con người ấy đã hoà làm một trong tâm hồn Người. Khó khăn nghiệt ngã là thế mà tim Người vẫn như ngọn lửa ấm áp, vẫn nồng nàn thi hứng. "Không thể nào có được những nét bút hùng tráng như vậy nếu không có sẵn trong lòng một niềm tin sắt đá về một bình minh lớn lao trong lịch sử" (Hoài Thanh - *Nói chuyện thơ Bác*).

Ở khổ thơ thứ nhất, con người hiện ra như một chinh nhân trong cảnh đêm thu trên đường xa một mình mà không lẻ loi, đơn độc, tư thế thật chủ động ung dung, mặt ngẩng đón những trận gió thu lạnh. Bây giờ trời đã rạng đông, thiên nhiên từ khắc nghiệt chuyển sang vui tươi ấm áp, con người hoà nhập vào một không gian rạng rỡ với ánh hồng bừng sáng ở phương đông, với ánh sáng, hơi ấm toả trùm vũ trụ và người đi (*hành nhân*) với thi hứng nồng nàn.

Bốn câu thơ đã dựng lại bức tranh chuyển lao khi trời rạng đông: một vùng đông ửng hồng bát ngát, không gian như rộng đến vô cùng và một người đi đường dạt dào thi hứng như cũng đang toả sáng. Đây là một cảnh thực, một thiên nhiên sinh động và ấn tượng sâu đậm hơn đối với chúng ta là một tâm hồn lớn, ung dung, lạc quan của nhà thơ. Nhà thơ đã đi trên gian khổ mà đến với thiên nhiên và cũng hoà vào thiên nhiên tâm hồn cao đẹp của mình.

Tóm lại *Giải đi sớm* là một bài thơ đặc sắc trong *Nhật*

*ký trong tù.* Bài thơ dựng lên hình ảnh một con người đi trên con đường xa đầy khó khăn nhưng thật ung dung chủ động, con đường dẫn từ bóng tối ra ánh sáng, từ đêm đen đến bình minh, từ gian khổ đến niềm vui. Bài thơ toát lên một tư thế, một bản lĩnh kiên cường của một thi sĩ chiến sĩ đang làm chủ thiên nhiên, làm chủ hoàn cảnh. Và trên hết đó là thi hứng bất tận của hồn thơ Hồ Chí Minh. Có thể nói thông qua bài thơ này, chúng ta càng hiểu thêm về cuộc đời và tâm hồn Bác, người con ưu tú của dân tộc. Và ánh sáng từ thơ Người chắc chắn sẽ còn rọi sáng tâm hồn nhiều thế hệ mai sau.



# CHIỀU TỐI

## (Mộ)

**MÃ GIANG LÂN**

Phiên âm:

*Quyện điểu quy lâu tâm túc thụ  
Cô vân mạn mạn độ thu không;  
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc  
Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng*

Dịch thơ:

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ  
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;  
Cô em xóm núi xay ngô tối  
Xay hết, lò than đã rực hồng.*

(Nam Trân dịch)

Bài thơ *Chiều tối* được Bác viết vào cuối thu 1942. Đây là một bài thơ tứ tuyệt, một thể thơ khó làm. Bài thơ 4 câu, hai câu trên tả cảnh thiên nhiên, hai câu dưới nói cảnh sinh hoạt của con người.

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ  
Chòm mây trôi nhẹ giữa rừng không*

Trước hết chúng ta cần chú ý đến thời gian và không gian của bài thơ. Thời gian là chiều tối, chiều muộn; không gian

là cảnh núi rừng. Ánh mặt trời vào lúc sắp tắt hẳn ở chốn núi rừng, tất nhiên chỉ có thể tìm thấy trên tầng không. Người tù ngẩng đầu nhìn lên nhận ra con chim bay về tổ, con chim mệt mỏi về chiều đang tìm chốn ngủ và chòm mây lẻ loi cô đơn uể oải mệt mỏi như thể cũng muốn tìm chỗ trú chân.

Chim bay về tổ đúng là dấu hiệu của chiều tối. Điều này thường thấy trong thơ ca:

*Chim bay về núi tối rồi*

(Ca dao)

*Chim hôm thoi thóp về rừng*

(Nguyễn Du)

*Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa*

(Huy Cận)

Vậy đó là hình ảnh rất tiêu biểu, tuy là không gian mà mang ý nghĩa thời gian. Ở đây không phải chim bay mà "chim mỏi" về rừng. Suốt ngày bay đi kiếm ăn, cánh chim cũng mỏi. Đây là hình ảnh chim chiều nhưng cũng là tâm trạng của nhà thơ. Nhà thơ cũng mỏi sau một ngày lê bước trên đường đi đày. Đúng là một sự hoà hợp và cảm thông giữa người và cảnh vật. Điều này càng rõ hơn ở câu thứ hai: Chòm mây lẻ loi cô đơn (cô vân) trôi qua bầu trời, gợi nỗi buồn của cảnh chiều. Chòm mây như có linh hồn, nó cũng buồn cô đơn. Và hình ảnh "mạn mạn" - chậm chậm, gợi vẻ uể oải lờ lờ của đám mây chiều làm cho đám mây trở nên có tâm trạng hơn. Tất nhiên đó là tâm trạng của người tù toả vào cảnh vật thiên nhiên.

Hai câu thơ buồn, điều này dễ hiểu. Trong *Truyện Kiều* Nguyễn Du đã viết: "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ".

Ở đây người buồn mà cảnh cũng buồn. Thiên nhiên hoang vu vắng lặng có phần phù hợp với cảnh ngộ của người đang trên đường bị áp giải. Nhưng sâu xa hơn cái buồn ở đây tự trong lòng tác giả, buồn vì xa Tổ quốc, xa đồng bào, buồn vì bị mất tự do không biết đến bao giờ, đã thế lại gặp cảnh núi rừng lúc chiều muộn sau một ngày bị dày ải.

Hai câu thơ sau diễn tả sự vận động của thời gian từ lúc chiều tối đến lúc trời tối hẳn, nhưng khung cảnh thiên nhiên hoang vắng chuyển sang bức tranh sinh hoạt âm áp tình người:

*Cô em xóm núi xay ngô tối  
Xay hết lò than đã rực hồng*

Trong nguyên tác chữ Hán không có chữ tối mà nói được tối. Người đọc cảm nhận được như thế, khi ánh trời tắt hẳn, núi rừng mù mịt thì tự nhiên người ta hướng nhìn về nơi có ánh lửa. Hình ảnh cô gái xóm núi hiện ra bên lò lửa đỏ đến với nhà thơ một cách rất tự nhiên. Thực ra, cái lò lửa ấy không phải đúng lúc đó mới vụt sáng lên. Nó vốn đã đỏ lên rồi nhưng bây giờ vì trời tối hẳn nên nhìn mới thấy sáng rực lên như thế. Dùng cái sáng để nói cái tối, nghệ thuật là ở đó, nhưng nghệ thuật mà không bố trí, sắp đặt rất tự nhiên.

Ở cuối câu 3 và đầu câu 4 có sự lặp lại mấy chữ "ma bao túc" - "bao túc ma hoàn" dường như đã diễn tả được sự vận động xoay tròn của cái cối xay ngô, quay mãi... và đến khi cối xay dừng lại thì "lô dĩ hồng", lò đã rực hồng, tức trời tối, trời tối thì lò rực lên. Chữ "hồng" đặt ở cuối bài thơ là một "nhân tự" (chữ mắt) làm sáng cả khung cảnh chiều tối và làm ấm lòng người. Nhà thơ Hoàng Trung Thông đã bình

chữ "hồng" đó như sau: "Với một chữ *hồng*, Bác đã làm sáng rực lên toàn bộ bài thơ, đã làm mất đi sự mệt mỏi, sự uể oải, sự vội vã, sự nặng nề đã diễn tả trong ba câu đầu, đã làm sáng rực lên khuôn mặt của cô em, sau khi xay xong ngô tối (...)

Với chữ *hồng* đó, có ai còn cảm giác nặng nề, mệt mỏi, nhọc nhằn nữa đâu, mà chỉ thấy màu đỏ đã nhuộm lên cả bóng đêm, cả thân hình, cả lao động của cô gái kia. Đó là màu đỏ của tình cảm Bác" (*Bác Hồ làm thơ và thơ của Bác*)

Hai câu cuối này, người đọc còn thấy cùng với sự vận động của thời gian là sự vận động của tư tưởng tác giả. Một trong những nét phong cách của văn thơ Hồ Chí Minh là tư tưởng và hình tượng nghệ thuật luôn luôn có sự vận động hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai. Bài thơ *Chiều tối* là một trong nhiều bằng chứng của nét phong cách đó. Sự vận động thật khoẻ khoắn: từ bóng tối ra ánh sáng, từ tàn lụi đến sự sống, từ buồn đến vui, từ lạnh lẽo cô đơn đến ấm áp. Và trên cảnh thiên nhiên rộng lớn, con người, sự sống của con người bỗng trở thành tụ điểm, thành trung tâm toả sáng. Không phải thiên nhiên là chủ thể mà con người mới là chủ thể.

Trong một hoàn cảnh đầy gian nan, đầy thử thách làm sao nhà thơ có thể vui được. Đằng sau lưng là một ngày đi đường vất vả, thường là đi từ rất sớm (Gà gáy một lần đêm chưa tan). Nhiều khi đi rất xa (Năm mươi ba cây số một ngày - Áo mũ dầm mưa, rách hết giấy). Trước mặt cái gì chờ đón: một nhà tù khác lạnh lẽo và đầy muỗi rệp. Đã thế, cảnh chiều tối nơi núi rừng ở đâu đó bên đất Quảng Tây (Trung Quốc) lại càng dễ khơi gợi niềm sầu xứ tha hương...

Vậy mà thơ lại đi từ buồn đến vui. Mới biết những buồn vui sướng khổ của Hồ Chí Minh nhiều khi không thể giải thích được bằng cảnh ngộ riêng của Người mà phải căn cứ vào cảnh ngộ của người khác, của nhân dân, của nhân loại. Đây là một tấm lòng nhân đạo lớn đã đạt tới mức quên mình.

Bài thơ *Chiều tối* là sản phẩm của một tâm hồn lớn, là bản lĩnh phi thường vượt lên mọi gian khổ thử thách giữ vững tinh thần lạc quan của một con người biết làm chủ bản thân, làm chủ hoàn cảnh. Những vần thơ trong trẻo, nhẹ nhàng thanh thoát ấy là biểu hiện, của một tinh thần thép kết hợp với chất trữ tình sâu sắc.

## CẢNH CHIỀU HÔM (Vãn cảnh)

MÃ GIANG LÂN

Phiêu âm:

*Mai khô hoa khai hoa hựu tạ,  
Hoa khai hoa tạ lưỡng vô tình;  
Hoa hương thấu nhập lung môn lý,  
Hương tại lung nhân tố bất bình;*

Dịch thơ:

*Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng,  
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình;  
Hương hoa bay thấu vào trong ngực,  
Kể với tù nhân nổi bất bình.*

(Nam Trân dịch)

Nhật ký trong tù có 4 bài thơ viết về cảnh chiều. Nói chung thơ viết về buổi chiều thường là buồn. Buồn vì cái thời gian không gian, màu sắc mây trời, ánh sáng nhạt nhòa dễ gợi niềm cảm cảnh. Buồn vì dội lên từ sâu thẳm cái cảm nhận thời khắc một ngày đã qua, có thể là cảm nhận ở những phút giây ngừng nghỉ sau một ngày của một đời người trôi chảy. Nhưng trong thơ Bác buổi chiều mang một sắc thái khác.

Hai bài *Chiều tối* (Mộ) và *Hoàng hôn* ra đời từ trên đường đi đày. Người bị giải đi, phải chịu đựng, chống trọi và vượt lên những gian truân vất vả hướng tới cuộc sống âm áp, yên lành như quên hết mọi cô đơn, lạnh lẽo.

*Cô em xóm núi xay ngô tối,  
Xay hết, lò than đã rực hồng.*

(*Chiều tối*)

*Chùa xa chuông giục người nhanh bước  
Trẻ dắt trâu về tiếng sáo bay*

(*Hoàng hôn*)

Bài *Xế chiều* (Vãn) và *Cảnh chiều hôm* (Vãn cảnh). Lại được viết nơi tù ngục. Bài *Xế chiều* dạt dào tình cảm yêu đời, yêu tự do của người tù: "Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối - Bỗng thành nhạc quán viên hàn lâm". *Cảnh chiều hôm* chuyển sang một cảm hứng trữ tình độc đáo.

Tên bài thơ là tả cảnh: cảnh chiều hôm. Nhưng nội dung bài thơ lại không phải như thế. Cảnh chiều hôm chỉ là một thông báo thời gian, cái khoảnh khắc của một ngày thường gợi lên những suy tư của một người giàu tâm trạng. Ở đây cũng không miêu tả thiên nhiên, miêu tả hoa, dù bài thơ có nói đến hoa hồng.

*Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng.*

Đành rằng, thiên nhiên, hoa, đặc biệt hoa hồng là đối tượng thẩm mỹ của các nhà thơ ở nhiều thế kỷ. Là nhà thơ, hẳn không ai lại không một lần nói đến hoa. Hồ Chí Minh cũng không ngoại lệ. Trong thơ Người, hoa hiện lên với nhiều rung động đẹp, thơ mộng, đắm say:

*Ngẩng đầu: mặt trời đỏ  
Bên suối, một nhánh mai*

(Lên núi)

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa  
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*

(Cảnh khuya)

*Xem sách, chim rừng vào cửa đậu,  
Phê văn, hoa núi ghé nghiên soi*

(Tặng cụ Bùi Bằng Đoàn)

Ở *Cảnh chiều hôm*, hoa hồng chỉ là cái cơ để thể hiện tâm trạng, đúng hơn là thể hiện những trải nghiệm, những nhận xét, đúc kết: hoa nở rồi tàn, cái qui luật tất yếu, hiển nhiên. Từ thời khắc ngày tàn mà nghĩ đến hoa tàn, hoa rụng và nghĩ tới "Vòng đời" hoa: sớm nở tối tàn, đến những số phận yếu vong, đó là suy nghĩ của một tâm hồn lớn.

Câu thơ thứ hai "Hoa tàn hoa nở cũng vô tình" có nhiều cách hiểu. Ý kiến cho rằng hoa nở rồi hoa tàn đó là chuyện tự nhiên, hoa nào có ý thức gì về việc tàn hay nở. Ý kiến thứ hai: hoa nở hoa tàn, đó là việc của hoa ta đâu có quan tâm đến điều ấy. Cách hiểu thứ nhất sẽ không giải thích được: hoa đã vô tình sao hương hoa lại "bay thấu vào trong ngục" để "tổ bất bình". Và cũng khó chấp nhận việc hoa nở hoa tàn đều vô tình với ta, với tác giả - nhà thơ, người có tấm lòng dễ rung động, cảm thông, nhân ái với "mọi kiếp người" và cũng rất tinh tế, nhạy cảm, chan hoà với thiên nhiên cảnh vật. Như vậy chỉ có thể hiểu: hoa tàn hoa nở, hai sự việc đó đều diễn ra trong sự vô tình, dửng dưng. Đây là sự vô tình dửng dưng của người đời, của tự nhiên, của



tạo hoá. Tạo hoá vô tình thì hương hoa bất bình với qui luật vô tình, vô cảm của tạo hoá và tìm đến để tỏ nỗi bất bình của mình với nhà nghệ sĩ Hồ Chí Minh đang ở tù ngục. *Cảnh chiều hôm* là một bài thơ thể hiện tâm hồn nghệ sĩ của Bác, giàu cảm xúc, tinh tế, lắng nghe tất cả những rung động tha thiết của đời.

*Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng,  
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình*

Một bông hồng nở rồi tàn, một sự việc bình thường trong thiên nhiên cũng đủ để nhà thơ Hồ Chí Minh từ nơi tù ngục chăm chú đến số phận của hoa. Thương tiếc cho những kiếp hoa sớm nở tối tàn, cho những giai nhân bạc mệnh là một chủ đề truyền thống trong văn chương kim cổ Đông Tây. Trong bài thơ *Khúc giang* của Đỗ Phủ có câu:

*Nhất phiến hoa phi giảm khước xuân  
(Một cánh hoa rơi là đã kém về xuân)*

Sau này Xuân Diệu cũng từng than thở:

*Ờ nhỉ! Sao hoa lại phải rơi?*

(Ý thu)

*Cảnh chiều hôm* cũng nằm trong truyền thống ấy nhưng tư tưởng nghệ thuật lại có sự vận động khoẻ khoắn, tích cực. Hoa là biểu tượng của cái đẹp. Nỗi buồn đau của hoa là nỗi buồn đau của cái đẹp bị bỏ quên không người đoái hoài tới. Cuộc đời hoa sớm nở tối tàn trong cái "vô tình" của tạo hoá của con người, mà hoa sinh ra chính là để tô điểm cho đời, cho cuộc sống thêm đẹp. Vậy mà lại bị "vô tình" thì bất bình là điều dễ hiểu. Nhà thơ Lưu Trọng Lư cũng nghĩ tới ý này:

"Hoa nở rồi tàn, đẹp như hoa hồng nở rồi cũng phải tàn.

Quy luật ấy vẫn lạnh lẽo vô tình thế đấy. Nhưng trong cái nở tàn vô tình của hoa vẫn có một chút hương hữu ý còn bay mãi giữa đời... Nhưng tại sao chút hương lại bay vào tận nhà ngục để tố cáo với người tù? Một lòng đau tìm đến một lòng đau? (*Phong cách thơ Bác Hồ - Văn nghệ số 13, ngày 20-3-1976*)

*Hương hoa bay thấu vào trong ngục  
Kể với tù nhân nỗi bất bình.*

Người tù, người chiến sĩ vốn nặng lòng nhân ái, đồng cảm với nỗi đau của hoa. Và không phải chỉ dừng lại ở sự đồng cảm, mà cao hơn với chất nghệ sĩ, Người chỉ ra sự sống, bông hoa không chịu chết, hương hoa, "hồn hoa" bay đi tìm sự đồng tình với nỗi bất bình kia. Hoa bất bình trước sự lạnh lùng dửng dưng của tạo hoá, Người bất bình vì sự bất công vô lý của chế độ Quốc Dân đảng Trung Hoa.

Như vậy, qua bài *Cảnh chiều hôm* ta hiểu được hoa đã gửi trao tin cây nỗi tủi đau, "bất bình" cho một tâm lòng vì đại nghĩa đang ở nơi tù ngục. Và tấm lòng vì đại nghĩa ấy cũng đang đau nỗi đau bất công, đang thương mọi cuộc đời và cũng đang mang nỗi bất bình lớn. Những nỗi đau gặp nhau sẽ tạo ra niềm thông cảm rất nhân bản, rất người.

## MỚI RA TÙ, TẬP LEO NÚI (Tân xuất ngục, học đẳng sơn)

**MÃ GIANG LÂN**

Phiên âm:

*Vân ứng trùng sơn, sơn ứng vân,  
Giang tâm như kính tịnh vô trần;  
Bồi hồi độc bộ Tây Phong Linh,  
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.*

1943

Dịch thơ:

*Núi áp ôm mây, mây áp núi,  
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ;  
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Linh,  
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.*

(Nam Trân dịch)

*Mới ra tù, tập leo núi* là bài thơ nằm ngoài tập *Nhật ký trong tù* được sáng tác khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được tự do. Bài thơ được viết bên rìa tờ báo cùng với mấy chữ "Chúc chư huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên". Và gửi về cho các đồng chí ở nhà ngụ ý nhắn tin, Bác vẫn còn sống, đã ra tù.

Trong quyển *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, T.Lan lại cho biết thêm: "Khi được thả ra, mắt Bác nhìn kém, chân bước

không được, Bác quyết tâm tập đi, mỗi ngày mười bước, dù đau mà phải bò, phải lết cũng phải được mười bước mới thôi. Cuối cùng Bác chẳng những đi vững mà còn trèo được núi. Lần đầu tiên lên đỉnh núi, Bác cao hứng làm một bài thơ chữ Hán".<sup>(1)</sup> Đây là hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

Câu thơ mở đầu tả cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ. Và ở đây cũng thể hiện cái nhìn ung dung thanh thản của nhà thơ:

*Núi áp ôm mây, mây áp núi*

Con người làm chủ thiên nhiên, cái nhìn như bao trùm, thấu tóm được hoàn cảnh thiên nhiên. Đến câu thơ thứ hai ta bắt gặp:

*Lòng sông gương sáng, bụi không mờ.*

Mới đọc qua ngữ câu thơ tả cảnh, nhưng ngẫm kỹ lại, mới biết câu thơ lấp lánh hồn người, rất cụ thể mà lại cô đúc khái quát. Ngày mới vào tù Bác tự dặn mình "Muốn nên sự nghiệp lớn - Tinh thần càng phải cao". Sau 4 tháng Bác nhìn lại "Vật chất tuy đau khổ - Không nao núng tinh thần". Giờ đây sau 14 tháng "tê tái gông cùm" nơi địa ngục trần gian của bọn Tưởng Giới Thạch, nhìn lại mình Bác thấy *Lòng sông gương sáng, bụi không mờ*. Câu thơ như một tiếng reo thầm của một niềm vui chiến thắng.

Những ngày sống trong nhà tù của bọn Tưởng Giới Thạch, mọi việc đều một mình mình biết, một mình mình hay, rất dễ tác động đến tâm tư tình cảm của con người, Bác phấn đấu từng ngày từng giờ chống chọi với mọi âm mưu nham hiểm của nhà tù, chắt chiu ánh sáng tâm hồn để sau 14

---

(1) NXB Văn học, H, 1963

tháng dài trên con đường đầy đoạ đó hiện ra "lòng sông gương sáng". Lòng sông ấy có ánh sáng, có sự phản chiếu như mặt gương. Đó là chất sống tươi tắn của một tâm hồn đối với dân đối với nước của một người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh có "bụi" mà không "mờ". Đó là lương tâm vĩ đại của Bác vằng vặc một niềm thủy chung với lý tưởng. Và cái phong thái ung dung thanh thản kia là một bản lĩnh phi thường của bậc lãnh tụ có khả năng làm chủ trong mọi tình huống phức tạp.

Nhà thơ chân thành tự cảm nhận và giải bày tấm lòng trong sáng của mình. Chính tấm lòng đó càng tạo sự gần bó sâu sắc với bạn bè đồng chí.

*Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh,  
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa*

Tình bạn bè đồng chí vẫn là một chủ đề được biểu hiện với tình cảm thân thiết trong *Nhật ký trong tù*. Tình bạn luôn phải ở trong cảnh ngộ xa cách, nhớ bạn, nhớ đồng chí nơi xa đang hoạt động cho sự nghiệp chung của dân tộc, còn nhà thơ rơi vào cảnh ngộ tù túng, gò bó nơi tù ngục.

*Ngày đi bạn tiễn đến bên sông  
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng  
Nay gặt đã xong, cây đã khắp  
Quê người tôi vẫn chốn lao lung* (Nhớ bạn)

Cảm xúc nhớ bạn trong bài thơ *Mới ra tù tập leo núi* có điểm khác: Không còn bị ràng buộc trong cảnh lao tù nên cảm hứng thơ ca phóng khoáng tự do. Trên đỉnh núi cao Tây Phong Lĩnh nhìn về phía trời Nam lòng xao xuyến bồi hồi. Người chiến sĩ cách mạng đã qua một chặng đường gian khổ,

trong lòng người lúc này có cả nỗi buồn và niềm vui. Buồn vì còn phải xa cách đất nước bạn bè đồng chí. Nhưng trong cảm xúc sâu lắng một niềm vui kín đáo, niềm vui của một người luôn giữ vững ý chí và lòng trung kiên qua những giai đoạn thử thách, niềm vui được tự do, niềm vui hy vọng gặp lại bạn bè đồng chí.

*Mới ra tù tập leo núi* là một bài thơ vừa hiện đại vừa cổ điển. Đây là hình ảnh tinh thần của Hồ Chí Minh. Con người tinh thần vượt hẳn lên mọi đau đớn thể chất. Cái phong độ ung dung kia thể hiện cả một nghị lực phi thường của người chiến sĩ cách mạng. Nhưng bài thơ cũng rất gần gũi và mang rõ màu sắc cổ điển: Trước hết là ở đề tài lên núi, nhớ bạn (đăng sơn, ước hữu) là hai đề tài phổ biến trong thơ ca cổ điển Việt Nam và Trung Quốc. Thứ đến là ở điểm nhìn thiên nhiên và bút pháp miêu tả thiên nhiên, sông núi hữu tình. Nhìn từ cao từ xa, bao quát cả một không gian rộng lớn gồm cả mây trời sông nước. Và bút pháp chấm phá vài nét vẽ đẹp tiêu biểu mà tạo được linh hồn cảnh vật.

# NGẮM TRĂNG

LÊ TRÍ VIỄN

1. Một đời người dễ có tới mấy nghìn trường hợp nhìn thấy cảnh trăng. Nhưng ai nhớ được bao nhiêu đêm trăng trong đời mình? Chưa nói ghi lại bằng văn thơ. Chưa kể văn thơ ấy nhằm cái gì.

Bác Hồ không phải là nhà văn chuyên nghiệp. Nhưng lướt qua văn thơ của Bác, cũng thấy nhiều cảnh trăng đã đọng lại giữa các trang giấy. Mà có lạ không? Thuở nọ, ánh trăng nào cũng như chứa chất suy tư. Trăng đầu tiên trên con tàu lênh đênh trên mặt biển, nhìn ngắm suốt đêm. Trăng đêm mưa rầu rĩ, vàng vọt như đất nước nô lệ trong truyện ngắn buổi đầu cầm bút. Trăng, không phải trăng mà ánh ngày nhợt nhạt lọt qua khung cửa sổ hình trăng khuyết tận trên nóc nhà giam ở Hương Cảng. Trăng mười ba tháng gông cùm... Còn từ Cách mạng Tháng Tám trở đi, biết bao là trăng trong lời Bác, nhưng lại là trăng vui; trung thu có trăng các cháu, thức khuya có trăng lồng cổ thụ, bàn việc quân về trăng chở đầy thuyền, đi ngược dòng sông trăng theo bên mạn, bạn không có thơ thì trăng gõ cửa năn nì...

Đây là một cảnh trong loại trăng ở *Nhật kí trong tù*.

Bây giờ Bác mới vào nhà ngục Tĩnh Tây độ hơn mười bữa.

Trước mắt hãy còn bọn bề nào là ngủ trưa, ăn chiều, cái cùm, con rận, đánh cờ, chia nước..., đủ thứ lãng nhãng của cảnh tù. Trong bụng hãy còn một điểm lo: chưa rõ bọn Quốc Dân Đảng định làm gì mình cho thật cụ thể để có cách đối phó thích hợp. Ấy vậy mà đã ánh lên cái đêm trăng sáng rõ trước trung thu này.

2. Có người không thoả mãn với bản dịch, muốn xét lại chữ nghĩa. Cũng có lẽ. Nhưng cái thần của bài thơ ở đâu?

Một sức sống từ bên trong, rạo rực, dồi dào, một sức sống đáng lẽ phải được biểu hiện thành hành động bộc lộ, sôi trào, lại phải giấu kín lặng lẽ, bởi hoàn cảnh nào có cho phép. Hoàn cảnh là giam cầm, trói buộc, thủ tiêu mọi sự. Nhưng sức sống kia vô hạn, bản lĩnh nào chịu tuân theo. Do vậy, mà cái có đành phải biểu hiện thành cái không. Trong không lại có, có đó mà như không. Cái mạnh, cái siêu việt của một tâm hồn lại ngụ trong cái không ấy.

Tinh thần của bài thơ là vậy. Lời dịch nào trái lại, đi xa, ắt không ổn. Khi cần cũng có thể so sánh đối chiếu.

3.1. *Ngắm trăng*. Đầu đề là vậy, trong tù ngắm trăng.

Ngồi tù mà ung dung, phong thái trượng phu ấy, một câu văn dù có hơi cổ trong *Văn tế Phan Chu Trinh* nói nghe cũng đã sướng:

"Thân, Dậu, Tuất, bấy nhiêu năm tân khổ, khi đào cây, khi lượm đá, giữa biển trần gió bụi cũng thung dung.

"Đặng, Hoàng, Ngô, ba bốn bác hàn huyên, lúc uống rượu, lúc ngâm thơ, ngoài cửa ngục lầm than mà khảng khái".

Ở Côn Đảo mà có uống rượu, có ngâm thơ. Ấy thế mà một cuốn *Thi tù từng thoại* của Huỳnh Thúc Kháng đến mấy



trăm bài thơ, câu thơ, câu đối, cũng chỉ vắn vện ba lần có động đến trăng. Nói động đến trăng thôi, vì trăng không phải là đối tượng miêu tả trực tiếp: một lần là trăng với ý nghĩa triết học: "Trăng kia khuyết đó lại tròn"; một lần nhìn trăng mà chạnh lòng thương vợ một đời khổ sở vì lấy phải chồng khùng (vì không đi làm quan mà lại lo việc nước phải ở tù): "Sầu riêng hỏi thử trăng rằm, Mây mưa ghen ghét mấy năm lại tròn", một lần trở lại Huế sau mười sáu năm, chỉ thấy trăng trên sông Hương là còn hiểu mình: "Lựa có Cầu Hương trăng đẹp dễ. Tóc sương qua lại đợi mình mình". Còn giờ tập *Thơ văn cách mạng* 1930- 1945 của nhà xuất bản Văn Học năm 1980 dày trên 650 trang cũng chỉ có một bài nói chuyện ngắm trăng trong tù, thì đó lại chính là bài này của Bác Hồ.

Té ra cái trượng phu, cái ung dung trong tù ở người khác là ứng vào những chuyện khác, chủ yếu là đấu tranh, là nhiệm vụ, là rèn luyện, sắt son. Nghĩa là trong vòng những tình cảm công dân, chiến sĩ. Chưa phải là của một con người hài hoà, cân đối, có làm nhiệm vụ to lớn với đời, nhưng cũng sống bình thường như mọi người bình thường, dù gặp gian nguy cũng không bỏ nếp sống bình thường, có điều biết sống phải hơn, đẹp hơn.

Vô luận nội dung thơ hay hay dở, với một việc ngắm trăng trong tù ấy cũng đã là một nét lạ. Lạ vì trong tù mà vẫn bình thường.

### 3.2.

*Ngục trung vô tửu diệc vô hoa  
Đối thử lương tiêu nại nhược hà*

(Trong tù không rượu cũng không hoa  
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ)

Theo lệ, trong tù làm sao có thể bình thường được? Đã là thân tù thì mọi cái hầu như do chủ ngục quyết định. Trong hoàn cảnh đó mà đòi ngắm trăng, làm một công việc an nhiên, thái bình như vậy, là có vẻ trái. Công việc ấy xảy ra ở nhà thì thường với bạn bè, có hoa, có rượu. Cái thú tao nhã từ xưa là thế. Tiệc quì bày bên hoa, rượu thơm châm dưới nguyệt. Nhưng ở đây, trong ngục làm gì có? Không rượu, không hoa, và điều này không nói ra: không cả bạn bè. Đó là một thực tế, và là một thực tế không thể chối cãi. Không rượu thì hoa cũng được, đường này cũng chẳng hoa. Không hoa chồng lên không rượu càng khẳng định thực tế ấy, khẳng định cái không khí ấy, phàm tục đến khô khốc, chẳng chút gì thuận lợi chứ đừng nói thanh tao.

*Bài thơ bắt đầu bằng một cái trống không.* Cái trống không ấy do nhà tù mà ra. Đặt *trong tù* lên đầu câu, tiếp theo là *không* rồi *Cũng không* là lên án cái nhà tù ấy. Nó là thủ phạm. Đối với người chính nghĩa, nó là vô nhân đạo.

Nhưng có ai ngờ, trong cái không ấy lại hàm ngụ cái có. Bởi vì còn có trái tim biết cảm cái đẹp của người tù. Không rượu, không hoa ư? Nhưng ai cấm lòng ta có đủ? Mà cũng bất chấp. Vì có sao đâu? Ta vẫn có thể ngắm trăng sông mà cứ đẹp! Ai chặn mắt ta ngắm ánh trăng trong? Ai ngăn lòng ta xôn xao trước đêm đẹp?

Sắp trung thu. Trời xứ Bắc hân trong, trăng hân tròn và sáng. Đêm trước rằm đầu tiên từ ngày bị giam giữ. Mười mấy ngày qua, trừ cái bức mình ban đầu khi bị bắt giữ vô cớ, cái khẳng định mình vẫn là khách tự do, chỉ là một

xâu những sự vật linh kinh, lịch kích đáng lạ, đáng cười, đáng ghét của bộ mặt nhà giam. Bỗng đêm nay trắng sáng quá chừng. Trong suốt, bao la, huyền ảo, vô về. Ngay bên cửa sổ, lồng trong bóng cây. Đêm nay rất đẹp. Trong lòng rạo rức bao nỗi niềm. Cảm lòng không đậu, người tù phải thốt lên:

*Đôi thử lương tiêu lại nhược hà*  
(Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ)

Thốt lên lại là một câu tình tứ cổ. Chút nữa thì ta ngỡ đây là câu của chàng Trương trong đêm trăng thao thức vì người ngọc. Bên chùa Phổ Cứu là trăng xuân, tuổi xuân, tình xuân. Đây là nhà giam, lòng tù, nạn nước. Nhưng kể gì. Phương pháp sáng tác truyền thống cho phép dùng cái tượng trưng, thì cứ gì phải là rượu là hoa mới nói hoa và rượu, cứ gì phải đêm xuân, tình xuân mới dùng được *lương tiêu* và *nại nhược hà*. Miễn cái tượng trưng của *hoa rượu*, của *đêm đẹp* của *biết làm sao* là cần cho thơ, là có thật trong lòng người.

Vậy trước cảnh đẹp đêm nay, trước cái *đẹp đêm lành* này (đôi thử lương tiêu), *biết làm sao bây giờ?* (*nại nhược hà*). Một câu hỏi hay một câu than đều có nghĩa. Nó là dấu hiệu của một tâm trạng dạt dào nên sinh băn khoăn. Hơn nữa, bối rối, xao xuyến. Nó ăm ắp tình tứ, nó rạo rức, nó muốn yêu, muốn thưởng thức, muốn chan hoà, muốn giải bày, bộc lộ. Phải đi ra với đêm, phải tắm mình trong nguyệt, phải vui, phải làm thơ. Tâm trạng người tù như vậy nhưng người tù đành như phải làm lơ. Như đành để mặc cho *đêm đẹp* *đêm lành*, cho trăng mời trăng giục. Nghĩa là bao nhiêu dạt dào trước trăng trước đêm, trước cái đẹp cái lành, phải ẩn

vào bên trong, vùi vào im lặng. Xưa trong hoàn cảnh bình thường, người ta còn gọi đến trăng, nhờ đến bóng, rồi người ta chuốc rượu khuyên mời cho đỡ cô đơn. Đây chỉ im lặng. Người cũng như trăng: lặng lẽ.

*Một lần nữa, cái có lại lấp dưới cái không, cái có lại biểu hiện ở cái không. Bao nhiêu sóng gió đành lặn xuống đáy để bày lên trên một mặt hồ phẳng lặng. Trăng ơi trăng, trăng hiểu cho người chứ!*

Vậy nên, cảnh thưởng trăng chỉ thu lại trong mỗi một hành động không hơi không tiếng, người quay ra cửa sổ nhìn trăng sáng và trăng từ khe cửa nhìn nhà thơ:

*Nhân hương song tiền khán minh nguyệt  
Nguyệt tòng song khích khán thi gia*

(Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ  
Trăng nhòm cửa sổ ngắm nhà thơ)

Có người không bằng lòng lắm với chữ *ngắm*. *Vọng* cũng ngắm, *khán* cũng ngắm. Cho là được đi, thì *ngắm* cũng còn đôi chút gì thích thú, say mê bộc lộ ra bên ngoài, trong khi *khán* chỉ là xem, có mắt thì xem, chưa kèm sắc thái tình cảm nào. *Tòng* là tuân theo một tình trạng hiển nhiên, có khe cửa thì trăng lọt vào, chứ không phải nhòm là một cử chỉ chủ động, pha tí tình nghịch, láu lỉnh, không hợp lắm. Hóm hỉnh là một nét đặc thù ở Bác Hồ, nhưng chất vui ở đây e là tan mất cái không khí toàn lặng lẽ, suy tư. Mà lặng lẽ, suy tư mới đúng.

Cứ cho đó là cử chỉ, là hành động đi, thì *hương* và *tòng* vẫn là thể im lìm lặng lẽ. Còn *khán*, nhìn thì hoàn toàn chỉ dùng đôi mắt, không cử động cơ thể nào khác, không chút

tiếng động. Ôi cái nhìn! Bao nhiêu nói năng trong cái nhìn. Có cái nhìn phút chốc thanh thần, giao cảm với cái đẹp của cuộc sống yêu thương. Cái nhìn của ngày đi xem tranh, xem tượng, thời gian kiếm sống cực nhọc và đấu tranh khó khăn. Cái nhìn hoa nghe chim trên đường chuyển lao, chân tay bị xiềng xích. Cái nhìn lúc tâm hồn đã lắng lọc bao nhiêu gay gắt, lo toan để trở thành trong veo, mát rượi.

Chính vì thế mà người tù trở thành thi gia rất đột ngột ở cuối bài. Làm gì còn người tù. Lao ngục cũng đã bị phủ định một cách thần tình. Mở đầu bài thơ là nhà tù mà kết thúc lại là nhà thơ. Thật ra, ngay từ lúc đặt ra việc ngắm trăng, trưng ra nào hoa nào rượu một cách phi logic trong cảnh tù đã là bắt đầu phủ định tinh thần tù mà khẳng định tinh thần thơ rồi. Trên kia nói không hoa không rượu mà còn có trái tim biết cảm cái đẹp là như vậy.

Câu thơ song song *nhân* và *nguyệt*, *song tiền* với *song khích*, *nhìn nguyệt* với *thi gia*, và cả hai cùng hoà tan trong một cái nhìn. Còn có gì nhịp nhàng hơn, hài hoà hơn, cảm thông hơn? Người xứng với trăng, trăng thấu hiểu người. Trăng đẹp nên vì sáng, người đẹp lên bởi tâm hồn thành thơ. Tâm hồn người thành thơ nên trăng càng sáng, trăng càng sáng nên con người càng hoá thành thơ. Và bên nhau, trăng sáng cũng rọi thơ và tâm hồn thơ cũng lung linh ánh sáng. Hai mà một, một mà hai. Bởi tất cả đều gói trong một cái nhìn lặng lẽ.

Ai hiểu cho hết những cảm xúc gì, những tình cảm nào, những suy nghĩ gì, những tư tưởng nào ở đáy sâu cái nhìn ấy? Điều chắc chắn là ở trung tâm sôi động im lìm ấy phải có một xúc cảm đẹp, đẹp trời, đẹp trăng, đẹp đêm, và vui lòng, vui trí, vui người.

Còn gì nữa trong cái giây lát chia sẻ ra từ tâm trạng nhiều đường nhiều nét của Bác bây giờ, thì xin tùy lòng người đọc thơ. Bài thơ hai mươi tám chữ chỉ có thể vẽ lên được một cái khung. Nó như một quán trọ Tây Ban Nha. Khách trọ hãy mặc lòng mang thức ăn đến. Miễn đừng làm vỡ quán.

*Lần thứ ba, ta đọc cái sôi động qua cái im lìm lặng lẽ.* Nghĩa là trong cái không lại tìm thấy cái có, cái có lại biểu hiện bằng cái không. Bài thơ nhất quán ở cái thần của nó.

Có người bình bài Một mình uống rượu dưới trăng (*Nguyệt hạ độc chước*) có câu: "*Trong thơ có lúc trông không lại sinh có*" chính là vậy.

4. Xưa nay nói về trăng, có biết bao lời đẹp. Trong cuộc sống lao động trong sạch, nếu có nắng lửa mưa dầu thì lại có trăng thanh gió mát. Hình như nhân loại muốn dành cho trăng phần hạnh phúc, ước mơ, lãng mạn của cuộc đời. Thế nên trăng đến với con người như một bạn tri âm, một vẻ đẹp, để làm vui, làm mát, chỉ ít làm dịu bớt cái cháy da, rồ gót của cuộc đời. Cao hơn một bậc, là cứ để trăng ở thế giới khách thể, không cho trăng nhuộm màu sắc tình cảm của người, mà coi đó là một kho đẹp của đất trời, dành cho sự hài hoà, cân đối cao quý của tâm hồn, có bổng phải có trầm, có đậm phải có nhạt, có làm việc nhưng có nghỉ ngơi, có lo toan nhưng có thư thái, và luôn luôn chủ động, tích cực...

Đó là trường hợp Bác Hồ. Một con người từ thuở còn đang làm phụ bếp trên tàu đã hàng ngày dậy thật sớm để xem mặt trời mọc, đến những năm thanh niên sống vất vả, phải dùng hòn gạch nóng để sưởi ban đêm, mà vẫn thường xuyên đi xem các bảo tàng mĩ thuật từ Pari đến Rôma... con người

ấy đã hình thành trong tâm hồn mình một sự hài hoà, một sự cân đối cao sâu và tuyệt diệu, tuyệt diệu nhất là ở chỗ hồn nhiên, giản dị.

Không phải đối chiếu với phong thái sống của Mác, không cần viện trợ đến thơ Bác sau Cách mạng Tháng Tám. Một tập *Nhật kí trong tù* cũng đủ.

Chủ nghĩa cộng sản cho phép ước mơ một cách có căn cứ đến một cuộc sống được "Tổ chức theo qui luật của cái đẹp". Con người trong đó được phát triển toàn diện, cân đối, hài hòa. Dù là chiều nào, cơ thể hay trí tuệ, đạo đức hay tài năng, tâm hồn hay lao động, cũng đều tốt đẹp cả. Công hiến hết mình và hưởng thụ chính đáng, con người với xã hội và con người với thiên nhiên, bàn làm việc và vườn cây, cây búa và hộp màu... không lệch bên nào mà kết thành một khối trong suốt, liền bên, không thấy dấu nối, đường ghép. Cái đó có bóng dáng nào ở các bậc vĩ nhân cha ông không? Có mầm mống nào trong truyền thống mĩ học dân tộc không? Nhưng ở Bác Hồ là như vậy.

Cho nên, dù là hoàn cảnh trong tù, Bác vẫn "Vui say ai cấm ta dừng" Nghĩa là Bác vẫn vượt ra ngoài hoàn cảnh ấy, vẫn giành lấy cái tự do mà nhà ngục không sao gông xiềng được. Nhờ vậy mà ta có được bao nhiêu điều để thích thú, ngưỡng mộ và học tập đời đời: chân treo ngược lên mũi thuyền mà lòng vẫn hân hoan với làng xóm đông đúc, vẫn lâng lâng với chiếc thuyền câu nhẹ tênh như mây; chân tay mang xiềng xích mà tai vẫn rộn tiếng chim rừng, và mũi vẫn đượm hương hoa dại, và đây, ở bài thơ này mắt vẫn ngắm vẫn nhìn, vẫn chuyện trò với trăng bằng im lặng. Hơn thế. Không có gì cả, mà vượt lên trên, biến không thành có. Không có hoàn

cảnh, không có điều kiện, nhưng vẫn thưởng trăng đầy đủ. Đầy đủ ở trong lòng.

Cái lạ, cái hay của bài thơ ở chỗ đó. Sức mạnh của con người, cái đẹp của tâm hồn, của Bác là ở đó.

Nếu trăng thuộc phần vui, phần đẹp, phần ước mơ lãng mạn, phần triển vọng, vậy ngục tù có phải là bao nhiêu cái khó khăn, gian khổ, cái trói buộc, lúng túng tiêu cực trên đường đi tới một cảnh trăng đẹp chẳng? Trong tù mà ngắm được trăng, đương nắng lửa mưa dầu mà nhìn được trăng thanh gió mát, đó đâu chỉ là một phong thái. Đó là một bài học đạo đức, một bài học lạc quan, tin tưởng, một bài học cách mạng thật không ngờ, nhưng thật thú vị.

*Thành phố mang tên Bác,  
tháng 3-1981*



# TỨ CÁ NGUYỆT LIỄU

## BÀI THƠ CHỨA ĐỰNG NHỮNG CHÂN LÍ SÂU XA VỀ GIÁ TRỊ CON NGƯỜI

ĐỖ KIM HỒI

### I

Hẳn không phải ngẫu nhiên mà bài thơ lại được đặt đầu đề như thế: không phải *Tứ cá nguyệt*, mà là *Tứ cá nguyệt liêu*, không phải là *Bốn tháng* mà là *Bốn tháng rồi*. Chỉ thêm một từ biểu thị ngữ điệu, một dấu hiệu tự thốt thôi, nhưng là thêm nhiều lắm. *Tứ cá nguyệt*, *bốn tháng*, đây mới là một khoảng thời gian, một thực tế khách quan. Còn khi nói *tứ cá nguyệt liêu*, *bốn tháng rồi*, thì thực tế khách quan đó đã được con người cảm xúc, suy ngẫm, đánh giá, thì khoảng thời gian đó đã được coi là đủ dài, đủ sâu, đủ phong phú, đủ đau đớn nặng nề để trở thành một giai đoạn đáng kể trong cuộc đời người tù.

Bốn tháng đầu tiên, bốn trăng đầu tiên trong "mười bốn trăng tê tái gông cùm" của Bác Hồ quả là một khoảng thời gian đặc biệt.

Tính đến lúc đó - cuối tháng 12-1942 <sup>(1)</sup> - Bác mới qua chưa đầy một phần ba của hạn tù, nhưng đã trong đây trời và xiềng xích, đi hết hai phần ba chiều dọc tỉnh Quảng Tây, từ Tĩnh Tây ở góc tây nam đến Liễu Châu ở xế về đông bắc <sup>(2)</sup>; và điều chua chát là con đường lưu đày ấy hoàn toàn ngược chiều với đoạn đường về Tổ quốc mà hai năm trước bác đã đi <sup>(3)</sup>. Thế là, chỉ còn thiếu một Quế Lâm nữa thôi là đủ để chỉ qua 5 bài thơ sau, Bác viết:

*Hâm oan, đạp **biển** Quảng Tây địa* <sup>(4)</sup>  
(Quảng Tây đi **khấp**, lòng oan ức)

Hàng chục nhà tù, từ cái luộm thuộm nhất như Quả Đức, cái mạt hạng nhất như Bình Mã, đến cái "ma-đăng" (Modern) nhất như Nam Ninh, Bác đều đã trải qua. Hơn chín chục bài thơ đã làm để:

*Liêu tá ngâm thi tiêu'vinh nhật,  
Thả ngâm thả dài tự do thi.*

*(Ngày dài ngâm ngợi cho khuây  
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do).*

---

(1) J. Budaren (Trong *Một cốt cách cô điển và những sáng tạo hiện đại*, in lại trong *Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, 1979, tr.562) và Trương Chính (*Những ngày tháng Bác bị giam giữ ở Quảng Tây* - Tác phẩm mới, tháng 5-1975) cho rằng Bác bị bắt ngày 29-8-1942. Còn Đặng Thai Mai (*Trên đường học tập và nghiên cứu*, tập III, Nxb Văn học, 1973, tr.44) căn cứ vào bài *Đảo Liễu - Châu* cho Bác phải bị bắt trước ngày 29, nhưng cũng trong hạ tuần tháng 8. Như vậy, dù thế nào thì *Từ cá nguyệt liễu* cũng được viết vào cuối tháng 12-1942.

(2) Xem bản đồ của Kinh. C. Chen ghi lại những chặng đường và những nơi Bác bị giam giữ trên đất Quảng Tây, xuất bản ở Mỹ năm 1969, in lại trên báo *Nhân dân ngày 16-5-1980*.

(3) Xem: Vũ Anh, *Từ Côn Minh về Pắc Bô*, in trong tập *Hồi kí Bác Hồ*. Nxb Văn học 1960.

(4) Trích bài thơ "?!"

Vậy mà, đúng vào lúc này đây, lại vừa mới tiêu tan một hi vọng thoát tù: Ngày 9-12, khi đặt chân đến Liễu Châu, nơi có "dinh trưởng quan" (có lẽ là trụ sở Đệ tứ chiến khu của Trương Phát Khuê?), Bác những tưởng mình đến lúc được uống ngụm cuối của chén thuốc đắng, được đi đoạn cuối cùng của chặng đường gay <sup>(1)</sup>. Bác những tưởng qua cửa ải cuối cùng này, ngày tự do của mình còn chắc là màu tươi: "Tự do nhật tử khoái lai lâm"<sup>(2)</sup>.

Nào ngờ, có lẽ chỉ một hai ngày trước khi viết bài *Tứ cá nguyệt liễu* này, Bác mới biết mình còn bị giải đến Quế Lâm <sup>(3)</sup>! Nghĩa là, con đường khổ ải còn chưa chấm dứt, và cũng chưa thể nói còn kéo dài đến tận lúc nào...

... Và bây giờ, người tù ấy, trong cơn ốm đau<sup>(4)</sup> của tuổi 53, trong cái rét tai quái giữa tháng trọng đông của một vùng khí hậu lục địa, người tù ấy, sau lưng là những gian khổ cùng cực vừa trải qua và trước mặt là một cuộc hành trình mới qua địa ngục đang sắp sửa..., chính trong một hoàn cảnh như thế, mà người tù đau khổ ấy, nhà cách mạng vĩ đại ấy đặt bút viết những dòng này.

## II

Bài thơ mở đầu bằng một danh ngôn cổ:

*Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại*  
(Một ngày ở tù, nghìn thu ở ngoài)

---

(1) Xem bài *Cửu bất đệ giải*

(2), (3) Xem bài *Đạo trưởng quan bộ*, viết liền ngay trước bài *Tứ cá nguyệt liễu*.

(4) Xem bài *Bệnh trọng*, viết liền sau bài *Tứ cá nguyệt liễu*.

Sau khi khẳng định lời nói đó không những không sai, mà còn không ngoa nữa (xin chú ý điều này). Bác Hồ viết tiếp:

*Tứ nguyệt phi nhân loại sinh hoạt  
Sử dư tiêu tuy thập niên da*

*(Sống khác loài người vừa bốn tháng)  
Tiêu tuy còn hơn mười năm trời)*

Một đằng là một ngày bằng một nghìn năm, đằng khác những bốn tháng, 120 ngày mà chỉ được so với có mười năm, sự không tương xứng quá rõ rệt giữa hai lần so sánh đã làm cho không ít người giảng bài lúng túng. Có người tìm cách giải thích: "Bác có giảm bớt độ dài thời gian so sánh. Bác chỉ ví bốn tháng bằng mười năm. Câu thơ thiên về tả thực hơn là phóng đại, ngoa dụ"<sup>(1)</sup>. Nhưng nếu vậy thì phải cho cách nói của cổ nhân trong câu đầu là "phóng đại", là "ngoa dụ", và như thế là mâu thuẫn ngay với tinh thần câu thơ thứ hai của Bác. Lại cũng có người cho sự bất xứng nói trên không đáng coi là chuyện của văn chương - nó chỉ là chuyện vật. Nhưng có lẽ đây hoàn toàn không phải là chuyện lẫn lộn, chẻ sợi tóc làm tư, không phải là chuyện vật. Đây là chuyện quan niệm, có liên quan đến việc nhận thức chủ đề tư tưởng của toàn bài.

Hãy trở lại câu thứ nhất. Câu thơ nói đến cái cảm giác kì lạ về thời gian, sinh ra từ những tâm hồn bị giam hãm trong đợi chờ và sầu muộn. Cảm giác ấy, người tù có, mà

---

(1) Tài liệu hướng dẫn giảng dạy văn học lớp 10, tập I, Nxb Giáo dục, 1976, tr.193. Xin xem thêm: Phan Trọng Luận, *Phân tích tác phẩm văn học trong nhà trường*. Nxb Giáo dục 1977. tr. 167.

những kẻ tương tư thường khi cũng có. Cho nên, bên cạnh câu "*nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại*" vẫn có những câu như "*nhất nhật bất kiến như tam thu*" (một ngày không gặp dài tựa ba thu). Gọi rằng đau khổ, thì đây là nỗi khổ đau thuộc lĩnh vực tinh thần.

Nhưng theo tôi, bài thơ này không phải được làm ra để nói lên nỗi khổ đau tinh thần ấy. Khác với tác giả bài hướng dẫn nói trên và nhiều người khác, tôi cho rằng, trong bài thơ, Bác có thể xác nhận lời nói của cổ nhân - như sau này, Bác còn có lần xác nhận<sup>(1)</sup> -, nhưng Bác hoàn toàn không hề có ý định lấy bốn tháng của đời mình để chứng minh cho nó. Có lẽ, với Bác Hồ, câu nói trên chỉ là một câu khởi hứng, chứ không phải một luận đề cần khai triển. Tư tưởng của bài thơ, tôi nghĩ chỉ thực sự được trực tiếp đề cập đến bắt đầu từ những câu 3 - 4, khi Bác nói đến về "tiểu tụy" hiện ra trên mình sau bốn tháng trời tù ngục. Nói "tiểu tụy" là nói đến sự huỷ hoại đối với thân xác chứ không phải là sự đau khổ của tâm hồn. Bác căm phẫn chế độ nhà tù không phải vì nó gây ra sự mòn mỏi về tinh thần, mà vì nó tước đoạt thời gian làm việc của Bác, nó cướp đoạt sức lực của cơ thể Bác.

Kết luận này hoàn toàn phù hợp với ý nghĩa của hai câu cuối bài thơ, những câu thơ tổng kết của một bài thơ tổng kết:

*Vật chất tụy thống khô  
Bất động dao tinh thần*

---

(1) Xem bài của R. Arizmendi và bài của R. Denux - *Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh*, sđd, tr.516 và 532.

(Vật chất tuy đau khổ  
Không mao núng tinh thần)

Kết luận này cũng hoàn toàn phù hợp với những câu thơ được đặt ở vị trí thứ nhất của tập thơ, như một tuyên ngôn tư tưởng, một đề từ:

*Thân thể tại ngục trung  
Tinh thần tại ngục ngoại*

(Thân thể ở trong lao  
Tinh thần ở ngoài lao)

Rõ ràng, nếu nhà lao chỉ giam giữ được thân thể Bác, thì cái sức tàn phá của nó cũng chỉ có thể tác động vào thân thể Bác mà thôi.

Chính vì Bác vĩ đại nên Bác chỉ tố cáo nhà tù trong phạm vi ấy. Nhưng cũng chính vì Bác vĩ đại, nên trong phạm vi ấy, Bác đã tố cáo chế độ nhà tù với một sức khái quát không thể nào cao hơn được. Bác nói cuộc sống của người tù là *phi nhân loại sinh hoạt*. Chữ *phi nhân loại* mà chỉ dịch là *khác loài người* thì nhẹ quá. Phải hiểu đó là cuộc sống *không phải của loài người*, là cuộc sống hoàn toàn tương phản với cuộc sống của con người, huỷ diệt giá trị con người. Nếu không có gì đáng quý hơn cuộc sống của con người thì cũng không có gì đáng căm giận hơn cái thứ *phi nhân loại sinh hoạt* đó.

Và thế là chúng ta đã bắt đầu đi vào vấn đề trung tâm của bài thơ: "*Con người - Người nhất*" (chữ của V.Maiacôpxki) đã cảm thấy gì và đã sống như thế nào trong một hoàn cảnh phản - con người nhất.

### III

Hai khổ thơ tiếp theo nói rõ hơn ý hai câu 3, 4 của khổ đầu (chứ không phải là sự bổ sung ý của toàn bộ khổ 1, như tác giả bài hướng dẫn nói trên đã viết). Minh hoạ cho câu "Tứ nguyệt phi nhân loại sinh hoạt", Bác viết:

*Tứ nguyệt ngật bất bão  
Tứ nguyệt thuy bất hảo  
Tứ nguyệt bất hoán y  
Tứ nguyệt bất tẩy thảo*

(Bốn tháng cơm không no  
Bốn tháng đêm thiếu ngủ  
Bốn tháng áo không thay  
Bốn tháng không giặt giũ)

Trong bốn câu thơ, không hề có lấy một từ biểu cảm hay một từ miêu tả. Cùng bắt đầu bằng hai chữ *tứ nguyệt*, cùng một cách đặt câu, bốn dòng thơ ấy cô đúc như bốn cái gạch đầu dòng của một dàn bài, hay như bốn lời kết tội của một bản án. Chính sự quá ngắn gọn ấy - ngắn gọn nhất đúng ở chỗ mà nhiều người khác dễ dài dòng nhất - cũng đã nói lên nhiều điều về con người Bác. Bác không muốn nói nhiều về bản thân, càng không muốn than thở nhiều cho bản thân.

Và lại, như đã nói ở trên, đây là một bài thơ tổng kết. Đoạn thơ trên được viết ra sau khi đã có 101 bài thơ khác<sup>(1)</sup> vì thế, nó đòi hỏi một cách đọc có phần đặc biệt. Phải biết một phần không quá nhỏ trong số 101 bài thơ khác đó mới

---

(1) Con số bài tạm tính theo bảng *Nhật ký trong tù* của Viện Văn học (NXB Văn hoá, 1960) trong khi chờ đợi một con số chính xác hơn.

mong hiểu được ít nhiều về những gì được chứa đựng trong bài thơ thứ 102 này. Chẳng hạn, cũng phải biết những câu nói về cơm tù ở Tĩnh Tây (Mỗi xan nhất uyển hồng mễ phạn; Vô diêm, vô thái hựu vô thang - Lót lòng mỗi bữa lưng cơm đỏ; Không muối, không canh, cũng chẳng cà - *Tù lương*), cháo tù ở Diên Đông (mỗi xan nhất uyển công gia chúc; Đồ tử thì thì tại thán hu - Cháo tù lưng bát thắm vào đầu; Bụng đói luôn luôn cứ réo gào - *Diên Đông*); rồi lại cháo tù ở Bình Mã và Đồng Chính (Mỗi xan nhất chúc đồ không không - Bữa lưng bát cháo bụng cồn cào - *Đồng Chính*), ta mới hình dung được thế nào là *Tứ nguyệt ngật bất bão*. Cũng cần biết những bài như *Dạ túc Long Tuyền* và *Nạn hữu đích chỉ bị*, những bài như *Sơ đáo Thiên Bảo ngục* với những câu "Triệt dạ hựu vô an thuy xứ; Xí khanh thượng tọa đảo triều lai" (Lại khổ thâu đêm không chỗ ngủ; Ngồi trên hố xí đợi ngày mai), và *Dạ lãnh* với những câu "Thu thâm vô nhục diệc vô chiên; Súc hinh cung yêu bất khả miên" (Đêm thu không đêm cũng không chán: Gối quắp, lưng còng ngủ chẳng an) mới có thể lường hết sức nặng của một câu "*tứ nguyệt thuy bất hảo*". Đối với những câu thơ như thế, càng đọc nhiều, càng cảm nhiều, càng dễ nhận ra vắng liên tưởng lung linh quanh chúng.

Cũng cần chú ý tới âm điệu rất đặc biệt của khổ thơ. Tôi chưa đọc một đoạn thơ nào có một tỉ lệ thanh trắc cao đến thế: 19 trên 20 âm tiết (95%). Chỉ có một thanh bằng duy nhất ở cuối câu thứ ba, tức là ở chỗ không thể nào chuyển thành trắc được.

Nói rằng Bác đã cố ý viết những câu thơ toàn trắc, tôi e không có căn cứ vững vàng. Nhưng cũng khó chối cãi rằng, cái nhạc thơ độc đáo ấy đã tạo ra một hiệu quả thơ cũng



thật là độc đáo. Nó gieo vào lòng ta một cái gì rất gian khổ, nặng nề, một nỗi căm giận không ồn ào nhưng sâu và đầy sức mạnh - nỗi căm giận của một tâm hồn cứng cỏi.

Có lẽ cũng là điều lý thú, nếu ta đối chiếu kĩ hơn những câu thơ với sự khái quát có tính chất triết học của chủ đề. Bởi vì, nếu khổ thơ này nhằm tố cáo cuộc sống phản - con người, thì chúng ta cũng có thể qua đó, tìm hiểu xem, Bác quan niệm thế nào là cuộc sống của con người.

Chẳng hạn, Bác nói *ngật bất bão* là *phi nhân loại*. Nghĩa là, Bác tố cáo các hiện tượng ăn không no đó không chỉ từ chỗ đứng của một tù nhân đau khổ, mà nhân danh quyền sống của loài người. Tôi lại nhớ đến một câu quen thuộc nữa của cổ nhân: "Quân tử thực vô cầu bão" (Người quân tử ăn chẳng cần no). Hai cách nói, hai cách nghĩ khác nhau biết bao nhiêu! Một bên kênh kiệu cao xa, một bên gần gũi và thiết thực. Một bên lấy sự ăn không no làm điều kiêu ngạo. Một bên lại coi sự ăn không no đó là điều xúc phạm đến danh hiệu nhân loại, là cái làm cho con người chưa thật sự được là người. Quan niệm trước, xét về mặt ý nghĩa khách quan, biện hộ cho sự nghèo đói, sự bóc lột, sự bất công<sup>(1)</sup>. Quan niệm sau làm nảy nở một lí tưởng, một "ham muốn tốt bậc" ham muốn làm cho con người "ai cũng có cơm ăn áo mặc".

... Nhưng những nỗi khổ đau có tính chất nhân loại được nói tới ở đây không chỉ có chuyện ăn, chuyện ngủ. Hai trong bốn câu của khổ thơ - 50%, một tỉ lệ rất đáng chú ý - nhắc

---

(1) Theo chúng tôi hiểu, "quân tử thực vô cầu bão" là câu nói hài hước, chua chát của anh quân tử còn bị ghi sập vào cái nghèo túng, nhưng tự cười an ủi rằng: "bụng ta lép, vì ta không thèm ăn no". (XBGD).

đi nhắc lại đến day dứt cái cay cực của một cảnh sống thiếu vệ sinh: "Tứ nguyệt bất hoán y. Tứ nguyệt bất tẩy thảo".

Có thể hiểu rằng, với Bác, đây cũng là một sự phi nhân hoá hoàn cảnh sống. Và, vang lên từ những câu thơ đó là đòi hỏi lớn của Bác Hồ: Con người phải được sống sạch sẽ, cho xứng đáng với vị trí cao quý của nó trong cuộc đời.

Phải xoá bỏ đi sự bẩn thỉu, sự hôi hám tối tăm, để nhân loại có thể thực sự trở thành nhân loại.

\*

\*      \*

Nếu khổ thơ vừa phân tích cụ thể hoá câu thứ ba của bài thơ, thì khổ tiếp theo là sự minh hoạ cho câu thứ bốn. Quan hệ giữa hai khổ đó được xác định rõ bởi liên từ *sở dĩ* (cho nên). Khổ trên nói đến điều kiện, đến nguyên nhân. Khổ dưới chỉ ra hiệu quả sinh ra từ những điều kiện, những nguyên nhân ấy. Trong khổ trên, ta đọc thấy lời tố cáo một hoàn cảnh sống phi nhân loại. Và bây giờ, qua khổ dưới, ta hãy xem hoàn cảnh phản - con người ấy có thể gây ra những tổn hại nào đối với con người.

*Lạc liễu nhất chích nha*

*Phát bạch liễu hứa đa*

*Hắc sâu tượng ngã qui*

*Toàn thân thị lại sa*

(Răng rụng mất một chiếc

Tóc bạc thêm mấy phần

Gây đen như quỷ đói

Ghẻ lở mọc đầy thân)

Trước hết, ta nhận thấy đoạn thơ nói đến sự *tiêu tụy*

nhưng không ngậm ngùi, không mềm yếu. Cảm giác đó có được có lẽ do âm điệu rắn rỏi của khổ thơ, với tỉ lệ thanh trắc cũng vẫn rất cao (15 trên 20 âm tiết).

Và cũng như ở trên, sự *tiêu tụy* ở đây chỉ được miêu tả hết sức tóm tắt. Ngót hai tháng trước, ở Đồng Chính Bắc đã từng viết cả một bài thơ *Lạc liễu nhất chích nha* (Rụng mất một chiếc răng). Giờ đây, *Lạc liễu nhất chích nha* chỉ còn là một câu thơ trong bài thơ *Tứ cá nguyệt liễu* này. Vì thế, cũng phải nghĩ tới bài thơ *Lạc liễu nhất chích nha*. Cũng vậy, để thấm thía hết ý vị của câu *Toàn thân thị lại sa* (Ghẻ lở mọc đầy thân), không thể không nhớ đến bài *Lại sang* Bắc viết hồi còn bị giam ở Nam Ninh tháng trước.

Nhưng điều đáng nói hơn là, trong đoạn thơ, sự *tiêu tụy* được ghi lại cụ thể và chân xác, y như trong một bài phóng sự điều tra. Bắc nói, sau bốn tháng sống trong tù ngục (hay trong địa ngục?), Bắc bị rụng *một* chiếc răng và tóc Bắc đã *bạc nhiều*. Chỉ thế thôi. Không hề có một chút cường điệu những nỗi đau khổ của bản thân. Bắc nói giản dị hơn, và thật hơn, thật đến mức vô cùng nghiêm ngặt với chính mình. Nhưng chính vì thế, chính có như thế, mà trong tim ta, nỗi đau của lời thơ Bắc càng thêm nặng nề, càng có sức lay động mạnh:

*Tứ nguyệt phi nhân loại sinh hoạt*  
*Sử dư tiêu tụy thập niên đa.*

Bốn tháng mà cơ thể bị huỷ hoại hơn cả mười năm! Mà trong phong cách thể hiện của bài thơ - như vừa phân tích-, điều đó hoàn toàn không có chút gì phóng đại. Đọc bài thơ, ta đau xót nghĩ: Vậy trong ba lần rưỡi của thời gian bốn tháng ấy, trong "mười bốn trăng tê tái" ấy, nhà tù Tưởng

Giới Thạch đã cướp mất đi của Bác kính yêu bao nhiêu tuổi thọ?

Đã nhiều lần đọc, nhiều lần nghĩ đến khổ thơ này trong hệ thống chung của toàn bài, dần dần, tôi cảm thấm mình nhận được ra ý nghĩa của sự sắp xếp những câu thơ. Hai câu đầu nói về các hiện tượng bạc tóc, rụng răng. Đó là những dấu hiệu của một sức khoẻ đang suy giảm. Nhưng nếu chỉ có thế thôi thì giá trị con người vẫn chưa bị hoàn cảnh phá - con người nói trên đe dọa. Nếu chỉ có thế thôi thì con người đâu sao cũng vẫn còn được là người. Nhưng còn đói khát còn ghẻ lở? Vậy là đến câu thứ ba, một chữ *quí* đã dội lên Sự nguy hiểm đã xuất hiện. Tính chất phi nhân của hoàn cảnh đã muốn dẫn đến tính chất phi nhân của hình hài

Nhưng còn con người, còn phẩm chất cách mạng của con người, những cái đó liệu có bị huỷ diệt không trong hoàn cảnh phi nhân ấy?

#### IV

Tôi cho rằng phải suy nghĩ trên chiều hướng ấy, ta mới hi vọng hiểu đúng ý nghĩa của hai chữ *hạnh nhi*, (may mà mở đầu cho khổ thơ cuối cùng. *Hạnh nhi*, đó không chỉ là nụ cười phác thực nở trên môi của một người cực kỳ hồ hậu - vì khó nhất là vẫn hồn hậu được trong đau khổ - và cực kỳ khiêm tốn - vì khó nhất là vẫn khiêm tốn được trước chính mình. *Hạnh nhi*, theo tôi, còn là nỗi mừng rỡ là tiếng khê reo của một người, trải qua những thử thách khốc liệt, những giằng xé dữ dội, những nguy biến hiểm nghèo

ay kiểm điểm lại, vui sướng thấy mình không đánh mất  
li cái tài sản quý báu nhất của mình, và do đó, bảo tồn được  
hình bản thân mình.

Cái tài sản quý nhất ấy, cái phần người nhất ấy của một  
con người, cái làm cho Bác thấy mình còn được là mình, dù  
"tiểu tụy", dù "ghẻ lở mọc đầy thân", dù "gầy đen như quỷ  
lói"... cái đó là **TINH THẦN**, tinh thần của người cộng sản  
vẫn giữ được nguyên vẹn nhờ cuộc đấu tranh lâu dài, quyết  
liệt và thường xuyên thắng lợi với những nỗi thống khổ về  
vật chất:

*Tri cửa hòa nhân nại  
Bất khảng thoái nhất phân  
Vật chất tuy thống khổ  
Bất động dao tinh thần*

(Kiên tri và nhân nại  
Không chịu lùi một phân  
Vật chất tuy đau khổ  
Không nao núng tinh thần).

Chính trong sự chiến thắng hoàn cảnh phi nhân loại này,  
nà **TINH THẦN** của con người, và bản thân **CON NGƯỜI**  
hơn trở nên lộng lẫy<sup>(1)</sup> hơn bao giờ hết.

Tôi nói *hơn bao giờ hết*, bởi thật ra, Bác đã không ít lần  
nói đến, và nói rất hay về sức mạnh vô địch của tinh thần.  
Có những câu như: "Không có việc gì khó, Chỉ sợ lòng không  
cần..." thực sự đã trở thành tục ngữ của thời đại mới. Còn  
câu "Thân thể tại ngục trung; tinh thần tại ngục ngoại" thì

---

(1) Chữ của Giáo sư Đặng Thai Mai trong *Đọc lại Ngục trung nhật ký*, in trong  
*ghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh*, sđd, tr.183.

đã có ý kiến đề nghị cho khắc bằng vàng vào bia để lưu giữ một chân lý lớn đến nghìn thu.

Tuy nhiên, giữa những danh ngôn đó, khổ thơ cuối cùng của bài thơ ta đang phân tích vẫn chiếm giữ một vị trí thật là đặc biệt. Bởi vì, làm cơ sở cho nó, bảo đảm cho sự thuyết phục của nó, và *trực tiếp nối liền với nó* là cả một nỗi đau khổ phi thường của bốn tháng tù đầy. Trước khi là một châm ngôn, nó đã là thực tế. Và trong tư cách châm ngôn, nó tươi sống, vì nó không chỉ đề ra *cái con người nên theo*, mà còn chỉ ra *cái con người đã đạt được rồi*. Nếu khổ thơ cuối cùng này cháy lên như một đoá hoa rực chói của trí tuệ, thì đoá hoa đó đã từng nở trên một cái cây thực, mà gốc rễ, và thân cành, và nhựa sống của nó đã được diễn tả ra trong ba khổ thơ đầu.

## V

Chúng ta đã đi dọc theo mạch suy nghĩ của Bác, đi dọc theo bài thơ Bác, bài thơ đi từ một cuộc sống phi nhân loại về vật chất đến khúc khải hoàn ca của tinh thần, bài thơ mà khởi đầu là sự huỷ diệt của cảnh ngục tù và kết thúc là sự bất diệt của con người cách mạng.

Là sự tổng kết một giai đoạn đã qua, bài thơ giúp ta hiểu thêm đời Bác, để thêm yêu kính Bác. Và để thêm căm giặc kẻ thù. Phải chăng, Bác sẽ không sớm vĩnh biệt chúng ta phải chăng Bác có thể được thoả nguyện ước lớn nhất của cuộc đời mình là trông thấy ngày đất nước hoàn toàn thống nhất và độc lập, nếu Bác không phải sống những ngày khốn cực đến thế này?

Mặt khác, là sự tập hợp sức mạnh để đón nhận cuộc chiến lâu còn rất quyết liệt sắp tới, bài thơ còn xác định cho ta cái gì đã làm nên giá trị, làm nên sự tôn quý của con người, và đâu là cái làm cho con người không thể nào gục ngã.

Vì thế, bài *Tứ cá nguyệt liễu* này - cũng như các bài khác của tập thơ - chỉ ghi lại những sự việc và ý nghĩ hằng ngày, nhưng ánh sáng toả ra từ nó là vĩnh hằng vĩnh cửu.

Tháng 5-1981

# THUY BẤT TRƯỚC

NGUYỄN CÔNG KHAI

*Nhất canh... nhị canh... hựu tam canh,  
Triển chuyển, bồi hồi, thuy bất thành,  
Tứ ngũ canh thời tài hợp nhân,  
Mộng hồn hoàn nhiều ngũ tâm tình.*

## Không ngủ được

*Một canh... hai canh... lại ba canh,  
Trần trọc, bấn khoản, giấc chẳng thành,  
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt  
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

## I - HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA BÀI THƠ

Trước và sau bài "Không ngủ được" và một số bài nữa, có hai bài được Bác ghi rõ ngày: bài "Đồng Chính" (2-11), bài "Song thập nhất" (11-11); từ đó, ta có thể xác định Bác làm bài thơ này trong khoảng thời gian từ 2-11 đến 11-11-1942

Đây là khoảng thời gian ngắn ngủi (10 ngày) nhưng có nhiều biến cố, chỉ 10 ngày đêm mà Bác đã ghi vào nhật ký đến 25 bài thơ. "Không ngủ được" là bài thơ thứ 20 trong thời gian này.



Nhìn chung, bài thơ "Không ngủ được" được Bác ghi lại trong nhà lao Nam Ninh, khoảng thời gian khắc nghiệt đối với bản thân, nhiều cảnh ngộ Bác "Trông thấy mà đau đớn lòng" trong tình hình thế giới đang sôi sục chiến tranh.

Bọn Tưởng kỉ niệm mừng ngày đình chiến ở Châu Âu, chấm dứt chiến tranh lần thứ nhất (1914-1918) trong hoàn cảnh chiến tranh thế giới thứ hai chống phát xít đang diễn ra ác liệt. (Bài 11 tháng 11). Việt Nam là một thành viên trong mặt trận chống phát xít, Bác là một lãnh tụ, hơn lúc nào hết, cần có mặt ở Việt Nam trong lúc dầu sôi lửa bỏng này:

*"Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận  
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh".*

Để mà Bác lại:

*"Trong ngục người nhân nhân quá đổi.  
Chỉ cao mà chẳng đáng đồng chinh."*

(Buồn)

Trong thời gian 10 ngày đêm ngắn ngủi này, Bác làm sao quên được ngày kỉ niệm vĩ đại nhất, mang ý nghĩa lịch sử thời đại: Kỉ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga 7-11. Phải chăng bài thơ "Nghe gà gáy" (Thính kê minh) là niềm tin son sắt và niềm phấn khởi về tất thắng của Cách mạng vô sản dù đang mới ở bước đầu, và qua bài thơ mang ý nghĩa tượng trưng đó, chính Bác đã kỉ niệm ngày 7-11? Nhưng tại sao Bác không nói rõ ra? Câu hỏi sẽ được giải đáp thoả đáng, nếu ta chấp nhận có cơ sở, một trong những giả thiết mà nhà phê bình văn học Đặng Thai Mai đã nêu về trường hợp Bác ít nói đến thời sự trong *Nhật kí trong tù*:

"Vì không muốn để cho bọn Quốc dân Đảng tố cáo mình là người Cộng sản và có lí do để tìm cách hãm hại mình".

Hay như Hoài Thanh viết:

"Không thể vì hứng thú làm thơ mà để lộ bí mật. Cho nên không nói đến Đảng, đến Liên Xô, đến quê hương, đến quá khứ".

Cần thấy được những mối liên hệ về thời gian, không gian, sự việc và tâm tư tác giả trước khi đi vào phân tích một bài thơ cụ thể. Chính mối quan hệ hữu cơ giữa khách thể và chủ thể này, trong một khoảnh khắc thời gian đã trở thành một sự vận động từ đề tài đến chủ đề mà nhà nghệ sĩ sáng tác đưa con tinh thần của mình.

Đặt bài thơ "Không ngủ được" vào mối liên hệ chung đó, ta thấy nó là kết quả cô đọng của một khoảnh khắc thời gian đầy những sự việc tác động mãnh liệt đến trái tim nồng cháy yêu thương của Bác:

*Về khách quan:*

- Thực trạng đen tối, chết chóc, đói khát, tàn nhẫn, bất công dồn dập xảy ra trong nhà tù bọn Tưởng.

- Kỷ niệm kết thúc chiến tranh thế giới thứ nhất trong cục diện chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra ác liệt.

*Về chủ quan:*

- Bác chịu đựng liên tiếp những cảnh đày đoạ dã man qua các nhà tù của bọn Tưởng, gần nhất là từ 2-11 đến 11-11, Bác bị giải đi giải lại qua nhiều nhà tù "Đồng Chính", "Đi Nam Ninh", "Giữa đường đáp thuyền đi Huyện Ung", "Nhà lao Nam Ninh", và nhìn tận mắt, đau xót thấu tâm can những cảnh ngộ bi thảm trong tù.

- Là một chiến sĩ Cách mạng, hơn lúc nào hết, Bác càng tập trung nung nấu, lo nghĩ đến Tổ quốc, đồng bào, vì thế Bác "Không ngủ được".

## II - CHỦ ĐỀ

Lòng yêu nước và tình cảm nhân đạo sâu sắc của Bác biểu hiện ngay cả trong những giờ phút bản thân phải chịu nhiều gian truân thử thách nhất và bao giờ cũng toả sáng ở niềm tin tưởng thắng lợi sau cùng của Cách mạng.

## III - PHÂN TÍCH BÀI THƠ

Suốt "Mười bốn trăng tê tái gông cùm", Bác đã ghi lại trong nhật kí nhiều lần về cảnh thiếu ngủ. Qua các vần thơ này, Bác đã nói đến nhiều nguyên nhân mất ngủ, nhưng nguyên nhân sâu xa nhất, gợi lên ở tận đáy lòng mỗi người chúng ta niềm cảm phục vô hạn nhất, chính là *tình cảm yêu nước nồng nàn không một phút giây nào sao lãng trong tâm tư HỒ CHỦ TỊCH*. *Tình cảm đó được tập trung, biểu hiện cao độ ở bài Không ngủ được.*

Chính tình cảm tha thiết đối với dân tộc đất nước, là sức mạnh tâm hồn mãnh liệt nhất giúp cho Bác vượt qua được tất cả những nỗi đau đớn về thể xác. Khi Bác nói về những lí do mất ngủ như vì "đêm lạnh", vì "Rệp muỗi xông vào đánh"... đó chỉ là ghi lại những cảnh khổ Bác đã thể nghiệm trong tù để tố cáo chế độ hà khắc vô nhân của bọn phản động Tưởng Giới Thạch và lúc nào cũng bộc lộ một nghị lực phi thường vượt qua gian khổ đó. Bài thơ *Không ngủ được* vượt lên những nỗi đau đớn về thể xác, thể hiện trọn vẹn tâm lòng của Bác đối với Tổ quốc, đồng bào và từ đó, Bác đã

khẳng định lí tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp nhất định sẽ thành công.

**Ý 1: *Nỗi canh cánh bên lòng của Bác trong đêm thâu:***

Mở đầu bài thơ tứ tuyệt, ta thao thức theo tính thời gian tĩnh mịch và sâu lắng, trôi qua lặng lẽ từ canh một đến canh ba:

*"Một canh... hai canh... lại ba canh,"*

Thời gian trong đêm nay là của riêng Bác, của người chiến sĩ Cách mạng đang trong chốn lao tù hắc ám, vô nhân của bọn Tưởng. Tiếng thời gian như gõ nhịp, ghi cụ thể, như nghe được từng tiếng keng báo sang canh. Những dấu chấm lửng sau mỗi canh... như kéo dài ra, như mệt mỏi thêm và từ "lại" (hư):

*"Một canh... hai canh... lại ba canh"*

như nổi bật rút chông chát trong lòng Người trước cảnh đêm sâu tịch mịch.

Làm sao Bác có thể ngủ yên được trong chốn địa ngục trần gian này? Bác không ngủ được, có phải vì trong đêm lạnh "Không đệm, không chăn" nằm trong tư thế "Gối quắp, lưng còng", hay đang ngồi trên "hố xí đợi ngày mai?". Bác lại vừa "rụng mất một chiếc răng"! Bác đã ghi lại những cảnh khổ đó rồi, đêm nay, trên trang nhật kí thơ, Bác lại ghi thêm:

*"Trần trọc bản khoăn giấc chẳng thành"*

Câu mở để nói về thời gian, tiếp câu thừa để trình bày cảnh ngộ. Hai câu khai - thừa gắn bó tự nhiên, rõ ràng.

*Trần trọc*, được dịch từ nguyên văn *Triển chuyển* có nghĩa

trần trở không yên, hình dung cái ý lo nghĩ.

*Băn khoăn* dịch từ "*bối hồi*" là dùng dằng đi lại, chỉ trạng thái lo lắng biểu lộ ra ngoài bằng cử chỉ. Hai từ "trần trọc, băn khoăn" dịch rất sát nguyên bản cho thấy tâm trạng lo nghĩ, day dứt của Bác.

Mà Bác day dứt, lo nghĩ những gì?

Phải chăng là nỗi đau xót cho dân tộc còn đang rên xiết dưới gót giày quân xâm lược mà từ ngày ra đi tìm đường cứu nước đến nay, Bác vẫn canh cánh bên lòng? Hay mới mấy ngày qua, trước những cảnh "Một người tù cờ bạc vừa chết" nhìn thấy "chiếc chăn giấy của người bạn tù", nỗi thương cảm còn đè nặng lòng Bác?

*"Trần trọc, băn khoăn, giấc chẳng thành"*

Tứ thơ ở câu thừa vừa hàm súc, vừa hiển hiện. Hiển hiện ở chỗ là chúng ta biết rằng Bác không ngủ được vì "Giấc chẳng thành" còn hàm súc ở nỗi "trần trọc, băn khoăn", tiếp tục hướng người đọc tìm hiểu thêm nữa về tâm sự của Bác.

Phải chăng, đến nay, Bác đang ngổn ngang trăm nỗi bên lòng? Lửa đấu tranh và đức niềm tin từ quê hương Cách Mạng Tháng Mười đang ngùn ngụt toả sáng tâm trí Bác, và ngoài kia, trong lúc "Trắng sì đua nhau ra mặt trận, hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh", riêng Bác thêm buồn vì "Chí cao mà chẳng đáng đồng chinh"?

Yêu nước, yêu dân, cháy lòng, cháy ruột như thế, kẻ thù dã man như thế và làm gì đây để xoá sạch cảnh khổ cho nhân dân, đem lại độc lập, hạnh phúc cho dân tộc?

Nghĩ đến Bác trong phòng giam ngột ngạt tối tăm, suốt đêm không ngủ vì nặng gánh lo toan việc nước, dậy lên

lòng ta niềm kính thương vô hạn.

**Ý 2: Không ngủ được vì lo việc nước, đến khi vừa chợp mắt, Bác mơ thấy sao vàng năm cánh:**

*"Canh bốn canh năm vừa chợp mắt  
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh"*

Canh bốn, canh năm thời gian tiếp nối khép lại trọn vẹn ý của hai câu mở đề và thừa đề.

Vừa chợp mắt, ý câu chuyển vừa khép lại, vừa mở ra để kết lại ở câu hợp. Câu chuyển là cái bản lề của trạng thái thức - ngủ - mơ.

Vấn đề là nên hiểu Bác "vừa chợp mắt" vào thời gian nào qua bài này. Nhiều tác giả đã ghi nhận Bác "Vừa chợp mắt" vào bốn thời điểm khác nhau:

1. *Bác chợp mắt vào quá nửa đêm*: "Vì lo lắng việc nước nên HỒ CHỦ TỊCH thức quá nửa đêm không ngủ được. Đến khi chợp mắt thì lại mơ thấy làm việc nước chứ không phải là ngủ đi thì quên được mối lo"...<sup>(1)</sup>

2. *Bác chợp mắt vào canh năm*: " Khi canh năm vừa chợp mắt thì hồn mộng lại bay quanh năm cánh sao vàng" <sup>(2)</sup>.

3. *Suốt đêm Bác không ngủ*: "Suốt đêm khắc khoải trần trọc người tù nằm đếm rành rọt từng hiệu cầm canh như đếm bước đi nặng nhọc của thời gian" <sup>(3)</sup>.

---

(1) *Thơ ca Hồ Chủ tịch* - XB Giải phóng - 1974, tr.76

(2) Hoàng Trung Thông - *Bác Hồ làm thơ và thơ của Bác* - *Đọc nhật kí trong tù* sđd, tr.207.

(3) Nguyễn Đăng Mạnh - *Vài suy nghĩ về một phong cách lớn* - Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chủ tịch - XBKHXXH - Hà Nội - 1979 - tr, 258

4. Không nói rõ Bác chợp mắt lúc nào: "Chính vì thế mà có những đêm Bác trần trọc không sao ngủ được, đến khi vừa chợp mắt thì lại mơ thấy lá cờ của Tổ quốc <sup>(1)</sup>."

"... Trần trọc không ngủ, vừa chợp mắt đã thấy sao vàng hiện ra" <sup>(2)</sup>.

Có lẽ nên hiểu là suốt đêm Bác không ngủ và chỉ chợp mắt sau canh năm, dựa theo ba yếu tố sau đây:

a) *Sát hợp với đề tài "Không ngủ được"*: Nguyên tắc của đề bài là "Thụ bất trước", chữ *Trước* có nghĩa rõ ràng - việc có chỗ qui thức cũng gọi là trước. So với một số bài khác, tuy cũng nói đến chỗ thiếu ngủ nhưng không đặt thành đề bài rõ rệt, như các bài thơ *Đêm lạnh*, *Bốn tháng rồi*, *Quán trọ*, *Đêm không ngủ*...

b) *Sát hợp với nghĩa "vừa chợp mắt"*: mới chợp mắt thì không thể ngủ lâu, cũng chưa sát với đề bài mà Bác nêu có tính cách khẳng định. Cũng có khi nói: "Mới chợp mắt mà đã mấy tiếng đồng hồ rồi" để chỉ giấc ngủ ngon, giấc ngủ say, nhưng hiểu như thế trong bài này thì chưa thể hiện được tình cảm sâu sắc của Bác đối với đất nước.

c) *Thể hiện được mối liên hệ giữa thời gian và chuyển biến tâm tư của tác giả*: Ở câu 1, thời gian còn là một yếu tố ngoại nhập, khách quan, tồn tại song song với tâm tư của chủ thể. Bác "Trần trọc, băn khoăn" và nghe tiếng thời gian gõ nhịp trôi qua. Nhưng đến câu ba, yếu tố nội tại "trần trọc, băn khoăn" càng nung nấu tâm trí Bác, và thời gian vật lí ngoại tại không còn chỗ tồn tại trong tâm tư Bác. Canh bốn

---

(1) Hoài Thanh - *Chuyện thơ* - Sđd, tr.84

(2) Lê Đình Kỵ - *Thơ Bác* - *Đọc Nhật kí trong tù*, sđd, tr.121.

canh năm là thời điểm cao nhất trong tâm tình sâu nặng đang "ôm cả non sông mọi kiếp người", và chính tấm lòng sâu nặng đó (nội dung thơ) đã dệt nên bốn chữ "Tứ ngũ canh thời" (Nghệ thuật) xuôi nhanh chuỗi thời gian qua mau.

Yếu tố thời gian trong bài thơ, đứng về mặt nghệ thuật, được sử dụng để biểu hiện mức chuyển biến tâm tư của nhân vật và từng bước thời gian đã chìm dần vào tâm tình sâu nặng của con người.

Như thế là nỗi trăn trở, băn khoăn càng lúc càng nung nấu làm Bác thao thức cả đêm. Không ngủ được nhưng rồi Bác lại vừa chợp mắt.

Vận dụng thể thơ Đường vào một sáng tác mang nội dung hoàn toàn mới, từng câu "Khai, thừa, chuyển, hợp" của Bác cấu thành bài tứ tuyệt độc đáo mà đặc biệt câu chuyển ở bài này, cũng như ở một số bài tứ tuyệt khác của Bác, luôn luôn như là một cái bản lề kì diệu, vừa tạo ra sự ngạc nhiên kì thú, vừa khắc hoạ dấu ấn sâu sắc về tư tưởng lớn, tình cảm lớn, ý chí lớn khi kết thúc ở câu hợp.

Ngạc nhiên kì thú trước phong cách tài tình tự nhiên trong nghệ thuật thơ của người nghệ sĩ "ngâm thơ ta vốn không ham", nhưng không có gì làm cho ta ngạc nhiên ở con người hết sức bình dị và cũng rất vĩ đại là Bác. Bác thức và rồi Bác ngủ. Bác được giây phút ngủ yên lành, chắc hẳn là chúng ta sung sướng vui mừng biết bao, vì đau khổ trong tù như thế, cả đời lo cho dân cho nước như thế, Bác có giờ đâu để nghĩ đến riêng mình.

Nhưng trong giấc ngủ, Bác đã mơ thấy:

*"Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh"*



Câu kết của bài tứ tuyệt toả sáng ở Bác một tâm hồn yêu nước mãnh liệt. Bác không ngủ được vì lo việc nước, đến khi vừa chợp mắt lại tiếp tục mơ thấy làm việc nước và sự nghiệp Cách mạng đã thành công.

"Sao vàng năm cánh", biểu tượng thiêng liêng của lá cờ Tổ quốc, lá cờ Cách mạng, sáng rực niềm tin chiến thắng.

Giấc mơ của Bác đã giải đáp trọn vẹn nỗi trăn trở băn khoăn mà ta đã hình dung bên trên.

Thức và ngủ, thực và mơ là những biểu hiện khác nhau, nhưng tấm lòng yêu nước của Bác trước sau vẫn một, đó là tâm sự nhất quán sâu sắc, thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan của người chiến sĩ cộng sản, yêu đất nước và vững tin vào thắng lợi cuối cùng của Cách mạng.

Mỗi lần đọc lại những trang nhật kí thơ trong *Nhật kí trong tù*, chúng ta càng thêm thấm thía những bài học về đạo đức Cách mạng ở Hồ Chủ tịch, đồng thời lại phát hiện thêm những khám phá đầy sáng tạo trong thơ Bác.

Suốt *Nhật kí trong tù*, Bác đã ghi lại hai giấc mơ. Bài này ghi lại giấc mơ thứ hai, còn giấc mơ đầu được nói đến trong bài "Buổi trưa", sau "Một giấc miên man suốt mấy giờ":

*"Mơ thấy cười rồng lên thượng giới"  
(Mộng kiến thừa long thiên thượng khứ)!*

Hai giấc mơ chỉ khác nhau ở cách được diễn đạt bằng những hình tượng nghệ thuật sinh động, giàu chất lãng mạn cách mạng, còn cốt lõi vẫn là tư tưởng chủ động, lạc quan của con người chiến thắng, con người làm nên lịch sử.

Giấc mơ trước, Bác thấy cười rồng lên thượng giới, đó là giấc mơ sáng khoái, tự tin của con người tự do. Ở giấc mơ

sau, lúc nào mộng hồn cũng xoay quanh "Sao vàng năm cánh" và chính đó là hoài bão của đời Bác. Từ "Quanh" trong "mộng hồn quanh" được dịch từ nguyên tác "hoàn nhiều".

*"Mộng hồn hoàn nhiều ngũ tiêm tinh"*

"Hoàn" là trở về, trả trở về, "nhiều" là vấn quanh, xoay quanh. Bản dịch không diễn đạt ý tứ "hoàn", nhưng ý câu dịch vẫn rất sát và đầy đủ.

Giấc mộng hồn "sao vàng năm cánh" đã trụ lại vào chốt điểm của bước đường Cách mạng, là niềm tin sắt son vào thế chiến thắng tất yếu, biểu hiện bằng hình tượng nghệ thuật mang tính thẩm mỹ cao và cũng rất hiện thực, sáng ngời vẻ đẹp của độc lập tự do qua lá cờ sao vàng năm cánh tung bay trên nền trời Tổ quốc.

Xuất phát từ lòng yêu nước chân chính và lòng nhân đạo cộng sản chủ nghĩa, Bác Hồ không một giây phút nào rời xa Tổ quốc, dân tộc, ngay cả trong những ngày tháng gian lao nhất trong ngục tù đế quốc. Niềm lo âu canh cánh bên lòng suốt đêm đã hoá thành niềm tin đất nước sẽ chiến thắng, dân tộc sẽ chiến thắng. Đó là chủ nghĩa yêu nước mới, hoàn toàn khác hẳn với tình cảm yêu nước mờ nhạt chung chung chỉ biết "Tiếc xuân", "Nhớ nước" để rồi cảm thấy cô đơn suốt đêm "Tâm sự năm canh một ngọn đèn" của dòng văn học yêu nước trong chế độ phong kiến. Yêu nước ở đây lại càng không phải là tâm sự nhớ quê của kẻ tha hương:

*"Chiêm bao, hồ điệp, nhà xa,  
Trên cành chim cuốc, canh ba trăng tà"<sup>(1)</sup>*

---

(1) TTK dịch từ bài *Xuân tịch lữ hoài* (Lời tỏ tình trong đêm xuân ở nơi lữ thú của Thôi Đồ, thi nhân đời Đường: *Hồ điệp mộng trung gia vạn lí. Đồ quyền chi thượn nguyệt tam canh.*

Tâm tư của Bác trong bài thơ Không ngủ được thể hiện tình cảm yêu nước mang truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc ta, dậy lên từ bất công, đen tối của chế độ thối nát, từ nguy cơ nô lệ trước nạn ngoại xâm, biểu lộ ở khát vọng tự do:

*"Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu hán,  
Phá vòng vây bạn với kim ô"*

(Chim lồng - NGUYỄN HỮU CẦU)

Phẩm chất yêu nước, truyền thống đó chẳng những đã được kế thừa, mà còn được Bác phát huy một cách tích cực, triệt để nhất mang tính thời đại sâu sắc. Đó là khát vọng tự do của người chiến sĩ cách mạng, và phải còn là hình ảnh tự do cho mỗi con người Việt Nam, đất nước Việt Nam. Chính vì vậy, hình ảnh *sao vàng năm cánh* là một tứ thơ giàu lòng nhân đạo, một cảm hứng nhân đạo sâu sắc.

Khát vọng tự do, vấn đề tự do đó, không phải là chuyện giản đơn.

Tản Đà đã chẳng từng suy nghĩ trước "bức dư đồ rách" đó sao? Nhà thơ đã chẳng từng ấp ủ giấc mơ đẹp về một đất nước, con người hạnh phúc đó sao? Nhưng cuộc đời của một dân tộc và con người trong chế độ thực dân nửa phong kiến đã đưa nhà thơ về đâu?

Thực và mộng, tự do và nô lệ, những mâu thuẫn đó đã trở thành bế tắc trong cách giải quyết vấn đề cuộc sống, nhà thơ như núi Tản sông Đà ngao ngán:

*"Nghĩ đời lắm nỗi không bằng mộng,  
Tiếc mộng bao nhiêu lại ngán đời"*

(Nhớ mộng)

Cuộc sống thực phủ phàng, đau đớn trong đêm trường nô lệ không dung nổi con người nặng lòng non nước. Họ đã chối bỏ hiện thực và chỉ còn biết sống với hình ảnh lảng vảng trong mộng:

*"Sự nghiệp nghìn thu xa vút mắt,  
Tài tình một gánh nặng hai vai.  
Hợp tan, tri kỉ người trong mộng,  
Rộng hẹp, dung thân đất với trời"*

(Năm hết hữu cảm - TẢN ĐÀ)

Mộng và thực trong thơ Tản Đà đối lập nhau, mâu thuẫn trở nên bế tắc, bộc lộ thế giới quan, nhân sinh quan không những của nhà thơ mà còn là tiếng nói của cả một giai cấp nho sĩ phong kiến ở giai đoạn lụi tàn và cũng là của một tầng lớp trí thức tiểu tư sản trong buổi giao thời quần quật không lối thoát.

Thực và mộng trong thơ Bác lại rất thống nhất biện chứng. Nói không ngủ được nhưng rồi chợp mắt, nói không ngủ được nhưng lại nằm mộng mà mộng lại rất thực. Vì sao? Vì chín suốt năm canh trần trọc, băn khoăn đó, người chiến sĩ cộn sản luôn luôn đương đầu với hiện thực sống còn của đất nước từ trong đau khổ đọa đày của quê hương, từ sự vùng lên của nhân dân lao động dưới ánh sáng thời đại mới, Người đã tính toán cho từng bước đi của cách mạng để rồi, khi chợp mắt đi, đất nước cách mạng đã theo Người vào giấc mộng. Lòng yêu nước ở đây không dừng lại ở tình cảm và ý thức mà chính là máu thịt cuộc đời Bác và ăn sâu vào tiềm thức Bác.

Tác giả "Mai đình mộng kí" có viết: "Chỉ những người đại giác mới có đại mộng". Bài thơ "Không ngủ được" chính là bài thơ của bậc đại giác vậy.

## KẾT LUẬN

Là trang nhật kí viết bằng thơ, Bác đã ghi lại cảm nghĩ của mình bằng ngôn từ hết sức trong sáng và giản dị. Kết thúc bài thơ đã đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật thơ. Vận dụng thi pháp một cách tự nhiên, tài tình, tứ thơ đã chuyển đến nhẹ nhàng, sâu sắc theo dòng cảm xúc của tác giả.

Lo toan mà không sầu, khổ đau mà không tuyệt vọng, và rạo rực trong nỗi lo âu tràn đầy sức mạnh tinh thần, điệu thơ chuyển từ ý tứ thâm trầm, sâu lắng của hai câu đầu, động viên ở câu chuyển và bất ngờ ngân vang âm hưởng của tin vui ở câu kết. Giác mơ của Bác ngày nay, đã trở thành hiện thực trên đất nước Việt Nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Học tập, tu dưỡng những phẩm chất cao đẹp của Bác, qua bài thơ này, chính là biết vươn mình lên trên những thử thách của cuộc sống, để bảo vệ và thực hiện cho kì được lý tưởng Cộng sản, lí tưởng cao đẹp nhất của thanh niên.

## THỬ PHÂN TÍCH MỘT BÀI THƠ BỐN CÂU CỦA BÁC

CHẾ LAN VIÊN

**T**hơ tứ tuyệt hình thức đã rất bé mà nội dung lại bé nốt thì còn gì? Nó sẽ lọt thỏm giữa bao nhiêu ngôn từ, chữ nghĩa âm ĩ khác. Bắt buộc nó phải bé hạt tiêu theo quy luật nghịch: hình thức càng bé, nội dung càng phải lớn. Nói như cách nói bây giờ, bằng số chữ ít nhất, nó phải đem đến khối lượng thông tin nhiều nhất.

Người làm thơ tứ tuyệt thường có tâm lý im đi hay viết ra, nói hay là không nói? - Thôi thì nói vài câu. Trong vài câu ấy phải gói ghém chất chứa bao nhiêu điều. Nếu người nói đã gói lại, mà người đọc lại không mở ra, thì còn gì là thơ tứ tuyệt!

Vì thế, tôi thử cố phân tích, cố mở ra một bài thơ con của Bác xem sao. Bài: *Tức cảnh Pác Bó*.

*Sáng ra bờ suối tôi vào hang*

Như phần lớn các bài thơ khác của Bác, bài thơ này mở đầu bằng nói đến cảnh vật. Tâm hồn Á Đông, Việt Nam của tác giả hòa hợp với thiên nhiên. Nhưng thiên nhiên cảnh vật ở đây khác với ở các bài "Non xa xa nước xa xa"... hay "Tiếng suối trong như tiếng hát xa".

Thiên nhiên ở *Sáng ra bờ suối*... không phải là đối tượng hưởng thức "*Sáng ra bờ suối*" tươi mát lắm. Nhưng chữ suối hể thôi, suối là một địa điểm thế thôi, chứ không suối mát uối trong, suối hát suối ca... gì cả. Bác vốn là người hay hưởng thức thiên nhiên kia mà! Bị trời vẫn thưởng thức "*Mặc lù bị trời chân tay. Chim ca rộn núi hương bay ngát rừng*". lét buốt gối quắp lưng còn vẫn thưởng thức: "*Nhòm song, Bắc đẩu đã nằm ngang*".

Nhưng không. Ở đây suối, hang chỉ là nơi làm việc và ăn uống, sáng tối chỉ là thời khắc, thời khắc biểu (chứ không phải là bình minh, tịch dương tuyệt đẹp cho mắt nhìn) và vào ra cũng chỉ là hoạt động của một nhà cách mạng thời bí mật (chứ không phải lên xuống, lại, qua cửa người du ngoạn, ủa thi nhân).

Cuộc sống thời bí mật đó hình như đã được khá ổn định trên một khoảng thời gian khá lâu, đủ để thành nếp, đều đặn, nhịp nhàng, cân đối... sáng ra, tối vào, vào hang, ra suối. Câu thơ vừa nói lên việc tổ chức cuộc sống khéo léo, vừa nói lên tâm hồn của con người đã sống nhịp nhàng cùng hung cảnh ấy, tự tại ung dung.

Để thử lại bài toán, ta tạm sửa đi ít chữ, thay đổi cấu trúc câu thơ xem sao.

Nếu viết: *Tối vào hang, sáng ra bờ suối*, câu thơ sẽ sáng ủa quá, không hợp với tình hình lịch sử lúc ấy, nhớn nhợ ủa, không hợp với tâm hồn tác giả lúc bấy giờ. Câu thơ ẽ mở về phía *suối*, phía cảnh đẹp thưởng thức, phía nhà hi sĩ, hơn là khép lại phía *hang*, phía căn cứ hoạt động, phía nhà cách mạng. Nhưng ở Bác, con người thứ hai này mới là chính, Bác "lai vô ảnh, khứ vô hình".

Tình hình lúc ấy nửa suối, nửa hang, đang vươn ra ánh sáng nhưng động là phải rút ngay vào bí mật, nhìn trên toàn bộ thì hang vẫn là chính, bí mật vẫn là chính, vì thế câu thơ vẫn phải khép lại bằng *tối vào hang*.

Nếu câu thơ lại viết: *Sáng ra rừng rậm tối vào hang* thì cũng không đúng nốt với tình hình lịch sử, với tâm hồn tác giả. Tình hình không bao giờ là đen tối với Bác cả. Ngay trong nhà tù, thì Người vẫn "*ngồi trên hố xí đợi ngày mai*".

Và câu thơ như trên sẽ đánh mất suối, đánh mất cái phần thơ, bộ phận tổ thành quan trọng góp phần hoàn chỉnh tâm hồn vốn vĩ đại của tác giả.

Nếu lại viết *Sáng tối, ra vào, suối với hang...* thì thực là xô bồ nói cho xong chuyện, không còn trật tự gì nữa. Hay đây là một thứ trật tự lặp đi, lặp lại khá chán chường.

*Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng*

Câu trên nhìn toàn bộ, khái quát toàn đồ "mở cửa thấy núi" (khai môn kiến sơn) nên câu này cần nhiều chi tiết cụ thể. Nhưng cụ thể đến mấy thì cụ thể, trong câu thơ bảy chữ, Bác chỉ dùng có bốn chữ đầu để nói vắn vẹn hai chi tiết *cháo bẹ, rau măng*, còn... ba chữ sau thì Người đã vội nói ý rồi, ý: "vẫn sẵn sàng". Mà cuộc sống cụ thể của Bác hồi ấy có biết bao chi tiết gian khổ! Nhưng Bác đã bỏ qua. Nói hay là không nói? - Ừ thôi thì nói. Nói một cách nhẹ nhàng! Gian khổ nhẹ tênh, gian khổ nhẹ nhàng, nhịp nhàng cả với cảnh sinh hoạt nhịp nhàng lúc đó: *sớm tối, vào ra, suối hang, bẹ măng, rau cháo*.

Những chi tiết gian khổ nhất, Bác đã bỏ qua. Còn chúng ta với tấm lòng nhớ ơn Bác, chúng ta không thể bỏ qua, không



thể bỏ quên. Một bạn làm thơ đã liệt kê các chi tiết ấy:

*(Cuộc đời cách mạng thật là sang)  
Bắt con ốc khe, chặt nòn chuối ngàn  
Một bát cơm ngô, giữa ngày bệnh yếu  
Bác chia cùng dân tộc buổi lâm than  
Cháo bẹ, rau măng, vây lòng bữa quét!  
Cái nở sinh là một vết thương hồng.*

Ba chữ *vẫn sẵn sàng*, có người giải thích là rau cháo vẫn đầy đủ sẵn sàng. Có người lại giải thích khác đi, là tinh thần vẫn sẵn sàng, dù rau măng, cháo bẹ. Chưa biết ý nào đúng hơn. Câu thơ xê xích giữa hai nghĩa đó, trong cái cánh quạt, quăng cách mở ra giữa hai nghĩa đó. Nhưng bất cứ nghĩa nào, ở quăng nào giữa hai nghĩa đó, câu thơ vẫn nói lên tinh thần lạc quan của tác giả. Không có ba chữ này, làm sao chuyển được từ cảnh trên xuống ý câu ba:

*Bàn đá chông chênh, dịch sử Đảng*

Người đời Đường, đời Thanh (Trung Quốc) cho rằng tứ tuyệt khó nhất là ở câu ba. Đại đa số các bài thơ tứ tuyệt, chuyển ở câu ấy, có khi kết ở câu ấy, biến hóa, đổi đời từ câu ấy.

Từ không khí *thiên nhiên*, suối hang, sớm tối, *chuyển* qua không khí hoạt động *xã hội*: Đảng, sử, dịch sử Đảng... Từ những chữ cái mềm mại, suối, măng, rau cháo chuyển qua bàn đá, chặt đá *rắn chắc*. Từ những âm bằng êm êm, chuyển qua những dấu trắc, nặng (dịch), sắc (đá), hỏi (sử) đánh thép, rắn rỏi.

Chuyển nhưng rất là hồn nhiên, nhẹ nhàng, chả có gì là gãy đứt với bên trên. Trong khung cảnh hang suối ấy, người xưa *san thi*, định kinh "*Kinh Dịch châm sơn mài*"... Và ngày

nay giờ Bác ngồi dịch sử Đảng. Nhưng khác nhau một vực một trời.

Tôi đã về Pác Bó. Không có tấm đá nào như bàn cả. Chỉ có tấm lòng vững như bàn thạch của người cách mạng đã nhìn đá ra bàn. Tinh thể trong nước, trên thế giới lúc ấy khá chông chênh. Nhưng chông chênh gì thì chông chênh, dựa lên tình hình cách mạng tấm lòng cách mạng lúc ấy, Bác vẫn tiến hành sáng tạo ra lịch sử. *Dịch*, chỉ là một chữ khiêm tốn của Bác đấy thôi. Bác đâu chỉ có dịch. Bác đang viết sử Việt Nam, cả sử thế giới bằng thơ lục bát dân tộc. Và Bác đang tổ chức, lãnh đạo phong trào, sáng tạo nên lịch sử Việt Nam. Chữ *dịch* ngoài ra còn nói lên sự gắn bó với phong trào cách mạng quốc tế của Bác.

Cuộc đời cách mạng thật là sang

Một nhà thơ khác có thể kết thúc bằng một câu thơ tả tình, tả cảnh, chìm trong cảm tình, nhập vào cảnh vật. Bác không thích làm văn nghệ, *Ngâm thơ ta vốn không ham*, Bác làm thơ là để nói lên ý của mình, nói trắng ra ý của mình.

Nhưng câu thơ không khô khan như một ý thẳng dựng. Câu thơ vẫn tươi mát nhẹ nhàng, vì trong ấy có một cái mỉm cười, một tí mỉm cười. Bác lạc quan, hay cười nhưng đôi lúc không khỏi cười chua chát. Như thời ở nhà ngục Quảng Tây bị ghẻ, Bác bảo là "*mặc áo gấm*", gãi ghẻ Bác bảo "*tựa gậy đàn*".

Lần này thì không phải thế. Lần này là cái cười hơi triết lý một chút, của một người đã từng chứng kiến tất cả những cái sang trọng giàu có nhất trên đời, lẫn những cái cùng cực đau khổ nhất trên đời. Và bây giờ với tấm lòng từng trải

nên bao dung đó, đánh giá sự vật. Ông chủ báo *Người cùng khổ* cũng là người đã từng sống trong khách sạn vương giả nhất Châu Âu. Cuộc đời cách mạng thật là sang như thế là so với tất cả cuộc đời khác mà Bác đã từng chứng kiến, hay từng sống.

Kỷ niệm ba năm ngày mất của Bác, chúng ta tìm hiểu tất cả những gì Người để lại. Lần này là một bài thơ. Một bài thơ mà hình như trên đường đi tiện tay Người hái bên đường, để lại bên đường, rồi tiếp tục đi. Vì với Bác con đường, cái đích cuối con đường mới là cái chính.

1972

## RẪM THÁNG GIÊNG (Nguyên tiêu)

MÃ GIANG LÂN

Phiên âm:

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên  
Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên.  
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,  
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.*

Dịch thơ:

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi,  
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân  
Giữa dòng bàn bạc việc quân  
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền*

1948  
(Xuân Thủy dịch)

Bài thơ *Rằm tháng giêng* (Nguyên tiêu) Hồ Chí Minh viết năm 1948, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta mới trải qua hơn một năm còn gặp nhiều khó khăn chồng chất. Thế nhưng những khó khăn ấy không để lại một nét gợn nào trong bài thơ. Bài thơ trong suốt, biểu hiện một vẻ đẹp hoàn chỉnh: một đêm trăng rằm tháng giêng, nhưng đẹp hơn là vẻ đẹp lung linh của một tâm hồn lớn.

Cảm hứng sáng tạo của nhà thơ trước hết dậy lên từ cảnh

một đêm rằm tháng giêng, nghĩa là một đêm trăng, lại trăng rằm, vàng trắng đang độ tròn đẹp nhất. Cảnh vật ở đây phơi phơi lồng lộng, dù đó là cảnh ban đêm ở chiến khu Việt Bắc. Đất trời sông nước tràn ngập ánh trăng, tràn ngập sắc xuân, sức xuân:

*"Rằm xuân lồng lộng trăng soi,  
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân"*

*(Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,  
Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên)*

Cái nhìn khoẻ khoắn của nhà thơ bao trùm lên cảnh vật thiên nhiên. Vàng trăng đang độ tròn nhất, sáng nhất (nguyệt chính viên) hoà hợp với mùa xuân đầy cả đất trời: "Xuân giang, xuân thủy, tiếp xuân thiên" (Sông xuân, nước xuân tiếp nối với trời xuân). Có ba chữ "xuân" nối tiếp nhau cứ như ùn ùn trỗi dậy sắc xuân, sức xuân. Mùa xuân kết liền mặt nước và bầu trời. Mùa xuân không tĩnh mà đang chuyển động, mùa xuân sông động chứ không phải là mùa xuân yên lặng.

Nhà thơ Hồ Chí Minh biểu hiện một tư thế ung dung trước cảnh vật, cao hơn cảnh vật, tư thế của một người làm chủ thiên nhiên, xã hội. Tâm hồn Người chan hoà với cảnh sắc đất trời sông nước mùa xuân nhưng bao giờ cũng chủ động trùm lên cả tất cả. Sông xuân, nước xuân (xuân giang, xuân thủy) là cái hữu hạn; trời xuân (xuân thiên) là cái vô hạn. Cái nhìn đồng nhất hữu hạn và vô hạn ấy của nhà thơ làm cho không gian thơ rộng mở không cùng và hình ảnh thơ, ý thơ càng thêm bát ngát. Cảnh trăng "lồng lộng" nối liền trời nước là một cảnh trăng rất say và rất mộng. Ánh trăng đã thành cảm hứng thường trực của nhà thơ.

Trăng vào thơ đó là truyền thống phương Đông. Thơ Hồ Chí Minh đầy trăng đã nói lên tâm hồn nghệ sĩ phương Đông của Người. Nhưng trong truyền thống thơ ca, chúng ta gặp cảm xúc trước thiên nhiên, trước ánh trăng của các nhà thơ thường nảy nở trong một tư thế nhân sinh tĩnh tại, an nhàn. Các nhà thơ đến với trăng là để ngắm trăng, để thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên. Ở tâm hồn nhà thơ Hồ Chí Minh giữa cảnh đất trời sông nước đầy trăng như thế phải đâu chỉ là chuyện đi thưởng xuân! Bên cạnh cái cảm hứng thiên nhiên còn là cảm hứng lớn hơn, cao đẹp hơn: cảm hứng về vận mệnh đất nước. Hai câu thơ sau, đặc biệt câu thơ thứ ba là tâm điểm của bài thơ, của tư thế nhà thơ, tâm hồn nhà thơ.

*"Giữa lòng bàn bạc việc quân,  
Khuya về bát ngát trăng đầy thuyền"*

*(Yên ba thâm xứ đàm quân sự  
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền)*

"Yên ba thâm xứ", nơi tận cùng của khói sóng vừa kín đáo vừa yên tĩnh, những người lãnh đạo cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc đang bàn bạc việc quân, đến nửa đêm trăng sáng đầy thuyền.

Vẫn một con thuyền với khói sóng, với trăng đêm... nhưng không có cái sương khói mung lung, không có cái buồn của ánh lửa chài bên sông, không có cái huyền bí mơ màng của một tâm sự u uẩn trong bài Đường thi của Trương Kế:

*"Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên  
Giang phong ngư hoả đối sầu miên  
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự  
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền"*

*(Trăng tà chiếc quạ kêu sương  
Lửa chài ven bên sấu vương giắc hồ  
Thuyền ai đậu bên Cô Tô  
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn)*

Vài cái "Yên ba thâm xứ" ở câu thơ thứ ba còn gọi lên phảng phất âm hưởng ở một vài bài thơ nào đó nữa:

*Nhật mộ hương quan hà xứ thị  
Yên ba giang thượng sử nhân sầu"*

(Thôi Hiệu)

*(Quê hương khuất bóng hoàng hôn  
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai).*

hoặc của Cao Bá Quát:

*"Thế sự thăng trầm quân mạc vấn  
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu"*

*(Cuộc đời lên xuống anh đừng hỏi  
Trong khói sóng có một con thuyền)*

Cái khói sóng nghìn xưa đã gợi một nỗi buồn ly quê của khách giang hồ và gợi một nỗi đau tuyệt vọng của một tài tử bế tắc trước cuộc đời. Nhưng với Hồ Chí Minh cảnh xưa kết hợp với thực tại một cách tài tình. "Bàn bạc việc quân" đã xoá đi nỗi buồn muôn thuở của khói sóng. Ba chữ "đàm quân sự" như một yếu tố có tính chất khu biệt thơ Hồ Chí Minh và thơ của những nhà thơ cổ điển khác. Và câu thơ cũng cho chúng ta thấy rõ việc quân đâu phải là việc khô khan mà cũng là một công việc nên thơ. Thơ đến với mùa xuân, với trăng, với sông nước, thơ cũng đến với công việc cách mạng. Với Hồ Chí Minh không có nơi nào là "khu rừng cấm của thơ ca".

Nửa đêm trăng sáng... Một không gian yên ả như thế thường gợi nên một tiếng chuông chùa xa đưa, thoát tục. Tác giả đã đưa cảnh nửa đêm trở về với đời thực, bàn bạc việc quân.

"Yên ba thâm xứ" như đối lập với cảnh "đàm quân sự" nhưng sự đối lập này lại được đồng nhất ở câu thơ sau: "Dạ bán quy lai, nguyệt mãn thuyền" (Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền). Cái mơ và cái thực hoà chung trong một con thuyền chở đầy trăng.

Bài thơ *Rằm tháng giêng* là cả một sự hài hoà tuyệt đẹp. Hài hoà giữa cái dáng vẻ cổ điển (cũng là cảnh đêm trăng, cảnh sông nước, cảnh xuân...) và thi nhân mà thơ xưa vốn có với cái dáng vẻ hiện đại bởi ở đây thi nhân không tan biến vào tạo vật mà còn là xuất hiện với tư thế của một người đang lãnh đạo nhân dân trừ hoạch công việc kháng chiến giữ vững nền độc lập, tự do của dân tộc. Bài thơ còn là sự hài hoà giữa con người nghệ sĩ và con người chiến sĩ trong một con người Hồ Chí Minh. Đây có thể coi là một trong những bài thơ hay nhất của Người viết trong những ngày ở chiến khu Việt Bắc gian khổ, thiếu thốn nhưng tràn đầy lạc quan cách mạng.



## THỬ VẬN DỤNG KÝ - HIỆU - HỌC VÀO VIỆC PHÂN TÍCH MỘT BÀI THƠ CỦA HỒ CHỦ TỊCH

**DUY LẬP**

**B**ài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc* Hồ viết đầu năm 1947 khi Trung ương Đảng và Chính phủ mới rời Thủ đô Hà Nội lên khu căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc:

*Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay  
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày  
Khách đến thì mời ngô nếp nướng  
Săn về thường chén thịt rừng quay  
Non xanh nước biếc tha hồ dạo  
Rượu ngọt chè tươi mặc sức say  
Kháng chiến thành công ta trở lại  
Trăng xưa, hạc cũ, với xuân này.*

Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, mới rời Thủ đô lên Việt Bắc, trong tâm trí nhiều cán bộ người Hà Nội hẳn có gì ngỡ ngàng, xa lạ, thậm chí còn có thể hình dung Việt Bắc như một vùng rừng núi âm u ma thiêng nước độc - xứ sở của những "thần hổ", "ma chài"! Với bệnh sốt rét rừng, những cơn mưa nguồn suối lũ, cuộc sống gian khổ

và buồn tẻ. Nhưng ở bài thơ tả *Cảnh rừng Việt Bắc* của Hồ Chủ tịch lại toát lên một bầu không khí tươi vui, âm áp khác thường. Cái đó là do tâm hồn của Bác, cách nhìn của Bác. Nhưng tâm hồn ấy đã tìm đến những hình tượng, thủ pháp nghệ thuật như thế nào để thể hiện và tạo được cái bầu không khí tươi sáng ấy bao trùm cả bài thơ?

Trong phần vào đề của bài thơ thất ngôn Đường luật này, tác giả miêu tả cảnh rừng Việt Bắc "Vượn hót chim kêu suốt cả ngày". Câu này có thể là sự miêu tả trực tiếp cảnh rừng sâu có tiếng chim, tiếng vượn kêu hót suốt ngày, nói lên địa thế một vùng rừng núi xa xôi, hoang vắng, ít chân người bước tới. Thế nhưng hình tượng "Vượn hót chim kêu" lại có một sức gợi khác nữa: trong tâm trí mọi người nó đã mang ý nghĩa quen thuộc là biểu tượng cho một cảnh núi rừng *tươi sáng, đẹp đẽ* (ta tưởng như còn được thấy cả hoa nở tung bừng, gió ngát hương thơm... có thể vượn mới hót, chim mới kêu - chú ý sắc thái biểu cảm sự vui tươi của từ "hót", "vượn hót" chứ không phải "vượn rú"). Trong văn chương truyền thống, người ta thường dùng hình tượng quen thuộc này, đến mức đã là thành ngữ, để miêu tả, nói đúng hơn, để gợi lên một cảnh bồng lai. Chẳng hạn kể chuyện về Lưu Nguyễn hoặc Từ Thức, người ta có thể viết "Chàng lạc bước đến một vùng *chim kêu vượn hót...*", và thế là người đọc đã hình dung ra một cảnh bồng lai trong trí tưởng tượng của mình.

Như vậy ở câu thơ này đã có hai loại hình tượng, hai lớp nghĩa chồng lên nhau: một loại hình tượng tả thực, và đặc biệt chi tiết "suốt cả ngày" khiến cho tiếng "vượn hót chim kêu" mang sắc thái rõ rệt của sự miêu tả trực tiếp những sự vật cụ thể; một loại hình tượng nữa là hình tượng ký hiệu. Tính chất "ký hiệu" của nó là ở chỗ nó *thay thế* cho cái gì

và sự thay thế ấy có tính chất *quy ước*, nghĩa là mang một ý nghĩa cố định quen thuộc, phổ biến với nhiều người. Hình tượng "vườn hót, chim kêu" ở đây vừa là tả thực, vừa là ký hiệu, nó thay thế cho một cảnh bỗng lại.

Ở phần "thực" - theo kết cấu Đường luật - bài thơ từ bỏ bút pháp ký hiệu đi hẳn vào bút pháp tả thực:

*Khách đến thì mời ngô nếp nướng  
Săn về thường chén thịt rừng quay*

Ở đây hoàn toàn là hình tượng miêu tả trực tiếp không phải là "hình tượng ký hiệu". "Ngô nếp nướng" là ngô nếp đem nướng lên và có thể thôi, không thay thế một đối tượng nào khác nữa. Nó chỉ có ý nghĩa *phản ánh* và ý nghĩa tiêu biểu, *điển hình*, chứ không có ý nghĩa *thay thế*. Nhưng hình tượng phản ánh này đã được tác giả lựa chọn, là những món ăn rất tiêu biểu cho đời nướng, núi rừng Việt Bắc, mà thật là tuyệt diệu: "ngô nếp nướng" và "thịt rừng quay". Bút pháp tả thực ở đây không dùng thứ ngôn ngữ cao cả, ước lệ và thành ngữ khái quát, mà dùng những từ ngữ nôm na, để phản ánh các sự vật cụ thể, thông thường trong cuộc sống thậm chí sử dụng rất tự nhiên cả những từ thân mật, suồng sã như "chén" thịt rừng quay. Đoạn tả thực này đưa vào bài thơ cái chất liệu chắc nịch của hiện thực, và cuộc sống "trần tục" đã xuất hiện ngay giữa cảnh "bỗng lại".

Qua phần "Luận" - là sự mở rộng của phần "Thực" - dường như ta lại thấy hai loại hình tượng chồng lên nhau, hình tượng phản ánh và hình tượng ký hiệu: "non xanh nước biếc" là núi, là sông xanh biếc ở Việt Bắc, nhưng cũng là biểu tượng một cảnh thiên nhiên tươi đẹp, và cuộc sống ở Việt Bắc từ cốt cách "trần tục" thoát đã mang cốt cách "tiên": "Non xanh

*nước biếc tha hồ dạo...*". Cái thú của tiên không thể là "ngô nếp nướng" với "thịt rừng quay", mà là dạo chơi "non xanh nước biếc" và say sưa "rượu ngọt chè tươi". Tác giả còn nhấn mạnh ý tận hưởng những lạc thú của cuộc sống bỗng lai: "tha hồ dạo", "mặc sức say", nói lên cảnh thiên nhiên cao rộng với những vẻ đẹp và thú vui phong phú, vô tận.

Đoạn "kết" thể hiện niềm say mê quyến luyến và tình nghĩa thủy chung với cảnh vật mà mình không bao giờ quên được. Khi gọi lại cảnh Việt Bắc, nhà thơ lại dùng một hình tượng ký hiệu: "Trăng xưa hạc cũ". Trăng bao giờ cũng là người bạn thân thiết với Bác rồi nhưng còn "hạc" là thế nào? Hạc "không phải là con vật tiêu biểu và thường thấy của núi rừng Việt Bắc. Ở Việt Bắc không thấy mấy ai nói đến con "hạc". Có lẽ vì thế mà khi dịch bài thơ này ra nước ngoài, người dịch đã phải dịch "hạc cũ" là "blanche aigrette de jadis" nghĩa là "con cò trắng ngày xưa"<sup>(1)</sup>. Người dịch hẳn biết con hạc trong tiếng Pháp là "grue", một loài chim lớn hơn cò, mà vẫn phải dùng tiếng "aigrette" là một giống cò, chắc hẳn vì ở Việt Bắc không có "grue" mà chỉ có "aigrette" mặt khác (oái ăm thay!) từ "grue" đối với người phương Tây lại gọi lên một nghĩa xấu khác về một người đàn bà không đứng đắn. Do khó khăn không vượt nổi của việc dịch, bản dịch chỉ còn giữ được sự tả thực mà mất tính chất ký hiệu. Bởi vì ở đây không thể nói "*Trăng xưa, cò cũ*", mà cứ phải là "*Trăng xưa, hạc cũ*".

Sự xuất hiện con "hạc" ở cảm hứng kết thúc này là tất yếu, không thể thay thế bằng cái gì khác được. Và nếu như

---

(1)... "Après la victoire de la résistance, je reviendrai Lune d'antan, blanche aigrette de jadis, printemps d'aujourd'hui". (Bài *Maquis du Việt Bắc* trong cuốn *Hồ Chí Minh vers et prose* - Fleuve Rouge, Hanoi 1980).

nhà thơ không có "ý thức" chọn lựa hình ảnh đó - chắc hẳn bác làm thơ nhanh không có thời giờ gò chọn từng chữ một - vì nó cũng tự đến do quy luật vận động bên trong, vận động tự thân của bài thơ đẩy tới. Nó nằm trong cảm hứng thống nhất của toàn bài và có thể nói là nó do các "giác quan thứ sáu" của nhà thơ, do sự tinh tế hồn nhiên của nhà thơ - "hồn nhiên" chính là sự thấm nhuần quy luật vào máu thịt, vào hình ảnh, từ ngữ thơ khi sáng tác.

Vấn đề ở chỗ này: con "hạc" đây không phải là "hình tượng hân ánh" mà là "hình tượng ký hiệu", không phải là ngôn ngữ tả thực, mà là ngôn ngữ ước lệ. Nó là ký hiệu của "cảnh tiên" và nó xuất hiện do cảm hứng chủ đạo của bài thơ về *cảnh tiên ở giữa cõi trần*, từ "vườn hót chim kêu" qua "ngõ nếp nương", "thịt rừng quay", trở lại "non xanh nước biếc", "rượu ngọt chè tươi", rồi đến "trăng xưa, hạc cũ"... Vì con cò thì tất nhiên có thể rất hiện thực với đồng ruộng Việt Nam và ruộng đồng Việt Bắc, nhưng không phải là ký hiệu của cảnh tiên: các vị tiên cưỡi hạc chứ không cưỡi cò. Con hạc, đó có thể là con hạc vàng của Thôi Hiệu "Người xưa đã cưỡi hạc vàng bay đi rồi...", có thể là cái hạc của Tản Đà trong cảnh Lưu Nguyễn biệt Thiên thai "Cái hạc bay lên vút tận trời", và cả con hạc trong câu ca dao "Nghêu ngao vui thú sơn hà. Mai là bạn cũ, hạc là người quen"... cũng đều là biểu tượng của cảnh tiên, hoặc cảnh sống tự do, phóng khoáng giữa thiên nhiên như cảnh sống của tiên.

Như thế là *Cảnh rừng Việt Bắc* trong cảm xúc của Bác vừa là trần vừa là tiên, trần rất mực trần, và tiên cũng thật là tiên. Bác muốn nói rằng cảnh trần ở đây cũng đẹp và vui

sương chẳng kém gì tiên. Và từ trong bề sâu tâm hồn, Bác đã xúc động như vậy thật chứ không phải chỉ để "tuyên truyền" cho người khác khỏi sợ Việt Bắc. Đó là một cảm xúc rất thật, hồn nhiên, thể hiện qua những lời thơ, hình ảnh thơ, điệu thơ thật hồn nhiên, không có gì là gượng ép, lên gân. Chính bởi vì Bác *yêu thiên nhiên*, thích sống hoà với đất trời cao rộng; khu căn cứ địa cách mạng Việt Bắc lại vốn *thân thiết* với Bác. Nhưng biểu tượng về cảnh tiên ở đây - như cái nghĩa của thành ngữ "sương như tiên" - chính là biểu hiện một *niềm vui cao độ* - Con người Bác Hồ trong bất cứ hoàn cảnh gian khổ nào vẫn có niềm vui cao độ, một phong thái ung dung ở Bác, luôn có một sức mạnh tâm hồn lớn làm chủ mọi tình thế, một lý tưởng sống cao cả để không bao giờ hết niềm vui, đồng thời cũng chính là con người *thực tế* nhất, biết nhìn phát huy những mặt thuận lợi của thực tế và hướng vào những niềm vui thực tế, chứ không chỉ nói "lý tưởng" trừu tượng. Bác Hồ thường tự hào sánh mình với "tiên". Ngay trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, Bác đã viết: "Tự do tiên khách trên trời. Biết chăng trong ngục có người khách tiên". Giữa cuộc kháng chiến chống Pháp đầy khó khăn gian khổ Bác vẫn vui vẻ lạc quan ở tuổi sáu mươi: "Ăn khoẻ, ngủ ngon, làm việc khoẻ - Trần mà như thế kém gì tiên!". Giữa cuộc kháng chiến chống Mỹ, năm bảy mươi tám tuổi tức là một năm trước khi mất, Bác làm thơ:

*Thuốc kiêng, rượu cử đã ba năm  
Không bệnh là tiên, sương tuyết trần  
Mừng thấy miền Nam luôn thắng lớn  
Một năm là cả bốn mùa xuân*

hơ chữ Hán, bản dịch của Khương Hữu Dụng. Nguyên văn câu thứ hai: "Nhân sinh vô bệnh thị chân tiên": "Đời người không ốm đau đích thực là tiên").

Và không phải ngẫu nhiên mà mặc dầu Bác Hồ là một con người rất người hơn ai hết, có lúc trong tâm trí ta bỗng hình dung Bác với một dáng dấp "tiên phong đạo cốt":

*Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm  
Quanh mặt hồ in mây trắng bay*

(Tố Hữu)

Phải chăng đó là vì Bác rất gần gũi và cũng rất cao cả, hiểu tình thương mà có sức mạnh vô biên?

Bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc* thêm một lần nữa cho ta thấy tâm hồn lạc quan sáng ngời của Bác, một tinh thần lãng mạn cách mạng đứng cao hơn thực tế để nhìn nhận hiện thực mà vẫn gắn chặt với thực tế. Bài thơ viết thật tự nhiên, từ ngữ lúc bình dị dân dã, khi trang trọng ước lệ mà vẫn thống nhất, hài hoà được với nhau trong một cảm hứng chủ đạo. Như thế nghĩa là cái cảm hứng ấy phải chân thành lắm, mạnh mẽ mới hoà tan, dung nạp được những yếu tố dị loại như thế trong một thể thống nhất, đến mức ghép chúng liền nhau câu trên kể câu dưới. Bút pháp thơ vận dụng linh hoạt mọi loại hình tượng phản ánh và hình tượng ký hiệu, hai loại hình tượng ấy khi thì chồng lên nhau, nhập vào nhau trong cùng một hình ảnh, một từ ngữ, khi thì tách biệt riêng do kết cấu và cảm hứng từng đoạn thơ đòi hỏi. Riêng loại hình tượng ký hiệu ở đây đã phát huy hiệu lực để tạo ra một xúc *hoà quyện*, *hư ảo giữa cảnh trần với cảnh tiên*, thể hiện niềm tin tưởng lạc quan cao độ trong cuộc sống và lòng

yêu thiên nhiên yêu núi rừng Việt Bắc của Bác giữa những ngày gian khổ nhất.

Qua bài thơ này lần nữa ta càng thấy rõ rằng: ở Bác Hồ và trong thơ Bác, lòng yêu thiên nhiên thường không chỉ đơn giản là yêu cảnh đẹp thiên nhiên, mà xét cho cùng chính là sự phản ánh một tâm hồn lớn.

*(Tập chí Văn học, số 3-198*



## BÀI THƠ BÁO TIỆP

NGUYỄN SĨ ĐẠI

Bài thơ được viết vào năm 1948, nguyên văn bằng chữ Hán.

Nhà thơ Huy Cận dịch là:

*Trăng vào cửa sổ đòi thơ  
Việc quân đang bận xin chờ hôm sau  
Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu  
Ấy tin thắng trận Liên khu báo về.*

Đây là một bài dịch khá đạt nhưng cũng không thể nào truyền được hết ý trong nguyên văn:

Trăng đẩy cửa sổ vào hỏi: Thơ đã làm xong hay chưa?

- Việc quân đang còn rối bời, thơ chưa xong được!

Tiếng chuông vọng từ các nhà sàn trên núi làm kinh động giấc mộng đêm thu.

Ấy chính là lúc tin thắng trận của Liên khu báo về.

Về bài thơ này, có một số điểm đáng lưu ý:

1 - Bác Hồ vốn là một nhà nho học, một thi sĩ phương ông, vì vậy khi để nói những tâm sự của riêng mình, thì

thơ chữ Hán là một phương tiện diễn đạt chủ yếu. Hiểu thơ chữ Hán là hiểu nỗi lòng sâu thẳm nhất của Bác.

2 - Thơ bộc lộ tâm sự (cảm hoài, ngôn chí) của các nhà thơ xưa thường chỉ nói đến ý nguyện cá nhân, đến sự bất đắc chí, có tráng khí nhưng cũng đượm mùi thoát tục nhuốm sắc bi quan ("Anh hùng di hận kỷ thiên niên") - Nguyễn Trãi: ("Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên" - Nguyễn Du). Tâm sự của Bác Hồ gắn chặt vào sự nghiệp chung của nhân dân. Sự lạc quan của cách mạng tạo nên sự lạc quan trong thơ Bác.

3 - Mối quan hệ hết sức tinh tế, thi vị giữa hai nhân vật: vầng trăng và nhà thơ. Con người có hai khát vọng: hoà đồng vào thế giới con người và hoà đồng vào thiên nhiên. Hoà vào thiên nhiên tức là vươn tới cái đẹp thuần khiết vĩnh hằng. Các nhà thơ phương đông không có ai không nói tới *hoa*, *nguyệt*. *Hoa* chỉ cái đẹp. *Nguyệt* nói tới sự thấu suốt, cảm thông. Trong thơ Bác, vầng trăng đã trở nên rất thân thiết:

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ  
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*

(Nhật ký trong tù)

*Kháng chiến thành công ta trở lại  
Trăng xưa hạc cũ với xuân này*

(Cảnh rừng Việt Bắc)

*Giữa dòng bàn bạc việc quân  
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền*

(Nguyên tiêu)

Chính vì quen thuộc nên trăng đã tự nhiên đầy cửa s

vào và hỏi: Bài thơ đã làm xong chưa? Khi ăn, khi ngủ, khi làm, cả khi nghỉ suy, những điều đã xong và những dự định của Bác, trăng đều thấu tỏ. Câu trả lời của Bác đối với trăng cũng vậy, không phải mào đầu khách khí mà bộc lộ trực tiếp tâm sự: việc quân đang còn lo nghĩ rồi bời, thơ chưa xong được! Chữ "mang" trong nguyên bản, dịch là "bận" thì chưa đạt, "mang" là mang sang, rồi bời. Đó là sự suy nghĩ, tính toán, chờ đợi lung lăm của Bác Hồ về trận đánh đang diễn ra ở chiến trường, chờ đợi từng giây phút, nói "bận", chỉ có sắc thái chung chung, không nói được sự gay go ác liệt của thời kì đầu kháng chiến ở Việt Bắc.

Nỗi lo nghĩ đi vào cả giấc ngủ (trận đánh cụ thể có thể thắng hay bại) cho nên khi chợt nghe tiếng chuông vọng tới, Bác đã giật mình tỉnh giấc (chữ *kinh* là làm kinh động, làm tỉnh dậy). *Thu mộng* là một sáo ngữ được dùng nhiều trong thơ xưa, là cách nói cho hay cho đẹp. Nhưng trong cấu trúc cụ thể này của thơ Bác "thu mộng" lại có nội dung là mới mẻ, là hướng tới chiến trường.

Nếu như vầng trăng ở đây được mượn làm phương tiện diễn đạt tâm sự của Bác, thì sự hoà đồng, tương cảm của trăng và Bác cho ta thấy rõ tâm hồn Bác cũng cao vợi, trong sáng như vầng trăng.

Bài thơ không nhắc gì đến chiến sĩ, chiến trường nhưng đằng sau nó, ta cũng thấy tình cảm bao la của Bác, từng phút, từng giây Bác như hiện diện trong cuộc chiến đấu bên người chiến sĩ.

4 - *Nguyệt thôi song vấn thi hành vị?* Câu đầu của bài là nói về một bài thơ, một tứ thơ cụ thể. (Có lẽ chỉ một câu cũng đủ gợi một chân dung đẹp: Bác vừa là nhà cách mạng,

vừa là nhà thơ, thơ là công việc thường trực của Bác). Bác đã trả lời ở câu thứ hai là *chưa xong* vì quân vụ. Nhưng đến câu sau.

*Sơn lâu chung hưởng kinh thu mộng  
Chính thị liên khu báo tiếp thi.*

Thì nó không chỉ có ý nghĩa thông báo tin thắng trận. Ta thấy được cái sáng khoái của Bác. Mỗi lo trưu nặng được tháo gỡ. Đây là cái kết thúc vừa tự nhiên vừa tạo được sự bất ngờ sáng khoái:

- Thắng trận rồi, bây giờ đến lượt thơ, có thể làm xong cho trắng ngay đây!

- Thơ - từ cách đặt vấn đề cụ thể ở trên đã mang ý nghĩa khái quát: Bài thơ lớn của Bác là sự nghiệp cách mạng. Vậy thì *Chính thị liên khu báo tiếp thi* đã là câu trả lời cho trắng, là sự hoàn thành bài thơ của Bác. Một sự chuyển hoá thật thú vị. Đây cũng là một nét độc đáo trong phong cách thơ của Hồ Chủ tịch.

(*Tạp chí Văn học*, số 3.1990)

## BÀI THƠ CHÚC TẾT KHÁNG CHIẾN CỦA BÁC HỒ

LÊ XUÂN ĐỨC

**Đ**ảng ta, Nhân dân ta, Quân đội ta vừa kỷ niệm 50 năm ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946/ 19-12-1996).

Tết này, xuân này, chúng ta cùng đọc lại *Chúc năm mới 1947* - một bài thơ chúc tết kháng chiến của Bác Hồ. Sự kiện lịch sử còn đó, ngày 20-12-1946, Bác Hồ ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, ngày 21-1-1947, giữa phút giao thừa tết Đinh Hợi, từ Đài phát thanh chùa Trầm phát đi tiếng nói Bác Hồ:

*Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,  
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.  
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,  
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.  
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!  
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.  
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!  
Thống nhất độc lập, nhất định thành công!*

Lời thơ *Chúc năm mới* của Bác thể hiện tinh thần chủ đạo của *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Cái thấy được

(*cờ đỏ sao vàng*), nghe được (*tiếng kèn kháng chiến*) trong thế *tung bay, vang dậy*. Lá *cờ đỏ* tung bay như lòng người náo nức vào cuộc trường kỳ kháng chiến, và âm thanh của tiếng kèn hùng tráng như khí thế bừng bừng của toàn dân. Tất cả vang trời dậy đất, giục giã lòng người, cổ động non sông trong cuộc biểu dương cách mạng.

Hai câu thơ mở đầu bài thơ rất đúng với quang cảnh đầu năm mới 1947 của đất nước. Màu sắc và âm thanh của một mùa xuân mới - mùa xuân đầu tiên của cuộc kháng chiến chống thực dân. Đây là màu sắc và âm thanh của *một cuộc ra quân lớn có ý nghĩa lịch sử*.

Hai câu thơ *nhập đề* cũng đồng thời làm *tiền đề* cho hai câu *thực* và *luận*, đặc biệt đó là những *lời kêu gọi*, những *khẩu hiệu lớn* của cuộc kháng chiến:

- Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến.
- Tiến lên chiến sĩ, tiến lên đồng bào.

Bài thơ chúc năm mới cũng đồng thời là *bài thơ kêu gọi*: "*Vừa là kêu gọi vừa là mừng xuân*". Đây chính là một cảm hứng độc đáo trong thơ chúc Tết - mừng xuân của Bác Hồ. Là *lời kêu gọi* nên Bác trình bày *đường lối kháng chiến* rất tự nhiên: Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, "*toàn dân*" là đường lối tập hợp lực lượng, động viên sức mạnh của Bác dưới lá *cờ đỏ sao vàng* thiêng liêng của Tổ quốc. Đường lối này quán triệt trong toàn bộ cuộc kháng chiến, đường lối đảm bảo chiến thắng. Câu thực này là chốt, là điểm sáng của bài thơ.

Ngày xưa, trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, Lê Lợi và Nguyễn Trãi cũng giương cao lá *cờ tự nghĩa* với đường lối kháng chiến đúng đắn:

*Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc  
ngọn cờ phấp phới.  
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông  
chén rượu ngọt ngào.*

(Bình Ngô đại cáo)

Nay trong thơ Bác:

*Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,  
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.  
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,*

Trong bài cáo của Nguyễn Trãi, ta thấy "nhân dân bốn cõi", thấy "tướng sĩ một lòng phụ tử". Phải sau hơn 500 năm, phải là cách mạng vô sản, phải là Bác Hồ mới có "toàn diện", mới có sự san bằng khoảng cách giữa người lãnh đạo và lực lượng kháng chiến:

*Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,  
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.*

Theo luật của thể thơ bát cú, hai câu thực (câu 3, câu 4) phải đối nhau, nhưng ở đây nó lại bổ sung và làm rõ nghĩa cho nhau, câu bốn giải thích cho câu ba. Hai câu luận (câu 5, câu 6) cùng một kiểu tổ chức kết cấu như câu thực. Luận bằng kêu gọi: *Tiến lên chiến sĩ, tiến lên đồng bào*, và bổ sung, làm rõ: *Sức ta đã mạnh, người ta đã đông*.

Nhịp điệu của đoạn thơ khoẻ, mạch đi liền một thoi rất nhanh, náo nức, phấn khởi và tin tưởng. Đó chính là khí thế đầu năm mới, khí thế lao vào cuộc trường kỳ kháng chiến của dân tộc ta. Nhịp thơ cuốn cuộn đẩy tới, chủ yếu là ở cấu trúc từ ngữ trong từng câu thơ, từng đoạn thơ. Rất vững

vàng, quyết tâm, mạnh mẽ tự hào bằng cả "*chí ta*", "*lòng ta*", "*sức ta*", "*người ta*" cùng với sự láy lại bốn từ "*đã*" thể hiện sự chủ động hoàn toàn "*đã quyết*", "*đã đồng*", "*đã mạnh*", "*đã đông*" chủ động tiến công xóc tới với tất cả sức mạnh của "*chí*" căm thù và "*lòng*" yêu nước khi đã quyết, đã đồng... Đó là những đòn sấm sét giáng vào đầu bọn xâm lược trong chiến dịch Thu Đông, Việt Bắc 1947 và những trận đánh khác. Ý chí chiến đấu, sự đồng lòng nhất trí của cả dân tộc ta là *đánh*: "*Toàn dân kháng chiến, toàn quốc kháng chiến*". Chúng ta đánh kẻ thù bằng sức mạnh tổng hợp. Chúng ta dựa vào sức mình mà tiến công địch, đúng như tình hình nước ta và cục diện thế giới năm 1947.

Sự hạn định *số lượng từ* của thể thơ rất khó cho người làm thơ muốn biểu đạt những vấn đề lớn. Thế mà Bác đã viết một cách thoải mái. Bác sử dụng một số từ nhất định và điệp lại mà hiệu quả rất cao. Trong 32 từ của bốn câu thơ thì có năm lần điệp các từ: *toàn*, *kháng chiến*, *ta*, *đã*, *tiến lên* chiếm tỷ lệ 18/32 thật là lạ mà rất hợp lý, bất ý nghĩa. Cách chuyển hoá lời nói vào thơ thật tài tình bởi chính tư tưởng và tâm hồn người làm thơ cao sáng, tự nhiên. Ví như từ "*tiến lên* trong câu thơ - *kêu gọi*, câu 5: *Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!* Cao vút, lao tới như làn sóng cách mạng không ngừng dâng lên. Cùng một câu thơ mà có sức mạnh phía trước, phía sau, có tất cả. Những câu chữ cứ sát vào nhau chặt chẽ như một khối đoàn kết toàn dân, như thế đi lên của dân tộc.

Bốn câu thơ được cấu trúc cân đối bằng hai vế. Câu nào cũng tám tiếng và mỗi vế chia thành bốn tiếng. Ý rõ ràng, mạnh, điệu thơ khoẻ, âm hưởng vang dội và hùng tráng là thế.



Bài thơ kết thúc bằng khẳng định - hai câu khẩu hiệu:

*Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi!*

*Thống nhất độc lập nhất định thành công!*

Không giống những bài thơ khác, những câu kết thường làm cái nền, cái đế cho toàn bài, ý chủ đạo dồn vào nó. Ở đây toàn bộ dựa vào cái nền từ những ý thơ trên, bây giờ nó tỏa ra và chốt lại, không còn là tính động viên mà là lời khẳng định dứt khoát và mãnh liệt. Lúc thực dân Pháp trở mặt, muốn đè bẹp chúng ta, Bác khẳng định trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: *Dù phải gian lao kháng chiến nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta.*

*Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm*

*Kháng chiến thắng lợi muôn năm!"*

Những *Lời kêu gọi* - những khẩu hiệu đã thực sự biến thành sức mạnh vật chất làm nên những chiến công. Năm 1960, nhìn lại chặng đường dân tộc ta đi qua, nhà thơ Chính Hữu đã viết trong bài thơ *Khẩu hiệu*:

*Khẩu hiệu "kháng chiến trường kỳ - nhất định thắng lợi!"*  
- đưa ta đi - vượt nghìn con sông, vượt nghìn quả núi. - Ta  
nhớ những ngày sôi nổi - Quê hương ta vườn trồng nhà không,  
- Khẩu hiệu trong lòng, - đình ninh - mãi miết.

*... Chúng ta đói, chúng ta rét - ta đánh giặc - bằng tay không - cầm khẩu hiệu - làm vũ khí - tiến công".*

*Chúc năm mới 1947* là bài thơ chúc, bài thơ kêu gọi, bài thơ khẩu hiệu đầy sức mạnh, bài thơ kháng chiến, có ý nghĩa lịch sử lớn. Năm mươi năm đã qua, cảm hứng lịch sử, cảm hứng anh hùng, cảm hứng chiến thắng vẫn còn nguyên vẹn.

Đúng như Hoài Thanh nhận xét: "Cả bài thơ phơi phới như buồm căng thẳng gió. Nó là lời của một lòng tin vững chắc của một người đang chiến thắng". Và chúng ta "hãy thử đọc lại cả bài. Nghe như có thể chuyển động của cả lịch sử, núi sông trong ấy" (Chế Lan Viên).

(Tập chí Văn nghệ Quân đội  
Số 2.1997)

## VỀ BÀI THƠ "THU DẠ" CỦA BÁC HỒ

LÊ XUÂN ĐỨC

Tại Viện bảo tàng Hồ Chí Minh (Hà Nội) còn lưu bức ảnh chụp một bài báo của K.T giới thiệu hai bài thơ xướng họa của Bác Hồ và cụ Bùi Bằng Đoàn ở chiến khu Việt Bắc. Xin ghi lại một đoạn:

"Thơ của hai cụ làm bằng chữ Tàu. K.T xin mạn phép dịch ra tiếng ta, xin nhận trước rằng không được hay và đúng lắm, K.T rất hoan nghênh nếu có vị nào dịch cho hay và đúng hơn.

Thơ Hồ Chủ tịch gửi cụ Bùi:

*Trù hoạch canh thâm tiệp đắc nhân,  
Thu phong, thu vũ báo thu hàn.  
Hốt văn thu dịch sơn tiền hưởng,  
Du kích qui lai tửu vị tàn.*

dịch:

*Trù tính canh chày, tạm nghỉ ngơi,  
Gió mưa thu, đã báo thu rồi  
Kèn thu bỗng dậy vang kia núi  
Du kích về rồi rượu chứa vơi.*

Thơ cụ Bùi hoạ lại:

*Thao luyện vô cơ nhất nhật nhân,  
Trật phong, mộc vụ, nại nghiên hà.  
Tướng tài tăng nhuệ, quân tăng tráng,  
Dương sử Tây nhung khí diện tàn.*

dịch:

*Cuộc luyện quân không chút nghỉ ngơi,  
Dãi dẫu mưa gió vẫn đùa vui,  
Tướng thêm thao lược, quân thêm mạnh  
Đánh lũ xâm lăng phải chạy dài."*

Cứ như bài báo của K.T thì bài thơ Bác Hồ gửi cụ Bùi không có đầu đề. Đầu đề *Thu dạ* (Đêm thu) là của *Thơ Hồ Chủ tịch* (Nhà xuất bản Văn học, 1967). Phần dịch thơ có bản dịch sau:

*Bàn việc canh chầy mới tạm ngơi,  
Gió mưa thu báo lạnh thu rồi  
Còi thu bỗng rúc vang tầng núi,  
Du kích về thôn rệu chữa vơi <sup>(1)</sup>*

Như vậy, di sản thơ chữ Hán Bác để lại cho chúng ta hai bài thơ về *Đêm thu*. Một bài là *Đêm thu 1941* ( *Nhật ký trong tù*), và một bài *Đêm thu 1948* (*Thơ ca chiến khu*). Hai đêm thu của hai thời kỳ, hai hoàn cảnh khác nhau: đêm thu trong tù và đêm thu chiến khu.

---

(\*) Trong cuốn *Một số bài giảng thơ văn Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Giáo dục, 1984, tr.240, có một số bản dịch khác, hai câu cuối sát nguyên văn hơn:

*Bàn việc canh chầy mới tạm ngơi  
Gió mưa thu báo lạnh thu rồi  
Sáo thu bỗng vọng từ núi trước,  
Du kích trở về, rệu chữa vơi.*

Ở trong tù thu đến hay chưa đến, Bác không cần biết.  
Cái Bác quan tâm là:

*Tâm hoài cố quốc thiêng đường lộ,  
Mộng nhiều tân sầu, vạn lữ ti.  
Vô tội nhi tù di nhất tải,  
Lão phu hoà lệ tả tù thi.*

dịch:

*Ngìn dặm băng khuâng hồn nước cũ,  
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay.  
Ở tù năm trọn thân vô tội,  
Hoà lệ thành thơ: tả nỗi này.*

Đêm thu mà chẳng có gì dính dáng đến thu, hay nói đúng hơn là không mang sắc thái của mùa thu. Đó chỉ là đêm của mọi đêm Bác sống trong tù. Ở chiến khu, Bác có quan tâm đến đêm thu, đến cái tiết thu.

Đêm đã khuya (*canh thâm*), sau khi bàn tính công việc xong (*trù hoạch*), Bác mới tạm nghỉ ngơi (*tiệm đắc nhàn*) thì chợt biết mùa thu đã sang:

*Bàn việc canh chày mới tạm ngơi  
Gió mưa thu báo lạnh thu rồi*

Mãi lo toan việc nước, tận canh khuya mới có phút thanh hơi. Mà cũng chỉ là tạm (*tiệm*) thôi. Ở đây có một điểm hết quán trong hai bài thơ *Thu dạ*: Bác lúc nào cũng nghĩ đến nước, đến dân. Bác lo việc nước, việc dân đến quên cả giờ tiết. Ta bỗng nhớ đến những vần thơ đầy ưu tư của Lê Thánh Tông:

*Lòng vì thiên hạ những sơ âu,*

*Thấy việc trời, dám trể dàu.  
Trống dờn canh còn điểm sách  
Chiêng xé bóng chữa thôi chầu.*

(Tự thuật)

Một ông vua hiền minh trong cảnh thái bình thịnh trị. Còn *Thu dạ*, Bác Hồ đang ở giữa rừng Việt Bắc, tại đại bản doanh của Bộ chỉ huy cuộc kháng chiến đầy hy sinh gian khổ để giành độc lập cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân.

Bác lo toan việc nước vất vả suốt ngày đêm. Có giây phút tạm ngơi, khi *bàn việc canh chày* xong, mới nhận biết khi trời đã sang thu, Bác cảm hết thu:

*Thu phong, thu vũ, báo thu hàn.*

Câu thơ dịch *Gió mưa thu báo lạnh thu rồi* tuy có nhiều cố gắng để giữ mấy từ *thu*; nhưng vẫn là câu dịch chưa đạt "*Thu phong thu vũ, báo thu hàn*" nghĩa là gió thu, mưa thu báo cho biết tiết thu lạnh đã tới. Trong một câu bảy chữ Bác dùng tới ba chữ *thu*: *thu phong, thu vũ, thu hàn*. *Thu phong thu vũ báo thu hàn* nghe như một điệp khúc của mùa thu có gió thu, mưa thu và mưa mưa gió gió của mùa thu gây nên cái lạnh đặc biệt của tiết thu. Ở đây ta gặp lại các điển đạt theo lối điệp từ của như *Nguyên tiêu*: *Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên*. Cũng như ba từ *xuân*, ba từ *thu* tác giả đem đến cho người đọc những cảm giác về thu thật mạnh, rất thu.

Từ gió thu, mưa thu, tiết thu, người đọc có cảm tưởng sẽ được đọc những lời bình luận của thi nhân về đêm thu, nà ngờ một ý thơ khác hẳn, đến rất đột ngột, hùng tráng, lắ át hẳn những gió thu, mưa thu, mặc dù tiết thu vẫn được nhấn thêm một lần "thu dịch" nữa.

*Hốt văn thu dịch sơn tiên hưởng  
Du kích quy lai tửu vị tàn.*

*(Còi thu bông rúc vang tầng núi  
Du kích về thôn rượu chưa vơi).*

*Hốt văn* hay *hốt thính* (như *Bác văn* thường dùng) đều có nghĩa là *chợt nghe, bỗng nghe*. *Thu dịch* là tiếng *sáo thu*. Tiếng *sáo* thổi vào mùa thu. Khi phân tích bài thơ này, có người cho không thể là *tiếng sáo thu*, mà phải là *tiếng còi thu*, hoặc là *tiếng kèn thu* mới vang tầng núi được.

Quyền thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật là của mỗi người. Nhưng có lẽ cũng nên thống nhất cái có thể thống nhất được. Trong thơ tứ tuyệt cổ điển và thơ tứ tuyệt của *Bác*, có hiện tượng nhà thơ dùng điển cố, chi tiết ước lệ, từ ước lệ, tượng trưng. Nếu đọc thơ loại này chỉ dừng trên bề mặt chữ nghĩa, hoặc chỉ chú tâm vào nghĩa thực, nghĩa đen, hoặc chỉ đơn thuần theo nghĩa bóng thì nhiều khi chưa thấy hết ý nghĩa, hoặc chưa sát nghĩa thực, dẫn đến co hẹp, hoặc quá mở rộng trường liên tưởng. Tiếng *còi thu* ấy trong nguyên văn là *tiếng sáo thu (thu dịch)*. Dịch ra *còi* hay *kèn* là dịch thoát ý. Tiếng *còi*, tiếng *kèn* hay tiếng *sáo* với âm thanh mạnh, vui, vang vọng giữa núi rừng làm sống động đêm khuya. Tiếng *còi*, tiếng *kèn*, tiếng *sáo* ấy truyền tin chiến thắng dội vào vách núi tạo ra âm vang ngân vọng đất trời.

Với chi tiết *thu dịch (tiếng sáo thu)* câu chuyện thật tài tình, thú vị dẫn đến câu kết tuyệt diệu vừa cổ điển vừa hiện đại:

*Du kích quy lai tửu vị tàn*

Câu chuyển và câu kết mang không khí và hình ảnh cổ hi nhưng cũng là của hiện đại:

## *Du kích về thôn rượu chữa vôi*

Hình ảnh chiến sĩ du kích là điểm sáng của bài thơ, vút chiếm vị trí trung tâm bài thơ. Có một hình ảnh, một chi tiết được bàn cãi nhiều "*tửu vị tàn*" và "*quy lai tửu vị tàn*" người thì cho "*tửu vị tàn*" - rượu chữa vôi - là chén rượu của Bác đang chờ đoàn quân chiến thắng trở về, người thì lại cụ thể hơn: Bác ngồi uống rượu một mình, từ từ nâng chén, Bác vừa nhấp một hai hớp vừa lắng nghe núi rừng, theo dõi cảm hứng thơ; có người lại nâng lên "*chén tửu chung*" đậm bạc đậm đà hương hội ngộ. Đồng chí Vũ Kỳ, người gần gũi Bác thời kỳ ở chiến khu Việt Bắc và sau này cho biết: "Bác không bao giờ uống rượu một mình. Thường thường vào bữa ăn, Bác có uống một chút rượu thuốc cùng với người khác... Cần lưu ý rằng, trong thơ có chi tiết thực, có chi tiết ước lệ, nhưng cả bài thơ bao giờ cũng nói lên một sự thực nào đó. Khi làm thơ, tác giả có thể liên tưởng đến một điều gì đó".

Từ ý kiến trên, hướng ta nghĩ "*quy lai tửu vị tàn*" có thể từ gợi ý *chén rượu còn nóng* trong *Tam quốc chí*, khi Quan Vũ xuất trận, chỉ trong giây lát xách đầu Hoa Hùng, một tướng tài của Đông Trác trở về, đặt trước mặt Viên Thiệu, trong khi chén rượu của Tào Tháo tặng chưa uống, vẫn còn nóng nguyên. Như vậy *quy lai tửu vị tàn* đã trở thành một thành ngữ chỉ việc hoàn thành chớp nhoáng, mau lẹ một trận đánh. Trên cơ sở đó, có thể hiểu câu thơ *du kích quy lai tửu vị tàn* trong thơ Bác với nghĩa bóng: trong đêm thu ấy quân du kích lập công chớp nhoáng, thắng lợi thu về hể sức nhanh.

Cảm hứng bài thơ là *cảm hứng chiến thắng*. Chiến thắng



nhANH chóng, chớp nhoáng, và mau lẹ. Chỉ trong giây phút, khi chén rượu rót ra chứa vơi thì các chiến sĩ du kích đã trở về trong tiếng sáo thu vang vọng núi rừng. Đây là một thủ pháp hữu hiệu của thơ.

Làm thơ có nhiều cái khó, một trong những cái khó là nhà thơ phải làm chủ được hình tượng, nếu không thì câu thơ, đoạn thơ, bài thơ không thể thành một chỉnh thể thống nhất mà đứt mạch, rời rạc và nhạt nhẽo. Dựng lên một hình tượng rất thơ, thơ hơn cả thơ, chứng tỏ tài thơ của Bác đạt đến mức tinh tế, hoàn toàn làm chủ hình tượng, điều khiển câu chữ tự nhiên, sinh động như hiện thực cuộc sống vậy.

Bài thơ *Thu dạ* (Đêm thu) là một bài thơ hay.

(Tập chí *Văn nghệ Quân đội*  
số 9-1993)

# TÌM HIỂU BÀI THƠ "QUÂN TA TOÀN THẮNG Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ" CỦA BÁC HỒ

TRƯƠNG KHUÊ BÍCH

**T**hật là may mắn cho chúng ta, Bác Hồ có viết một bài thơ về chiến thắng vĩ đại của dân tộc - *Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ*.

Mùa xuân năm ấy, Bác Hồ viết "Thơ chúc tết Giáp Ngọ" (1954).

"Năm mới, quân dân ta có hai nhiệm vụ rành rành:

- Đẩy mạnh kháng chiến để giành độc lập, tự do;
- Cải cách ruộng đất là nhiệm vụ rất to.

Dần dần làm cho người cày có ruộng, khỏi lo nghèo nàn.

Quân và dân ta nhất trí kết đoàn.

Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn thành thành công. Hoà bình, dân chủ thế giới khắp Nam, Bắc, Tây, Đông. Năm mới, thắng lợi càng mới, thành công càng nhiều". Ngày mừng một tết trùng vào ngày 3 tháng 2 năm 1954, thành ra lời Bác chúc tết nhân dân cũng là lời chúc Đảng, thơ mừng xuân cũng là thơ mừng Đảng.

Hơn hai tháng trước, giữa tháng 10 năm Quý Tỵ, (20-21-22 tháng 11 năm 1953) thực dân Pháp đã cho quân nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ, xây dựng vị trí chiến lược này thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương và là trung tâm của toàn bộ kế hoạch Na-va" <sup>(1)</sup>. Giặc âm mưu dùng tập đoàn cứ điểm này làm bàn đạp chiếm lại Sơn La, Lai Châu, Hoà Bình, vượt biên giới tấn công nước Lào anh em "kéo" chủ lực của ta lên để dễ bề tiêu diệt. Thời điểm Bác làm thơ chúc tết là lúc bộ đội ta đã cơ động lên Điện Biên Phủ quyết tâm tiêu diệt giặc, là lúc từng đoàn dân công từ Thanh, Nghệ lên, từ Việt Bắc sang, vận chuyển vũ khí, lương thực, thuốc men cho bộ đội. Phối hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ, quân ta đang căng địch ra mà đánh ở khắp các chiến trường: đồng bằng Bắc Bộ, khu Bốn, khu Năm, đồng bằng Nam Bộ, Tây Nguyên và phối hợp với quân dân hai nước anh em, đánh mạnh ở chiến trường Lào và Căm-pu-chia. Cho nên bài "Thơ chúc tết Giáp Ngọ" là khúc dạo đầu của bài "Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ".

Đây là một trong những bài thơ dài nhất của Bác, là một bài thơ tự sự đặc biệt kể cả cấu tứ và hình thức nghệ thuật.

Chỗ khác nhau của bài thơ này với các bài khác là tứ thơ đã ấp ủ từ lâu, không phải tứ thơ ập đến vì một duyên cớ đột ngột nào, vì một cảnh ngộ nào. Những bài thơ trước kia của Bác mà chúng ta đã biết, có lúc tứ thơ đến vì "tiếng suối trong như tiếng hát xa" vọng về, (cảnh khuya), vì "ánh trăng chuyển bóng cây vào cửa sổ" (đối nguyệt - nhìn trăng), hoặc để "Cảm ơn người tặng cam" hoặc "rụng mất một chiếc

---

<sup>(1)</sup> Trường Chinh: *Chiến thắng Điện Biên Phủ mãi mãi là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam*. Nhân Dân 13-3-1984.

răng" và có khi bởi một xúc động khá mãnh liệt khi "bỗng nghe một tiếng nhạc nhớ quê" của người bạn tù (Nạn hữu suy dịch).

Tứ thơ của bài thơ này được chuẩn bị từ trước, có thể là từ khi Bác và Trung ương quyết định điều quân lên đánh Điện Biên Phủ. Tứ thơ hình thành dần dần qua bao nhiêu ngày đêm Bác và Đảng theo dõi và chỉ đạo chiến dịch.

Tin thắng trận bay về, bài thơ của Bác hoàn thành, chỉ còn viết ra nữa thôi. Bác cho đăng trên báo *Nhân dân* ngày 12 tháng 5 năm 1954. Lúc bấy giờ báo Đảng mỗi tuần ra có hai số. Nghiên cứu bút tích Bác viết bài thơ này, thấy Bác chữa rất nhiều chỗ, nhiều câu. Vì vậy chúng tôi tin rằng Bác viết bài thơ này ngay sau ngày quân ta cắm lá cờ chiến thắng lên nóc hầm tướng Đờ Cát-xơ-ri.

Bác là nhà thơ viết bài thơ đầu tiên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Bài thơ này vừa là tác phẩm văn học, vừa có ý nghĩa chính trị, có ý nghĩa lịch sử.

Đối đầu với ý chí xâm lược, với những danh tướng "Na-va cùng Cô-nhi" với "máy bay cao cao, xe tăng thấp" với "súng lớn đầy chồng chất", với sự giúp đỡ của đại cường quốc Hoà Kỳ, về phía ta - Bác chỉ đưa anh bộ đội và người dân công cần cù, chịu khó, nhũn nhặn, khiêm tốn với "quyết tâm làm cho tròn nhiệm vụ".

*Lặng lẽ chuẩn bị suốt tháng ngày  
Không quản gian khổ và đắng cay.*

Người chiến sĩ đã làm nên chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ, chấn động địa cầu, "bên cạnh những chiến thắng Bạch

Đằng, Chi Lăng, Đống Đa" <sup>(1)</sup>. Người "chiên sĩ viết thư lên Bác Hồ".

*Xin Bác vui lòng mà nhận cho  
Món quà chúc thọ sinh nhật Bác  
Chúng cháu cố gắng đã sắm được*

Đó là ba câu cuối cùng đóng bài thơ lại, là ba câu Bác viết thay anh bộ đội nói lên đầy đủ phẩm chất vô cùng cao quý của anh bộ đội Cụ Hồ. Thật là cảm động, khi nghĩ đến những ngày tháng anh bộ đội chịu đựng "gian khổ và đắng cay", khi nghĩ đến một bước ngoặt của cách mạng mà anh vừa đem xương máu ra đóng góp. Đức tính khiêm tốn và giản dị, nhũn nhặn của anh bộ đội chiến thắng hoàn toàn đối lập với cái huênh hoang kiêu ngạo của bọn tướng lĩnh thực dân thất trận.

Phải có một bài thơ xứng với cái tầm của chiến thắng. Làm một bài thơ khái quát được cả một chiến dịch lớn, lại có sức rung động lòng người là một việc khó. Trong chiến dịch Biên giới, Bác viết bài thơ "Lên núi" nhưng không phải là bài thơ miêu tả về một chiến dịch cụ thể mà dừng lại ở cảm xúc trước sự lớn mạnh của quân đội ta. Bài thơ chỉ có bốn câu:

*Chống gậy lên non xem trận địa,  
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây,  
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đẩu.  
Thề diệt xâm lăng lũ sói cây*

1950  
(Xuân Diệu dịch)

---

1. Trường Chinh. Bài đã dẫn.

Lần này Bác viết một bài thơ dài 45 câu, chia ra 5 khổ thơ.

Khổ thơ thứ nhất nói về phía địch 10 câu. Khổ thơ thứ hai, nếu không tính câu đầu như một từ nối thì có 8 câu, nói về bộ đội dân công của ta. Khổ thơ thứ ba lại nói về địch 8 câu. Khổ thơ thứ tư nói về cả hai bên tham chiến 12 câu. Khổ cuối cùng nói lên tấm lòng của chiến sĩ đối với Bác và cũng có thể nói là tình cảm của Bác với chiến sĩ 6 câu.

Cấu trúc một bài thơ dài, như vậy là chặt chẽ và sáng rõ. Ai đọc cũng hiểu, càng nắm được nội dung. Bác kể về địch thì nhiều, kể về ta thì ít, kể về địch để nâng ta lên. Thật là lý thú.

Bài thơ viết theo thể bảy chữ, vần liền, rất hiện đại. Nhịp câu chủ yếu là 4-3 nên rất mạnh.

Trong bài thơ, chúng ta lại bắt gặp nghệ thuật châm biếm tinh tế của Bác.

Bác viết:

*Chúng khoe rằng: "kế hoạch Na-va"*

*Thật là "mạnh dạn và tài hoa".*

Bác dùng từ "mạnh dạn" và "tài hoa" với ý nghĩa châm biếm. Na-va đổ quân xuống Điện Biên Phủ là một sai lầm nghiêm trọng, sau này bọn tướng lĩnh phương Tây cũng bình luận như vậy, cho nên Bác gọi là "mạnh dạn". Na-va chẳng có tài gì cả ngoài cái tài đàn áp nhân dân các nước thuộc địa, cái tài rút chạy khi phát xít Đức tấn công và là một kẻ "tài hoa" ăn chơi đủ mốt. Điều lý thú là, Bác cho tên Na-va xuất hiện bốn lần. Hai lần đầu là sự huyênh hoang của kế hoạch Na-va. Lần thứ ba là bọn giặc nói về niềm tin ở tài năng Na-va. Lần cuối cùng Na-va xuất hiện với sự thất bại cay đắng.

Tổng chỉ huy xuất hiện 4 lần thì phó chỉ huy Cô-nhi Bác chỉ cho xuất hiện hai lần thôi. Hai tên đều "méo mặt" khi xuất hiện lần cuối cùng cũng trong bài thơ của Bác.

Có thể nói Bác viết bài thơ này là bài thơ duy nhất về một trận đánh cụ thể. Trận đánh này mãi mãi gắn với tên Tổ quốc và tên Bác.

Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ.

Qua bản bút tích của Bác, chúng ta có thể thấy được một phần lao động nghệ thuật nghiêm túc và sáng tạo của Người.

Bài thơ có 45 câu thì Bác đã chữa 24 câu và bỏ hẳn 3 câu. Thử làm một phép tính ta thấy số câu chữa là 3 phần, số câu không chữa là 2 phần.

Câu thứ nhất Bác viết:

"Năm mới bắt đầu thay năm cũ",

Bác chữa lại:

"20 tháng 11 năm cũ",

Câu thơ mạnh hơn, bảo đảm tính chân thực của lịch sử hơn.

Câu thứ 7 khổ thơ thứ hai, Bác viết:

"Không quản *mệt nhọc* và *đắng cay*"

Bác chữa lại:

"Không quản *gian khổ* và *đắng cay*"

Thay "mệt nhọc" bằng "gian khổ" khái quát hơn.

Câu 4 khổ thơ thứ ba, Bác viết:

"Máy bay *trên cao*, xe tăng *thấp*"

Bác chữa lại:

"Máy bay cao cao, xe tăng thấp"

Như vậy, có ý vị mỉa mai châm biếm.

Câu 4 khổ thơ thứ tư, Bác viết:

"Quân ta anh dũng *không* ai bằng"

Bác chữa lại:

"Quân ta anh dũng *ít* ai bằng".

Rõ ràng là nói được đức tính khiêm tốn của quân đội ta.

Sau câu "Quân giặc tan hoang, ta vây chặt" ở khổ thơ thứ tư trong bản bút tích còn có hai câu Bác đã gạch xóa đi. Hai câu ấy như sau:

"*Kêu trời, trách đất, oán mẹ cha*"

"*Thân này không chết, cũng ra ma!*"

Theo chúng tôi, Bác bỏ hai câu này là rất đúng vì có thể là Người không muốn nói lên cái đau khổ của binh lính Pháp. Họ cũng là nạn nhân của chủ nghĩa thực dân Pháp. Mục tiêu cần phải chia mũi nhọn vào là bọn thực dân Pháp, là bọn tướng lĩnh Na-va, Cô-nhi và quan thầy Mỹ của chúng

Chúng ta trân trọng bài thơ *Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ*, bài thơ là món quà của Bác tặng cho toàn thể quân và dân ta, tất cả những ai có đóng góp một công sức cho chiến thắng vĩ đại của dân tộc- chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử.

*Viết tại khu vực Nhà sàn  
tháng 3-1984*

*(Tập chí Văn học, số 3.1984)*



## BỔNG NGHE VẦN "THẮNG" VÚT LÊN CAO

CHẾ LAN VIÊN

**T**hủ tướng Phạm Văn Đồng viết: "Hồ Chủ tịch là người Việt Nam, Việt Nam hơn người Việt Nam nào hết. Ngót ba mươi năm bôn tẩu bốn phương trời, Người vẫn giữ thuần túy phong độ, ngôn ngữ, tính tình của người Việt Nam. Ngay sau khi về nước, gặp Tết, Người không quên mừng tuổi đồng bào hàng xóm và quà bánh cho trẻ em, tuy chỉ có mấy đồng xu, nhưng cũng bọc giấy hồng đơn cẩn thận, tươm tất".

Những bài thơ chúc Tết hàng năm của Bác, cũng là quà mừng tuổi của Người cho nhân dân ta như vậy. Bọc trong giấy hồng đơn là tâm lòng Người. Bác làm thơ đâu chỉ vì Tết, đâu chỉ vì thơ. Mà vì những điều lớn hơn thơ và Tết nữa. Đây là vì lòng tôn trọng các truyền thống tốt đẹp của nhân dân, và để kêu gọi nhân dân đi lên con đường cách mạng.

*Mấy lời thành thật nô mừng*

*Vừa là kêu gọi, vừa là mừng xuân.*

Bác rất không thích ai tán và tán dương thơ Bác. Có lần Bác đã nói, đại ý: "Bác làm thơ là để tuyên truyền, có bài được, có bài không, sao bài nào các chú cũng khen hay tất

cả?". "Lão phu nguyên bất ái ngâm thi". "Ngâm thơ ta vốn không ham". "Cái ham, cái "*ham muốn tốt bậc*" của Bác đâu phải là thơ, mà là hạnh phúc cho nhân dân, độc lập, thống nhất cho Tổ Quốc. Vì thế, hôm nay tôi muốn đứng về phía ấy để nói về những bài thơ chúc Tết của Người.

Trở lại với ý trên của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, xin mời các bạn đọc một đôi bài thơ, đoạn văn Bác từng viết lúc bốn ba nơi hải ngoại. Những bài thơ bằng chữ Hán, trong nhà lao Tưởng Giới Thạch:

*Mai khôì hoa khai hoa hựu tạ  
Hoa khai hoa tạ lưỡng vô tình  
Hoa hương thấu nhập lung môn lý  
Hương tại lung nhân tố bất bình.*

Nhà thơ Nam Trân đã dịch:

*Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng  
Hoa tàn hoa nở thấy vô tình  
Hương hoa bay thấu vào trong ngục  
Kể với tử nhân nổi bất bình*

Hay như bài:

*Ngục trung cự phạm nghênh tân phạm  
Thiên thượng tình vân trục vũ vân  
Tình vũ phù văn phi khứ liễu  
Ngục trung lưu trữ tự do nhân.*

Anh Nam Trân dịch:

*Trong lao tù cũ đón tù mới  
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa*

*Mây mưa mây tạnh bay đi hết  
Còn lại trong tù khách tự do.*

Thực là thơ của muôn đời!

Và đây là một đoạn văn Bác viết hai mươi năm trước đây nữa, ngày còn ở Pháp, Người bạn của Pôn Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê, Bác-buy-xơ và nữ sĩ Côlét đã sử dụng bút pháp hiện đại để nói với "*Giô-sép Cayô, Cựu thủ tướng Pháp, nhà lý tài ngoại hạc, một nhà văn không phải tôi, không phải tương đối tôi như En-xtanh nói*"...

Bác viết: "*Này ngài Thủ tướng, xin ngài cho tôi biết chân của châu Âu và của nước Pháp ở chỗ nào, tôi sẽ nói cho ngài biết châu Âu và nước Pháp đi tới đâu!*"

Đác Uyn, nhà đại thông thái Đác-uyn, từng biết rằng con người của một con ếch xứ O-véc-nhơ tròn hơn con người của một con ếch ở vùng Nốt-tinh-ham và đuôi con chim bồ câu ở Mêch-xích có nhiều hơn đuôi chim ở Thụy Điển ba cái lông, nhưng ông hoàn toàn không biết gì đến một loài động vật rất đông đúc và ngày nay ai cũng biết; và do số lượng và tính chất của nó, loài động vật này có thể được liệt vào hàng đầu các loài động vật. Loài động vật này đi hai chân. Nhưng theo những tài liệu quan sát tại nhiều vùng châu Á, thì nhiều khi nó lại trở thành loài đi bốn chân". Vân vân...

Đấy, đang viết những câu văn như thế, hay đang đồng dục lên tiếng trên các diễn đàn quốc tế, bỗng dừng vì sao khi về đến nước Bác lại làm:

*Mấy câu thành thật nôm na...*

*Vừa là kêu gọi, vừa là mừng xuân.*

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã giúp ta hiểu thêm Bác, khi

Thủ tướng viết: *"Người hạ mình cho vừa tầm mọi nngườ  
Nam để nâng đỡ mọi người Việt Nam lên đến tầnmim N*

Thủ tướng cũng lại viết: *"Đời sống của Hồ Chí hủ t  
một đời sống khắc khổ, cần lao và tranh đấu. NgNgườ  
tự của một dân tộc mất nước không thể có một đời sôi óống*

Chúng ta có thể nghĩ tiếp *"Người lãnh tụ của 1 a mộ  
tộc mất nước không thể có một lối viết khác".* Bác kkkhôn  
thơ văn phượng múa rồng bay. Và nhân dân ta đannng đ  
lập, đôi cả cơm ăn, đâu cần một thứ văn phun châu r n nhả

\*

\* \*

Lần giở những bài thơ chúc Tết của Bác từ đầu c đ đến  
xiết bao xúc động. Ngay những câu đề *"Thơ chúc c c Tể  
năm Nhâm Thìn"* thơ *"Mừng Tết Quý Ty"*, *"Thơ chúc c T Tết  
Ngọ"* đã nói lên Bác quan tâm đến những thói querenen g  
năm tháng cổ truyền. Nhưng, dần dần Bác đã đưa a a các  
mới vào *"Thơ mừng xuân 1966, mừng xuân 67, mừừừ  
68, mừng xuân 69"*, lần với cả cách hành văn mới nnữ  
thời với các thể thất ngôn, lục bát, Bác viết (1966666).

*Mừng miền Nam rục rở chiến công*

*Nhiều Dầu Tiếng, Bầu Bàng, Pơ lây me, Đầầầ N.*

Hay (1960):

*Mừng Đảng chúng ta ba mươi tuổi trẻ. . .*

Bài thơ chúc Tết đầu tiên là tự năm nào? Theo chhchỗ c  
ta biết, có lẽ đây là bài *"Mừng xuân 1942"*.

*Tháng ngày thấm thoát chóng như thời  
Năm cũ qua rồi chúc năm mới...*

Năm 1941, tháng hai dương lịch, Bác về hang Pắc Bó:

*"Nở trắng hoa kim anh trên biên giới Bác về"*

Đúng là mùa Xuân, Bác làm luôn hai bài thơ tháng hai âm ấy:

*Non xa xa, nước xa xa  
Nào phải thênh thang mới gọi là  
Đây suối Lê Nin, kìa núi Mác  
Hai tay xây dựng một sơn hà.*

Và:

*Sáng ra bờ suối, tối vào hang  
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng  
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng  
Cuộc đời cách mạng thật là sang.*

Bác có nhìn ngắm phong cảnh. Trong thơ có nói đến núi, suối, sông, suối đá, cảnh vật bên ngoài. Ấy thế mà chẳng có một chữ Xuân hay một cành hoa nào vào trong thơ cả. Non ở đây là non nước, sơn hà. Và suối ấy là suối Lê Nin như núi Mác. Bàn đá cũng là bàn đá chông chênh của cơ sở trong trào chưa vững chắc. Việc Đảng, việc nước bao nhiêu đều hệ trọng, ngổn ngang, chưa cho Bác có thì giờ thưởng xuân, dù đây là Xuân đầu tiên trên Tổ Quốc. Chúc Tết đồng bào, Bác đi thăm hỏi, hay bọc xu trong giấy hồng đơn tặng cho các cháu nhỏ như đã nói ở trên.

Những bài thơ chúc Tết thực sự xuất hiện, và xuất hiện liên tục là từ những năm kháng chiến. Và chính vì nhiệm

vụ động viên nhân dân kháng chiến mà chúng xuất hiện liên tục. Đây là bài thơ năm 1947:

*Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió  
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông  
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến  
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng  
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông  
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi  
Thông nhất độc lập, nhất định thành công.*

Dừng nghĩ Bác định làm thơ! Bác muốn toàn dân lúc đó người biết chữ, người chưa biết chữ, nhớ lấy đường lối, nhiệm vụ cách mạng, đã được kết tinh cô đúc trong các khẩu hiệu và Bác ghép các khẩu hiệu ấy lại cho thành một bài văn vần. Người vĩ đại nhất của dân tộc viết ra là muốn cho người ít văn hoá nhất của dân tộc nhớ lấy và làm được. Nhưng thật là kỳ lạ! Sao một người như Bác, đi khắp trời bể năm châu, có khi hàng năm trời không có dịp dùng tiếng mẹ đẻ mà lúc về lại nắm cái nhịp điệu dân tộc, cái hồn nhạc Việt Nam đến thế!

*Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng  
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông*

Hãy thử đọc lại cả bài. Nghe như có thể chuyển động cả lịch sử, núi sông trong ấy. Cũng như vậy, một lần khác Bác viết:

*Ào, ào, ào...  
Ào, ào, ào  
Già nào,*

Trẻ nào,  
Lính nào,  
Dân nào  
Đàn ông nào,  
Đàn bà nào,  
Kẻ có súng dùng súng  
Kẻ có dao dùng dao  
...Du kích ngày càng mạnh  
Du kích ngày càng cao  
...Ào, ào, ào,  
Ào, ào, ào

Câu thơ ùn ùn, ào ào kéo tới, như gió bão, như khí thế, trào cách mạng lôi cuốn mọi người đi. Bác không phải nắm nhạc điệu dân tộc, mà ở ngay trong lòng, trong trung tâm của luồng nhạc ấy.

Những bài thơ kế tiếp theo, không phải bài nào cũng hay. Đã nói Bác làm thơ để kêu gọi mà! Cốt sao Bác nhắc nhở chúng ta nhớ các nhiệm vụ cách mạng. Và bây giờ cả nước đang tiến hành hoàn thành công việc thống nhất nước nhà, chúng ta xúc động biết bao khi thấy liên tục suốt trong mấy chục năm, câu kết mọi bài thơ đều là "Thống nhất độc lập", "Thống nhất định thành công" (1947) hoặc "Thống nhất nước nhà", "Thống nhất đất nước" (1959), "Hoà bình thống nhất đất nước", "Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn".

Cũng như thế bây giờ khi bàn về tính liên tục của Nhà nước cách mạng, về ngọn quốc kỳ, thì hãy nhớ rằng đã hai mươi năm Bác tính tuổi cho Nhà nước của chúng ta như tính tuổi cho chàng trai đang sung sức.

*Mừng Nhà nước ta mười lăm xuân xanh  
Mừng Đảng chúng ta ba mươi tuổi trẻ*

(1960)

*Chúc mừng Ất Ty xuân năm mới  
Nhà nước ta vừa tuổi hai mươi*

(1965)

Về ngọn "Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió" thì ngày 1942 ba năm trước ngày tổng khởi nghĩa làm Cách mạng tháng Tám, Người đã

*"Chúc toàn quốc ta trong năm nay  
Cờ đỏ sao vàng bay phát phới"*

Các hồi ký thuật lại, đi đường xa Bác thường dạy cho các bộ, chiến sĩ đọc từng đoạn Chinh phụ ngâm, Kiều, hoặc Bày ra kể chuyện cho quên mệt. Xong một câu chuyện,, thu một đoạn Kiều, ta đến nơi lúc nào không biết nữa. Trong một ý nghĩa lớn lao hơn, các bài thơ Tết của Bác đã có tác dụng với ta như vậy. Bác biết cuộc kháng chiến là trường kỳ, và vô cùng gian khổ, nên Người tìm hết cách để động viên từng bước chúng ta. Giặc Pháp nói sẽ tiêu diệt chúng ta vài tuần, nay ta trụ thêm một năm, thêm nhiều năm,, mười năm chứ!

1949, đánh được ba năm, Bác viết:

*Kháng chiến lại thêm một năm mới  
Thi đua yêu nước thêm tiến tới  
Động viên lực lượng và tinh thần  
Kháng chiến càng thêm mau thắng lợi.*

1952, đánh được năm năm, nhiều người đã thấy dài, Người lại vỗ về:



*Xuân này kháng chiến đã năm xuân  
Nhiều xuân kháng chiến càng gần thành công.*

1952. Gian khổ chồng chất. Nhưng còn hai năm nữa là  
áo quang của Điện Biên Phủ đầy rồi.

Bác cổ vũ:

*Xuân này, xuân năm Thìn  
Kháng chiến vừa sáu năm  
Trường kỳ và gian khổ  
Chắc thắng trăm phần trăm.*

Cứ như thế, theo các bài thơ Bác, chúng ta đi từ năm  
láng này qua năm tháng khác, từ gian khổ này vượt lên  
ảnh thắng lợi kia. Những bài thơ chúc Tết về sau thì không  
n chỉ là lời kêu gọi nôm na.

*"Xuân về xin có một bài ca"...*

Thực sự đó đã là các bài ca của cả nước.

Xuân 1967:

*Xuân về xin có một bài ca  
Gửi chúc đồng bào cả nước ta  
Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi  
Tin mừng thắng trận nở như hoa.*

Xuân 1968:

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua  
Thắng trận tin vui khắp mọi nhà  
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ  
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta.*

Với câu này, cả dân tộc đã tiến lên. Và ngay bây giờ ta

vẫn ngỡ như Bác đang đứng trên đỉnh cao của lịch sử để hiệu triệu chúng ta như vậy.

1969. Bài thơ chúc Tết cuối cùng! Sau đó hàng năm đêm giao thừa, ta không còn cái hạnh phúc nghe giọng âm cúng của Bác đọc bài thơ mới.

*Năm qua thắng lợi vẻ vang  
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to  
Vì độc lập, vì tự do.  
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.  
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào!  
Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn.*

Bài thơ dự đoán những điều ta thấy ngày nay. Mỹ trước ngụy sau, đưa cút, đưa nhào! Bác báo trước không những sự sụp đổ mà cả các bước sụp đổ, các hình thức sụp đổ khác nhau khá độc đáo của quân thù.

\*

\*      \*

Lê Nin không làm thơ và hình như có nói là dù có bị lộ da cũng không làm nổi một câu thơ được. Mác ngày trẻ cũng làm thơ, nhưng cũng không thực xuất sắc, dù Mác rất lĩ đại <sup>(1)</sup>. Do đó, nếu Bác không làm thơ, hay làm mà không hay, thì cũng không hại gì đến sự nghiệp cao cả của Người. Nhưng Bác làm thơ, và là một hồn thơ lớn. Tôi nhớ lại một cuộc họp ở Pari năm 1968, khi bộ trưởng Hoàng Minh Giám

---

(1) Nếu tôi không lầm thì vào quãng 1935 - 1937 Hàn Mặc Tử đã dịch thơ từ yêu của Mác, đăng ở báo *Thần Chung* ngày đó.

trong bài diễn văn của mình đã đọc một bài tứ tuyệt của bác thì cả hội trường trí thức Pháp đã vỗ tay và đứng dậy. Làng trăm Việt kiêu và chúng tôi lúc ấy đã ràn rụa nước mắt. Tự hào và sung sướng cho dân tộc ta biết chừng nào!

*Đã lâu không làm bài thơ nào...*

Đã lâu Bác không làm thơ nữa. Nhưng lòng ta mỗi mùa xuân, lại nhớ tiếng thơ Người. Bài này Bác không viết vào Tết, mà ở giữa Xuân, tháng ba năm 1968. Hôm nay tự dưng ao tôi thiết tha muốn đọc to bài thơ ấy.

*Đã lâu không làm bài thơ nào*

*Nay thử lại làm xem ra sao*

*Lục khắp giấy tờ vẫn chưa thấy:*

*Bỗng nghe vần "thắng" vút lên cao...*

Vần thắng vút lên từ đầu năm 75, ở Ban Mê Thuột, vút lên tại thành phố Sài Gòn, vút lên trên cả đất nước Việt Nam thống nhất, vần thắng ấy là bài thơ muôn đời Bác để lại cho ta.

(Trích từ sách: *Bay theo đường dân tộc đang bay* - NXB Văn học giải phóng, 5. 1976)

## "BẮC NAM SUM HỌP XUÂN NÀO VUI HƠN"

*(Mừng xuân thống nhất, đọc lại những  
bài thơ chúc Tết của Bác Hồ)*

**HÀ MINH ĐỨC**

**T**ừ sau cách mạng, trên cương vị Chủ tịch nước, hàng năm Bác làm thơ chúc Tết đồng bào, chúc mừng xuân mới. Những bài thơ chúc Tết của Bác Hồ có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân ta. Từ cái Tết đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám đến mùa xuân cuối cùng trước khi Bác qua đời, Bác đã viết trên hai chục bài thơ chúc Tết đồng bào. Như đã thành thường lệ, hàng năm khi tiếng pháo mừng xuân trong phút đón giao thừa nổ rộn rã, mọi người hồi hộp chờ đón và vui sướng lắng nghe tiếng nói ấm áp của Người qua lời thơ chúc Tết đồng bào. Thơ của Bác đúc kết những thắng lợi trong năm qua, đề ra những nhiệm vụ chiến lược của cả dân tộc trong năm mới vừa mang sâu sắc cảm hứng lịch sử vừa chan chứa ý thơ. Nếu lịch sử là nhà thơ lớn nhất theo câu nói của Ăng Ghe-ri thì lịch sử đấu tranh của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng với bao kỳ tích lớn lao là một bản anh hùng ca tuyệt đẹp. Chất anh hùng ca và chất thơ đó của lịch sử đã được nhân lên trong cảm hứng sáng tạo thi ca của Bác - vị lãnh

tự vĩ đại, người chiến sĩ kiên cường, nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ chúc Tết của Bác Hồ là những bài thơ xuân, những vần thơ thép. Bác không chú ý miêu tả cảnh đẹp của trời xuân; không có thiên nhiên tô điểm nhưng cuộc đời tự nó cứ thanh xuân khi tiếng súng đầu năm ở chiến trường báo hiệu cho những thắng lợi mới của một mùa chiến dịch, khi những kế hoạch vừa được hoàn thành lại chào đón một kế hoạch mới, khi tâm hồn mọi người lâng lâng trong mùa xuân mới và phấn khởi nồng nàn chào đón tương lai. Thơ chúc mừng năm mới của Bác phản ánh những nhiệm vụ lịch sử, những cảm hứng lớn của từng giai đoạn cách mạng; thời kỳ kháng chiến chống Pháp, thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và giai đoạn lịch sử của cả nước tiến hành sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Lần ngược trở lại dòng thời gian, những trang thơ vẫn còn như ấm nóng không khí lịch sử, vẫn như còn giục giã thôi thúc mọi người hành động. Cách mạng thành công chưa được bao lâu, kẻ thù bộc lộ hoàn toàn dã tâm cướp nước qua hành động xâm lược. Vận mệnh của dân tộc lại đứng trước những thử thách nghiêm trọng của lịch sử. Giờ cứu nước đã điểm. Mùa đông 1946 Bác kêu gọi toàn dân kháng chiến. Lực lượng của ta và địch ở những ngày đầu kháng chiến còn chênh lệch. Kẻ thù ỷ vào sức mạnh của máy bay, xe tăng và vũ khí hiện đại bắt đầu tổ chức những cuộc tiến công ồ ạt. Ta ở vào thế cầm cự, vừa chiến đấu vừa phát triển lực lượng. Với một tầm nhìn xa thấy rộng của vị chỉ huy tối cao. Bác đã khẳng định cuộc trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi. Bác truyền sức mạnh và lòng tin đó đến đồng bào và chiến sĩ. Bài thơ chúc mừng năm mới 1947 là bài thơ có ý nghĩa lịch sử sâu sắc và cũng là một trong những bài thơ chúc Tết hay nhất của Bác.

*Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió  
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông  
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến  
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng  
Tiến lên chiến sĩ, tiến lên đồng bào  
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông  
Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi  
Thống nhất độc lập, nhất định thành công!*

Cả bài thơ là một áng hùng văn, một khúc ca chiến đấu và chiến thắng. Mạch thơ cuộn cuộn đẩy tới và dâng cao ý thơ lớp lớp khẳng định "Cả bài thơ phời phới như buồn căng thẳng gió. Nó là lời của một lòng tin vững chắc, củ một người đang chiến thắng" (Hoài Thanh). Bài thơ là l hiệu triệu đầy sức mạnh. Những khẩu hiệu lớn của cuộc khán chiến được chốt vào nơi trọng yếu của bài thơ và chỗ đồ căng của cảm xúc. Nhịp ngắt gọn, ý thơ cân đối, điệu th khoẻ, âm hưởng vang dội và hùng tráng. Bài thơ động viê chính trị nhưng không khô khan, kêu gọi mà thành thiết th giục giã, khẩn trương hướng vào nhiệm vụ cứu nước hiệ tại mà phời phới tinh thần lạc quan cách mạng và lòng ti vào thắng lợi ngày mai. Mở đầu bài thơ là hình ảnh cao ba toả rộng của lá cờ đỏ sao vàng tượng trưng cho Tổ Quốc đ lập tự do, là tiếng kèn trận vang dậy non sông, tiếng kè thúc giục chiến đấu mà chứa chan những âm vang chiến thán. Bác khẳng định tính chất toàn dân, toàn diện của kháng chiế. Cơ sở ấy tạo nên sức mạnh hợp đồng muôn người như mộ một ý chí, một quyết tâm "chí ta đã quyết lòng ta đã đồng. Câu thơ mang âm hưởng mạnh mẽ vừa kiên quyết xóc t vừa mang sức nặng đồng tâm. Cảm hứng trở nên dồn dế hơn, khẩn trương hơn qua lời kêu gọi *Tiến lên chiến sĩ, ti lên đồng bào*. Mạch thơ lại đẩy tới một tầng cao hơn, hì

ượng thơ cụ thể hơn, ý chí đã biến thành sức mạnh. *Chí ta đã quyết, đã trở thành sức ta đã mạnh và lòng ta đã đồng đã trở thành lực lượng cụ thể người ta đã đồng.* Âm hưởng của tiếng kèn trận vẫn như còn dội lên trong nội dung và trong nhịp ngân trầm, khoẻ, đầy âm vang của các nhóm từ *non sông... lòng ta đã đồng... người ta đã đồng... nhất định thành công.* ... Bài thơ kết thúc với hai lần khẳng định và cũng là hai lời quyết tâm: "Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi", "Độc lập thống nhất nhất định thành công". Hai khẩu hiệu lớn của cuộc kháng chiến dội vang trong nhịp điệu hào hùng và bay lên trong cảm hứng lãng mạn của lời tiên tri cách mạng.

Từ ấy cuộc kháng chiến trường kỳ mỗi năm lại giành được nhiều thắng lợi mới. Bác ghi nhận những thắng lợi mà quân dân ta đạt được sau mỗi năm chiến đấu và sản xuất.

*Kháng chiến lại thêm một năm mới  
Thi đua yêu nước thêm tiên tới.*

Bác kêu gọi tinh thần yêu nước thi đua của toàn dân. Phong trào thi đua yêu nước phải thường xuyên, sâu rộng, mang tính chất quần chúng rộng rãi. Lời thơ của Bác giản dị, mà cô đúc, dễ thấm sâu và thực sự đã trở thành khẩu hiệu động viên và phương châm hành động:

*Người người thi đua  
Ngành ngành thi đua  
Ngày ngày thi đua  
Ta nhất định thắng  
Địch nhất định thua*

(Chúc Tết 1949)

Thật giản dị, tự nhiên mà nghiêm trang sâu sắc. Lời thơ gợi dậy khí thế sôi động của phong trào. Hưởng ứng nhiệt

liệt lời dạy của Bác, những mùa hoa chiến công lại nở rộ ruộng đồng, xưởng máy lại rộn rịp những không khí thi đua sôi nổi. Kháng chiến chuyển dần sang giai đoạn tổng phản công. Cuộc kháng chiến từng năm đi qua và cũng từng năm Bác điểm thời gian trong thơ. Năm tháng không gây ấn tượng, kéo dài nặng nề mà thời gian luôn đưa ta về phía trước đi ngày càng đi gần tới thắng lợi.

*Xuân này kháng chiến đã năm xuân  
Nhiều xuân kháng chiến càng gần thành công.*

Năm Mão qua, năm Thìn tới, cuộc kháng chiến đã bước vào năm thứ sáu, Bác đã có thể khẳng định chắc chắn thắng lợi. *Trường kỳ và gian khổ. Chắc thắng trăm phần trăm.* Cuộc kháng chiến càng đến gần thắng lợi lời thơ chúc Tết của Bác càng vui, càng phấn khởi, phản ánh khí thế của dân tộc đan vươn lên ở chặng đường cuối cùng, và Bác cũng nhận mệnh nhiệm vụ của toàn dân ở chặng đường mới. Bài thơ chúc Tết năm Quý Ty của Bác là những lời mừng thắng lợi. Mừng lời mừng kế tiếp nhau. Không phải là những khó khăn đi qua hết và thắng lợi đã cầm tay. Bác đã từng chỉ ra kinh nghiệm "đường gay cuối chặng lại thêm gay", nhưng không vui mừng sao được trước những thắng lợi ngày càng lớn lao của cuộc kháng chiến, trước không khí hậu phương và tiền tuyến vừa thi đua vừa sản xuất và chiến đấu, vừa thi đua phấn khởi trên hai nhiệm vụ phản đế và phản phong.

*Mừng phát động nông dân  
Mừng hậu phương phấn khởi  
Mừng tiền tuyến toàn dân  
Thi đua chiến thắng mới.*

Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi. Bước vào những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, khí thế lao động quên mình xã



lụng đất nước sôi nổi khắp nơi, miền Bắc thi đua xây dựng, với những công trường bộn bề sức sống, với những nhà máy nôi mọc lên khắp nơi, những công trường bát ngát xanh tươi. Cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội đang ngày một lớn mạnh. Quan hệ tình cảm gắn bó yêu thương giữa người và người ngày một thắm thiết và tin cậy. Nhiều điển hình nổi bật lên trong các phong trào thi đua. Công nhân phát cao cờ Duyên Hải, nông dân phát cao cờ Đại phong, bộ đội phát cao cờ Ba nhất... Trong thư mừng năm mới Bác chúc Tết đồng bào:

*Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi  
Tin mừng thắng trận nở như hoa*

Bước sang năm 1968. Một cái Tết lịch sử đánh dấu sức mạnh trời dấy lớn lao của quân dân miền Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968. Trong lời thư mừng xuân 1968, Bác khẳng định:

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua  
Thắng trận tin vui khắp nước nhà*

Lời thơ của Bác làm nức lòng quân dân hai miền.

Ngày hội mừng xuân cũng là ngày hội mừng chiến thắng. Biết bao sự trùng hợp ấy đã diễn ra trong lịch sử và cả trong cuộc chiến đấu hiện tại. Bác ghi nhận thắng lợi của mùa xuân lịch sử này trong lời thơ động viên và khen ngợi "*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua*". Đây không chỉ là một cố gắng mới, một tiến bộ mới của phong trào mà thắng lợi lịch sử đã hàm trong cấp số nhân, trong bước nhảy vọt. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp khi bước vào giai đoạn tổng phản công giành thắng lợi cuối cùng, Bác đã có thơ nhận xét: *Thu này hơn hẳn những thu qua, Kháng chiến thắng lợi gấp ba bốn lần*. Những thắng lợi có ý nghĩa quyết định của chiến trường chống Mỹ đã mở ra viễn cảnh tươi đẹp về ngày toàn

thắng. Ngày toàn thắng chưa phải đã đến gần nhưng Bá đã cầm ở đây một ngọn cờ đỏ chói lợi như một cái đích vẫy gọi, giục giã. Bài thơ kết thúc một lời kêu gọi, khẳng định

***Tiến lên!***

***Toàn thắng ắt về ta!***

Câu thơ được ngắt hai dòng. Nhịp điệu thơ xốc tới khi thể dâng cao, tràn đầy sức mạnh chiến đấu và tinh thần tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng. *Mừng xuân 1969* là bài thơ chúc Tết cuối cùng trước khi Bác qua đời và cũng là một trong những bài thơ hay nhất của chùm thơ xuân chống M của Bác. Cả bài thơ là một ca khúc tiến quân, một ca khúc chiến thắng. Nhịp điệu của bài thơ uyển chuyển nhịp nhàng và được tăng dần dồn dập, mạnh mẽ hơn. Chiến lược các mạng chung của cả nước trong suốt mấy chục năm theo phương châm lớn "Không có gì quý hơn độc lập tự do" được thâm tẩm tài tình lại trong những nhiệm vụ cụ thể qua một câu thơ lục bát:

*Vì độc lập, vì tự do.*

*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.*

Ý thơ phân bố cân xứng với những tiểu đối và những điệp âm trên hai vế của cả hai câu thơ lục và bát làm cho nhịp điệu câu thơ tiến triển nhịp nhàng và dễ gây ấn tượng. Đặc biệt là những nhân tự *Mỹ cút, ngụy nhào* rất nôm na mang ý nghĩa chiến lược tài tình, chỉ ra nhiệm vụ trực tiếp của ta và hình thế thất bại thích hợp cho mỗi kẻ thù.

Quân dân ta ở cả hai miền đã thực hiện lời dạy của Bác Mỹ đã cút, ngụy đã nhào, Tổ quốc đã hoàn toàn độc lập tự do, non sông thu về một dải, Bắc Nam sum họp một nhà

\*

\*      \*

Suốt trên hai mươi năm qua, tấm lòng của Bác với miền Nam thật sâu nặng. Qua những bài thơ chúc tết, Bác đã dành cho đồng bào miền Nam Thành đồng của Tổ quốc lòng tin vững chắc, tình cảm cao đẹp và những chăm sóc yêu thương lúng như câu nói xúc động của Người: "Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn ở trong tim tôi" <sup>(1)</sup>. Cái tết đầu tiên sau cách mạng nửa đất nước mừng đón xuân trong tiếng pháo nổ, nửa đất nước đã bước vào cuộc kháng chiến thần kỳ chống kẻ thù xâm lược. Trong không khí đón chào xuân mới, Bác nghĩ trước tiên đến đồng bào và các chiến sĩ tiền phương:

*Bao giờ kháng chiến thành công  
Chúng ta cùng uống một chung rượu đào  
Tết này ta tạm xa nhau  
Chắc rằng ta sẽ tết sau sum vầy.*

Lúc này cuộc kháng chiến của miền Nam đã trải qua hơn một trăm ngày thử thách, với gậy tầm vông vát nhọn, súng trường, lựu đạn và tinh thần dũng cảm vô song, quân dân miền Nam đã chặn đứng âm mưu xâm lược của kẻ thù, phá tan ảo tưởng của chúng về những thắng lợi tưởng tượng mà chúng nghĩ rằng sẽ diễn ra trong chớp nhoáng, hoặc nhẹ nhàng như một cuộc diễu binh. Cuộc kháng chiến của đồng bào Nam bộ cũng thể hiện sức mạnh chiến đấu của cả ba miền. Giữa thủ đô Hà Nội, những đoàn quân Nam tiến hăng hái lên đường, quân dân miền Trung lớp lớp xung phong vào chiến trường Nam bộ. Cuộc dạo sức đầu tiên đã thể hiện khí phách của một dân tộc anh hùng. Qua lời thơ chúc tết "Bác đã dành những tình cảm thấm thiết cho các chiến sĩ đang "đốt thuốc súng để giữ gìn Tổ quốc trong khi đồng bào đốt pháo mừng

---

1) Báo Nhân dân, ngày 21-10-1962.

xuân"<sup>(1)</sup>. Câu nói lịch sử của Bác Hồ trong ngày lễ lập nước "Tôi nói đồng bào nghe rõ không" như còn âm áp trong trái tim của mỗi người thì lời thơ chúc tết cũng âm áp và gài giữ xiết bao. Không còn những ngăn cách xa lạ qua một lệ hẹn ước, qua một cách nói thân mật "*Tết này ta tạm xa nhà - Chắc rằng ta sẽ tết sau sum vầy*". Từ đây nhiệm vụ của nước ở cả hai miền được thống nhất làm một trong công cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Bác luôn gắn bó hai nhiệm vụ thống nhất và độc lập - Làm sao có thể có được độc lập vững chắc nếu không có thống nhất thực sự. Và cũng không thể có thống nhất được nếu không giành được độc lập. Qua thơ chúc tết năm 1948, Bác kêu gọi cả nước đại đoàn kết và cùng dốc một lòng: "Thống nhất chắc chắn được, Độc lập quyết thành công".

Bước vào thời kỳ đấu tranh thống nhất đất nước, nhiệm vụ cách mạng của miền Nam thật gian khổ và nặng nề. Trước lời thơ chúc Tết năm 1956, Bác đã dành cho miền Nam danh hiệu *Thành đồng Tổ quốc*.

*Miền Bắc thi đua xây dựng*

*Miền Nam giữ vững thành đồng.*

Và đúng với lòng tin cậy của Bác và sự cảm phục của cả nước, phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam đã nẩy nở như vũ bão trong thời kỳ đồng khởi. Bác khẳng định bước phát triển lớn lao đó của phong trào cách mạng với tinh thần cổ vũ nhiệt liệt.

*Chúc miền Nam đấu tranh tiến tới*

*Sức triệu người như sóng biển Đông.*

(Thơ mừng năm 1962)

---

(1) Võ Nguyên Giáp - *Những năm tháng không thể nào quên*, trang 132.

Cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam đã thu hút sự an tâm và tấm lòng cảm phục, quý mến đặc biệt của đồng bào cả nước. Nghĩ đến miền Nam là nghĩ đến nửa đất nước yêu quý, tiền tuyến lớn của chiến trường chống Mỹ. Có năm ông thơ chúc tết Bác dành tất cả tình cảm và suy nghĩ cho vấn đề thống nhất nước nhà. Bác đã từng dạy "Dân tộc là một, nước Việt Nam là một. Nhân dân ta nhất định vượt tất cả mọi khó khăn và thực hiện kỳ được "thống nhất đất nước, Nam Bắc một nhà" <sup>(1)</sup>.

Qua thơ Bác, vấn đề thống nhất đất nước luôn được nhắc ở như một nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của toàn Đảng, nhân dân trong suốt mấy chục năm qua. Tình cảm Bắc Nam tình cảm ruột thịt anh em của những người con trong một nước, những người đồng chí cùng đấu tranh chống kẻ thù:

*Bắc Nam như cội với cành  
Anh em ruột thịt đấu tranh một lòng  
Rồi đây thông nhất thành công  
Bắc Nam ta lại vui chung một nhà*

Bác luôn thể hiện sự quan tâm chăm sóc của lãnh tụ kính yêu của dân tộc với đồng bào nửa đất nước yêu quý, đang đứng vững trên tuyến đầu chống Mỹ. Tấm lòng của Bác với miền Nam cũng mang sâu nặng tình cảm ruột thịt gia đình "Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà, Miền Nam mong Bác nỗi nhớ cha" (Tố Hữu). Còn một ngày đất nước còn bị chia cắt, đồng bào miền Nam còn phải chịu đựng cảnh nước sôi lửa bỏng thì Bác chưa vui: "Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon

---

Hồ Chí Minh - *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, trang 234.

ngủ không yên" <sup>(1)</sup>. Bác chưa muốn nhận huân chương Sao vàng cao quý mà Quốc hội định tặng Người và đề nghị được hoãn đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao tặng Người phần thưởng cao quý đó. Bác luôn nghĩ đến ngày đất nước thống nhất, non sông một giải, Bắc Nam một nhà. Ngày vui ấy sẽ là một ngày hội lớn của cả nước và riêng với Bác, Bác cũng vui lòng.

*Đến ngày thống nhất nước nhà  
Bắc Nam sum họp thì ta vui lòng.*

Ngày ấy sẽ đến và nhất định phải đến. Bác truyền sức mạnh và niềm tin ấy cho nhân dân ở cả hai miền. Đó là một chân lý đứng lại vĩnh viễn với thời gian bất chấp mọi đổi thay.

*Dù cho sông cạn đá mòn  
Nhân dân Nam Bắc là con một nhà.*

Bác tìm mọi dịp, mọi hình thức để động viên nhiệt tình cách mạng ở mọi người. Trong thư gửi các cháu miền Nam, Bác gửi các cháu những tình cảm thăm thiết nhất và niềm vui ước hẹn của ngày Bắc Nam sum họp:

*Bắc Nam sẽ sum họp một nhà  
Bác cháu ta gặp mặt trẻ già vui chung  
Nhớ thương các cháu vô cùng  
Mong sao mỗi cháu là một anh hùng thiếu nhi.*

Với tấm lòng yêu thương và gắn bó với miền Nam ruột thịt, Bác theo dõi sát sao từng tin chiến thắng từ miền Nam gửi về. Người có ý định vào miền Nam để thăm đồng bào, đồng chí và luôn kiên trì nêu vấn đề đó. Trong những năm

---

(1) Hồ Chủ tịch với miền Nam, Nxb: Sự Thật, Hà Nội; 1970; tr. 20.

cuối của cuộc đời tuy tuổi cao và sức yếu hơn, nhưng tinh thần của Bác lại rất phấn chấn. Bác rất vui trước những thắng lợi lớn lao của quân dân hai miền đặc biệt là của đồng bào miền Nam. Mỗi thắng lợi của chiến trường thực sự đã góp phần rút ngắn lại khoảng cách về ngày thống nhất. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đầu xuân 1968 của quân dân miền Nam đã đem lại cho Bác niềm vui lớn. Tin chiến thắng đã đem đến trong thơ Bác thi hứng mới với "vần "thắng" vút lên cao" <sup>(1)</sup>. Bác làm thơ khen ngợi đơn vị dân quân gái của thành phố Huế đã đánh lui một tiểu đoàn quân Mỹ. "Bác khen các cháu dân quân gái. Đánh giặc Hoa Kỳ phải nát xương". <sup>(2)</sup>

Tin chiến thắng đã làm cho Bác như trẻ hơn và thêm vui hơn "Mừng chiến thắng miền Nam luôn thắng lớn. Một năm là cả bốn mùa xuân" <sup>(3)</sup>. Những thắng lợi của cuộc chiến đấu đã đem lại niềm phấn chấn lớn lao như đang nhân lên mùa xuân của đất trời trong cảm hứng "xuân bốn mùa". Mùa xuân của cuộc đời dường như không còn phụ thuộc vào thiên nhiên thay đổi mùa vụ, mà ở đâu, lúc nào nổ rộ hoa chiến công và tiếng súng mừng thắng lợi là ở đấy tràn ngập xuân sắc, xuân tươi.

Năm 1968 là năm thắng lớn. Xuân chiến thắng này hơn hẳn những mùa xuân qua. Đó cũng là cơ sở để Bác có thể dành toàn bộ tình cảm thấm thiết và suy nghĩ sâu sắc nhất cho chiến sĩ, đồng bào và cho phong trào cách mạng miền Nam trong bài thơ *Mừng xuân 1969*, bài thơ chúc Tết cuối cùng của Bác. Lời kêu gọi mạnh mẽ thiết tha và phấn chấn tin tưởng vẫn còn như giục giã mọi người.

---

1) Bài thơ Bác làm năm 1968.

2) (3) Những bài thơ Bác làm năm 1968.

*Tiến lên!*

*Chiến sĩ đồng bào*

*Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn.*

Mùa xuân chiến thắng - mùa xuân thống nhất đất nước đã đến với biết bao nụ cười tươi vui và những giọt nước mắt nóng hổi tình yêu thương và niềm vui xúc động trong ngày gặp gỡ và sum họp Bắc Nam. "*Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn*", chân lý lớn ấy của Bác Hồ đã thấm sâu vào mong ước và tình cảm của toàn dân. Cũng vì thế mà mọi người đều rất nhớ Bác và cùng cảm thấy như có Bác trong ngày vui chiến thắng. Cũng vì thế mà mùa xuân thống nhất này tuy Bác đã đi xa nhưng Bác vẫn luôn gần gũi trong tâm lòng kính yêu của mọi người. Trong niềm vui sum họp chúng ta càng nhớ đến công lao trời biển của Người. Lấy cảm hứng từ nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, câu thơ đẹp của Người đã từ một mong ước, một lời khẳng định, trở thành sự thật và từ nay mãi là chân lý và sự thực vĩnh viễn trong đời sống của dân tộc ta.

Tháng 12-1975

(*Tạp chí Văn học*, số 1-1976)

---

(1) (2) Những bài thơ Bác làm năm 1968.



## ĐỌC MỘT SỐ THƠ CA CỦA HỒ CHỦ TỊCH TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

HỒ TUẤN NIÊM

**H**Ồ CHỦ TỊCH có rất ít thì giờ làm thơ. Tập thơ *Nhật ký trong tù* chỉ được sáng tác trong một trường hợp đặc biệt, khi Người bị giam cầm không được tự do hoạt động cách mạng. Từ Cách mạng tháng Tám đến nay, Người bận rộn biết bao nhiêu trong việc lãnh đạo toàn quốc kháng chiến, lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước. Tuy nhiên, Người làm thơ trong những trường hợp cần thiết như chúc Tết đồng bào, cổ vũ khích lệ tinh thần cách mạng của các tầng lớp nhân dân, ca ngợi tình hữu nghị quốc tế v.v... Mỗi một bài thơ của Người đều đưa đến cho chúng ta một niềm phấn khởi tự hào, một ánh sáng dẫn đường chiến đấu, một bài học về nhân sinh quan cách mạng; mỗi một bài thơ đều thể hiện một vẻ trong tâm hồn của người cộng sản vĩ đại.

\*

\*   \*

Trước hết, chúng tôi muốn nói đến những bài thơ chúc Tết của Người. Trong 20 năm qua, gần như năm nào, Hồ

Chủ tịch cũng làm một bài thơ chúc Tết toàn thể đồng bào. Những bài thơ ấy thường nói về nhiệm vụ lớn trong từng giai đoạn cách mạng. Trong những năm kháng chiến, Người luôn luôn nhấn mạnh: "Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi, Thống nhất độc lập nhất định thành công". Từ sau ngày hoà bình lập lại, đề tài trong các bài thơ chúc Tết của Người lại là xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất đất nước. Chúng ta đều biết rằng khi viết những bài văn vắn chúc Tết, Hồ Chủ tịch không hề có ý làm thơ như Người đã nói: "Mấy câu thành thật nôm na, vừa là kêu gọi vừa là mừng xuân" (thơ chúc Tết năm 1952). Cho nên điều cần lưu ý trước tiên ở đây là ý nghĩa của việc vị Chủ tịch nước làm thơ chúc Tết, giá trị đặc biệt về mặt tư tưởng qua mỗi bài thơ. Trong các lãnh tụ nhân dân ở các nước trên thế giới, có thể chỉ có Hồ Chủ tịch chúc Tết nhân dân bằng thơ. Đó là một hiện tượng rất Việt-Nam và cũng rất độc đáo ở vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt-Nam dân chủ cộng hoà. Mỗi một bài thơ chúc Tết của Người đều có ý nghĩa tổng kết tình hình và nêu lên phương hướng, nhiệm vụ cụ thể cho nhân dân trong năm mới. Nhân dân ta đón nhận những lời thơ chúc Tết của Hồ Chủ tịch không phải chỉ như đối với những sáng tác của một bài thơ, mà cái chính là muốn tìm hiểu trong đó triển vọng của tình hình năm tới để vững bước tiến lên.

Tuy nhiên, trong thơ chúc Tết của Hồ Chủ tịch, vẫn có những câu, những bài có giá trị thơ rõ rệt, Điều đó cũng dễ hiểu. Hồ Chủ tịch là linh hồn của thời đại chúng ta, thời đại của anh hùng ca, đồng thời, Người lại là nhà thơ lớn của dân tộc. Cho nên giữa những câu "thành thật nôm na" ấy, đôi khi vẫn ánh lên hồn thơ của Người, của dân tộc.

*Bao giờ kháng chiến thành công,  
Chúng ta cùng uống một chung rượu đào.*

Những câu thơ ấy viết cho đồng bào Nam bộ ra đời vào dịp Tết 1946, giữa lúc giặc Pháp đang ô ạt gây hấn ở Nam-bộ và quân dân ta mới chỉ có gậy tầm vông và súng kíp; cũng là lúc bọn giặc Tưởng, bọn Việt quốc, Việt cách đang gây bao sóng gió ở ngoài Bắc. Nhưng chúng ta vẫn thấy nhà thơ tin vào kháng chiến thành công như đã nắm trước được quy luật tất yếu và hứa hẹn ngày Nam-bộ được giải phóng sẽ là ngày liên hoan chung. Cái ung dung, cái bình thản ở Hồ Chủ tịch chính là biểu hiện của sức mạnh. Nhà thơ Lưu Trọng Lư lúc bấy giờ, sau khi đọc những vần thơ trên đã có nhận xét: "Sức mạnh Việt-nam là cái tinh thần bao giờ cũng bình thản, cũng sáng suốt, thử hỏi trong lúc này, ai tiêu biểu cho tinh thần ấy bằng ông lái thuyền đã biến thành trong giây lát một thi sĩ đất nước" <sup>(1)</sup>.

*Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió  
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông  
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến  
Chí ta đã quyết lòng ta đã đồng  
Tiến lên chiến sĩ, tiến lên đồng bào!  
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông  
Trường kỳ kháng chiến nhất định sẽ thắng lợi  
Thống nhất độc lập nhất định thành công.*

Nhân dân ta đã bước vào mùa đầu của toàn quốc kháng chiến với khí thế như vậy. Bài thơ có một sức cổ vũ kỳ diệu,

---

(1) Lưu Trọng Lư. Nhân cụ Hồ làm thơ, báo Đại chúng số 2, cơ quan văn hoá cứu quốc Trung- bộ, 1-4-1946.

"mỗi chữ, mỗi vần là kết tinh của một sự tổng hợp kinh nghiệm phong phú, là biểu thức của một chân lý sáng ngời mà vì thế nó mạnh hơn xe tăng đại bác, nó làm cho đất chuyển trời long" (1).

Bên cạnh thơ chúc Tết là những vần thơ Hồ Chủ tịch viết cho thiếu nhi, thanh niên, nông dân, công nhân, bộ đội. Ở đây chất thơ, ý thơ hoà trong những câu nói chân thành giản dị và thiết thực, rất thích hợp với từng đối tượng.

Yêu các em nhi đồng là một trong những đặc điểm tình cảm của Bác Hồ. Về vấn đề này có bài nghiên cứu riêng (2). Ở đây chúng tôi chỉ nhấn mạnh rằng với các em, mỗi một câu thơ của Người là tiếng nói hiền hoà thương yêu của người ông hay là tiếng nói ân cần khích lệ của người thầy.

Với thanh niên, những lời dạy của Người là tiếng nói kêu gọi nhiệt tình, quyết tâm cách mạng cao nhất:

*Không có việc gì khó  
Chỉ sợ lòng không bền  
Đào núi và lấp biển  
Quyết chí cũng làm nên.*

Từ khi bài thơ được ra đời đến nay, nó đã trở thành phương châm hành động cách mạng của thanh niên Việt-nam, làm nức lòng hàng triệu người trẻ tuổi. Mỗi khi cần phải vượt những khó khăn cụ thể trong lao động chiến đấu thì thanh niên đều nhắc tới mấy câu thơ châm ngôn ấy.

Với các cụ phụ lão, Hồ Chủ tịch lại có cách nói khác để

---

(1) Phan Anh, Ôn thơ Hồ Chủ tịch, báo cứu quốc số 3120, ngày 19-5-1963.

(2) Văn Thanh, Bác Hồ với thiếu nhi và thiếu nhi với Bác Hồ, T.C.V.H. số 5-1965.

nêu cao tinh thần chiến đấu, khí phách anh hùng của tuổi già. Năm 1947, được tin có ba cụ lão du kích Cao-bằng đã bắt sống mấy tên giặc Pháp, Người đã viết tặng mấy câu:

*Tuổi cao chí khí càng cao  
Múa gươm giết giặc ào ào gió thu  
Sẵn sàng tiêu diệt quân thù  
Tiếng thom Việt- bắc ngàn thu lấy lòng.*

Chúng ta biết rằng cái gươm ở đây trong thực tế là cái dao dài mà đồng bào thiếu số thường mang đi rừng. "Múa gươm giết giặc ào ào gió thu". Câu thơ phảng phất "Chinh phụ ngâm" ấy, đúng là nói về chiến công mà các cụ đã lập được trong núi rừng Việt-bắc, quê hương của cách mạng. Mượn hơi thơ xưa để ca ngợi chiến công của các chiến sĩ "bach đầu quân" hiện tại đó là điểm độc đáo trong những câu thơ nói trên.

Trong thư kêu gọi nông dân thi đua canh tác tháng 2-1951, Hồ Chủ tịch lại dùng những câu chắc gọn, thiết thực như đường cày, nhát cuốc:

*Ruộng rẫy là chiến trường  
Cuốc cày là vũ khí  
Nhà nông là chiến sĩ  
Hậu phương thi đua với tiền phương.*

Nhưng vẫn gọi lên không khí thi đua sôi nổi giữa nông dân và bộ đội trong cuộc trường kỳ kháng chiến.

Nói về tình hữu nghị quốc tế, Hồ Chủ tịch thường viết những câu mộc mạc như ca dao đi thẳng vào tình cảm của nhân dân ta và bạn bè ta. Những câu như:

*Quan sơn muôn dặm một nhà,*

*Bốn phương vô sản đều là anh em <sup>(1)</sup>,  
Trăm on nghìn nghĩa vạn tình,  
Tinh thần hữu nghị quang vinh muôn đời<sup>(2)</sup>*

Đã trở thành phổ biến trong nhân dân và cán bộ ta. Những câu thơ tiễn đưa Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ, dưới hình thức đơn giản, chứa đựng một sự nhất trí kiên quyết:

*Tiến đưa chẳng muốn chia tay,  
Bạn về cố quốc nước mây ngàn trùng.  
Cầm tay lòng lại dặn lòng,  
Cùng nhau dương ngọn cờ hồng Mác-Lê<sup>(3)</sup>.*

Cảm xúc, ngôn ngữ, vần điệu trong đó đều quen thuộc với nhân dân Việt Nam nhưng chất trữ tình lại rất mới: quyến luyến mà không ngậm ngùi, giờ phút chia tay, càng thêm gắn bó với nhau trong tình anh em và tình đồng chí, trong sự nghiệp đấu tranh chung dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trong thơ ca của Hồ Chủ tịch từ sau Cách mạng tháng Tám, có một thể loại có thể gọi là thơ trữ tình. Đó là những bài thơ luật phần nhiều bằng chữ Hán và hầu hết do Người cảm tác ở chiến khu trong thời kỳ kháng chiến, chỉ có một vài bài làm sau ngày hoà bình lập lại. Nói chung, những bài thơ này thường được truyền tụng một thời gian rồi sau đó mới thấy in trên báo. Có bài tuy được nhiều người chép tay, ngẫm ngợi và trích dẫn đôi câu nhưng chưa thấy được in nguyên văn.

---

(1) Trích diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt-nam 1960.

(2) Trích bài Cách mạng Trung-quốc và Cách mạng Việt-nam, nhân dịp chúc mừng Đảng Cộng sản Trung-quốc 40 tuổi.

(3) Trích diễn văn tiễn đưa Hồ Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ ngày 16-5-1963.

Chúng tôi đã được đọc mười một bài bằng chữ Hán và ba bài bằng tiếng Việt, đa số là những bài thơ viết cho các nhân sĩ dân chủ, các phụ lão yêu nước thích thơ chữ Hán. Đề tài phổ biến của các bài thơ nói trên là đề tài kháng chiến: sinh hoạt kháng chiến ở chiến khu, cảm hứng khi nghe tin chiến thắng.

Điều chủ yếu ở đây là qua những vần thơ ấy, chúng ta tìm thấy chân dung cao đẹp của lãnh tụ nước ta. Tập thơ *Nhật ký trong tù* đã cho ta thấy hình ảnh của một người cộng sản vĩ đại với lòng yêu nước dào dạt, ý chí chiến đấu kiên cường. Đọc những vần thơ trữ tình của Hồ Chủ tịch sau Cách mạng, chúng ta cũng thấy người cộng sản ấy nhưng là người cộng sản trong tư thế của một vị lãnh tụ chính thức của cả nước, đang tổ chức đấu tranh vũ trang và đi tới thắng lợi. Thật ra qua *Nhật ký trong tù*, chúng ta đã bắt gặp hình ảnh của nhà lãnh đạo cách mạng nói chung và nhà lãnh đạo quân sự nói riêng trong bài *Học đánh cờ* nói về tầm quan trọng của thời cơ và chiến thuật tấn công, phòng thủ. Nhưng hình ảnh ấy mới chỉ thoáng qua. Phải tới sau cách mạng, nhà chiến lược mới trở thành nhân vật trung tâm trong thơ trữ tình của Hồ Chủ tịch. Và khi nào nhà chiến lược phấn khởi nhất thì đồng thời cũng xuất hiện những câu thơ đẹp nhất về cảm hứng trước thiên nhiên.

Chúng ta hãy đọc bài thơ tức cảnh của Người làm khi đi trên thuyền giữa đêm rằm tháng giêng (nguyên tiêu) năm Mậu tý (1948):

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên  
Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên*

*Yên ba thâm xứ đàm quân sự  
Dạ bán quy lại nguyệt mãn thuyền* <sup>(1)</sup>

Có người dịch là:

*Xuân rằm trăng đẹp, trăng tươi  
Sông xuân nước gợn màu trời thêm xuân  
Giữa dòng bàn bạc việc quân  
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền*

(Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập I)

Bài thơ đẹp như một bức tranh thủy mặc. Rõ ràng là mỹ cảm của nhà thơ chúng ta rất gần với mỹ cảm của các nhà thơ cổ điển của dân tộc. Nhưng cảm hứng chủ đạo của nhà thơ ở đây lại là cảm hứng của nhà chiến lược đầy niềm vui và sức tự tin. Tất cả vẻ đẹp của trăng, nước, núi, rừng dưới trời xuân đều như phản chiếu niềm vui của người trong cuộc "đàm quân sự" và sau nửa đêm bàn xong kế hoạch quân sự, nhà chiến lược trở về với một niềm tin tất thắng cho nên cảm thấy trăng như đẹp thêm ra và cũng chia vui với mình trên đường về (*Dạ bán quy lại nguyệt mãn thuyền*).

Cũng vào đầu năm 1948, quân dân ta mở những trận đánh lớn trên đường số 4 ở Mường-him, Lũng-mười. Tin chiến thắng bay về dồn dập trên mình ngựa giao thông giữa những ngày đầu xuân của chiến khu. Trong không khí ấy, Hồ Chủ tịch đã tức cảnh bài thơ sau này gửi tặng cụ Bùi Bằng Đoàn, lúc bấy giờ là trưởng ban Thường trực Quốc hội:

*Khán thư sơn diểu thê song hãn  
Phê trát xuân hoa chiếu nghiêng trì*

---

(1) Về thời điểm sáng tác của các bài thơ chữ Hán, chúng tôi căn cứ vào các tập Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, nhà xuất bản Sự thật, và vào một tài liệu riêng của đồng chí Trần Huy Liệu.



*Tiếp báo tấn lai lao dịch mã  
Tư công tức cạnh tặng tân thi.*

Có người dịch là:

*Xem sách chim rừng gù cửa sổ  
Phê văn hoa núi chiếu lòng nghiên  
Nhiều phen chiến thắng giao thông một  
Nhớ cụ thơ xuân tặng một thiên*

(Sách đã dẫn, tập I)

Giữa lúc bận rộn chỉ đạo chiến đấu, Hồ Chủ tịch vẫn thưởng xuân, vui với tiếng hót của chim rừng, với hình ảnh của hoa núi trong nghiên mực, cảm hứng làm thơ tặng người đồng chí cùng lãnh đạo kháng chiến với mình và cùng yêu thơ, khi phấn khởi trước những tin chiến thắng, kết quả của chiến lược, chiến thuật đã được định trước.

"*Tiếp báo tấn lai lao dịch mã*", câu thơ ấy gợi cho ta nhớ lại hai câu thơ tức cảnh của Trần Nhân Tông. Trần Nhân Tông đã cùng Trần Hưng Đạo chủ trì cuộc kháng chiến chống quân Nguyên thành công hai lần. Theo truyền thuyết thì khi hoà bình lập lại, trong cuộc lễ mừng ở Chiêu Lăng, nhận thấy chân các ngựa đá còn dính bùn, ông tức cảnh hai câu thơ:

*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã  
Sơn hà thiên cổ điện kim âu*

Nghĩa là:

*Xã tắc hai phen bon ngựa đá  
Non sông nghìn thuở vững âu vàng.* <sup>(1)</sup>

---

(1) *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* (TK. X - XVII), Nxb Văn hoá, 1962, tr.81.

Thì ra, sống sáng khoái nhất giữa giờ chiến thắng là một truyền thống của ông cha ta mà chúng ta đã gặp trong thơ Hồ Chủ tịch, cũng như chúng ta đã "lắng nghe tiếng gọi của cha ông trong tiếng gọi của Hồ Chủ tịch: Lê Lợi chiến đấu mười năm, Trần Hưng Đạo chiến đấu năm năm..."<sup>(1)</sup>

Và cuộc kháng chiến càng tiến tới thì tâm hồn nghệ sĩ của nhà thơ càng dào dạt.

Du kích chiến tranh đặc biệt phát triển trong năm 1948 và đưa lại những thắng lợi quan trọng. Mùa thu năm ấy, Hồ Chủ tịch đã viết mấy vần thơ nổi tiếng:

*Trù hoạch canh thâm, tạm đắc nhân  
Thu phong thu vũ báo thu hàn  
Hốt văn thu dịch sơn tiên hưởng  
Du kích quy lai tửu vị tàn.*

Nam Trân dịch:

*Sắp xếp việc quân đã tạm xong  
Gió mưa thu báo tiết hàn rồi  
Thu quân kèn vọng vang tường núi  
Du kích đã về rượu chữa ngời.*

Nhà lãnh tụ quân sự ở đây bận rộn lắm nhưng cũng ung dung và giàu cảm xúc biết bao! Bận rộn đến mỗi quên cả mưa gió mùa thu, về khuya khi sửa soạn đi nghỉ mới chợt cảm thấy rét thu đã đến. Nhưng cảm giác ấy lại đi qua ngay và thay vào đó là cảm giác nồng ấm khi được biết du kích đã về qua âm hưởng của tiếng sáo thu. Không phải là người đã sống hết mình với kháng chiến thì không thể có cảm giác

---

(1) Phạm Văn Đồng, *Hồ Chủ tịch lãnh tụ của chúng ta*, Nxb Sự thật, 1963.

ấy. Chữ *tửu* ở đây, có người hiểu là: "rượu chống lạnh canh khuya". Nhưng theo chúng tôi nghĩ thì đó là một hình ảnh tượng trưng như những hình ảnh tượng trưng khác mà chúng ta thường gặp ở thơ luật cổ điển. <sup>(1)</sup>

Cùng đề tài với bài thơ trên, còn có một bài thơ nổi tiếng khác của Người sáng tác trong dịp chiến thắng biên giới (1950):

*Nguyệt thời song vận: thi hành vị?  
Quân vụ nhưng mang, vị tô thi  
Sơn lâu chung hưởng kinh thu mộng,  
Chính thị Liên khu báo tiếp thi* <sup>(2)</sup>

Có người dịch:

*Trăng vào cửa sổ đòi thơ  
Việc quân đang bận xin chờ hôm sau  
Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu,  
Là tin thắng trận Liên khu mới về.*

(Sách đã dẫn, tập I)

Trước đây, trong cảnh lao lung, nhà thơ chỉ cần có trăng là có thơ, vì lúc bấy giờ thường trăng cũng là một cách đấu tranh chống lại cảnh sống mất tự do:

*Trong tù không rượu cũng không hoa  
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ  
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ  
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

(Vọng nguyệt - Nhật ký trong tù)

---

(1) Quan Văn Trường tức là Quan Công đã xuất trận giữa tiệc rượu và sau khi chém đầu Hoa Hùng trở về, thì rượu hâm nóng vẫn còn.

(2) Bài này đã được phổ nhạc ở Liên Xô.

Nhưng nay, trong lúc nhà thơ đang dồn dập việc quân thì cái đẹp của trăng dầu nên thơ đến đâu vẫn chưa thể gọi ra bài thơ, nó phải đi đôi với sự tin tưởng chiến đấu, sự phấn khởi của chiến thắng thì bài thơ mới thành.

Chúng ta cảm thấy rõ cảm hứng của nhà thơ đã rộn ràng hẳn lên khi gắn liền với những rung động do tin thắng trận gây ra.

Trong thơ Hồ Chủ tịch, nhà quân sự không những có cốt cách ung dung, thanh thản của những nhà thơ cổ điển của dân tộc mà còn là một người cộng sản, càng già càng chiến đấu dẻo dai, khác hẳn với những ai chưa đứng tuổi đã tự cho mình là già:

*Nhân vị ngũ tuần thường thán lão  
Ngã kim thất cửu chinh khang cường,  
Tự cung thanh đạm tinh thần sảng,  
Tổ sự thung dung nhật nguyệt trường,*

Nam Trân dịch:

*Người chữa năm mươi than cảnh lão  
Sáu ba, ta vẫn khoẻ thường đây.  
Ở ăn thanh đạm tinh thần nhẹ,  
Làm việc ung dung rộng tháng ngày.*

Chiến thắng biên giới đã mở đường cho quan hệ quốc tế của nước ta. Mùa xuân năm sau, khách phương xa đến, quân đội trở về chiến khu luyện tập. Bài thơ sau đây miêu tả cảnh đó:

*Sơn kính khách lai hoa mãn địa,  
Tùng lâm quân đáo, diều xung thiên*

*Quân cơ quốc kê thương đàm liễu  
Huế dùng, giai đồng, quán thái viên.*

Nam Trân dịch:

*Khách đến hoa rừng đầy ngô hẹp  
Quân về, chim núi vút trời cao  
Việc quân việc nước, bản vừa ngót  
Dất trẽ ra vườn tươi luống rau.*

Ai cũng biết rằng đây là bài thơ nói về việc nước. Nhưng mặt khác, qua bài thơ chúng ta còn cảm thấy cả dân tộc Việt Nam như một gia đình đông khách và đề huề con cháu trong một ngày vui giữa mùa xuân, nhà thơ là một ông già thích làm bạn với cháu nhỏ và luống rau trong vườn. Cùng một lúc, chúng ta đứng trước hai nhân vật, một nhà lãnh đạo cách mạng và một cụ già đôn hậu, hai nhân vật thống nhất trong vị lãnh tụ của chúng ta, vĩ đại mà giản dị.

Ngay cả khi lên núi quan sát trận địa, nhà chiến lược cũng vẫn có tác phong của ông già Việt Nam quắc thước. Ông già ấy đang chống gậy trèo núi phấn khởi trước khi thế quyết chiến của quân đội có dùng khí vượt tất cả mọi khó khăn để chiến thắng!

*Huế trượng đăng sơn quan trận địa  
Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân  
Nghĩa binh tráng khí thôn Ngưu, Dấu  
Thệ diệt sài lang xâm lược quân.*

Nam Trân dịch:

*Chống gậy trèo non xem trận địa  
Núi mây, mây núi khắp muôn trùng*

*Nghĩa quân dùng khí nuốt Ngưu, Đẩu* <sup>(1)</sup>  
Thề diệt xâm lăng đến tận cùng.

Hình tượng nhân vật trữ tình trong thơ Hồ Chủ tịch là một hình tượng đẹp.

Chúng ta đã gặp lại trong đó tính cách và phong độ của các nhà thơ cổ điển giàu lòng tự hào dân tộc và sống trong những thời đại oanh liệt của đất nước. Nhưng nhất là, chúng ta đã tìm thấy trong đó tâm hồn và tính cách của con người lý tưởng của thời đại chúng ta: luôn luôn lạc quan tươi trẻ và tin tưởng vì đã nắm được quy luật lịch sử; bao giờ cũng bình tĩnh chủ động, và trong hoàn cảnh nào cũng tìm thấy cái đẹp, cái nên thơ. Nói cách khác những hình tượng thơ trữ tình trong sáng nhất trong thơ cổ điển của dân tộc đã được kết tinh và nâng cao trong hình tượng trữ tình của thơ Hồ Chủ tịch, cũng như "nhiều đức tính của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Quang Trung và nhiều nhân tài khác trong lịch sử đã được kết tinh và nâng cao trong Hồ Chủ tịch" <sup>(2)</sup>

Về mặt nghệ thuật, những bài thơ của Hồ Chủ tịch cũng cho chúng ta những bài học rất quý trong sự vận dụng và phát triển truyền thống của văn chương cổ điển.

Mấy trăm năm về trước, Nguyễn Trãi viết:

*Hương cách gác vân thu lạnh lạnh,  
Thuyền kẻ bãi tuyết nguyệt chênh chênh.*

---

(1) Dùng khí của quân cách mạng đang hùng hực như nuốt cả sao Khiên Ngưu và sao Bắc Đẩu (N.D).

(1) Trường Chinh, tăng cường tinh Đảng, đi sâu vào cuộc sống mới để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng (Bài nói chuyện tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III - 1962).

...  
*Bui có một niềm trung kiêu cũ,  
Chẳng nằm, thức dậy nẻo ba canh* <sup>(1)</sup>

Ngày nay, Hồ Chủ tịch cũng tả lòng Người trong đêm khuya như sau:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,  
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa,  
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,  
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Cả hai nhà thơ đều lấy cảm xúc yêu nước làm tiền đề sáng tác, cho nên cảnh vật ở đây rất thấm đượm tình đất nước. Nhưng có điều khác là ở Nguyễn Trãi, nhà thơ ôm một nỗi niềm cô trung trần trọc giữa đêm khuya; còn ở Hồ Chủ tịch thì toát lên một tinh thần yêu nước lạc quan lồng trong tiếng suối và cảnh đẹp dưới ánh trăng.

Trước kia, các nhà thơ cổ điển thường có những bài vịnh di tích lịch sử. Hồ Chủ tịch của chúng ta cũng có bài thơ vịnh Vạn lý trường thành khi Người sang thăm Trung Quốc (1956):

*Thịnh thuyết trường thành vạn lý trường,  
Đầu thiên Đông Hải, vĩ Tây Cương.  
Kỷ thiên bách vạn lao động giả  
Kiến trúc tư thành trấn nhất phương.*

Nam Trân dịch là:

*Nghe nói trường thành vạn dặm trường  
Chạy từ Đông Hải đến Tây Cương*

---

1) Bảo kinh giới - Hợp tuyển văn thơ Việt Nam (thế kỷ X. XVII), nhà xuất bản Văn hoá, 1962, trang 219.

*Hàng bao nhiêu triệu người lao động  
Xây đắp thành này trấn một phương*

Nhưng khi viết về những đề tài này, các nhà thơ xưa thường không tránh khỏi tâm trạng hoài cổ ngậm ngùi. Trái lại Hồ Chủ tịch khi nhớ quá khứ là nhớ nhân dân, nhớ thành tích vĩ đại của người lao động. Quan điểm nhân dân sáng tạo lịch sử và chủ nghĩa lạc quan đã thấm nhuần suốt cả bài thơ.

\*

\*      \*

Hồ Chủ tịch đã từng dạy chúng ta về *cách viết* : "viết cho đa số công nông binh", "viết để giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình; để phục vụ quần chúng", "muốn cho người xem hiểu được nhớ được, làm được thì phải viết cho đúng trình độ của người xem" <sup>(1)</sup>. Tất cả những lời giáo huấn trên đây đã thể hiện một cách sinh động trong thực tiễn sáng tác của Người, qua các bài thơ chúc Tết cũng như qua những lời thơ viết cho các tầng lớp nhân dân.

Về mặt phong cách, chỉ căn cứ vào một số thơ ca của Hồ Chủ tịch từ sau cách mạng tháng Tám. chúng ta cũng thấy rằng Người sở trường về rất nhiều thể thơ: có những bài lục bát hay lục bát biến thể nhằm giải thích một cách "nôm na" những chính sách của Đảng, hoặc nhằm động viên khích lệ tinh thần cách mạng của các tầng lớp nhân dân; có những câu ca dao đúc kết tri thức, tình cảm phong phú của Người và của dân tộc, đặc biệt Người đã sáng tạo nhiều bài thơ trữ tình có phong cách cổ điển. Trong khi nói và viết,

---

(1) *Cách viết, ghi theo lời của Hồ Chủ tịch (in lần thứ hai). Hội những người viết báo Việt Nam xuất bản, 1955.*



Hồ Chủ tịch thường có tài đưa nội dung mới vào hình thức cũ một cách tự nhiên, sinh động. Có khi Người chỉ cần đưa vào một từ mới là chuyển cả không khí, hình thức cổ điển của bài thơ theo hướng biểu hiện nội dung mới, cũng như Mao Chủ tịch đã dùng những từ vựng mới để làm cho thơ "cũ" sáng chói muôn màu. Do đó thơ của Hồ Chủ tịch vừa đậm đà màu sắc dân tộc, vừa sâu sắc về nội dung hiện đại.

Một phong cách thơ như vậy thật là hiếm có trong lịch sử văn học của dân tộc ta. Đó là kết quả của hơn nửa thế kỷ hoạt động cách mạng vĩ đại của Hồ Chủ tịch, đồng thời cũng là sự chung đúc của cả một truyền thống văn học lâu đời của dân tộc Việt Nam.

*(Tập chí Văn học, số 6-1965)*

## NHỮNG BÀI THƠ CỦA BÁC VIẾT VỀ TUỔI THỌ

HÀ MINH ĐỨC

Năm 1949 trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc, có một số cán bộ đề nghị được tổ chức chúc thọ Hồ Chủ tịch. Người đã viết bài thơ trả lời:

*Vì nước chưa nên nghĩ đến nhà  
Năm mươi chín tuổi vẫn chưa già  
Chờ cho kháng chiến thành công đã  
Bạn sẽ ăn mừng sinh nhật ta.*

Từ đấy cho đến khi Bác qua đời trong khoảng hai mươi năm Bác có viết thêm tất cả ba bài tứ tuyệt về tuổi thọ, lúc thì Bác gọi là *Vô đề*, lúc thì Bác ghi chính năm tuổi làm tiêu đề cho bài thơ (*Sáu mươi tuổi*, *Thất cửu*). Qua những bài thơ về tuổi thọ của Bác chúng ta tìm thấy nhiều bài học thấm thía về nhân sinh và những quan niệm cách mạng của Người đối với thời gian và sự sống.

Hàng năm nhân ngày sinh của Bác, việc toàn dân mừng thọ Bác đã trở thành một niềm vui, một nếp sinh hoạt tinh thần quen thuộc và cao đẹp. Trên cương vị Chủ tịch nước, Bác chân thành tiếp nhận tình cảm và những lời chúc mừng

tốt đẹp của cán bộ và quần chúng. Nhưng Bác vẫn không muốn nhận niềm vui này cho riêng mình, nhất là khi công cuộc kháng chiến của toàn dân còn chưa giành được thắng lợi cuối cùng. Trước đây khi cách mạng mới thành công, vào dịp sinh nhật Bác, cán bộ và đại biểu của đồng bào Nam Bắc đến chúc thọ Người. Có lần Bác nói với anh chị em Nam bộ: "Tôi xin cảm ơn các anh các chị Nam bộ đã đến chúc thọ tôi. Thật ra các bác ở đây đã làm to cái ngày sinh nhật tôi chứ tuổi 56 chưa có gì đáng chúc thọ; cũng hãy còn như thanh niên cả, mà trước các anh các chị trước cảnh yên vui ở Bắc đây, tôi thật lấy làm xấu hổ rằng trong Nam chưa được thái bình<sup>(1)</sup>."

Bác là vị lãnh tụ cách mạng mà suốt đời chỉ có một ham muốn "ham muốn tốt bậc là làm sao cho nước nhà được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Bác không muốn ràng buộc nhiều với những nghi thức. Bác không muốn dành cho mình một sự chăm sóc riêng biệt nào. Trong cuộc đời cũng như trong thi ca, Bác không có chút vương vấn băn khoăn nào về cuộc sống riêng ngay ở phạm vi của cái riêng tư được chấp nhận trong lẽ sống tự nhiên của mọi người. Vì vậy, khi Bác nói "Vi nước chưa nên nghĩ đến nhà" thì hai chữ *nước*, *nhà* ở đây cũng như các trường hợp khác trong thơ Bác không phải chỉ là một cách nói cho có nghệ thuật với sự hài hoà của hai vế hỗ trợ. Trong thực tế suốt cuộc đời Bác đã hy sinh tình nhà cho nghĩa nước. Trong bức thư gửi cho bà con thân thuộc ở quê hương khi nghe tin người anh mất, Bác cũng tự xem mình là "một người con đã hy

---

(1) *Cửu quốc*, số ra ngày 20-5-1946.

*sinh tình nhà vì phải lo việc nước*". Bác xem gia đình lớn của cách mạng cũng là gia đình của mình. Bác chia xẻ từng niềm vui, nỗi buồn chung như chính tình cảm của riêng mình. Có lần Bác đã từng nói: "Tôi không có gia đình, cũng không có con cái. Nước Việt Nam là đại gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu của tôi".

Cuộc sống riêng của Người hoàn toàn hy sinh cho dân tộc. Căn nhà của Bác vui và có khi đông, nhưng không phải là cái đông vui đầm ấm trong không khí của một gia đình riêng; đêm hôm toà nhà luôn ánh sáng đèn làm việc của người cha già lo toan cho hạnh phúc và ấm no cho toàn dân. Khi Bác ra đi, khung cảnh mà câu thơ Tố Hữu gợi lên chân thực nhưng cũng thật xót xa: "Chuông ơi, chuông nhỏ còn reo nữa - Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn". Bác hy sinh hạnh phúc cá nhân nhưng Bác đã đạt tới hạnh phúc lớn lao trong ý nghĩa cao đẹp mà Mác có lần đã khẳng định: "*Hạnh phúc là đấu tranh*".

Bác chẳng có gì dành cho riêng mình. Năm tháng trôi qua, thời gian của Bác cũng thuộc về cách mạng, về dân tộc. Từng phút từng giây trong cuộc sống Bác đều dành cho đất nước. Niềm vui của Bác là suốt đời đấu tranh, xây dựng cho hạnh phúc của nhân dân. Người luôn lo lắng suy nghĩ để bớt đi nỗi âu lo cho mọi người. Một lẽ sống cao quý, một cuộc đời đẹp đẽ như thế đã vượt lên mọi trạng thái tâm lý thông thường của nhiều người khi bước vào thời kỳ tuổi tác. Bác luôn nghĩ đến sự sống, đến hoạt động và mùa xuân tươi trẻ. Sự già nua một phần là do tuổi tác nhưng rồi cũng là do tâm hồn của con người. Không thiếu gì những người còn trẻ tuổi đời nhưng đã tự cảm thấy mình già cỗi khi nhiễm phải một triết lý sống, một cách nhìn đời chán chường tiêu cực. Trong thơ

ca cổ, nhiều nhà thơ cũng phản ánh tâm trạng thảng thốt và buồn nản khi tuổi trẻ trôi qua vội vàng và tuổi già ập đến quá nhanh chóng; hình ảnh một mái đầu xanh, một mái tóc bạc đã từng là điểm gợi cho tư buồn của nhiều bài thơ. Nào là "Sớm còn xanh mượt như tơ - Tồi đã như tuyết bạc phơ đời đời"<sup>(1)</sup>. Nào là "Đầu bạc càng ngậm ngùi về nỗi năm tháng đời đời"<sup>(2)</sup>. Ở những tâm hồn thơ này đã có những lúc bay bổng với những tứ thơ phóng đạt và thiết tha đắm thắm với những niềm vui của sự sống. Nhưng rồi họ vẫn không tìm được lối giải thoát để đến được với một lẽ sống cao đẹp, không tiếp nhận được đầy đủ sức mạnh đấu tranh của quần chúng nhân dân. Tự trung họ vẫn là người cô đơn, và nỗi buồn cô đơn ấy càng như được nhân lên trong tuổi già. Do đó mấy ai trong họ đến tuổi già nhìn trở lại cuộc đời thường không xót xa nuối tiếc ở những cái mình chưa làm được, và cả ở những cái mình không còn làm được. Từ thực tế ấy có người bi quan chán chường hoặc tìm một triết lý sống gập. Sớm thấy mình già nua hoặc sống buông thả theo ngày tháng đều là những trạng thái có chung cội nguồn về tâm lý. Đỗ Phủ viết bài thơ *Khúc giang* năm 46 tuổi ít nhiều cũng bộc lộ tâm trạng đó. Cái mốc "nhân sinh thất thập cổ lai hy"<sup>(3)</sup> mà tác giả nêu trong bài là một nhận xét về tuổi thọ của con người. Nhận xét ấy vừa khách quan vừa hàm ý biện hộ cho một thái độ sống buông thả trong hiện tại khi tuổi đời đang còn độ sung sức hoạt động.

---

(1) Câu thơ của Lý Bạch - Tản Đà dịch.

(2) Câu thơ "Đầu bạc đã hận tuế thời thiên" của Nguyễn Du.

(3) *Khúc giang*:  
Khởi bệ vua ra cổ áo hoai  
Bên sông say khướt tôi lân mai  
Nợ tiền mua rượu đâu không thè  
Sống bảy mươi năm đã mấy người.  
(Bản dịch của Tản Đà)

Những bài thơ viết về tuổi thọ của Bác đã biểu hiện cảm hứng thanh xuân rất chân thực và tích cực và đó cũng chính là tinh thần cách mạng tiến công. Bác không tự nhận mình là già. Bác nói về tuổi 59:

*Năm mươi chín tuổi vẫn chưa già*

Năm 60 tuổi Bác viết về tuổi thọ với nụ cười ý nhị và lạc quan:

*Sáu mươi tuổi hãy còn xuân chán  
So với ông Bành vẫn thiếu niên.*

Tự bản thân cách so sánh trên đã nói lên một cái gì rất vui rất trẻ của tâm hồn. Bắt đầu vào tuổi sáu mươi, theo thường lệ, ở tuổi "mừng thọ" này dường như mọi hoạt động của con người đã bắt đầu như khép lại, thụ động; trách nhiệm với cuộc đời chuyển dần sang vai thế hệ trẻ. Trên thực tế của một cách sống và quan niệm như thế thì dễ đâu còn thấy mình có sức lực và tuổi trẻ thanh xuân. Bác cảm thấy mình còn trẻ vì còn có khả năng đóng góp hăng say, nhiệt tình cho cuộc đời trên trách nhiệm công tác nặng nề của mình. lúc này là vào những năm 1950 khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang chuyển sang thế phản công. Bác đã sáu mươi tuổi nhưng vẫn đi chiến dịch Biên giới để chỉ huy và động viên bộ đội đánh thắng quân địch. Bác lo lắng trăm ngàn công việc của quốc gia, khi thì "giữa dòng bàn bạc việc quân", khi thì "chống gậy lên non xem trận địa". Và nếu có phút nghỉ ngơi thư thái thì lại "xách bương, dắt trẻ, ra vườn tưới rau" hoặc làm thơ mừng tin vui thắng trận. Rõ ràng tuy tuổi già nhưng Bác vẫn làm việc khỏe, hăng say, nhiệt tình và sống rất lạc quan, tươi trẻ. Một cuộc sống như thế đã là thực tế

để Bác khẳng định sức trẻ trong tâm hồn và trong hoạt động của mình. Bài thơ về tuổi thọ sáu mươi lại tiếp ý:

*Ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe  
Trần mà như thế kém gì tiên.*

Câu thơ trên có cái gốc dân gian của nó: "Ăn được ngủ được là tiên". Kinh nghiệm thực tiễn lành mạnh của người bình dân đã đúc kết một phương diện của hạnh phúc con người: không cần gì phải cứ cuộc sống cao sang ăn ngon mặc đẹp mới là sung sướng. Trong xã hội cũ, không thiếu gì những kẻ sống trên nhung lụa, thịt rượu chán chường nhưng vẫn bệnh hoạn về thể chất lẫn tinh thần. Nội dung của chuyện ăn được ngủ được không phải chỉ bao gồm ở phạm vi vật chất mà cũng biểu hiện cả sự thư thái về tâm hồn. Nhưng nếu chỉ có thế thì cũng không đủ. Cuộc sống sẽ thiên về phía hưởng thụ mà thiếu phần đóng góp. Bác viết:

*Ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe.*

Mấy chữ "làm việc khỏe" đem lại cho câu thơ một nội dung mới. Làm việc khỏe là cái gốc, là cơ sở để có thể ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe, đóng góp có hiệu quả cho cuộc đời bao giờ cũng là một niềm vui lớn lao và vô tận. Nó chứng minh cho sức lực và tiềm lực của mỗi người và ý nghĩa của sự tồn tại của con người trên mỗi trách nhiệm xã hội được giao phó. "Làm việc khỏe" để góp phần đấu tranh và xây dựng cuộc sống vẫn là ham muốn lớn nhất của những cuộc đời chiến sĩ. Mác quan niệm "*Hạnh phúc là đấu tranh.*" Ăng ghen trong dịp tổ chức sinh nhật lần thứ bảy mươi của mình đã phát biểu: *Tôi chỉ muốn chết lúc nào tôi không thể chiến đấu được nữa*". Bác Hồ trong lời di chúc cũng "*Tiếc rằng không*

*được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa".* Sự gắn bó thiết tha với cuộc sống là ở lòng ham muốn phục vụ và xây dựng cho cuộc sống theo lý tưởng cao cả và tốt đẹp. Ý nghĩa cũng như giá trị của một con người, một cuộc đời như thế nào đều được đánh giá theo tiêu chuẩn về sự đóng góp của mỗi cá nhân cho xã hội nhiều hay ít. Bác Hồ tuy đã cao tuổi nhưng chưa cảm thấy già vì Bác vẫn đóng góp cho cuộc đời như sức trai trẻ.

Hơn thế nữa Bác còn khẳng định sự vững vàng hơn trong ý chí chiến đấu và khí thế chiến thắng như qua lời thơ tặng các lão du kích:

*Tuổi cao chí khí càng cao  
Múa gươm giết giặc ào ào gió thu.*

Năm sáu ba tuổi Bác viết bài thơ *Thất cửu*:

*Chưa năm mươi đã kêu già  
Sáu ba mình vẫn nghĩ là đương trai  
Sống quen thanh đạm nhẹ người  
Việc làm thảng rộng ngày dài ung dung.*

Bài thơ trên chứa đựng một triết lý, một quan niệm sống cách mạng của người chiến sĩ nắm vững quy luật của đời sống, vượt lên mọi thúc bách, ham muốn và thói quen bình thường để chủ động đấu tranh thực hiện lẽ sống cao cả của cách mạng.

Từ sau bài thơ trên, trong khoảng một thời gian dài Bác không viết tiếp bài thơ nào về tuổi thọ. Năm Bác 70 tuổi, bước vào thời kỳ trung thọ, lứa tuổi "xưa nay hiếm", nhưng Bác cũng không làm thơ. Dường như Bác không muốn nói đến mình nhiều. Hàng năm Bác hay chúc mừng chiến sĩ và



đồng hao trong năm mới, nhưng còn làm thơ nói về tuổi thọ của mình như một thường lệ lại là điều Bác có ý né tránh? Ngay cái tên "Vô đề" của các bài thơ có lẽ phần nào cũng nói lên điều đó. Chẳng phải như quan niệm của người xưa "Thi đáo vô đề thị hoá công" <sup>(1)</sup>, cũng không phải như một số nhà thơ trong quá khứ thường đem bộc lộ vào loại thơ vô đề những tư tưởng và tình cảm u uất riêng tư <sup>(2)</sup>. Những bài thơ vô đề của Bác cũng nói lên một khía cạnh về sự khiêm tốn của Bác. Ở đây là những cảm nghĩ nảy sinh tự nhiên xoay quanh một sự việc nào đấy trong đời sống hàng ngày. Bác không muốn gọi tên nó lên, Bác cũng không muốn gọi lên một sự chú ý nào. Nhưng trong thực tế ý nghĩa của nội dung sáng tác lại phong phú và vượt lên nhiều lần phạm vi của đối tượng. Mãi đến những năm Bác sắp bước vào tuổi tám mươi, chúng ta lại mới được đọc mấy bài thơ của Bác về tuổi thọ. Lúc này Bác đã cao tuổi. Trong di chúc, Bác cũng đã nhận xét: "Khi người ta đã ngoài 70 xuân thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp". Sức khỏe Bác tuy có giảm sút song "tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt", vẫn gánh vác vững vàng công việc của đất nước.

*Bảy mươi tám tuổi chưa già lắm  
Vẫn vững hai vai việc nước nhà  
Kháng chiến dân ta đang thắng lớn  
Tiến bước ta cùng con em ta.*

Ba bài thơ không đề làm năm bảy mươi tám tuổi đều vẫn toát lên tinh thần lạc quan, khỏe khoắn của một ý chí lớn, ý chí cách mạng tiến công. Tinh thần quyết chiến, quyết thắng

---

(1) Câu thơ của Viên Mai.

(2) Thơ vô đề của Lý Thường Ẩn.

luôn thâm nhập vào mọi cảm hứng thi ca của Người, kể cả những trạng thái tâm hồn như thanh thản vô tư nhất:

*Đã lâu không làm bài thơ nào  
Nay lại thử làm xem ra sao  
Lục khắp giấy tờ vẫn chưa thấy  
Bỗng nghe vần "thắng" vút lên cao.*

Và trong thực tế những tin tức thắng lợi ở tiền tuyến, đặc biệt là những chiến thắng vang dội từ chiến trường miền Nam đã đem đến cho Bác một niềm vui lớn:

*Mừng thấy miền Nam luôn thắng lớn  
Một năm là cả bốn mùa xuân.*

Vượt lên những hạn chế của tuổi tác, kiên trì chống lại bệnh tật bằng nhiều hình thức tập luyện, giữ gìn, Bác vẫn luôn giữ được sự hài hoà giữa vật chất và tinh thần. Tuổi già thường dễ thu mình lại và có thiên hướng tách dần khỏi thế giới bên ngoài. Bác vẫn chan hoà, gắn bó làm một với phong trào cách mạng, với cuộc đời mới đang dựng xây và phát triển nhanh chóng ngoài kia. Nhưng không phải chỉ là thế. Những năm tháng này cũng là những năm tháng kỳ diệu nhất của lịch sử mà toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Bác Hồ đang đánh giặc Mỹ xâm lược. Bác Hồ đã khẳng định chân lý lớn của cả thời đại: "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Bác kêu gọi toàn dân với tinh thần kháng chiến kiên quyết: Hễ còn một tên xâm lược nào thì ta còn phải chiến đấu quét sạch nó đi. Có thể nói rằng trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác, thì giai đoạn này cũng là một trong những thời kỳ Bác tập trung trí lực nhất cùng với Trung ương để lãnh đạo toàn dân đánh thắng giặc Mỹ, một kẻ thù tàn bạo,

xảo quyết nhất. Hoạt động của Bác đã thể hiện đúng tinh thần của lời thơ: "Bảy mươi tám tuổi chưa già lắm, Vẫn vững hai vai việc nước nhà". Nhưng rồi với cảm xúc chân tình, Bác nói lên ý nghĩ khiêm tốn của người cao tuổi với những thế hệ trẻ đang vững bước tiến lên: "Kháng chiến dân ta đang thắng lớn - Tiến bước ta cùng con em ta". Trong bài thơ của Bác có hình ảnh của một lãnh tụ cao tuổi vẫn sáng suốt gánh vác việc nước nhà, lại có hình ảnh kính mến và gần gũi của người cha đang động viên thúc đẩy con cháu tiến lên, và tiến lên cùng con cháu...

Tháng 5-1969, trong dịp kỷ niệm lần thứ 79 sinh nhật Người, Bác Hồ không viết bài thơ nào về tuổi thọ mà Bác viết trước Di chúc lịch sử cho toàn Đảng và toàn dân đề phong khi Bác ra đi, "mọi người khỏi cảm thấy đột ngột". Cho đến những ngày tháng cuối cùng của đời mình, Bác vẫn dồn hết tâm huyết để, qua lời Di chúc, căn dặn, xây đắp cho phong trào cách mạng, cho cuộc đời mai sau - Bác để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng.

Ở ngưỡng cửa cuối cùng của cuộc đời, Bác nghĩ đến thế giới bên kia không với một cảm xúc cô đơn, quạnh vắng nào. Bác hiểu đó là quy luật tự nhiên của sự sống. Bác nói đến ngày ra đi, đến cái chết vẫn với một cách nói vui quen thuộc của Người, Bác "sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê Nin và các vị cách mạng đàn anh khác". Suốt đời phục vụ cho Tổ quốc, hy sinh mọi hạnh phúc cá nhân, khi ra đi Bác không có gì băn khoăn cho phần riêng mình. Trong Di chúc của Người có một phần mục *Về việc riêng*: "Suốt đời hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn

nữa, nhiều hơn nữa. Sau khi tôi đã qua đời chờ nên tổ chức  
điều phúng linh đình để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc  
của nhân dân".

Những suy nghĩ và căn dặn mà Bác gọi là việc riêng thực  
chất là những suy nghĩ xuất phát từ cái chung và vì lợi ích  
chung của Tổ quốc, của nhân dân.

\*

\*   \*

Những bài thơ của Bác viết về tuổi thọ cũng nói lên sâu  
sắc là trong suốt cuộc đời, Người luôn giữ được sự hoà hợp  
giữa đời sống vật chất giản dị thanh bạch với đời sống tâm  
hồn phong phú và vô cùng cao đẹp. Trong sinh hoạt hàng  
ngày Bác đã sống hết sức giản dị, từ căn nhà sàn đơn sơ  
đến bữa cơm thanh đạm, bộ quần áo giản dị, đôi dép lốp  
đã cũ mòn. Đối với một vị Chủ tịch nước thì cuộc sống giản  
dị của Người đã trở thành một điều đặc biệt thu hút sự chú  
ý và khâm phục của nhiều người đặc biệt là những người  
nước ngoài. "Sự giản dị trong cách ăn mặc và cách sống của  
Người có tính chất thần thoại" <sup>(1)</sup>. "Thiên thần thoại của Cụ  
là ở một cuộc sống giản dị và khiêm tốn" <sup>(2)</sup>. "Vinh quang  
đến tột đỉnh nhưng con người Cụ vẫn như trước kia nghĩa  
là vẫn ghét xa hoa, hào nhoáng, vẫn giản dị về ăn mặc cũng  
như trong tác phong sinh hoạt. Khi Cụ để cho các em học  
sinh vuốt râu mình lúc đến thăm trường hoặc khi Cụ đi đôi  
dép bằng lốp cao su thì đều không có gì là mị dân hoặc giả  
tạo cả" <sup>(3)</sup>.

---

(1) Báo *Chiến sĩ* (Angiêri); trích *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, tập 3.

(2) Báo *Tin tức* (Ai Cập); trích *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, tập 3.

(3) Báo *Bằng chứng Thiên chúa giáo* (Pháp); như trên.

Từ sau cách mạng, trên cương vị Chủ tịch nước nhưng đời sống vật chất của Bác vẫn hết sức giản dị và không khác gì bao nhiêu với mọi người. Những ngày đầu Cách mạng tháng Tám, thời kỳ kháng chiến chống Pháp, cũng như những năm sống ở thủ đô, Bác luôn thực hiện đúng như lời thơ:

*Sống quen thanh đạm nhẹ người*

*Việc làm thảng rộng ngày dài ung dung.*

"Tự cung thanh đạm tinh thần sáng" là một phương châm, một triết lý sâu sắc về sự sống. Bác chỉ rõ giữa cuộc sống vật chất và đời sống tinh thần của mỗi người luôn có những quan hệ gắn bó. Với điều kiện sống quá khổ cực trước kia trong cảnh tù đày, Bác đã lấy ý chí và tinh thần vượt lên, khắc phục những gian khổ về vật chất: "Vật chất tuy đau khổ, Không nao núng tinh thần". Và trong hoàn cảnh sống có đầy đủ hơn sau này, Bác vẫn giữ cuộc sống thanh đạm, vẫn giữ vững sự trong sáng, thanh khiết và cao đẹp của tâm hồn, không để cho đời sống tinh thần bị lệ thuộc vào nhu cầu vật chất và từ đó lệ thuộc vào nhiều yêu cầu khác. Bác quan niệm sống là để phục vụ và luôn phê phán mọi thứ triết lý nhân tâm hưởng thụ của giai cấp thống trị. Bác luôn tôn trọng sức lao động của con người và những của cải vật chất do xã hội lao động vất vả để tạo ra, do đó Bác có ý thức giữ gìn mọi vật dụng, tránh sự lãng phí xa hoa không cần thiết. Đôi dép lốp đã cũ mòn nhưng vẫn được Bác sử dụng, tấm áo bông có chỗ đã sờn nhưng Bác vẫn giữ gìn để mặc vì đồng bào còn nhiều người cần áo ấm. Quan niệm mình vì mọi người một cách ân cần như thế thật cao quý biết bao. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói về đạo đức cao thượng này của Bác một cách thâm thía và sâu sắc:

"Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế

nào mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống. Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn Bác không để rơi vãi một hột cơm, ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và còn lại thì được sắp xếp tươm tất. Ở việc làm nhỏ đó chúng ta cũng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ".

... Nhưng chớ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối sống nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật. Bác Hồ sống đời sống giản dị thanh bạch như vậy, bởi vì Người sống sôi nổi phong phú đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân. Đời sống vật chất giản dị càng hoà hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất".

Cách suy nghĩ và phân tích trên về phẩm chất giản dị của Bác thật thuyết phục và sâu sắc. Phẩm chất cao đẹp này ở Bác bộc lộ rõ ý thức và quan điểm của giai cấp vô sản trên những vấn đề cụ thể của đời sống.

Bước vào những năm cuối cùng của cuộc đời, Bác luôn kiên trì đấu tranh chống lại bệnh tật. Bác thường xuyên rèn luyện cơ thể, và kiên cự tất cả những gì có thể ảnh hưởng đến sức khỏe - "Thuốc kiêng rượu cứ đã ba năm. Không bệnh là tiên sướng tuyệt trần". Bác có thói quen hút thuốc lá và thỉnh thoảng dùng một chén rượu nhỏ trước lúc ăn cơm. Ở vào tình trạng nào đấy của cơ thể, những thức trên lại không có lợi cho sức khỏe. Chuyện kiêng cử những cái nhỏ không phải bao giờ cũng dễ dàng, Bác Hồ đã khắc phục có hiệu quả những thói quen trên. Bác nói đến rượu hai lần trong thơ, nhưng có lẽ chỉ ở bài thơ trên thì mới là thứ rượu thật

của cuộc đời. Thơ với rượu vốn có nhiều duyên nợ trong thơ cổ phương Đông. Nhiều nhà thơ không say thật trong đời nhưng lại say trong thơ. Cũng có thể vì để thể hiện sự "phong lưu" của người quân tử mà thơ và rượu hay đi với nhau trong công thức "cầm kỳ thi tửu". Và quan trọng hơn là khi say sưa nhà thơ có thể mượn chén để phản ứng lại cuộc đời, hoặc thoát ly nhập mộng, hoặc nói năng phóng khoáng theo cách nửa tỉnh nửa say. Do đó giữa chén rượu trong đời sống và chén rượu trong thi ca vẫn có sự khác biệt. Bác Hồ nhắc tới rượu trong thơ với một dụng ý khác. Có khi là để nói đến niềm vui mừng thắng lợi:

*Bao giờ kháng chiến thành công  
Chúng ta cùng uống một chung rượu đào*

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp có lần Bác viết:

*Bàn việc canh chầy mới tạm ngơi  
Gió mưa thu báo lạnh thu rồi  
Còi thu đã rúc vang từng núi  
Du kích về thôn rượu chứa vui*

Bài thơ pha lẫn phong vị cổ điển và hiện đại, hình ảnh thật của cuộc đời và biểu tượng thi ca. Câu kết của bài thơ không miêu tả một cảnh có thực mà là một thủ pháp nghệ thuật nhằm nói lên tinh thần ung dung, chủ động của người lãnh đạo nắm chắc phần thắng trong tay và thế trận của quân ta thắng lợi quá nhanh chóng đến mức du kích chiến thắng trở về "mà cuộc rượu" chứa vui. Chén rượu trong thơ Bác thường được sử dụng linh hoạt để phục vụ cho một dụng ý lớn. Không có chuyện say sưa, ngâm thơ, uống rượu theo thói quen của một số nhà thơ cổ. Ý chí chiến đấu kiên cường, tâm hồn cao đẹp và phong cách sống giản dị của Người không

chấp nhận sự ngậm ngùi thù tạc trong thơ cũng như trong cuộc đời.

Bài thơ của Bác kết thúc bằng một niềm vui lớn. Tình cảm riêng của Bác hoà vào niềm vui chung. Bác thấy trẻ ra, cuộc đời và tạo vật cũng trẻ ra.

*Thuốc kiêng rượu cứ đã ba năm  
Không bệnh là tiên sướng tuyệt trần  
Mừng thấy miền Nam luôn thắng lớn  
Một năm là cả bốn mùa xuân.*

Năm nay kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh của Người giữa lúc quân dân miền Nam như bão tràn sóng dậy đã giành được những thắng lợi có tầm lịch sử vô cùng lớn lao và đã quét sạch những hang ổ cuối cùng của Mỹ - nguy, giải phóng Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, và toàn bộ miền Nam của đất nước. Đó là bản anh hùng ca tuyệt vời vô giá để dâng sinh nhật Bác của chúng ta.

Những bài thơ của Bác viết về tuổi thọ là những bài thơ tâm tình. Ở đây, hơn những sáng tác nào hết, ta bắt gặp cuộc đời riêng của Bác, nhưng rồi Bác đâu có gì dành cho riêng mình. Bác là "vị anh hùng không nghĩ tới mình" <sup>(1)</sup>, "một con người xa lạ với mọi chủ nghĩa cá nhân" <sup>(2)</sup>. Cũng vì thế đến với cái riêng, ta lại gặp lại tâm lòng chung. Đó là những suy nghĩ có ý nghĩa đúc kết sâu sắc về thời gian, sự sống, những quan niệm cách mạng về nhân sinh, những bài học lớn và gần gũi đối với mọi người.

(*Tạp chí Văn học*, số 3. 1975)

---

(1) *Bờ-séc, nhà báo Úc. Trích theo Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch.*

(2) *Báo Chiến sĩ (Angiêri), như trên.*



## MỤC LỤC

|      |                       |                                                                                          |     |
|------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| •    | <i>Lời giới thiệu</i> |                                                                                          | 5   |
| 1 -  | XUÂN DIỆU             | Yêu thơ Bác                                                                              | 7   |
| 2 -  | HOÀNG TRUNG THÔNG     | Bác Hồ làm thơ và thơ của Bác                                                            | 29  |
| 3 -  | HOÀI THANH            | Nói chuyện thơ Bác                                                                       | 65  |
| 4 -  | LƯU TRỌNG LƯ          | Đọc thơ Bác                                                                              | 97  |
| 5 -  | HÀ MINH ĐỨC           | "Không có gì quý hơn độc lập tự do"<br>tư tưởng lớn và cảm hứng chủ đạo<br>trong thơ Bác | 117 |
| 6 -  | NGUYỄN ĐĂNG MẠNH      | Bác sống như trời đất của ta                                                             | 158 |
| 7 -  | HOÀNG XUÂN NHỊ        | Tìm hiểu tinh Đảng<br>trong thơ Hồ Chủ tịch                                              | 201 |
| 8 -  | ĐINH XUÂN DŨNG        | Tìm thêm một vẻ đẹp<br>trong thơ của Bác Hồ                                              | 229 |
| 9 -  | TRẦN HUY LIỆU         | Đọc tập thơ "Nhật ký trong tù"<br>của Hồ Chủ tịch                                        | 247 |
| 10 - | LÊ ĐÌNH KÝ            | Thơ Bác                                                                                  | 267 |
| 11-  | HOÀNG XUÂN NHỊ        | Những bài thơ đặc biệt hay<br>trong thơ Hồ Chủ tịch                                      | 283 |
| 12-  | LÊ XUÂN ĐỨC           | Ngày xuân đọc lại bài thơ<br>"Học dịch kỹ" của Bác Hồ                                    | 309 |
| 13-  | LÊ XUÂN ĐỨC           | Bài thơ <i>Đề từ</i>                                                                     | 315 |
| 14-  | MÃ GIANG LÂN          | <i>Giải đi sớm</i>                                                                       | 323 |
| 15-  | MÃ GIANG LÂN          | <i>Chiều tối</i>                                                                         | 329 |
| 16-  | MÃ GIANG LÂN          | <i>Cảnh chiều hôm</i>                                                                    | 334 |
| 17-  | MÃ GIANG LÂN          | <i>Mời ra tù tập leo núi</i>                                                             | 339 |
| 18-  | LÊ TRÍ VIỄN           | <i>Ngắm trăng</i>                                                                        | 343 |
| 19-  | ĐỖ KIM HỒI            | <i>Tứ cá nguyệt liêu</i> - Bài thơ chứa đựng<br>chân lý sâu xa về giá trị con người      | 353 |

|      |                  |                                                                         |     |
|------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----|
| 20-  | NGUYỄN CÔNG KHAI | <i>Thuy bất trước (Không ngủ được)</i>                                  | 368 |
| 21-  | CHẾ LAN VIÊN     | Thử phân tích bài thơ bốn câu của Bác ( <i>Tức cảnh Pác Bó</i> )        | 382 |
| 22-  | MÃ GIANG LÂN     | <i>Rằm tháng giêng</i>                                                  | 388 |
| 23-  | DUY LẬP          | Thử vận dụng ký hiệu học vào việc phân tích một bài thơ của Hồ Chủ tịch | 393 |
| 24-  | NGUYỄN SĨ ĐẠI    | Bài thơ <i>Báo tiếp</i>                                                 | 401 |
| 25-  | LÊ XUÂN ĐỨC      | Bài thơ chúc tết kháng chiến của Bác Hồ                                 | 405 |
| 26-  | LÊ XUÂN ĐỨC      | Về bài thơ <i>Thu dạ</i> của Bác Hồ                                     | 411 |
| 27-  | TRƯƠNG KHUÊ BÍCH | Tìm hiểu bài thơ <i>Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ</i> của Bác Hồ   | 418 |
| 28 - | CHẾ LAN VIÊN     | Bỗng nghe vắn "thắng" vút lên cao                                       | 425 |
| 29 - | HÀ MINH ĐỨC      | "Bắc Nam xum họp xuân nào vui hơn"                                      | 436 |
| 30 - | HỒ TUẤN NIÊM     | Đọc một số thơ ca của Hồ Chủ tịch từ sau cách mạng tháng Tám            | 449 |
| 31 - | HÀ MINH ĐỨC      | Những bài thơ của Bác viết về tuổi thọ.                                 | 466 |

THƠ  
HỒ  
CHÍ  
MINH  
VÀ  
LỜI BÌNH

PHÁT HÀNH TẠI



**NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY**

32 Bà Triệu - Hà Nội. ĐT: 9 348484 - Fax: 8251374  
466 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội. ĐT: 7733041